

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6088/BTC-CST
V/v xin ý kiến thẩm định về đề
nghị xây dựng dự án Luật thuế
giá trị gia tăng (sửa đổi).

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Căn cứ Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; Thông báo số 1486/TB-TTKQH ngày 27/9/2022 của Tổng thư ký Quốc hội, Quốc hội khóa XV về việc Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Chính phủ, các cơ quan khẩn trương chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết theo quy định trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định đưa vào Chương trình, đặc biệt là đối với những dự án dự kiến đưa vào Chương trình năm 2022, năm 2023.

Căn cứ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) (sửa đổi) gồm dự thảo Tờ trình Chính phủ, Đề cương dự thảo Luật, Báo cáo đánh giá tác động, Báo cáo tổng kết, thi hành Luật thuế GTGT; và gửi các Bộ, ngành, địa phương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và đăng dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi của tổ chức, cá nhân (công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023).

Đến nay, Bộ Tài chính đã nhận được 77 văn bản tham gia ý kiến. Thời gian đăng tải ý kiến đã trên 30 ngày. Bộ Tài chính đã nghiên cứu tiếp thu và giải trình đầy đủ các ý kiến đóng góp, tham gia để hoàn thiện đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi).

Để kịp thời gian trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, Bộ Tài chính đề nghị Bộ Tư pháp sớm có ý kiến thẩm định về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi) (gửi kèm) gồm:

- Dự thảo Tờ trình Chính phủ;
- Đề cương Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi);
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân về lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi);

- Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế GTGT;
- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.

Bộ Tài chính trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý Bộ. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Lê Minh Khải (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TCT, TCHQ, Vụ PC;
- Lưu: VT, CST (P2). (08) 15/11

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã có Báo cáo số 265/BC-CP ngày 09/8/2022 gửi UBTVQH về Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15, trong đó có Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) (sửa đổi).

Tổng thư ký Quốc hội, Quốc hội khóa XV đã có Thông báo số 2186/TB-TTKQH ngày 14/4/2023 thông báo Kết luận của UBTVQH về dự kiến Chương trình xây dựng pháp luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh Chương trình xây dựng pháp luật, pháp lệnh năm 2023. Theo đó, UBTVQH "Đề nghị Chính phủ khẩn trương chỉ đạo nghiên cứu, rà soát để đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật thuế GTGT, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp đưa vào Chương trình năm 2023, năm 2024, kịp thời thể chế hóa Nghị quyết số 07/NQ-TW của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại Ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, đáp ứng yêu cầu thực tiễn".

Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế GTGT, thu thập kinh nghiệm quốc tế; chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng Luật thuế GTGT (sửa đổi) theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; gửi xin ý kiến các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, lấy ý kiến rộng rãi tổ chức, cá nhân có liên quan trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính và tổng hợp, giải trình ý kiến tham gia; xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và tổng hợp, giải trình ý kiến thẩm định đề trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Bộ Tài chính xin trình Chính phủ đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT THUẾ GTGT (SỬA ĐỔI)

1. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước

Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 được thông qua ngày 03/6/2008 tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội Khoá XII có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 để thay thế cho Luật thuế GTGT năm 1997 và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT năm 2003, năm 2005. Luật thuế GTGT đã qua 03 lần sửa đổi, bổ sung vào năm 2013, 2014 và năm 2016 để xử lý các bất cập phát sinh trong thực tiễn và phù hợp với yêu cầu quản lý thuế trong từng giai đoạn¹.

- Ngày 18/11/2016, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN), quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững trong đó nhấn mạnh việc tập trung *“Hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu NSNN theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế...”*.

- Tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030 và Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025, Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng cộng sản Việt Nam đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội về thuế, phí như sau:

“Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế và áp dụng mức thuế suất hợp lý, hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho NSNN, đồng thời góp phần thiết lập môi trường cạnh tranh phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển của nền kinh tế”.

“Sửa đổi hệ thống luật và chính sách thuế, phí, lệ phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh của môi trường đầu tư. Mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính công bằng, trung lập của chính sách thuế; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ các thủ tục nộp thuế, phí của người dân và doanh nghiệp”.

- Tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai

¹ Luật số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2014; Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015; Luật số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2016.

đoạn 2021 – 2025 đưa ra nhiệm vụ và giải pháp thực hiện như sau: “Thực hiện các giải pháp khả thi để đạt tỷ lệ huy động cao hơn vào ngân sách nhà nước, khai thác các dự địa thu, mở rộng và chống xói mòn cơ sở thuế, đẩy mạnh chống thất thu, phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế dưới 5% tổng thu NSNN. Khẩn trương sửa đổi, hoàn thiện một số luật thuế, nhất là Luật thuế GTGT, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt... Chú trọng các nguồn thu từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản để tránh thất thoát. Hạn chế việc lồng ghép các chính sách xã hội trong pháp luật về thuế. Rà soát, hoàn thiện các quy định ưu đãi thuế để tránh thất thu, bảo đảm minh bạch, công bằng, khả thi, phù hợp với xu thế phát triển và thông lệ quốc tế”.

- Điều b, khoản 1, mục II, Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, trong đó đối với thuế GTGT: “Mở rộng cơ sở thuế thông qua giảm nhóm hàng hóa dịch vụ không chịu thuế GTGT và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%; tiến tới cơ bản áp dụng một mức thuế suất; nghiên cứu tăng thuế suất thuế GTGT theo lộ trình; rà soát điều chỉnh ngưỡng doanh thu áp dụng phương pháp khấu trừ cho phù hợp với thực tế; nghiên cứu áp dụng thống nhất phương pháp tính thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu đối với người nộp thuế có doanh thu dưới ngưỡng hoặc không đủ điều kiện áp dụng phương pháp khấu trừ; hoàn thiện các quy định liên quan đến thuế GTGT đối với hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu, đảm bảo phản ánh đúng bản chất và phù hợp thông lệ quốc tế. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định về khấu trừ thuế, hoàn thuế GTGT theo hướng đơn giản, minh bạch và đồng bộ với các quy định của pháp luật có liên quan”.

2. Đáp ứng những yêu cầu từ thực tiễn phát sinh

Các nội dung sửa đổi, bổ sung Luật thuế GTGT trong thời gian qua đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt của đời sống kinh tế - xã hội như góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô; hỗ trợ phát triển, nâng cao chất lượng sản xuất công nghiệp theo hướng chế biến sâu, nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại, khuyến khích đầu tư sản xuất kinh doanh, thúc đẩy xuất khẩu; khuyến khích doanh nghiệp tăng cường quản trị kinh doanh, phòng ngừa các hành vi lợi dụng chính sách hoàn thuế GTGT; tháo gỡ khó khăn, khuyến khích doanh nghiệp, cá nhân và tổ chức khác đầu tư, sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững; đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế, ổn định nguồn thu NSNN. Tuy nhiên, với tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay và xu hướng phát triển thời gian tới, chính sách thuế GTGT hiện hành đã phát sinh một số hạn chế nhất định cần tiếp tục được nghiên cứu hoàn thiện để phát huy hơn nữa vai trò của thuế GTGT. Các nội dung cần nghiên cứu sửa đổi như: Cần thu hẹp đối tượng không chịu thuế GTGT; Nghiên cứu sửa đổi mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT cho phù hợp với thực tế; Thu hẹp đối tượng chịu thuế GTGT thuế suất 5% theo định hướng nêu tại Chiến lược cải cách hệ

thống thuế; Nghiên cứu điều chỉnh tăng mức thuế suất phổ thông (10%) cho phù hợp trong quá trình chuyển đổi, tái cơ cấu nền kinh tế; Nghiên cứu sửa đổi quy định về giá tính thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh bất động sản cho minh bạch, thống nhất cách hiểu giữa người nộp thuế và cơ quan thuế; Sửa đổi quy định về khấu trừ thuế GTGT đầu vào để tăng cường ngăn chặn gian lận trong khấu trừ, hoàn thuế GTGT, chống thất thu ngân sách; Tiếp tục sửa đổi một số thủ tục hoàn thuế để tạo điều kiện hơn nữa cho doanh nghiệp đầu tư, đổi mới công nghệ thông qua đó tăng năng suất lao động, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Những vấn đề cần nghiên cứu sửa đổi nêu trên là yêu cầu của thực tiễn cần phải sửa đổi, bổ sung Luật thuế GTGT để giải quyết những bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện nhằm đáp ứng với yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội và quản lý thuế, phù hợp với mục tiêu cải cách thủ tục hành chính nhằm tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hỗ trợ sản xuất kinh doanh phát triển.

(Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế GTGT trình kèm)

3. Phù hợp xu hướng cải cách thuế GTGT của các nước

Xu hướng cải cách thuế của các nước phát triển và các nước đang phát triển đều thực hiện cơ cấu lại thu NSNN theo hướng tăng cường nguồn thu từ thuế gián thu, cụ thể để tăng nguồn thu bù đắp cho nguồn thu giảm do giảm thuế nhập khẩu, thuế thu nhập, các nước có xu hướng chuyển hướng tăng thu từ thuế tiêu dùng (thuế GTGT và thuế tiêu thụ đặc biệt), mở rộng cơ sở thuế thông qua giải pháp thu hẹp đối tượng không chịu thuế GTGT và đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT ưu đãi; điều chỉnh tăng mức thuế suất phổ thông. Đồng thời, sửa đổi quy định về thuế suất 0% đối với dịch vụ xuất khẩu để phù hợp với thông lệ quốc tế.

Từ các cơ sở lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế cho thấy việc xây dựng dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi) là cần thiết.

II. QUÁ TRÌNH ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Thực hiện các định hướng của Đảng và Nhà nước, các chỉ đạo của các cấp về xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV nêu trên, trong đó có Luật thuế GTGT, Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi) như sau:

- Ngày 23/02/2023, Bộ Tài chính đã có công văn số 1660/BTC-CST đề nghị góp ý dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi) lấy ý kiến các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó có 04 Bộ bắt buộc phải lấy ý kiến theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) gồm: Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao và Bộ Nội vụ, đồng thời, đăng tải dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi) trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân.

- Bộ Tài chính đã nhận được 77 văn bản tham gia ý kiến. Về cơ bản các ý kiến đánh giá cao việc chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật, phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Ngày .../.../2023, Bộ Tài chính đã có công văn số .../BTC-CST gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi).

- Ngày .../.../2023, Bộ Tư pháp đã tổ chức cuộc họp Hội đồng thẩm định và đã có Báo cáo số .../BCTĐ-BTP ngày .../.../2023 thẩm định đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi). Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và chỉnh lý hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật này.

III. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT THUẾ GTGT (SỬA ĐỔI)

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

- Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030.

- Kịp thời tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, khơi thông, phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Phù hợp xu hướng cải cách thuế của quốc tế.

- Đảm bảo ổn định nguồn thu NSNN.

b) Mục tiêu cụ thể

- Mở rộng cơ sở thu thuế; nghiên cứu sửa đổi một số quy định để chống gian lận và chống thất thu thuế GTGT, đảm bảo thu đúng thu đủ vào NSNN.

- Sửa đổi bất cập trong quy định hiện hành để bảo đảm tính minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện Luật.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng luật

a) Việc xây dựng dự án Luật nhằm thực hiện đúng các chủ trương của Đảng, Nhà nước đã nêu tại các Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội, Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Luật hoá những vấn đề đã rõ, đã được thực tế kiểm nghiệm, rà soát, xác định rõ những nội dung, phạm vi vấn đề cần sửa đổi, bổ sung để khắc phục được khó khăn, vướng mắc phát sinh.

c) Bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

d) Kế thừa và phát huy những quy định đã mang lại tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của Luật thuế GTGT hiện hành; những nội dung cần sửa đổi, bổ sung phải có quy định rõ ràng, minh bạch, có đánh giá tác động cụ thể.

đ) Đảm bảo mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với xu hướng phát triển.

IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ ÁN LUẬT THUẾ GTGT (SỬA ĐỔI)

1. Phạm vi điều chỉnh

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung các nội dung quy định tại 08 Điều của Luật thuế GTGT hiện hành gồm: người nộp thuế (Điều 4); đối tượng không chịu thuế (Điều 5); giá tính thuế (Điều 7); thuế suất (Điều 8); khấu trừ thuế GTGT đầu vào (Điều 12); các trường hợp hoàn thuế (Điều 13); hiệu lực thi hành (Điều 15), tổ chức thực hiện (Điều 16).

2. Về tên gọi của dự án Luật

Với phạm vi điều chỉnh như nêu trên, dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi) sẽ sửa đổi, bổ sung 08 điều trên tổng số 16 điều (chiếm 50% tổng số điều). Căn cứ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho phép xây dựng dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi) thay thế Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12, Luật số 31/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Điều 3 Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và Điều 1 Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế.

3. Đối tượng áp dụng

- Người nộp thuế là tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT và nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT.

- Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

V. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT THUẾ GTGT (SỬA ĐỔI)

- Đề cương dự thảo Luật được xây dựng theo 03 nhóm: (1) các nội dung chính sách đã được quy định tại Luật hiện hành không sửa đổi, bổ

sung; (2) các nội dung chính sách đã được quy định tại Luật hiện hành nhưng có sửa đổi, bổ sung và (3) các chính sách được bổ sung mới so với quy định của Luật hiện hành.

- Các mục tiêu, nội dung của chính sách đề nghị sửa đổi, bổ sung và giải pháp thực hiện chính sách trong dự án Luật như sau:

1. Chính sách 1: Hoàn thiện quy định về người nộp thuế GTGT

1.1. Mục tiêu của chính sách

Đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

1.2. Nội dung của chính sách

Sửa đổi quy định về người nộp thuế cho phù hợp với pháp luật về doanh nghiệp và đồng bộ với pháp luật quản lý thuế.

1.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã lựa chọn và lý do lựa chọn chính sách

Bổ sung quy định hộ kinh doanh là người nộp thuế.

Lý do lựa chọn giải pháp

Pháp luật về doanh nghiệp (Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp) có quy định: “*Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ*”.

Luật quản lý thuế quy định người nộp thuế bao gồm tổ chức, hộ kinh doanh,... Tuy nhiên, tại Luật thuế GTGT chưa có quy định cụ thể về người nộp thuế là hộ kinh doanh. Theo đó, cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định này tại Luật để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

2. Chính sách 2: Hoàn thiện các quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT

2.1. Mục tiêu của chính sách

- Mở rộng cơ sở thuế thông qua việc giảm bớt số lượng nhóm hàng hóa, dịch vụ đang thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

- Tháo gỡ khó khăn cho sản xuất trong nước, bảo đảm hàng hóa sản xuất trong nước cạnh tranh bình đẳng với hàng hóa nhập khẩu cùng loại.

- Nội dung chính sách được quy định minh bạch rõ ràng, cải cách thủ tục hành chính.

- Đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

2.2. Nội dung của chính sách

- Sửa đổi quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT theo hướng quy định cụ thể hơn để đảm bảo khả thi khi thực hiện.
- Sửa đổi quy định một số hàng hóa, dịch vụ đang thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT sang đối tượng chịu thuế 5% hoặc 10%.
- Sửa đổi, bổ sung quy định đối với một số hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT để đồng bộ với quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật chứng khoán, Luật trồng trọt, Luật báo chí.
- Bổ sung một số hàng hóa, dịch vụ vào đối tượng không chịu thuế GTGT.

2.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã lựa chọn và lý do lựa chọn chính sách

- **Giải pháp 1:** Quy định mặt hàng phân bón, tàu đánh bắt xa bờ và một số loại máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 5%.

Ngoài ra, quy định các loại máy móc, thiết bị vừa phục vụ cho sản xuất nông nghiệp vừa có thể dùng vào nhiều mục đích khác nhau từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang đối tượng chịu thuế GTGT áp dụng thuế suất thuế GTGT 10%.

Lý do lựa chọn giải pháp

Thực tiễn phát sinh vướng mắc, một số doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp (như: phân bón; máy móc, thiết bị chuyên dùng cho nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ;...) thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT gặp khó khăn do không được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả hoạt động đầu tư, mua sắm tài sản cố định (TSCĐ) phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh) mà phải tính vào chi phí sản phẩm, khiến giá thành tăng và lợi nhuận giảm; bất lợi trong cạnh tranh với hàng hóa nhập khẩu cùng loại. Do không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nên không khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, mua sắm, sửa chữa, nâng cấp TSCĐ để tạo ra sản phẩm chất lượng cao. Do vậy, cần thiết sửa đổi chính sách thuế GTGT đối với các mặt hàng này cho phù hợp.

- **Giải pháp 2:** Quy định dịch vụ “nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp” từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang đối tượng áp dụng thuế suất GTGT 5%.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định dịch vụ “nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT và dịch vụ “nạo vét kênh, mương khác phục vụ sản xuất nông

nghiệp” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 5%. Qua tổng kết đánh giá tình hình thực hiện cho thấy phát sinh vướng mắc trong việc xác định phạm vi của 02 dịch vụ này. Do vậy, để thống nhất trong thực hiện, cần thiết sửa đổi quy định áp dụng chính sách thuế GTGT thống nhất đối với cả 02 dịch vụ này.

- **Giải pháp 3:** Quy định “dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và In-ter-net phổ cập, dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng” từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất GTGT 10%.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định một số nhóm dịch vụ công ích (như: dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và In-ter-net phổ cập, dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng;...) thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, quá trình toàn cầu hoá và xã hội hoá đang diễn ra phổ biến và nhiều lĩnh vực dịch vụ công ích đang có xu hướng chuyển sang xã hội hóa ngày càng nhiều. Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều đã tham gia cung cấp các nhóm dịch vụ công nêu trên. Việc quy định các dịch vụ công đã được xã hội hóa thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT cho thấy không còn phù hợp vì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT nên thuế GTGT đầu vào của số vốn đầu tư đưa vào kinh doanh dịch vụ sẽ không được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào. Theo đó, để khắc phục bất cập này, cần thiết sửa đổi cho phù hợp.

- **Giải pháp 4:** Quy định các khoản phí tại Hợp đồng vay vốn của Chính phủ Việt Nam với Bên cho vay nước ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định dịch vụ cấp tín dụng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT². Trong các thỏa thuận vay vốn nước ngoài mà Nhà nước/Chính phủ Việt Nam là Bên đi vay, ngoài lãi tiền vay phải trả cho Bên cho vay, Bên đi vay còn phải trả nhiều loại phí khác nhau như các phí quản lý, phí cam kết, phí đầu cuối, phí dịch vụ, phí thanh khoản,... Theo Bên cho vay thì các khoản phí này đều nằm trong thỏa thuận vay liên quan đến việc cấp tín dụng (cho vay) và thuộc đối tượng không chịu thuế.

Trên thực tế Bên cho vay nước ngoài (bao gồm cả các tổ chức trực thuộc Chính phủ nước ngoài và các ngân hàng thương mại được Chính phủ nước ngoài chỉ định là Bên cho vay) khi cho Chính phủ Việt Nam vay đều đề nghị được nhận đầy đủ các khoản thanh toán từ Chính phủ Việt Nam mà không bị khấu trừ. Để phù hợp với thực tế phát sinh, phù hợp với nguyên tắc

² Dịch vụ cấp tín dụng bao gồm: cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác; bảo lãnh; cho thuê tài chính; phát hành thẻ tín dụng; bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế; hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật.

của thuế GTGT thì cần quy định rõ khoản phí tại Hợp đồng vay vốn của Chính phủ Việt Nam với Bên cho vay nước ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT để cải cách thủ tục hành chính.

- **Giải pháp 5:** Sửa đổi quy định “sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên” tại khoản 23 Điều 5 thành quy định ban hành *Danh mục về sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác và Danh mục về sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác* thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm hàng hóa mà tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên theo dự án đầu tư” không được hoàn thuế GTGT.

Trong quá trình triển khai thực hiện đã phát sinh vướng mắc trong việc xác định sản phẩm xuất khẩu đã chế biến thành sản phẩm khác hay chưa chế biến thành sản phẩm khác³ cũng như vướng mắc xác định mức tỷ lệ 51%⁴. Do vậy, cần sửa đổi quy định này tại Luật cho phù hợp.

- **Giải pháp 6:** Sửa đổi quy định “Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội” thành “hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng toàn bộ vốn đóng góp của tổ chức, cá nhân. vốn viện trợ

³ Nhiều sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản rất khó xác định đã được chế biến thành sản phẩm khác hay chưa, ví dụ: Mặt hàng đá qua công đoạn cắt, sê hoặc nghiền nhưng có quy trình chế biến khác nhau hoặc qua công nghệ chế biến khác nhau tạo ra sản phẩm khác nhưng tên gọi vẫn là mặt hàng đá (đá ốp lát, bột đá siêu mịn, bột đá có tráng phủ axit,...) hoặc những sản phẩm đã qua chế biến để nâng cao hàm lượng nhưng tùy từng sản phẩm, tùy từng quy định chế biến mà các cơ quan chuyên ngành xác định là sản phẩm đã chế biến thành sản phẩm khác hoặc chưa chế biến thành sản phẩm khác (vì mức độ nâng cao hàm lượng khác nhau).

⁴ Cùng một loại sản phẩm xuất khẩu nhưng có doanh nghiệp được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% (tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm dưới 51% giá thành sản phẩm), có doanh nghiệp không được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% mà thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT (tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên). Bên cạnh đó, do có sự biến động về giá cả tài nguyên, khoáng sản trên thị trường nên cùng một sản phẩm của cùng một doanh nghiệp nhưng có lúc tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản, năng lượng là từ 51% trở lên và có lúc là dưới 51% dẫn đến cùng một sản phẩm xuất khẩu có lúc thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, có lúc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thuế suất 0%.

nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Duy tu, sửa chữa, xây dựng hằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Thực tế việc duy tu, sửa chữa các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội ngoài tiền đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo thì còn có nguồn vốn khác. Để phù hợp thực tiễn, tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định: *Đối với hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng các công trình quy định tại khoản 12 Điều 5 Luật thuế giá trị gia tăng nếu có sử dụng nguồn vốn khác ngoài nguồn vốn đóng góp của nhân dân (bao gồm cả vốn đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân), vốn viện trợ nhân đạo mà nguồn vốn khác không vượt quá 50% tổng số vốn sử dụng cho công trình thì đối tượng không chịu thuế là toàn bộ giá trị công trình.* Tuy nhiên, quy định này vẫn phát sinh vướng mắc trong việc xác định tỷ lệ 50%, nhiều công trình đã tránh thuế bằng cách khai tăng tỷ lệ đóng góp của nhân dân để được hưởng đối tượng không chịu thuế GTGT. Vì vậy, cần thiết phải sửa đổi quy định cụ thể về tỷ lệ đóng góp của nhân dân.

- ***Giải pháp 7:*** Bổ sung quy định “*Dịch vụ đi kèm dạy học, dạy nghề*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT và giao Chính phủ quy định cụ thể tên các dịch vụ đi kèm.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Thực tế, nhiều trường học tổ chức ăn bán trú, tổ chức đưa đón học sinh, trẻ mầm non hoặc tổ chức cho học sinh, sinh viên, học viên ở nội trú. Để khuyến khích các hoạt động này và giảm chi phí cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên cần quy định dịch vụ đi kèm hoạt động dạy học, dạy nghề cũng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT và giao Chính phủ quy định chi tiết các dịch vụ này để hỗ trợ trẻ mầm non, học sinh, sinh viên, học viên khi tham gia học tập, học nghề.

- ***Giải pháp 8:*** Bổ sung “*Hàng hóa nhập khẩu để ủng hộ, tài trợ nhằm khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, chiến tranh*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Hàng hóa nhập khẩu trong*

trường hợp viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Thời gian qua đã phát sinh trường hợp một số doanh nghiệp trong nước thực hiện nhập khẩu máy thở, áo choàng chống dịch Covid,... để ủng hộ, tài trợ cho các cơ quan, tổ chức phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19, khoản ủng hộ, tài trợ này chưa được xác định là viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại tại các văn bản quy phạm pháp luật để áp dụng đối tượng không chịu thuế GTGT. Khoản ủng hộ, tài trợ và hàng hóa doanh nghiệp trong nước trực tiếp hoặc ủy thác nhập khẩu cũng cần khuyến khích để doanh nghiệp chung tay đóng góp, khắc phục khó khăn do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, chiến tranh vì mục đích nhân đạo như khoản viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của tổ chức, cá nhân.

- **Giải pháp 9:** Sửa đổi quy định rõ “Sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “Phần mềm máy tính” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Để tránh vướng mắc, tại văn bản dưới Luật đã có quy định “Phần mềm máy tính bao gồm sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Vì vậy, cần sửa đổi quy định rõ tại Luật.

- **Giải pháp 10:** Sửa đổi quy định rõ mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT của hộ, cá nhân kinh doanh theo mức biến động của lạm phát.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm triệu đồng trở xuống” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, quy định này đã được áp dụng từ năm 2014. Theo đó, việc điều chỉnh mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh cho phù hợp với mức biến động của giá cả là cần thiết trong bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay.

- **Giải pháp 11:** Bổ sung quy định “Hàng hóa nhập khẩu của công ty cho thuê tài chính để cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thuê tài chính” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Lý do lựa chọn giải pháp

Theo quy định của Luật thuế GTGT hiện hành, hàng hóa từ nước ngoài đưa vào khu phi thuế quan thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT; hàng hóa do doanh nghiệp trong nước nhập khẩu sau đó bán vào khu phi thuế quan thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, sau khi xuất khẩu áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% (doanh nghiệp được khấu trừ hoặc hoàn thuế GTGT). Như vậy, Công ty cho thuê tài chính mua máy móc, thiết bị từ nước ngoài về để cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thuê nếu áp dụng thu thuế

GTGT đối với máy móc, thiết bị này và sau chuyển giao sở hữu cho bên thuê tài chính (khi kết thúc hợp đồng) mới áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% thì Công ty cho thuê tài chính trong nước không cạnh tranh được so với Công ty cho thuê tài chính nước ngoài (vì tài sản của Công ty cho thuê tài chính ở nước ngoài được chuyển thẳng vào khu phi thuế quan nên thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT).

Hiệp hội cho thuê tài chính và một số Công ty cho thuê tài chính đã có kiến nghị đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định chính sách thuế GTGT đối với Công ty cho thuê tài chính trực tiếp hoặc ủy thác nhập khẩu máy móc, thiết bị về để cho thuê tài chính thì được áp dụng như đối với trường hợp bên thuê tài chính trực tiếp nhập khẩu.

- **Giải pháp 12:** Bổ sung quy định “Tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng bán tài sản; hàng dự trữ quốc gia do cơ quan dự trữ quốc gia bán; tài sản cô định chuyên dùng của tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng bán; các hoạt động có thu phí, lệ phí của Nhà nước theo pháp luật về phí và lệ phí” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu thuế GTGT*”.

Thực tế nhiều trường hợp tổ chức, cá nhân không kinh doanh bán (thanh lý) tài sản, như văn phòng đại diện không có chức năng kinh doanh của tổ chức nước ngoài kết thúc hoạt động tại Việt Nam; các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước thanh lý tài sản; các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước thu phí, lệ phí theo pháp luật về phí và lệ phí; cơ quan dự trữ bán hàng dự trữ quốc gia; thanh lý tài sản chuyên dùng phục vụ cho hoạt động không chịu thuế GTGT... Những đối tượng này không phải là người nộp thuế GTGT. Để tránh vướng mắc, tại Nghị định quy định hàng hóa do các tổ chức này bán không phải nộp thuế GTGT. Do vậy cần bổ sung quy định này tại Luật.

- **Giải pháp 13:** Bổ sung quy định loại trừ “hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản” ra khỏi “chuyển nhượng vốn thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT”.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Chuyển nhượng vốn bao gồm: chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã đầu tư, kể cả trường hợp bán doanh nghiệp cho doanh nghiệp khác để sản xuất, kinh doanh, chuyển nhượng chứng khoán; hình thức chuyển nhượng vốn khác theo quy định của pháp luật*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Thực tế trong quá trình thực hiện, doanh nghiệp và cơ quan thuế gặp

vướng mắc khi xác định nghĩa vụ thuế đối với hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản. Hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư và bán tài sản thì số vốn đầu tư tại doanh nghiệp chuyển nhượng không thay đổi. Đối với hoạt động chuyển nhượng vốn thì số vốn đầu tư của cá nhân, tổ chức sẽ thay đổi (tài sản của doanh nghiệp không thay đổi). Do vậy, cần thiết phải quy định rõ loại trừ “chuyển nhượng dự án và bán tài sản” ra khỏi trường hợp “chuyển nhượng vốn thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT”.

- **Giải pháp 14:** Bổ sung quy định cụ thể dịch vụ “Bán nợ bao gồm bán khoản phải trả và khoản phải thu của các cơ sở kinh doanh”.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Bán nợ*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Thực tế, các hoạt động mua bán khoản phải trả/khoản phải thu diễn ra ngày càng phổ biến do nhu cầu tái cấu trúc doanh nghiệp. Đặc biệt trong trường hợp mua bán doanh nghiệp bao gồm cả các khoản nợ phải trả các khoản phải thu. Do vậy, cần thiết quy định rõ ràng, tránh vướng mắc trong thực hiện.

- **Giải pháp 15:** Bổ sung vào đối tượng không chịu thuế GTGT đối với tài sản di chuyển theo định mức miễn thuế nhập khẩu.

Lý do lựa chọn giải pháp

Tại khoản 2 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định: *Tài sản di chuyển* thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu.

Theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và các biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì: *Định mức miễn thuế nhập khẩu đối với tài sản di chuyển (gồm đồ dùng vật dụng phục vụ sinh hoạt làm việc đã qua sử dụng hoặc chưa qua sử dụng trừ xe ô tô, xe gắn máy) là 01 cái hoặc 01 bộ đối với mỗi tổ chức hoặc cá nhân.*

Theo đó, để đồng bộ với quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, cần thiết bổ sung tài sản di chuyển theo định mức miễn thuế nhập khẩu vào đối tượng không chịu thuế GTGT.

- **Giải pháp 16:** Bổ sung hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới theo định mức miễn thuế nhập khẩu và trong danh mục thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Lý do lựa chọn giải pháp

Tại khoản 3 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định miễn thuế: *Hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới của cư dân biên giới thuộc Danh mục hàng hóa và trong định mức để phục vụ cho sản xuất, tiêu dùng của cư dân biên giới.*

Trường hợp thu mua, vận chuyển hàng hóa trong định mức nhưng không sử dụng cho sản xuất, tiêu dùng của cư dân biên giới và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân nước ngoài được phép kinh doanh ở chợ biên giới thì phải nộp thuế.

Để khuyến khích hoạt động mua bán trao đổi của cư dân biên giới và tạo điều kiện phát triển kinh tế vùng biên và đồng bộ với quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, cần thiết bổ sung đối tượng không chịu thuế GTGT cho phù hợp.

- **Giải pháp 17:** Bổ sung rõ quy định việc xác định vũ khí, khí tài thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT căn cứ danh mục vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ cho an ninh, quốc phòng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hàng năm hoặc do Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt hàng năm theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định đối tượng không chịu thuế GTGT: "*Vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh*".

Tại Nghị định của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về thuế GTGT quy định: Vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh quy định tại khoản 18 Điều 5 Luật thuế GTGT do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì, thống nhất với Bộ Tài chính quy định cụ thể. Danh mục vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh đang được thực hiện từ năm 2009. Tuy nhiên, việc xây dựng Danh mục mới rất phức tạp, khó khăn do Danh mục vũ khí, khí tài cơ bản Việt Nam chưa sản xuất được, phải nhập khẩu từ nước ngoài và cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, danh mục hàng hóa rất đa dạng, nhiều chủng loại và sẽ liên tục thay đổi phải cập nhật mới.

Hiện nay, hàng năm Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phải xây dựng kế hoạch mua sắm vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ cho quốc phòng, an ninh và kế hoạch này phải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc do Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ. Pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định cơ sở miễn thuế nhập khẩu là căn cứ danh mục mua sắm hàng năm đã được phê duyệt. Do vậy, để phù hợp với thực tế và đảm bảo đồng bộ với pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, cần thiết sửa đổi quy định này cho phù hợp.

- **Giải pháp 18:** Sửa đổi quy định về kinh doanh chứng khoán cho phù hợp với quy định tại Luật chứng khoán.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định: *Kinh doanh chứng khoán bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký chứng khoán; quản lý quỹ*

đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; dịch vụ tổ chức thị trường của sở giao dịch chứng khoán hoặc trung tâm giao dịch chứng khoán; hoạt động kinh doanh chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Tại Điều 42 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 quy định tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán:

“1. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con được tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán cho chứng khoán đủ điều kiện niêm yết...

2. Ngoài Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, không tổ chức, cá nhân nào được phép tổ chức và vận hành thị trường giao dịch chứng khoán.”

Theo quy định trên, chỉ có Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và Công ty con được tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán. Do vậy, cần thiết phải sửa đổi quy định này tại Luật thuế GTGT cho phù hợp.

- **Giải pháp 19:** Thay cụm từ “giống cây trồng” bằng cụm từ “vật liệu nhân giống cây trồng” và bỏ cụm từ “cây giống, hạt giống” tại khoản 2 Điều 5 Luật thuế GTGT.

Lý do lựa chọn giải pháp

Tại khoản 2 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định: “*Sản phẩm là giống vật nuôi, giống cây trồng, bao gồm trứng giống, con giống, cây giống, hạt giống, tinh dịch, phôi, vật liệu di truyền*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Tại Luật trồng trọt quy định: *Vật liệu nhân giống* là cây hoặc bộ phận của cây, nầm ăn hoặc bộ phận của nầm ăn có thể phát triển thành một cá thể mới, dùng để nhân giống hoặc để gieo trồng.

Theo đó, cần thiết sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật thuế GTGT để phù hợp với Luật trồng trọt.

- **Giải pháp 20:** Thay cụm từ “bản tin chuyên ngành” bằng cụm từ “bản tin, đặc san” tại khoản 15 Điều 5 Luật thuế GTGT.

Lý do lựa chọn giải pháp

Tại khoản 15 Điều 5 Luật thuế GTGT quy định: “*Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành,...*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Tuy nhiên, tại Luật báo chí không có quy định về “bản tin chuyên ngành” mà chỉ có quy định về “bản tin”. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 19 Điều 3 Luật báo chí thì “đặc san” là sản phẩm thông tin có tính chất báo chí tương tự như bản tin.

Theo đó, cần thiết sửa đổi quy định tại khoản 15 Điều 5 Luật thuế GTGT để phù hợp với Luật báo chí.

3. Chính sách 3: Hoàn thiện các quy định về giá tính thuế GTGT

3.1. Mục tiêu của chính sách

- Góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, minh bạch các hoạt động kinh tế.

- Bảo đảm chính sách minh bạch, rõ ràng tạo thuận lợi trong thực hiện.

3.2. Nội dung của chính sách

- Bổ sung quy định về giá tính thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh bất động sản.

- Bổ sung quy định về giá tính thuế GTGT đối với dịch vụ ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược.

3.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

- **Giải pháp 1:** Bổ sung quy định “Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, giá tính thuế GTGT là giá bán bất động sản chưa có thuế GTGT, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp NSNN. **Giá đất được trừ theo quy định của Chính phủ**”.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định giá tính thuế GTGT “Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế giá trị gia tăng, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước”.

Trên thực tế có các hình thức chuyển nhượng bất động sản liên quan đến quyền sử dụng đất như sau: (i) Trường hợp được Nhà nước giao đất; (ii) Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất; (iii) Trường hợp thuê đất; (iv) Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân; (v) Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất. Vì vậy, thực tế thực hiện Luật thuế GTGT vừa qua, phát sinh vướng mắc liên quan đến việc xác định giá đất được trừ ra khỏi giá tính thuế GTGT khi chuyển nhượng bất động sản theo các hình thức chuyển nhượng phát sinh trong thực tế như nêu trên. Do vậy cần thiết phải quy định giao Chính phủ quy định cụ thể về giá đất được trừ tại Luật.

- **Giải pháp 2:** Bổ sung quy định về giá tính thuế GTGT đối với dịch vụ ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược tại Luật đồng bộ với Luật thuế TTĐB, đảm bảo rõ ràng, minh bạch.

Lý do lựa chọn giải pháp

Tại Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) quy định về giá tính thuế TTĐB như sau: Đối với kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược là doanh thu từ hoạt động này trừ số tiền đã trả thưởng cho khách.

Tại Nghị định hướng dẫn về giá tính thuế GTGT đã có quy định: Đối với dịch vụ casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược, là số tiền thu từ hoạt động này đã bao gồm cả thuế TTĐB trừ số tiền đã trả thưởng cho khách.

Theo đó, cần thiết bổ sung quy định về giá tính thuế GTGT đối với dịch vụ ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược tại Luật để đảm bảo minh bạch chính sách.

4. Chính sách 4: Hoàn thiện các quy định về thuế suất

4.1. Mục tiêu của chính sách

- Mở rộng cơ sở thuế, tiến tới áp dụng một mức thuế suất thuế GTGT theo Chiến lược cải cách hệ thống thuế thông qua giảm bớt số lượng nhóm hàng hóa, dịch vụ đang thuộc đối tượng chịu thuế GTGT ở mức thuế suất 5%.

- Đảm bảo phù hợp với thực tế phát sinh, tạo thuận lợi trong thực hiện, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

- Phù hợp với thông lệ quốc tế và xu thế cải cách thuế GTGT của các nước.

4.2. Nội dung của chính sách

- Sửa đổi quy định về đối tượng chịu thuế GTGT 5% theo hướng chuyển một số hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế 5% sang đối tượng chịu thuế 10%.

- Sửa đổi, bổ sung quy định đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế suất GTGT 0%.

- Sửa đổi, bổ sung một số thủ tục để tháo gỡ vướng mắc trong thực hiện.

- Bổ sung nguyên tắc xác định thuế suất thuế GTGT đối với một số hàng hóa có tính lưỡng dụng (sử dụng cho nhiều mục đích) như mặt hàng nông sản vừa là sản phẩm nông nghiệp vừa làm thức ăn chăn nuôi; phế liệu, phế phẩm được thu hồi để tái chế.

- Nghiên cứu xu hướng cải cách mức thuế suất thuế GTGT của các nước.

4.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

- **Giải pháp 1:** Sửa đổi quy định về dịch vụ xuất khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 0%.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu... Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa,*

dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ". Thực hiện quy định trên, trong thời gian qua, do dịch vụ có tính vô hình nên việc xác định dịch vụ được tiêu dùng tại Việt Nam hay dịch vụ được tiêu dùng ở nước ngoài đối với một số dịch vụ là rất khó xác định, gây vướng mắc, tranh cãi cho cả cơ quan thuế và người nộp thuế.

Trong quá trình thực hiện, nhiều doanh nghiệp đã xuất hóa đơn cung cấp dịch vụ cho khách hàng với thuế suất 0% (xác định là tiêu dùng ngoài Việt Nam) sau đó lại bị cơ quan kiểm toán, cơ quan thuế cho rằng đây là dịch vụ tiêu dùng tại Việt Nam và thực hiện truy thu thuế GTGT 10%. Với việc truy thu này gây khó khăn cho bên cung cấp dịch vụ (phải bỏ tiền để nộp thuế trong khi không đòi được bên mua dịch vụ do hợp đồng đã ký và thanh toán đã kết thúc). Mặt khác, hiện nay đang phát triển nhiều dịch vụ cung ứng cho tổ chức, cá nhân nước ngoài gắn với hàng hoá được gia công sản xuất tại Việt Nam để xuất khẩu nhưng thực tế không xác định được chính xác hàng hóa đó là tiêu dùng ở trong nước hay ở nước ngoài tại thời điểm cung cấp dịch vụ, hoặc nếu xác định thì rất phức tạp, tăng chi phí quản lý như: dịch vụ phân loại hàng hóa, giám sát chất lượng hàng hóa để xuất khẩu,... Theo đó, cần thiết quy định cụ thể những dịch vụ xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% hoặc bỏ quy định này để tránh vướng mắc khi thực hiện.

- **Giải pháp 2:** Bổ sung quy định "hàng hóa bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh" thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và giao Bộ Tài chính hướng dẫn điều kiện và thủ tục được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.

Lý do lựa chọn giải pháp

Hiện nay doanh nghiệp bán hàng tại khu cách ly được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%, tuy nhiên không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào do không đáp ứng được các điều kiện như: Hợp đồng ký với tổ chức, cá nhân nước ngoài (bán cho người Việt Nam hoặc người nước ngoài); chứng từ thanh toán qua ngân hàng (khách hàng thanh toán bằng nhiều hình thức: Tiền mặt, thẻ Visa, ví điện tử...). Luật thuế GTGT hiện hành cũng quy định người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được hoàn thuế đối với hàng hóa mua tại Việt Nam mang theo người khi xuất cảnh (không có điều kiện về hợp đồng và chứng từ thanh toán qua ngân hàng). Để cải cách thủ tục hành chính cần thiết sửa đổi quy định rõ "hàng hóa bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh" thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và giao Bộ Tài chính hướng dẫn điều kiện và thủ tục được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.

- **Giải pháp 3:** Bổ sung quy định "hàng bán tại cửa hàng miễn thuế"

thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và giao Bộ Tài chính hướng dẫn điều kiện áp dụng thuế suất 0% và điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với một số trường hợp đặc thù.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu... Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ*”.

Trước ngày 01/9/2016, cửa hàng miễn thuế được xác định là khu phi thuế quan nên chính sách thuế GTGT đối với cửa hàng miễn thuế được áp dụng theo cơ chế khu phi thuế quan. Kể từ ngày 01/9/2016, theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì cửa hàng miễn thuế không đáp ứng được các điều kiện về khu phi thuế quan nên dẫn đến vướng mắc trong quá trình thực hiện. Hàng bán tại cửa hàng miễn thuế chủ yếu phục vụ cho khách du lịch và được tiêu dùng ngoài Việt Nam hoặc bán cho đối tượng miễn trừ ngoại giao (đối tượng được mua hàng không có thuế GTGT) hoặc người nhập cảnh (chỉ được mua hàng trong định mức). Do vậy, để khuyến khích hoạt động bán hàng miễn thuế, thu hút khách du lịch, cần thiết sửa đổi quy định “hàng bán tại cửa hàng miễn thuế” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và giao Bộ Tài chính hướng dẫn điều kiện áp dụng thuế suất 0% và điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với một số trường hợp đặc thù.

- ***Giải pháp 4:*** Bổ sung quy định không áp dụng thuế suất 0% đối với những mặt hàng thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu.

Lý do lựa chọn giải pháp

Để ngăn chặn gian lận hoàn thuế đối với thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu, tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế đã quy định không áp dụng thuế suất 0% đối với những mặt hàng thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu.

Theo đó, cần thiết bổ sung quy định này tại Luật để đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật.

- ***Giải pháp 5:*** Bỏ quy định “thực phẩm tươi sống” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%.

Lý do lựa chọn giải pháp

Trong quá trình thực hiện phát sinh vướng mắc về việc áp dụng thuế suất thuế GTGT đối với thịt xay, cá cắt khúc,... vì các sản phẩm này vừa là các sản phẩm chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm

khác, chỉ qua sơ chế thông thường (thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT) vừa là thực phẩm tươi sống (thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%). Do vậy, cần bỏ quy định “thực phẩm tươi sống” áp dụng thuế suất 5%.

- **Giải pháp 6:** Quy định mặt hàng “đường; phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm gi đường, bã mía, bã bùn” từ đối tượng áp dụng thuế suất GTGT 5% sang áp dụng thuế suất GTGT 10%.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định đường; phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm gi đường, bã mía, bã bùn thuộc đối tượng chịu thuế 5%. Hiện nay, đường là mặt hàng phổ biến thông thường, không còn là mặt hàng thiết yếu và giá bán thực hiện theo thị trường. Theo đó, cần thiết sửa đổi quy định áp dụng thuế suất phổ thông đối với nhóm hàng hóa này.

- **Giải pháp 7:** Quy định rõ: (i) Máy móc, thiết bị, dụng cụ y tế theo quy định của pháp luật về quản lý trang thiết bị y tế thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%; và (ii) Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập, bao gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước kẻ, com-pa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5%.

Lý do lựa chọn giải pháp

Thuế GTGT thu theo hàng hóa, dịch vụ, không phân biệt mục đích sử dụng nên việc quy định áp dụng thuế suất 5% đối với những loại hàng hóa có thể sử dụng đa mục đích như: các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học cũng có thể dùng cho văn phòng, mục đích dân dụng khác như bàn, ghế, máy chiếu, màn hình,... dẫn đến không thống nhất trong thực hiện, tạo kẽ hở để lợi dụng chính sách, cạnh tranh không bình đẳng.

Mặt khác, theo quy định tại Luật quản lý thuế thì người nộp thuế tự tính, tự khai, tự nộp thuế và tự chịu trách nhiệm. Do vậy, nhiều doanh nghiệp đề nghị phải hướng dẫn rõ sản phẩm nào thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 5%, sản phẩm nào áp dụng thuế suất 10% để doanh nghiệp thực hiện đúng nghĩa vụ với NSNN, tránh trường hợp bị truy thu thuế sau này. Theo đó, để bảo đảm minh bạch, tránh vướng mắc trong thực hiện, cần thiết bổ sung quy định rõ đối với các trường hợp này cho phù hợp.

- **Giải pháp 8:** Quy định nhóm “Hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim” từ đối tượng áp dụng thuế suất GTGT 5% sang áp dụng mức thuế suất 10%.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định một số nhóm dịch vụ công (như hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim; ...) thuộc đối tượng chịu

thuế 5% (ưu đãi hơn mức thuế suất phổ biến 10%). Tuy nhiên, các dịch vụ công này đã và đang tiếp tục được xã hội hóa mạnh mẽ. Theo đó, cần thiết sửa đổi quy định áp dụng thuế suất phổ thông đối với các dịch vụ công đã được xã hội hóa.

- Giải pháp 9: Bổ sung quy định “sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, được liệt kê áp dụng thuế suất GTGT theo mức thuế suất quy định cho sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản”.

Bổ sung quy định “Phế phẩm, phụ phẩm, phế liệu được thu hồi để tái chế, sử dụng lại khi bán ra áp dụng mức thuế suất theo thuế suất của mặt hàng phế phẩm, phụ phẩm bán ra”.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa qua chế biến, trừ sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này*” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%

Trong quá trình thực hiện phát sinh vướng mắc trong việc áp dụng thuế suất thuế GTGT đối với các sản phẩm là phế phẩm, phụ phẩm của quá trình sơ chế thông thường các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản nuôi trồng của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, gia công, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu. Một số sản phẩm nông sản vừa là sản phẩm nông nghiệp vừa dùng làm thức ăn chăn nuôi. Do vậy, để tránh vướng mắc trong thực tế, cần bổ sung làm rõ thuế suất thuế GTGT áp dụng đối với phế phẩm, phụ phẩm của quá trình sơ chế thông thường các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản nuôi trồng, sản phẩm nông sản làm thức ăn chăn nuôi tại Luật.

- Giải pháp 10: Điều chỉnh thuế suất thuế GTGT.

Phương án 1: Giữ nguyên mức thuế suất 5% và mức thuế suất 10% như quy định hiện hành.

Phương án 2: Sau 03 năm kể từ ngày Luật có hiệu lực thi hành tăng từ mức 5% lên mức 6%; từ mức 10% lên mức 11% để thực hiện chủ trương đường lối của Đảng nêu tại Nghị quyết 07-NQ/TW và Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, phù hợp với thông lệ và xu hướng cải cách thuế GTGT quốc tế.

Bộ Tài chính nghiên cứu về phương án 1.

Lý do lựa chọn giải pháp

Trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn ra trên thế giới và trong nước từ năm 2020 đến nay, tác động tiêu cực đến hầu như tất cả các ngành nghề và lĩnh vực, Quốc hội, Chính phủ đã phải ban hành nhiều chính sách để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân, an sinh xã hội. Để phục hồi và phát triển kinh tế, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, theo đó giảm thuế GTGT đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% xuống mức thuế suất 8% từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 31/12/2022, trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ không được giảm.

Hiện nay, Chính phủ đang trình Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chính sách giảm thuế GTGT 2% theo như chính sách giảm thuế đã quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15, thời gian áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023. Dự kiến Quốc hội sẽ thông qua chính sách này tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội Khóa XV. Do vậy, có thể nghiên cứu cân nhắc điều chỉnh thuế suất thuế GTGT theo lộ trình vào thời điểm thích hợp khi nền kinh tế ổn định.

5. Chính sách 5: Hoàn thiện các quy định về khấu trừ thuế GTGT đầu vào

5.1. Mục tiêu của chính sách

- Đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực hiện.
- Thúc đẩy việc thanh toán không dùng tiền mặt và hạn chế gian lận để chiếm đoạt tiền thuế của Nhà nước.

5.2. Nội dung của chính sách

- Sửa đổi quy định về khấu trừ thuế GTGT đầu vào trong trường hợp người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế có sai, sót.
- Sửa đổi quy định về định mức đối với chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

5.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

- ***Giải pháp 1:*** Bổ sung quy định trong trường hợp người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế có sai, sót thì thực hiện kê khai, khấu trừ bổ sung theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định: “Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế GTGT đầu vào khi

kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.”.

Theo quy định tại Điều 47 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 về việc khai bổ sung hồ sơ khai thuế khi Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì Người nộp thuế được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra; trường hợp sau khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành kết luận, quyết định xử lý về thuế sau thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế, người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế có sai, sót nếu khai bổ sung làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn thì thực hiện theo quy định về giải quyết khiếu nại về thuế.

Theo đó, để phù hợp với thực tế, đồng bộ với quy định tại Luật quản lý thuế, cần sửa đổi quy định này cho phù hợp.

- **Giải pháp 2:** Sửa đổi quy định về định mức đối với chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt từ mức dưới 20 triệu đồng xuống mức phù hợp để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định một trong những điều kiện để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào là có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới 20 triệu đồng. Qua công tác thanh tra, kiểm tra thuế, nhiều doanh nghiệp vẫn lợi dụng chia nhỏ hóa đơn dưới 20 triệu để thanh toán bằng tiền mặt để được kê khai, khấu trừ thuế GTGT và tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Do vậy, cần sửa đổi giảm định mức hàng hóa, dịch vụ mua từng lần từ mức dưới 20 triệu đồng xuống mức phù hợp.

6. Chính sách 6: Hoàn thiện các quy định về hoàn thuế GTGT

6.1. Mục tiêu của chính sách

- Góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, minh bạch các hoạt động kinh tế và phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Ngăn chặn gian lận trong việc hoàn thuế GTGT, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

- Bảo đảm chính sách minh bạch, rõ ràng, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tạo thuận lợi trong thực hiện.

6.2. Nội dung của chính sách

- Bổ sung quy định về hoàn thuế GTGT đối với doanh nghiệp sản xuất

hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư.
- Sửa đổi, bổ sung quy định về hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu.
- Bỏ quy định về hoàn thuế GTGT đối với trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động.

6.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

- ***Giải pháp 1:*** Bổ sung quy định “doanh nghiệp sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5% nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý” được hoàn thuế GTGT.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT được khấu trừ toàn bộ. Tuy nhiên, thực tế phát sinh trường hợp sản xuất hàng hóa, cơ sở kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5% nhưng đầu vào chủ yếu thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 10% nên thường xuyên phát sinh số thuế GTGT đầu vào lớn hơn số thuế GTGT đầu ra và qua nhiều kỳ vẫn chưa được khấu trừ hết, phải sang khấu trừ vào các kỳ tiếp theo, không được hoàn. Do vậy, cần bổ sung quy định cho phép hoàn thuế GTGT đối với trường hợp này để tháo gỡ khó khăn về vốn cho doanh nghiệp.

- ***Giải pháp 2:*** Bổ sung quy định dự án đầu tư được hoàn thuế GTGT là dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư bao gồm cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ và có số thuế còn lại từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT. Tuy nhiên, theo khái niệm dự án đầu tư tại Luật đầu tư gồm nhiều hình thức: dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng,... dẫn đến vướng mắc trong thực hiện hoàn thuế trong thời gian qua. Do vậy, cần quy định rõ dự án đầu tư được hoàn thuế GTGT là dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư bao gồm cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

- ***Giải pháp 3:*** Bổ sung quy định rõ một số trường hợp được hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có

điều kiện; hoặc bỏ quy định loại trừ đối với 02 trường hợp dự án đầu tư (thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện; dự án chưa góp đủ vốn điều lệ) không được hoàn thuế GTGT như quy định của Luật thuế GTGT hiện hành.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động*” không được hoàn thuế GTGT.

Thực tế phát sinh vướng trong việc hoàn thuế GTGT đối với cả 02 trường hợp nêu trên liên quan đến quy định của pháp luật về chuyên ngành. Do vậy, cần sửa đổi theo hướng bỏ quy định không hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động. Trong trường hợp cơ sở có vi phạm các điều kiện này thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc nghiên cứu bổ sung quy định rõ một số trường hợp được hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện để tránh vướng mắc trong thực hiện.

- ***Giải pháp 4:*** Bổ sung quy định: Hoạt động tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư được hoàn thuế GTGT đến khi có khai thác dầu khí thương mại.

Lý do lựa chọn giải pháp

Để khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực này thì tại khoản 1 Điều 12 Luật thuế GTGT hiện hành đã quy định thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí được khấu trừ toàn bộ. Việc quy định hoàn thuế GTGT đối với dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động không thay đổi và xuyên suốt từ trước đến nay. Theo đó, để tránh cách hiểu khác về việc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí cũng thuộc trường hợp loại trừ không hoàn thuế GTGT đối với các dự án khai thác tài nguyên, khoáng sản được cấp phép từ ngày 01/7/2016 nên Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ có quy định “... hoặc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, có số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong giai đoạn đầu tư lũy kế chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên được hoàn thuế GTGT...”.

Theo đó, để đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật, cần thiết bổ sung quy định này tại Luật cho phù hợp.

- **Giải pháp 5:** Bỏ quy định: (i) Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu không được hoàn GTGT; (ii) Hoàn thuế trước, kiểm tra sau đối với một số trường hợp hàng hóa xuất khẩu theo quy định của Luật quản lý thuế.

Bổ sung quy định xác định thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được hoàn.

Lý do lựa chọn giải pháp

(i) Luật thuế GTGT quy định không hoàn thuế GTGT đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan. Căn cứ quy định nêu trên, có ý kiến cho rằng cứ hàng nhập khẩu sau đó xuất khẩu đều không được hoàn thuế dẫn đến tăng chi phí, tăng giá bán của hàng hóa xuất khẩu, đồng thời chưa phù hợp với chủ trương là khuyến khích xuất khẩu hàng hóa. Do vậy, để đảm bảo chính sách rõ ràng, minh bạch đề nghị bỏ quy định: Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu không được hoàn thuế GTGT.

(ii) Pháp luật quản lý thuế đã có quy định cụ thể về việc phân loại hồ sơ hoàn thuế thuộc diện hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế hay hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau (Điều 73 Luật quản lý thuế và Điều 22 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP). Theo đó, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, cần thiết bỏ quy định về hoàn thuế trước, kiểm tra sau tại Luật.

Ngoài ra, để đảm bảo nguyên tắc hoàn thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, cần thiết bổ sung quy định xác định thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được hoàn.

- **Giải pháp 6:** Bỏ quy định về hoàn thuế GTGT đối với trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động.

Lý do lựa chọn giải pháp

Luật thuế GTGT hiện hành quy định hoàn thuế GTGT khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế GTGT nộp thừa hoặc số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết. Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng quy định trên để lập hồ sơ xin hoàn thuế GTGT thông qua việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần hoặc ngược lại, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp) mặc dù theo quy định của Luật doanh nghiệp thì Công ty chuyển đổi phải kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty chuyển đổi (bao gồm cả quyền kê khai, khấu trừ số thuế GTGT chưa được khấu trừ hết). Theo đó, cần thiết sửa đổi quy định về hoàn thuế GTGT đối với các trường hợp này.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT

1. Dự kiến nguồn lực để thi hành Luật như sau:

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương;
- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT.

- Tuyên truyền, phổ biến Luật: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Luật và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Luật kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để Cục Thuế và Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai thực hiện Luật.

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Luật, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Luật.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện:

Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Luật và các văn bản pháp quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.

VII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI, QUỐC HỘI

Bộ Tài chính trình Chính phủ dự kiến tiến độ của dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi) như sau:

- Chính phủ lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi), trình UBTVQH để UBTVQH báo cáo Quốc hội thông qua đề nghị bổ sung dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi) vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2023 tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (tháng 10/2023).

- Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến về dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi) tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV (tháng 5/2024).

- Chính phủ trình Quốc hội thông qua dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi) tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV (tháng 10/2024).

Trên đây là nội dung đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi). Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Trình kèm: Đề cương dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi); Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế GTGT; Báo cáo đánh giá tác động)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, CST (CST2) (b).

BỘ TRƯỞNG

Hồ Đức Phúc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày... tháng ... năm ...

ĐỀ CƯƠNG DỰ THẢO LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (SỬA ĐỔI)

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, người nộp thuế, căn cứ và phương pháp tính thuế, khấu trừ và hoàn thuế giá trị gia tăng.

Điều 2. Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Điều 3. Đối tượng chịu thuế

Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật này.

Điều 4. Người nộp thuế

Người nộp thuế giá trị gia tăng là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng (sau đây gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu thuế giá trị gia tăng (sau đây gọi là người nhập khẩu).

Định hướng sửa đổi, bổ sung Người nộp thuế bao gồm hộ kinh doanh.

Điều 5. Đối tượng không chịu thuế

1. Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.

Doanh nghiệp, hợp tác xã mua sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

2. Sản phẩm là giống vật nuôi, giống cây trồng, bao gồm trứng giống, con giống, cây giống, hạt giống, tinh dịch, phôi, vật liệu di truyền.

3. Tưới, tiêu nước; cày, bừa đất; nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp.

3a. Phân bón; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ; thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác.

4. Sản phẩm muối được sản xuất từ nước biển, muối mỏ tự nhiên, muối tinh, muối i-ốt mà thành phần chính là Na-tri-clo-rua (NaCl).

5. Nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do Nhà nước bán cho người đang thuê.

6. Chuyển quyền sử dụng đất.

7. Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm người học, các dịch vụ bảo hiểm khác liên quan đến con người; bảo hiểm vật nuôi, bảo hiểm cây trồng, các dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp khác; bảo hiểm tàu, thuyền, trang thiết bị và các dụng cụ cần thiết khác phục vụ trực tiếp đánh bắt thủy sản; tái bảo hiểm.

8. Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, kinh doanh chứng khoán sau đây:

a) Dịch vụ cấp tín dụng bao gồm: cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác; bảo lãnh; cho thuê tài chính; phát hành thẻ tín dụng; bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế; hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật;

b) Dịch vụ cho vay của người nộp thuế không phải là tổ chức tín dụng;

c) Kinh doanh chứng khoán bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký chứng khoán; quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; dịch vụ tổ chức thị trường của sở giao dịch chứng khoán hoặc trung tâm giao dịch chứng khoán; hoạt động kinh doanh chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán;

d) Chuyển nhượng vốn bao gồm: chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã đầu tư, kể cả trường hợp bán doanh nghiệp cho doanh nghiệp khác để sản xuất, kinh doanh, chuyển nhượng chứng khoán; hình thức chuyển nhượng vốn khác theo quy định của pháp luật;

đ) Bán nợ;

e) Kinh doanh ngoại tệ;

g) Dịch vụ tài chính phái sinh bao gồm: hoán đổi lãi suất; hợp đồng kỳ hạn; hợp đồng tương lai; quyền chọn mua, bán ngoại tệ; dịch vụ tài chính phái sinh khác theo quy định của pháp luật;

h) Bán tài sản bảo đảm của khoản nợ của tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

9. Dịch vụ y tế, dịch vụ thú y, bao gồm dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh cho người và vật nuôi; dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật.

10. Dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và In-ter-net phổ cập theo chương trình của Chính phủ.

11. Dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng; dịch vụ tang lễ.

12. Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội.

13. Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật.

14. Phát sóng truyền thanh, truyền hình bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

15. Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học - kỹ thuật, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động, kể cả dưới dạng băng hoặc đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử; tiền, in tiền.

16. Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, xe điện.

17. Máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí đốt; tàu bay, dàn khoan, tàu thủy thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp hoặc thuê của nước ngoài để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, cho thuê, cho thuê lại.

18. Vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh.

19. Hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân; quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam theo mức quy định của Chính phủ; đồ dùng của tổ chức,

cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế.

Hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam.

20. Hàng hóa chuyên khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài; hàng hóa, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan với nhau.

21. Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ; phần mềm máy tính.

22. Vàng nhập khẩu dạng thỏi, miếng chưa được chế tác thành sản phẩm mỹ nghệ, đồ trang sức hay sản phẩm khác.

23. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên.

24. Sản phẩm nhân tạo dùng để thay thế cho bộ phận cơ thể của người bệnh; nạng, xe lăn và dụng cụ chuyên dùng khác cho người tàn tật.

25. Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm triệu đồng trở xuống.

Cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều này không được khấu trừ và hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào, trừ trường hợp áp dụng mức thuế suất 0% quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật này.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

1. Giảm bớt số lượng nhóm hàng hóa, dịch vụ đang thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng

- Chuyển phân bón, tàu đánh bắt xa bờ và một số loại máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp sang áp dụng thuế suất 5%.

- Chuyển dịch vụ nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp sang áp dụng thuế suất 5%.

- Chuyển dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và In-ter-net phổ cập; dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng sang áp dụng thuế suất 10%.

2. Sửa đổi, bổ sung một số nhóm hàng hóa, dịch vụ

- Sửa đổi quy định “sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên” thành quy định ban hành “Danh mục về sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác và Danh mục về sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác” thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

- Sửa đổi quy định “Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội” thành “hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng toàn bộ vốn đóng góp của tổ chức, cá nhân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội” thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

- Sửa đổi, bổ sung quy định “Dịch vụ đi kèm dạy học, dạy nghề” thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng và giao Chính phủ quy định cụ thể tên các dịch vụ đi kèm.

- Sửa đổi, bổ sung quy định rõ “Sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật” thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

- Sửa đổi quy định rõ mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng của hộ, cá nhân kinh doanh theo mức biến động của lạm phát.

- Sửa đổi, bổ sung quy định loại trừ “hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản” ra khỏi “chuyển nhượng vốn” thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

- Sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể dịch vụ “Bán nợ bao gồm bán khoản phải trả và khoản phải thu của các cơ sở kinh doanh”.

- Sửa đổi, bổ sung rõ quy định việc xác định vũ khí, khí tài thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng căn cứ danh mục vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ cho an ninh, quốc phòng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hàng năm hoặc do Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt hàng năm theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ.

- Sửa đổi quy định về kinh doanh chứng khoán cho phù hợp với quy định tại Luật chứng khoán.

- Thay cụm từ “giống cây trồng” bằng cụm từ “vật liệu nhân giống cây trồng” và bỏ cụm từ “cây giống, hạt giống” cho phù hợp với quy định tại Luật trồng trọt.

- Thay cụm từ “bản tin chuyên ngành” bằng cụm từ “bản tin, đặc san” cho phù hợp với quy định tại Luật báo chí.

3. Bổ sung một số nhóm hàng hóa, dịch vụ

- Các khoản phí tại Hợp đồng vay vốn giữa Chính phủ Việt Nam với Bên cho vay nước ngoài.

- Hàng hóa nhập khẩu ủng hộ, tài trợ cho phòng chống thiên tai, thảm họa dịch bệnh, chiến tranh.

- Hàng hóa nhập khẩu của công ty cho thuê tài chính để cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thuê tài chính.

- Tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng bán tài sản; hàng dự trữ quốc gia do cơ quan dự trữ quốc gia bán; tài sản cố định chuyên dùng của tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng bán; các hoạt động có thu phí, lệ phí của Nhà nước theo pháp luật về phí và lệ phí.

- Tài sản di chuyển theo định mức miễn thuế nhập khẩu.

- Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới theo định mức miễn thuế nhập khẩu và trong danh mục.

CHƯƠNG II

CĂN CỨ VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ

Điều 6. Căn cứ tính thuế

Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng là giá tính thuế và thuế suất.

Điều 7. Giá tính thuế

1. Giá tính thuế được quy định như sau:

a) Đối với hàng hóa, dịch vụ do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa chịu thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng;

b) Đối với hàng hóa nhập khẩu là giá nhập tại cửa khẩu cộng với thuế nhập khẩu (nếu có), cộng với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và cộng với thuế bảo vệ môi trường (nếu có). Giá nhập tại cửa khẩu được xác định theo quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu;

c) Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng cho là giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này;

d) Đối với hoạt động cho thuê tài sản là số tiền cho thuê chưa có thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp cho thuê theo hình thức trả tiền thuê từng kỳ hoặc trả trước tiền thuê cho thời hạn thuê thì giá tính thuế là số tiền cho thuê trả từng kỳ hoặc trả trước cho thời hạn thuê chưa có thuế giá trị gia tăng;

đ) Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm là giá tính theo giá bán trả một lần chưa có thuế giá trị gia tăng của hàng hóa đó, không bao gồm khoản lãi trả góp, lãi trả chậm;

e) Đối với giá công hàng hóa là giá gia công chưa có thuế giá trị gia tăng;

g) Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt là giá trị công trình, hạng mục công trình hay phần công việc thực hiện bàn giao chưa có thuế giá trị gia tăng. Trường hợp xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị thì giá tính thuế là giá trị xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị;

h) Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế giá trị gia tăng, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước;

i) Đối với hoạt động đại lý, môi giới mua bán hàng hóa và dịch vụ hưởng hoa hồng là tiền hoa hồng thu được từ các hoạt động này chưa có thuế giá trị gia tăng;

k) Đối với hàng hóa, dịch vụ được sử dụng chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán là giá đã có thuế giá trị gia tăng thì giá tính thuế được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá chưa có thuế giá trị gia tăng} = \frac{\text{Giá thanh toán}}{1 + \text{thuế suất của hàng hóa, dịch vụ (\%)}}$$

2. Giá tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm mà cơ sở kinh doanh được hưởng.

3. Giá tính thuế được xác định bằng đồng Việt Nam. Trường hợp người nộp thuế có doanh thu bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh thu để xác định giá tính thuế.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

1. Sửa đổi, bổ sung quy định về giá tính thuế đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, trong đó giá đất được trừ theo quy định của Chính

phủ.

2. Bổ sung giá tính thuế đối với dịch vụ ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược.

Điều 8. Thuế suất

1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vận tải quốc tế và hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5 của Luật này khi xuất khẩu, trừ các trường hợp sau đây:

- a) Chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài;
- b) Dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài;
- c) Dịch vụ cấp tín dụng;
- d) Chuyển nhượng vốn;
- đ) Dịch vụ tài chính phái sinh;
- e) Dịch vụ bưu chính, viễn thông;
- g) Sản phẩm xuất khẩu quy định tại khoản 23 Điều 5 của Luật này.

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ.

2. Mức thuế suất 5% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ sau đây:

- a) Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt;
- b) Quặng để sản xuất phân bón; thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng;
- c) Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bao quản sản phẩm nông nghiệp;
- d) Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa qua chế biến, trừ sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này;
- đ) Mủ cao su sơ chế; nhựa thông sơ chế; lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá;
- e) Thực phẩm tươi sống; lâm sản chưa qua chế biến, trừ gỗ, măng và sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này;
- g) Đường; phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm gi đường, bã mía, bã bùn;
- h) Sản phẩm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, rơm, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp; bông sơ chế; giấy in báo;
- i) Thiết bị, dụng cụ y tế; bông, băng vệ sinh y tế; thuốc phòng bệnh,

chữa bệnh; sản phẩm hóa dược, dược liệu là nguyên liệu sản xuất thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh;

k) Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập, bao gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước kẻ, com-pa và các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học;

l) Hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim;

m) Đồ chơi cho trẻ em; sách các loại, trừ sách quy định tại khoản 15 Điều 5 của Luật này;

n) Dịch vụ khoa học, công nghệ theo quy định của Luật khoa học và công nghệ;

o) Bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của Luật nhà ở.

3. Mức thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

1. Giảm bớt số lượng nhóm hàng hóa, dịch vụ đang chịu thuế GTGT ở mức thuế suất 5%

- Bỏ quy định “Thực phẩm tươi sống” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%.

- Chuyển mặt hàng “Đường; phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm rỉ đường, bã mía, bã bùn” sang áp dụng thuế suất 10%.

- Chuyển nhóm “Hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim” sang áp dụng thuế suất 10%.

2. Sửa đổi, bổ sung một số nhóm hàng hóa, dịch vụ

- Sửa đổi quy định về dịch vụ xuất khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 0%.

- Sửa đổi, bổ sung quy định rõ: (i) Máy móc, thiết bị, dụng cụ y tế theo quy định của pháp luật về quản lý trang thiết bị y tế vào đối tượng áp dụng thuế suất 5%; và (ii) Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập, bao gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước kẻ, com-pa thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%.

3. Bổ sung một số nhóm hàng hóa, dịch vụ

- Bổ sung quy định “hàng hóa bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% và giao Bộ Tài chính hướng dẫn điều kiện và thủ tục được áp dụng thuế suất thuế

giá trị gia tăng 0%.

- Bổ sung quy định “hàng bán tại cửa hàng miễn thuế” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% và giao Bộ Tài chính hướng dẫn điều kiện và thủ tục được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%.

- Bổ sung quy định không áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% đối với thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu.

- Bổ sung quy định về nguyên tắc xác định thuế suất.

Điều 9. Phương pháp tính thuế

Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng gồm phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng và phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng.

Điều 10. Phương pháp khấu trừ thuế

1. Phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:

a) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp khấu trừ thuế bằng số thuế giá trị gia tăng đầu ra trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ;

b) Số thuế giá trị gia tăng đầu ra bằng tổng số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng bằng giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ đó.

Trường hợp sử dụng chứng từ ghi giá thanh toán là giá đã có thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng đầu ra được xác định bằng giá thanh toán trừ giá tính thuế giá trị gia tăng xác định theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 7 của Luật này;

c) Số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ bằng tổng số thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa, dịch vụ, chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu và đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 12 của Luật này.

2. Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ bao gồm:

a) Cơ sở kinh doanh có doanh thu hàng năm từ bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ một tỷ đồng trở lên, trừ hộ, cá nhân kinh doanh;

b) Cơ sở kinh doanh đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế, trừ hộ, cá nhân kinh doanh.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 11. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng

1. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng bằng giá trị gia tăng nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý.

Giá trị gia tăng của vàng, bạc, đá quý được xác định bằng giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra trừ giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào tương ứng.

2. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng bằng tỷ lệ % nhân với doanh thu áp dụng như sau:

a) Đối tượng áp dụng:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã có doanh thu hàng năm dưới mức ngưỡng doanh thu một tỷ đồng, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật này;

- Hộ, cá nhân kinh doanh;

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nhưng có doanh thu phát sinh tại Việt Nam chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ, trừ tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu, khí nộp thuế theo phương pháp khấu trừ do bên Việt Nam khấu trừ nộp thay;

- Tổ chức kinh tế khác, trừ trường hợp đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật này;

b) Tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:

- Phân phối, cung cấp hàng hóa: 1%;

- Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%;

- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 3%;

- Hoạt động kinh doanh khác: 2%.

CHƯƠNG III

KHẤU TRỪ, HOÀN THUẾ

Điều 12. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào như sau:

a) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng được khấu trừ toàn bộ, kể cả thuế giá trị gia tăng đầu vào không được bồi thường của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng bị tổn thất;

b) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế thì chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng. Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ % giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra;

c) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại được khấu trừ toàn bộ;

d) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí được khấu trừ toàn bộ;

đ) Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

2. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào được quy định như sau:

a) Có hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa, dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu;

b) Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng;

c) Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải có: hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán, gia công hàng hóa, cung ứng dịch vụ; hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt; tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu.

Việc thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu dưới hình thức thanh toán bù trừ giữa hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu với hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu, trả nợ thay Nhà nước được coi là thanh toán không dùng tiền mặt.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định

- Quy định rõ trong trường hợp người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế có sai, sót thì thực hiện kê khai, khấu trừ bổ sung theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

- Sửa đổi quy định về định mức đối với chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt từ mức dưới 20 triệu đồng xuống mức phù hợp để được

khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

2. Bổ sung quy định về điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với một số trường hợp đặc thù (hàng hóa bán tại khu vực cách ly, hàng bán tại cửa hàng miễn thuế,...).

Điều 13. Các trường hợp hoàn thuế

1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.

Trường hợp cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ và có số thuế còn lại từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng.

Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp:

a) Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động;

b) Dự án đầu tư khai thác tài nguyên, khoáng sản được cấp phép từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 hoặc dự án đầu tư sản xuất sản phẩm hàng hóa mà tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên theo dự án đầu tư.

Chính phủ quy định chi tiết khoản này.

2. Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý, trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan. Thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau đối với người nộp thuế sản xuất hàng hóa xuất khẩu không vi phạm pháp luật về thuế, hải quan trong thời gian hai năm liên tục; người nộp thuế không thuộc đối tượng rủi ro cao theo quy định của Luật quản lý thuế.

3. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế giá trị gia tăng khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết.

4. Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập cảnh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp được hoàn thuế đối với hàng hóa mua tại Việt Nam mang theo người khi xuất cảnh.

5. Việc hoàn thuế giá trị gia tăng đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo được quy định như sau:

a) Chủ chương trình, dự án hoặc nhà thầu chính, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định việc quản lý chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại được hoàn số thuế giá trị gia tăng đã trả cho hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam để phục vụ cho chương trình, dự án;

b) Tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ không hoàn lại, tiền viện trợ nhân đạo của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho chương trình, dự án viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo tại Việt Nam thì được hoàn số thuế giá trị gia tăng đã trả cho hàng hóa, dịch vụ đó.

6. Đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật về ưu đãi miễn trừ ngoại giao mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam để sử dụng được hoàn số thuế giá trị gia tăng đã trả ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng hoặc trên chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng.

7. Cơ sở kinh doanh có quyết định hoàn thuế giá trị gia tăng của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

1. Bổ quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với một số trường hợp

- Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu không được hoàn thuế giá trị gia tăng; quy định hoàn thuế trước, kiểm tra sau đối với một số trường hợp hàng hóa xuất khẩu theo quy định của Luật quản lý thuế.

- Trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động.

2. Sửa đổi, bổ sung quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với một số trường hợp

- Sửa đổi, bổ sung quy định rõ dự án đầu tư được hoàn thuế giá trị gia tăng là dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư bao gồm cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

- Sửa đổi, bổ sung quy định rõ một số trường hợp được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; hoặc bổ quy định không được hoàn thuế giá trị gia

tăng đối với 02 trường hợp dự án đầu tư (thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện; dự án chưa góp đủ vốn điều lệ).

- Sửa đổi, bổ sung quy định rõ hoạt động tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư được hoàn thuế giá trị gia tăng đến khi có khai thác dầu khí thương mại.

3. Bổ sung một số quy định

- Bổ sung trường hợp “Doanh nghiệp sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý” được hoàn thuế giá trị gia tăng.

- Bổ sung quy định xác định thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được hoàn thuế.

Điều 14. Hóa đơn, chứng từ

1. Việc mua bán hàng hóa, dịch vụ phải có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật và các quy định sau đây:

a) Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng; hóa đơn phải được ghi đầy đủ, đúng nội dung quy định, bao gồm cả khoản phụ thu, phí thu thêm (nếu có). Trường hợp bán hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng mà trên hóa đơn giá trị gia tăng không ghi khoản thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng đầu ra được xác định bằng giá thanh toán ghi trên hóa đơn nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng sử dụng hóa đơn bán hàng.

2. Đối với các loại tem, vé là chứng từ thanh toán in sẵn giá thanh toán thì giá thanh toán tem, vé đó đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 202...

2. Luật này thay thế Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12, Luật số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Điều 3 Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và Điều 1 Luật số 106/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế.

Điều 16. Hướng dẫn thi hành Tổ chức thực hiện

Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật này Điều 5, Điều 7, Điều 8, Điều 12 và Điều 13. ~~những nội dung cần thiết khác của Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.~~

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá
, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm .*

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI



BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH

Về ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân về
lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)
(Kèm theo công văn số 6088/BTC-CST ngày 14/6/2023 của Bộ Tài chính)

Ngày 23/02/2023, Bộ Tài chính đã có công văn số 1660/BTC-CST gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, Hiệp hội doanh nghiệp về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), đồng thời gửi đăng dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Luật BHVBQPPL). Thời gian xin ý kiến đã đủ 30 ngày theo quy định của Luật BHVBQPPL. Đến nay, Bộ Tài chính đã nhận được 77 văn bản tham gia ý kiến (14 Bộ, 04 cơ quan thuộc Chính phủ, 50 địa phương, 09 Hiệp hội, doanh nghiệp). Các ý kiến đều thống nhất về sự cần thiết, mục đích, quan điểm xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi). Đa số các ý kiến nhất trí hoàn toàn với nội dung đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) và có một số ý kiến cụ thể về kết cấu dự thảo báo cáo, câu chữ cho phù hợp quy định của Luật BHVBQPPL. Bộ Tài chính đã tổng hợp tiếp thu, giải trình cụ thể từng ý kiến tham gia tại Phụ lục kèm theo.

Bộ Tài chính xin báo cáo các nhóm nội dung tiếp thu, giải trình như sau:

1. Về kết cấu dự thảo Tờ trình Chính phủ, Báo cáo đánh giá tác động, Báo cáo tổng kết, đánh giá

Một số cơ quan (Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn,...) có ý tham gia cụ thể về kết cấu dự thảo Tờ trình, dự thảo Báo cáo, câu chữ cho phù hợp với quy định của Luật BHVBQPPL, Bộ Tài chính đã tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo.

2. Về đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT)

- Mặt hàng phân bón

Có 71 ý kiến nhất trí và 04 ý kiến tham gia cụ thể như sau:

TP. Cần Thơ đề nghị giữ mặt hàng “Phân bón” thuộc đối tượng không chịu thuế.

Tập đoàn hóa chất Việt Nam kiến nghị chuyển phân bón sang áp dụng thuế suất 0%.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, TP. Hồ Chí Minh đề nghị Bộ Tài chính cần đánh giá kỹ tác động đối với người nông dân và cân nhắc mức thuế suất thuế GTGT phù hợp.

Nội dung giải trình, tiếp thu:

Trong thời gian qua, có rất nhiều ý kiến đề nghị chuyển mặt hàng phân bón sang đối tượng chịu thuế để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào, qua đó sẽ tăng sức cạnh tranh của hàng sản xuất trong nước.

Lãnh đạo Chính phủ đã có nhiều chỉ đạo để tháo gỡ vướng mắc về thuế suất thuế GTGT cho phân bón nhằm hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp phân bón (các Thông báo: số 80/TB-VPCP ngày 18/6/2020, số 131/TB-VPCP ngày 11/11/2021, số 142/TB-VPCP ngày 17/12/2021; các văn bản số 1860/VPCP-KTTH ngày 11/7/2020, số 2505/VPCP-KTTH ngày 16/9/2020 và số 8405/VPCP-KTTH ngày 07/10/2020, số 1001/VPCP-KTTH ngày 08/4/2022).

Do vậy, đề nghị giữ như định hướng đề xuất là chuyển phân bón sang đối tượng áp dụng thuế suất 5%.

Về đánh giá tác động kỹ: Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các bộ chuyên ngành đánh giá kỹ lưỡng trong giai đoạn xây dựng Luật thuế GTGT (sửa đổi).

- Máy móc, thiết bị chuyên dùng cho nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ

Có 75 ý kiến nhất trí và 02 ý kiến tham gia cụ thể như sau:

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Bộ Tài chính cần đánh giá kỹ tác động đối với người nông dân và cân nhắc mức thuế suất thuế GTGT phù hợp.

TP. Hồ Chí Minh kiến nghị quy định cụ thể danh mục “máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ” kèm theo hoặc giao cho cơ quan chuyên ngành ban hành danh mục.

Nội dung giải trình, tiếp thu:

Bộ Tài chính tiếp thu quy định cụ thể theo hướng chuyển tàu đánh bắt xa bờ và một số loại máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 5%.

Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các Bộ chuyên ngành đánh giá kỹ lưỡng sau khi dự án Luật được đăng ký vào Chương trình xây dựng Luật của Quốc hội.

- Đối với các khoản phí tại Hợp đồng vay vốn giữa Chính phủ Việt Nam với Bên cho vay nước ngoài

Có 75 ý kiến nhất trí và 02 ý kiến tham gia cụ thể như sau:

Bộ Ngoại giao đề nghị có đánh giá tương thích đối với các cam kết của Việt Nam, bao gồm các thỏa thuận vay mà Chính phủ đã ký.

Hiệp hội ngân hàng đề nghị bổ sung quy định các khoản thu phí tại các Hợp đồng vay vốn của Tổ chức tín dụng với các bên cho vay nước ngoài cũng

thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Nội dung giải trình, tiếp thu:

Đối với khoản thu phí tại Hợp đồng vay vốn của Chính phủ Việt Nam với Bên cho vay nước ngoài nếu thực hiện thu thuế thì Chính phủ Việt Nam lại phải bỏ tiền đóng thuế, thực chất ngân sách nhà nước (NSNN) không tăng thu từ khoản này (vừa phát sinh chi phí nộp từ NSNN, vừa phát sinh tiền thu). Do vậy, đề giảm bớt thủ tục hành chính đề nghị chỉ áp dụng không thu đối với khoản vay của Chính phủ; đối với các Hợp đồng vay vốn của Tổ chức tín dụng với các bên cho vay nước ngoài thì đề nghị thực hiện theo quy định hiện hành.

Về bổ sung đánh giá tương thích đối với các cam kết của Việt Nam: Bộ Tài chính tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.

- Đối với sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản

Có 75 ý kiến nhất trí và 02 ý kiến đề nghị loại trừ các sản phẩm được chế biến từ dầu thô ra khỏi nhóm này.

Nội dung giải trình, tiếp thu:

Dự thảo đề cương mới chỉ đề cập định hướng sửa đổi theo hướng ban hành Danh mục về sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác và Danh mục về sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Bộ Tài chính tiếp thu kiến nghị nêu trên để phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu xây dựng Danh mục cụ thể khi Luật được Quốc hội thông qua.

- Đối với hàng hóa nhập khẩu ủng hộ, tài trợ cho phòng chống thiên tai, thảm họa dịch bệnh, chiến tranh

Có 75 ý kiến nhất trí và 02 ý kiến tham gia như sau:

Bộ Thông tin và Truyền thông, TP. Hồ Chí Minh: Để khuyến khích sử dụng sản phẩm được sản xuất trong nước để ủng hộ, tài trợ cho phòng chống thiên tai, thảm họa dịch bệnh, chiến tranh, kiến nghị áp dụng thống nhất chung đối tượng không chịu thuế đối với sản phẩm này, không phân biệt hàng nhập khẩu hay hàng nội địa

Nội dung giải trình:

Việc quy định hàng hóa mua trong nước để tài trợ khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, chiến tranh thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT là không hợp lý vì (i) Phát sinh rủi ro cho bên bán hàng khi xuất hóa đơn không chịu thuế GTGT nhưng sau đó cơ quan quản lý thuế thực hiện truy thu thuế GTGT nếu bên mua không thực hiện đúng mục đích tài trợ như cam kết; (ii) Hàng bán trong nước khó xác định được mục đích sử dụng của bên mua; (iii) Bên bán hàng phải thực hiện phân bổ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ nên số thuế này sẽ tính vào giá của hàng bán. Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo đề nghị xây dựng Luật.

- Dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích

Có 75 ý kiến nhất trí và 02 ý kiến tham gia cụ thể như sau:

Bộ Thông tin và Truyền thông, TP. Hồ Chí Minh đề nghị giữ nguyên như Luật hiện hành.

Nội dung giải trình:

Hiện nay, các dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích đều có nhiều thành phần kinh tế tham gia nên việc duy trì nhóm dịch vụ này thuộc đối tượng không chịu thuế là không còn phù hợp. Việc áp dụng thuế suất 10% đối với các dịch vụ này thì doanh nghiệp sẽ được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh. Do vậy, các kiến nghị nêu trên là chưa phù hợp.

3. Về giá tính thuế đối với hoạt động kinh doanh bất động sản

Có 73 ý kiến nhất trí và 04 ý kiến tham gia như sau:

Hội tư vấn thuế Việt Nam đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định cụ thể đối với các trường hợp thực tế đã phát sinh như (1) Trường hợp được Nhà nước giao đất; (2) Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất; (3) Trường hợp thuê đất; (4) Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân; (5) Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất như dự thảo báo cáo tổng kết cũng đã nêu.

TP. Đà Nẵng cho rằng giá đất được trừ là tiền sử dụng đất nộp NSNN hoặc giá đất tại thời điểm nhà nước giao đất hoặc nhận chuyển nhượng. Như vậy khoản chênh lệch sau khi trừ giá đất có sự chênh lệch giá đất tại thời điểm nhận quyền sử dụng đất với giá đất tại thời điểm chuyển nhượng; phần giá trị chênh lệch chuyển nhượng quyền sử dụng đất chịu thuế GTGT, không phù hợp với quy định chuyển quyền sử dụng đất không chịu thuế GTGT.

Tỉnh Bình Định đề nghị cần quy định rõ về giá tính thuế đối với giá bán bất động sản xác định theo giá nào và có tính tương thích với giá tính thuế bất động sản tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật thuế thu nhập cá nhân. TP. Hồ Chí Minh đề nghị giao Chính phủ quy định chi tiết (kế thừa Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ).

Nội dung giải trình, tiếp thu:

Các trường hợp thực tế phát sinh như kiến nghị của Hội tư vấn thuế đã được quy định cụ thể tại các văn bản dưới Luật.

Ngoài ra, tiếp thu ý kiến tham gia của các đơn vị, Bộ Tài chính hoàn thiện định hướng sửa đổi theo hướng bổ sung quy định “Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, giá tính thuế GTGT là giá bán bất động sản chưa có thuế GTGT, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp NSNN. **Giá đất được trừ theo quy định của Chính phủ**”.

4. Về thuế suất 5% đối với thiết bị, dụng cụ y tế; giáo cụ dùng để học tập

Có 76 ý kiến nhất trí và 01 ý kiến tham gia như sau:

TP. Hồ Chí Minh kiến nghị giao Chính phủ quy định chi tiết hoặc ban hành danh mục cụ thể.

Nội dung giải trình, tiếp thu:

Tiếp thu ý kiến tham gia, Bộ Tài chính hoàn thiện định hướng sửa đổi theo hướng quy định rõ: (i) Máy móc, thiết bị, dụng cụ y tế theo quy định của pháp luật về quản lý trang thiết bị y tế thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%; và (ii) Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập, bao gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước kẻ, com-pa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5%.

5. Đối với điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào

Các ý kiến đều nhất trí, trong đó một số ý kiến đề xuất giá trị hàng hóa, dịch vụ mua từng lần phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào là từ năm triệu đồng, mười triệu đồng.

Nội dung giải trình:

Nội dung kiến nghị của đơn vị đã có trong định hướng sửa đổi. Do đây là bước lập đề nghị xây dựng Luật, dự thảo đề cương mới chỉ đề cập định hướng sửa đổi, Bộ Tài chính xin ghi nhận kiến nghị để nghiên cứu và đưa ra đề xuất cụ thể sau khi dự án Luật được đăng ký vào Chương trình xây dựng Luật của Quốc hội.

6. Về hoàn thuế GTGT

- Về hoàn thuế đối với dự án đầu tư

Có 73 ý kiến nhất trí và 04 ý kiến tham gia đề xuất nội dung hướng dẫn cụ thể như sau:

Thành phố Đà Nẵng, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Hội tư vấn thuế Việt Nam, Công ty PwC: Theo khái niệm dự án đầu tư tại Luật đầu tư gồm nhiều hình thức: dự án đầu tư mới của cơ sở kinh doanh đang hoạt động, dự án đầu tư mở rộng, dự án chia nhiều hạng mục, giai đoạn; để tạo cơ chế minh bạch, rõ ràng đề nghị có hướng dẫn chi tiết về cơ chế xử lý hoàn và cơ quan thuế địa phương có thể áp dụng thống nhất khi xử lý hồ sơ.

Ngoài ra, dự án đầu tư, dự án đầu tư mới, “dự án đầu tư mở rộng” cần nên được định nghĩa rõ ràng, căn cứ theo quy định Luật đầu tư, để có sự thống nhất trong quy định văn bản pháp luật.

Nội dung giải trình, tiếp thu:

Tiếp thu ý kiến tham gia của các đơn vị, Bộ Tài chính hoàn thiện định hướng sửa đổi theo hướng quy định dự án đầu tư được hoàn thuế GTGT là dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư.

- Về hoàn thuế đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

Có 76 ý kiến nhất trí, 01 ý kiến đề nghị giữ nguyên quy định hiện hành và 02 ý kiến tham gia cụ thể:

Tỉnh Nghệ An: Đề nghị không sửa đổi nội dung về “Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ vốn điều lệ như đã đăng ký” do đang phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 18 Luật doanh nghiệp.

Tỉnh Bình Định: Cần quy định rõ nội dung “điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư” tại khoản 1 điểm a “Dự án đầu tư không được hoàn khi chưa đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư” để tránh cơ quan thuế địa phương lạm quyền hoặc thiếu trách nhiệm do không nắm đầy đủ nội dung về điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư.

Nội dung giải trình, tiếp thu:

Việc xác định vốn điều lệ tại thời điểm hoàn thuế cũng gặp nhiều vướng mắc: Có trường hợp doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền cho phép góp vốn điều lệ theo tiến độ đầu tư nên theo quy định cũng không được hoàn thuế. Có trường hợp tại thời điểm lập đề nghị hoàn thuế chưa góp đủ vốn điều lệ nhưng đến thời điểm cơ quan thuế ra quyết định hoàn thuế doanh nghiệp lại góp đủ vốn điều lệ.

Tại Luật đầu tư và các văn bản hướng dẫn đã có quy định cụ thể về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Tuy nhiên, do quy định tại pháp luật chuyên ngành, nhiều dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, như: điện lực, sản xuất dược phẩm, kinh doanh khách sạn... đang trong giai đoạn đầu tư đều không đáp ứng được điều kiện về hoàn thuế.

Theo đó, để phù hợp với thực tế, tránh vướng mắc trong thực hiện, tiếp thu ý kiến tham gia của các đơn vị, Bộ Tài chính hoàn thiện định hướng sửa đổi theo hướng bổ sung quy định rõ một số trường hợp được hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; hoặc bỏ quy định loại trừ đối với 02 trường hợp dự án đầu tư (thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện; dự án chưa góp đủ vốn điều lệ) không được hoàn thuế GTGT.

- Về hoàn thuế đối với cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu

Có 75 ý kiến nhất trí, 02 ý kiến tham gia đề xuất nội dung hướng dẫn cụ thể như sau:

TP. Cần Thơ đề nghị tăng số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng thì được hoàn thuế đối với cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu lên mức cao hơn.

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đề nghị không thực hiện hoàn thuế trường hợp cơ sở kinh doanh, kể cả đơn vị trực thuộc, không còn kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế hoặc đã bị thu hồi Giấy đăng ký doanh nghiệp do vi phạm pháp luật chưa hoàn thành thủ tục quyết toán thuế để chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định.

Nội dung giải trình:

- Về kiến nghị nâng mức được hoàn thuế GTGT: Trong bối cảnh hiện

nay, việc hoàn thuế cho doanh nghiệp sẽ tháo gỡ một phần khó khăn về vốn cho doanh nghiệp. Việc kiến nghị sửa đổi điều kiện hoàn thuế (tăng số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng lên mức cao hơn) sẽ kéo dài thời gian có thể đáp ứng điều kiện hoàn thuế của doanh nghiệp, gây khó khăn về nguồn vốn cho doanh nghiệp. Do vậy, kiến nghị này là chưa phù hợp.

- Trường hợp cơ sở kinh doanh, kể cả đơn vị trực thuộc, không còn kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế hoặc đã bị thu hồi Giấy đăng ký doanh nghiệp do vi phạm pháp luật chưa hoàn thành thủ tục quyết toán thuế để chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định thì thuộc trường hợp rủi ro về thuế cao và thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế sau theo quy định pháp luật quản lý thuế (điểm d khoản 2 Điều 73 Luật quản lý thuế). Như vậy, cơ sở kinh doanh sẽ không được hoàn thuế GTGT đối với các trường hợp này.

Luật quản lý thuế đã quy định cụ thể về phân loại hồ sơ hoàn thuế, theo đó, kiến nghị nêu trên là chưa phù hợp.

- Về hoàn thuế GTGT đối với chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động

Có 76 ý kiến nhất trí, 01 ý kiến tham gia đề xuất nội dung hướng dẫn cụ thể như sau:

TP. Hồ Chí Minh: Đề xuất chỉ hoàn thuế GTGT trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

Nội dung giải trình, tiếp thu:

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế GTGT nộp thừa hoặc số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết*”. Tuy nhiên, theo quy định tại Luật doanh nghiệp, đối với trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp thì Công ty chuyển đổi sẽ kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty được chuyển đổi.

Theo đó, để phù hợp với Luật doanh nghiệp, Bộ Tài chính hoàn thiện định hướng sửa đổi theo hướng bỏ quy định về hoàn thuế GTGT đối với trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động.

7. Về Báo cáo đánh giá tác động

Một số đơn vị đề nghị bổ sung đánh giá tác động tổng thể gắn với thực hiện các giải pháp điều hành; đánh giá tác động chính sách theo phương pháp định lượng, định tính, trong trường hợp không thể áp dụng phương pháp định lượng thì trong báo cáo đánh giá tác động của chính sách phải nêu rõ lý do.

Bộ Tài chính xin tiếp thu và hoàn thiện Báo cáo đánh giá tác động theo hướng đã bổ sung các nội dung sửa đổi, bổ sung chi tiết và các phương án cụ

thể kèm theo, đảm bảo đúng mẫu và đầy đủ nội dung cần đánh giá tác động theo quy định.

8. Về một số ý kiến khác

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT): Đề nghị chuyển sách giáo khoa từ đối tượng không chịu thuế sang áp dụng thuế suất 5%.

Nội dung giải trình:

Ngày 22/7/2022, Bộ GD&ĐT có công văn số 3281/BGDĐT-KHTC gửi Bộ Tài chính về chính sách thuế đối với sách giáo khoa và các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xuất bản. Theo đó, ngày 16/8/2022, Bộ Tài chính có công văn số 8140/BTC-CST trả lời Bộ GD&ĐT và đề nghị Bộ GD&ĐT lấy số liệu thực tế của các đơn vị sản xuất kinh doanh, xuất bản sách giáo khoa và đánh giá tác động cụ thể về việc giá sách giáo khoa sẽ giảm như thế nào khi chuyển sách giáo khoa sang đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 5%. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu, tiếp thu kiến nghị chuyển sách giáo khoa sang đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 5% trong quá trình xây dựng Luật thuế GTGT (sửa đổi) theo đúng quy định của Luật BHVBQPPL. Tuy nhiên, đến nay, Bộ GD&ĐT chưa có ý kiến về nội dung này.

Do vậy, sau khi Bộ GD&ĐT có đánh giá tác động cụ thể của đề xuất này, Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu, tiếp thu sau khi dự án Luật được đăng ký vào chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội.

- Bộ Thông tin và Truyền thông: Đề nghị sửa đổi, bổ sung thành: “Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin, đặc san, sách chính trị, ...”, vì: Luật báo chí 2016 không có quy định về “bản tin chuyên ngành”; “đặc san” là sản phẩm thông tin có tính chất báo chí tương tự như bản tin, được quy định tại khoản 17 Điều 3 Luật này.

Bộ Tài chính tiếp thu để hoàn chỉnh dự thảo.

- Tỉnh Hà Tĩnh đề nghị xem xét bổ sung vào quy định tại Điều 4 cụm từ “hộ kinh doanh” để thống nhất với quy định tại khoản 25 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 10.

Nội dung tiếp thu:

Pháp luật về doanh nghiệp (Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp) có quy định: “Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ”. Luật quản lý thuế quy định người nộp thuế bao gồm tổ chức, hộ kinh doanh,... Tuy nhiên, tại Luật thuế GTGT chưa có quy định cụ thể về người nộp thuế là hộ kinh doanh.

Theo đó, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, Bộ Tài chính tiếp thu để hoàn chỉnh dự thảo.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi thành “Sản phẩm là giống cây trồng, vật liệu nhân giống cây trồng, giống

vật nuôi bao gồm trứng giống, con giống, tinh dịch, phôi, vật liệu di truyền” tại khoản 2 Điều 5 để thống nhất về từ ngữ được quy định trong khoản 5, khoản 6 Điều 2 của Luật trồng trọt.

Bộ Tài chính tiếp thu hoàn thiện dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi).

- TP. Cần Thơ: Đề nghị làm rõ nội dung tại khoản 3 Điều 5 và điểm c khoản 2 Điều 8 do đối tượng không chịu thuế tại khoản 3 Điều 5 “nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp” trùng với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 “nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp”.

Nội dung tiếp thu:

Luật thuế GTGT hiện hành quy định dịch vụ “nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT và dịch vụ “nạo vét kênh, mương khác phục vụ sản xuất nông nghiệp” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 5%. Qua tổng kết đánh giá tình hình thực hiện cho thấy phát sinh vướng mắc trong việc xác định phạm vi của 02 dịch vụ này. Do vậy, để thống nhất trong thực hiện, Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến theo hướng chuyên quy định tại khoản 3 Điều 5 về đối tượng không chịu thuế GTGT “nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp” sang đối tượng chịu thuế 5%.

- Hội tư vấn thuế Việt Nam: “Đường, phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm gi đường, bã mía, bã bùn” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%. Đề nghị đưa ra khỏi diện áp dụng thuế suất 5%, chuyển sang nhóm thuế suất 10%.

Nội dung tiếp thu:

Luật thuế GTGT hiện hành quy định đường; phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm gi đường, bã mía, bã bùn thuộc đối tượng chịu thuế 5%. Hiện nay, đường là mặt hàng phổ biến thông thường, không còn là mặt hàng thiết yếu và giá bán thực hiện theo thị trường. Theo đó, Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến theo hướng quy định áp dụng thuế suất phổ thông đối với nhóm hàng hóa này.

- TP. Hồ Chí Minh kiến nghị luật hóa quy định “rượu, bia, thuốc lá nhập khẩu sau đó xuất khẩu thì không được hoàn thuế GTGT” do không được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% quy định tại Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016.

Nội dung tiếp thu:

Để ngăn chặn gian lận hoàn thuế đối với thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu, tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế đã quy định không áp dụng thuế suất 0% đối với những mặt hàng thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu.

Theo đó, để đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật, Bộ Tài chính tiếp thu đề hoàn chỉnh dự thảo.

- Bộ Công thương: Đề nghị bổ sung quy định vào Điều 13 hoạt động tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư được hoàn thuế GTGT đến khi có khai thác dầu khí thương mại.

Nội dung tiếp thu:

Để khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực này thì tại khoản 1 Điều 12 Luật thuế GTGT hiện hành đã quy định thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí được khấu trừ toàn bộ. Việc quy định hoàn thuế GTGT đối với dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động không thay đổi và xuyên suốt từ trước đến nay. Theo đó, để tránh cách hiểu khác về việc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí cũng thuộc trường hợp loại trừ không hoàn thuế GTGT đối với các dự án khai thác tài nguyên, khoáng sản được cấp phép từ ngày 01/7/2016 nên Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ có quy định "... hoặc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, có số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong giai đoạn đầu tư lũy kế chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên được hoàn thuế GTGT...".

Để đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật, Bộ Tài chính tiếp thu để hoàn chỉnh dự thảo.

- TP. Hồ Chí Minh đề nghị quy định về kiểm tra hoàn thuế GTGT thực hiện theo quy định tại Luật quản lý thuế.

Nội dung tiếp thu:

Pháp luật quản lý thuế đã có quy định cụ thể về việc phân loại hồ sơ hoàn thuế thuộc diện hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế hay hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau (Điều 73 Luật quản lý thuế và Điều 22 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP).

Theo đó, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, Bộ Tài chính tiếp thu để hoàn chỉnh dự thảo.

- VBF: Các hoạt động mua bán khoản phải trả/khoản phải thu diễn ra ngày càng phổ biến do nhu cầu tái cấu trúc doanh nghiệp. Đặc biệt trong trường hợp mua bán doanh nghiệp bao gồm cả các khoản nợ phải trả các khoản phải thu. Theo đó đề nghị sửa đổi, bổ sung đối tượng không chịu thuế Bán nợ bao gồm bán khoản phải trả và khoản phải thu của các cơ sở kinh doanh.

Nội dung tiếp thu:

Luật thuế GTGT hiện hành quy định "*Bán nợ*" thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Thực tế, các hoạt động mua bán khoản phải trả/khoản phải thu diễn ra ngày càng phổ biến do nhu cầu tái cấu trúc doanh nghiệp. Đặc biệt trong trường hợp mua bán doanh nghiệp bao gồm cả các khoản nợ phải trả các khoản phải thu. Do vậy, để quy định rõ ràng, tránh vướng mắc trong thực hiện, Bộ Tài chính tiếp thu để hoàn chỉnh dự thảo.

Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình về ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân về lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi)/.

BỘ TÀI CHÍNH



BẢNG TỜ TRÌNH, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ NỘI VỤ, NGOẠI GIAO, TƯ PHÁP VÀ Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC KHÁC
VỀ ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) sửa đổi

I. Các ý kiến nhất trí/hoàn toàn nhất trí/thống nhất với dự thảo Đề nghị xây dựng Luật thuế GTGT sửa đổi:

- Các Bộ, ngành, cơ quan ngang Bộ: Đài truyền hình Việt Nam, Thanh tra Chính phủ, Đài tiếng nói Việt Nam, Thông tin xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Ủy ban dân tộc, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
- Địa phương: Sóc Trăng, Thái Bình, Bắc Kan, Tây Ninh, Hậu Giang, Đồng Tháp, Tiền Giang, Kiên Giang, Lạng Sơn, Phú Thọ, Cà Mau, Thái Nguyên, Điện Biên, Kon Tum, Bến Tre, Sơn La, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Thừa Thiên Huế, An Giang, Bình Dương, Ninh Bình, Quảng Bình
- Công Thông tin điện tử Chính phủ: Sau 30 ngày đăng tải, Cổng TTĐT Chính phủ nhận được một góp ý của công dân đối với dự thảo.

II. Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Luật này quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, người nộp thuế, căn cứ và phương pháp tính thuế, khấu trừ và hoàn thuế giá trị gia tăng.	1. Tỉnh Ninh Thuận: Kiến nghị nghiên cứu quy định về phạm vi điều chỉnh đề phù hợp, thống nhất với nội dung dự thảo	Nội dung quy định về phạm vi điều chỉnh thuộc nhóm chính sách không đề xuất sửa đổi.
2	Điều 2. Thuế giá trị gia tăng Thuế giá trị gia tăng là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình tư sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.		
3	Điều 3. Đối tượng chịu thuế	1. Tỉnh Hà Giang: Điều 3 đối tượng chịu thuế và Điều 5 đối tượng không chịu thuế: Đề nghị	Việc quy định đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế thành 02 Điều riêng

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật này.</p>	<p>Ban soạn thảo xem xét góp chung lại thành một điều trong đó bỏ cục lại thành các khoản cho khoa học và để tra cứu. Trong trường hợp cần phải quy định thành điều riêng đề nghị sắp xếp hai điều này gần nhau cho khoa học và thuận lợi khi tra cứu áp dụng.</p>	<p>biệt sẽ rõ ràng và thuận lợi trong áp dụng Luật. Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên như hiện hành.</p>
	<p>Điều 4. Người nộp thuế Người nộp thuế giá trị gia tăng là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng (sau đây gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu thuế giá trị gia tăng (sau đây gọi là người nhập khẩu).</p>	<p>2. Thành phố Hồ Chí Minh: Đề xuất sửa thành: "Hàng hóa, dịch vụ và các hoạt động khác, trừ các đối tượng không chịu thuế quy định tại Điều 5 của Luật này." (Các hoạt động khác như: vận tải quốc tế. Bỏ sung đối tượng chịu thuế suất thuế GTGT 0% đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu.)</p>	<p>Quy định "dịch vụ" thuộc đối tượng chịu thuế đã bao hàm "hoạt động". Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên như hiện hành.</p>
4		<p>1. Tỉnh Quảng Trị: Đề nghị bỏ sung thêm người nộp thuế thay.</p> <p>2. Tỉnh Hà Tĩnh: Đề nghị xem xét bỏ sung vào quy định tại Điều 4 cụm từ "hộ kinh doanh" để thống nhất với quy định tại khoản 25 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 10 Luật thuế GTGT.</p> <p>3. Bộ Ngoại giao: Đề nghị cân nhắc bỏ sung: "tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng" để bảo đảm thống nhất với đối tượng chịu thuế quy định tại Điều</p>	<p>Điều này quy định về người nộp thuế vì vậy, việc bỏ sung cụm từ người nộp thuế thay sẽ không phù hợp. Việc nộp thuế thay chỉ phát sinh trong một số trường hợp đặc thù như thuế nhà thầu... và đã được quy định tại pháp luật quản lý thuế.</p> <p>Đã tiếp thu tại dự thảo Luật.</p>
			<p>Hiện nay chưa có văn bản nào quy định khái niệm về "dịch vụ nhập khẩu"; Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện hành không quy định thu thuế nhập khẩu đối với</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>3. đồng thời không bỏ sót nguồn thu ngân sách nhà nước.</p>	<p>dịch vụ nhập khẩu. Vì vậy, trong trường hợp tổ chức, cá nhân ở nước ngoài cũng cấp dịch vụ tại Việt Nam, pháp luật quản lý thuế đã quy định thuộc đối tượng nộp thuế nhà thầu.</p>
	<p>Điều 5. Đối tượng không chịu thuế</p> <p>1. Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chi qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.</p>	<p>4. Thành phố Cần Thơ: Đề nghị đổi “Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT (sau đây gọi là Người kinh doanh)...” lý do nên dùng thuật ngữ “Người kinh doanh” thay cho cụm “cơ sở kinh doanh” cho phù hợp với tên gọi “Người nộp thuế” và “Người nhập khẩu”.</p>	<p>“Người kinh doanh” là một khái niệm mới chưa được định nghĩa tại văn bản quy phạm pháp luật. Cụm từ “cơ sở kinh doanh” và “Người nhập khẩu” đã được quy định tại Luật quản lý thuế, Luật thuế GTGT hiện hành. Do đó, Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên như nội dung gửi lấy ý kiến.</p>
5	<p>Doanh nghiệp, hợp tác xã mua sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chi qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.</p>	<p>1. Tỉnh Hà Tĩnh: Việc quy định như dự thảo có thể gây khó khăn trong quá trình áp dụng trên thực tiễn, bởi xác định “chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chi qua sơ chế thông thường” theo khoản 1 Điều 5 hay “chưa qua chế biến” tại điểm d khoản 2 Điều 8 là rất khó. <i>Tương tự, việc xác định sản phẩm “chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chi qua sơ chế thông thường” theo khoản 1 Điều 5 hay “Thực phẩm tươi sống” theo điểm e khoản 2 Điều 8 dự thảo là rất khó. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét thêm đối với vấn đề này.</i></p>	<p>- Các cụm từ “chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chi qua sơ chế thông thường”, “chưa qua chế biến” đã được quy định tại Luật thuế GTGT hiện hành và các văn bản dưới Luật đã có quy định cụ thể về khái niệm của các cụm từ này theo pháp luật chuyên ngành, do vậy, Bộ Tài chính đề nghị giữ như quy định hiện hành.</p> <p>- Thực phẩm tươi sống (thịt xay, cá cắt khúc,...) cũng là các sản phẩm chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác, chi qua sơ chế thông thường. Theo đó, Bộ Tài chính tiếp thu bộ quy định về thực phẩm tươi sống để tránh vướng mắc trong thực hiện.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>2. Tinh Gia Lai: Tại dòng thứ 6 khoản 1 Điều 5 Đề cương dự thảo Luật cần bổ sung cụm từ "... bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác nộp thuế theo phương pháp khấu trừ...".</p>	<p>2. Tinh Gia Lai: Đề nghị bổ sung cụm từ "và ở khâu nhập khẩu" tại khoản 1 Điều 5 của Luật thuế GTGT.</p>	<p>Việc bổ sung cụm từ "nộp thuế theo phương pháp khấu trừ" sẽ làm phức tạp cho việc thực hiện. Do vậy, Bộ Tài chính đề nghị giữ như quy định hiện hành.</p>
	<p>3. Tinh Nam Định: kiến nghị bỏ cụm từ "và ở khâu nhập khẩu" tại khoản 1 Điều 5 của Luật thuế GTGT.</p>	<p>Thuế GTGT là sắc thuế thu trên giá trị gia tăng của cả hàng hóa nhập khẩu và sản xuất trong nước nhằm bảo đảm nguyên tắc không phân biệt đối xử của WTO vì vậy, việc bỏ cụm từ "và ở khâu nhập khẩu" là không phù hợp.</p>	<p>Thuế GTGT là sắc thuế thu trên giá trị gia tăng của cả hàng hóa nhập khẩu và sản xuất trong nước nhằm bảo đảm nguyên tắc không phân biệt đối xử của WTO vì vậy, việc bỏ cụm từ "và ở khâu nhập khẩu" là không phù hợp.</p>
	<p>4. Tinh Đắk Lắk: Đề nghị bổ sung Điều 5 quy định về các đối tượng không chịu thuế theo định hướng: "Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường do doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại." Lý do: Đề thuế GTGT đầu vào của trường hợp trên được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh, hiện nay đang quy định là được khấu trừ nên có nhiều doanh nghiệp phát sinh số thuế được khấu trừ ngày càng lớn mà không được hoàn thuế.</p>	<p>Nếu quy định "Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường do doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại" thuộc đối tượng không chịu thuế thì doanh nghiệp sẽ không được khấu trừ thuế GTGT, khi đó sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp.</p>	<p>Nếu quy định "Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường do doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại" thuộc đối tượng không chịu thuế thì doanh nghiệp sẽ không được khấu trừ thuế GTGT, khi đó sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp.</p>
	<p>5. Tinh Bạc Liêu: bổ sung quy định rõ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi thuộc sản phẩm chế biến hoặc sản phẩm sơ chế thông thường được xác định căn cứ trên các quy định pháp lý nào</p>		<p>Các cụm từ "chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường", "chưa qua chế biến" đã được quy định tại Luật thuế GTGT hiện hành và các</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>để áp dụng thống nhất theo quy định tại Khoản 1. Điều 5 hay tại điểm d Khoản 2 Điều 8 Đề cương dự thảo.</p> <p>6. Thành phố Cần Thơ: Đề nghị bổ sung đối tượng không chịu thuế là hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.</p> <p>Cần xem xét trường hợp nếu Người nộp thuế không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT nhưng được khấu trừ thuế GTGT đầu vào sẽ dẫn đến trường hợp nếu chi kinh doanh hàng hóa không chịu thuế thì sẽ có số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ rất lớn nhưng Người nộp thuế này có được hoàn thuế hay không? Nếu Người nộp thuế này không được hoàn thuế hoặc không có thuế GTGT đầu ra thì sẽ bị tồn thuế GTGT đầu vào gây tồn đọng vốn của Người nộp thuế.</p>	<p>văn bản dưới Luật đã có quy định cụ thể về khái niệm của các cụm từ này theo pháp luật chuyên ngành, do vậy, Bộ Tài chính đề nghị giữ như quy định hiện hành.</p>
	<p>2. Sản phẩm là giống vật nuôi, giống cây trồng, bao gồm trứng giống, con giống, cây giống, hạt giống, tinh dịch, phôi, vật liệu di truyền.</p>	<p>1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Khoản 2 Điều 5: đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi thành “Sản phẩm là giống cây trồng, vật liệu nhân giống cây trồng, giống vật nuôi bao gồm trứng giống, con giống, tinh dịch, phôi, vật liệu di truyền”, đề thống nhất về từ ngữ được quy định trong khoản 5, khoản 6 Điều 2 của Luật trồng trọt.</p>	<p>Đã tiếp thu tại dự thảo Luật.</p>
	<p>3. Tươi, tiêu nước: cây, bừa đất, gạo vét kénh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp; dịch vụ thu hoạch, sản phẩm</p>	<p>1. Tỉnh Trà Vinh: Tại khoản 3 Điều 5, đề nghị sửa lại như sau: “3. Hoạt động tươi, tiêu nước: cây, bừa đất, gạo vét kénh, mương nội đồng</p>	<p>Luật thuế GTGT hiện hành quy định hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế, “hoạt động tươi” là “dịch vụ tươi” do vậy,</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	nông nghiệp.	<p>phục vụ sản xuất nông nghiệp; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp.”</p>	<p>không cần thiết phải bổ sung như ý kiến tham gia.</p>
	<p>2. Thành phố Cần Thơ: Đề nghị điều chỉnh khoản 3 Điều 5 thành nội dung như sau: “3. <i>Dịch vụ tưới, tiêu nước; cây, bừa đất, đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp</i>” và bỏ điểm c khoản 2 Điều 8.</p> <p>Đồng thời đề nghị làm rõ nội dung tại khoản 3 Điều 5 và điểm c khoản 2 Điều 8 đối với hoạt động: <i>Tưới, tiêu nước; Cây, bừa đất, nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp</i> do đối tượng không chịu thuế tại khoản 3 Điều 5 “3... cây, bừa đất; nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp” trùng với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 “c) Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp”.</p>	<p>2. Thành phố Cần Thơ: Đề nghị điều chỉnh khoản 3 Điều 5 thành nội dung như sau: “3. <i>Dịch vụ tưới, tiêu nước; cây, bừa đất, đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp</i>” và bỏ điểm c khoản 2 Điều 8.</p>	<p>- Luật thuế GTGT quy định hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT do vậy, không cần thiết phải bổ sung thêm từ “dịch vụ”.</p> <p>- Trong thực tế thực hiện việc xác định thuế nào là kênh, mương, ao hồ nội đồng cũng phát sinh vướng mắc. Mặt khác, cùng là một hoạt động, nạo vét nhưng lại áp dụng chính sách thuế chưa đồng bộ. Do vậy, Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến theo hướng chuyển dịch vụ “nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp” từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang đối tượng áp dụng thuế suất GTGT 5%.</p>
	<p>3. Hội tư vấn thuế Việt Nam: Đối với quy định “<i>Tưới, tiêu nước; cây, bừa đất; nạo vét kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp</i>” chưa phản ánh được hết thực tế các sản xuất nông nghiệp hiện nay như cuộc, đào hồ trồng cây, đào kênh mương, đắp bờ (thu công hoặc máy), các dịch vụ trực tiếp phục vụ nông</p>	<p>3. Hội tư vấn thuế Việt Nam: Đối với quy định “<i>Tưới, tiêu nước; cây, bừa đất; nạo vét kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp</i>” chưa phản ánh được hết thực tế các sản xuất nông nghiệp hiện nay như cuộc, đào hồ trồng cây, đào kênh mương, đắp bờ (thu công hoặc máy), các dịch vụ trực tiếp phục vụ nông</p>	<p>Thực tế thực hiện không có ý kiến bổ sung thêm các dịch vụ phục vụ nông nghiệp từ bộ ngành và doanh nghiệp. Do vậy đề nghị giữ như quy định hiện hành.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>nghiệp khác, ngoài ra đối với kênh mương nội đồng cũng cần nghiên cứu, bổ sung cho phù hợp.</p>	
	<p>3a. Phân bón: máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ; thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác.</p>	<p>1. Tỉnh Ninh Thuận: Kiến nghị điều chỉnh khoản 3a Điều 5 dự thảo Luật để phù hợp với quy định tại Điều 17 Nghị quyết số 351/2017/QĐ-UBTVQH14 quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội; Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chủ tịch nước.</p> <p>2. Tỉnh Trà Vinh: Đề nghị bỏ khoản “3a” và gộp chung nội dung này vào khoản 3, do khoản 3 không chỉ có 3a mà không có 3b....</p> <p>3. Tỉnh Thanh Hóa: Đề nghị giữ lại các nhóm hàng máy móc, thiết bị chuyên dùng cho nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ vì nhóm hàng này có giá trị lớn, tạo tài sản và thường phục vụ cho các đơn vị nông ngư nghiệp.</p>	<p>Tiếp thu ở bước xây dựng nội dung cụ thể của dự thảo Luật.</p>
		<p>4. Thành phố Hải Phòng: Chuyển mặt hàng thức ăn chăn nuôi và phụ gia sản xuất thức ăn chăn nuôi từ đối tượng không chịu thuế GTGT</p>	<p>Đã giải trình ở phần trên.</p> <p>Việc quy định máy móc, thiết bị chuyên dùng cho nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT nhằm giảm áp lực về dòng tiền cho doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh phục vụ ngành nông nghiệp, tuy nhiên, với quy định này thì máy móc thiết bị sản xuất trong nước sẽ không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào dẫn đến giảm sức cạnh tranh so với hàng nhập khẩu. Do vậy, cần thiết sửa đổi quy định này.</p> <p>Quy định mặt hàng thức ăn chăn nuôi và phụ gia sản xuất thức ăn chăn nuôi thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT nhằm</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>sang chịu thuế GTGT với thuế suất 5% do doanh nghiệp gặp bất lợi do phần lớn chi phí đầu vào áp dụng mức thuế GTGT 10%. Khi chuyển sang đối tượng không chịu thuế GTGT thì chịu cạnh tranh rất lớn từ hàng nhập khẩu.</p>	<p>mục tiêu giảm giá bán của các sản phẩm này và giảm thủ tục kê khai nộp thuế. Trong quá trình thực hiện, doanh nghiệp và các Bộ có liên quan không có ý kiến đề nghị sửa quy định này. Do vậy, Bộ Tài chính đề nghị giữ như quy định hiện hành.</p>
	<p>5. Thành phố Cần Thơ: Đề nghị giữ mặt hàng "Phân bón" thuộc đối tượng không chịu thuế.</p> <p>Nguyên nhân: Thực tế nếu đưa phân bón vào nhóm hàng hóa chịu thuế GTGT, trước mắt là giải quyết được khó khăn của các doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh mặt hàng phân bón như Dự thảo Báo cáo đã đánh giá. Nhưng ngược lại những người làm nông nghiệp, những người trực tiếp sản xuất nông nghiệp và nông dân sẽ gặp khó khăn. Vì khi đưa phân bón vào đối tượng chịu thuế thì giá thành của phân bón sẽ tăng làm tăng chi phí, tăng giá thành, giảm lợi nhuận trong sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng đến đời sống của người nông dân.</p>	<p>Trong thời gian qua, có rất nhiều ý kiến đề nghị chuyển mặt hàng phân bón sang đối tượng chịu thuế để tăng sức cạnh tranh của hàng sản xuất trong nước.</p> <p>Lãnh đạo Chính phủ đã có nhiều chỉ đạo đề thảo gỡ vướng mắc về thuế suất thuế GTGT cho phân bón nhằm hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp phân bón (các Thông báo: số 80/TB-VPCP ngày 18/6/2020, số 131/TB-VPCP ngày 11/11/2021, số 142/TB-VPCP ngày 17/12/2021; các văn bản số 1860/VPCP-KTTH ngày 11/7/2020, số 2505/VPCP-KTTH ngày 16/9/2020 và số 8405/VPCP-KTTH ngày 07/10/2020, số 1001/VPCP-KTTH ngày 08/4/2022).</p>	<p>Do vậy, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các bộ chuyên ngành đánh giá kỹ lưỡng trong giai đoạn xây dựng Luật thuế GTGT sửa đổi.</p>
	<p>Còn trong dự thảo Báo cáo đánh giá nếu đưa phân bón vào đối tượng chịu thuế thì giá thành của phân bón sẽ giảm, do được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Đó là trên lý thuyết, còn thực tế ít có trường hợp hàng hóa từ không chịu thuế GTGT đưa lên nhóm hàng hóa chịu thuế GTGT với thuế suất 5% mà giá bán trên thị trường không tăng.</p>		

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>6. Hiệp hội phân bón: Sửa đổi quy định về thuế GTGT đối với phân bón cho phù hợp.</p>	<p>Đã giải trình ở phần trên.</p>
		<p>7. Tập đoàn hóa chất Việt Nam: Tại khoản 4, điều 4 Nghị định số 122/2016/NĐ-CP, ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định “các mặt hàng phân bón sản xuất trong nước thuộc nhóm 31.01, 31.02, 31.03, 31.04, 31.05 mà có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành trở lên áp dụng mức thuế xuất khẩu là 5%”. Nhằm đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật, phù hợp với việc sửa đổi, bổ sung quy định tại điều 5 Luật thuế GTGT về đối tượng chịu thuế, kinh đề nghị Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ sửa đổi Nghị định 122/2016/NĐ-CP nêu trên theo hướng bãi bỏ khoản 4, điều 4 của Nghị định. Bộ khoản 3a, Điều 5. Khoản 23 Điều 5. Bộ sung nội dung khoản 3a Điều 5 đã xóa vào Khoản 1 mức thuế suất 0%.</p>	<p>Ý kiến đề nghị sửa Nghị định số 122/2016/NĐ-CP là văn bản quy định về mức thuế suất thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ưu đãi không thuộc phạm vi của dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi).</p>
		<p>8. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Để giảm áp lực cho nông dân trong bối cảnh dịch bệnh và giá phân bón tăng cao, giá nông thủy sản thấp trong thời gian qua, đề nghị Bộ Tài chính cân đánh giá kỹ tác động đối với người nông dân và cân nhắc mức thuế suất thuế GTGT phù hợp với phân bón: máy móc, thiết bị chuyên dùng cho nông nghiệp; tàu đánh bắt</p>	<p>Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các bộ chuyên ngành đánh giá kỹ lưỡng trong giai đoạn xây dựng Luật thuế GTGT (sửa đổi).</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>9. Bộ Công thương: Kiến nghị chuyển phân bón sang đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 5%.</p>	<p>Đã tiếp thu tại dự thảo Luật.</p>
		<p>10. Thành phố Hồ Chí Minh: Về cơ bản, thống nhất mặt hàng phân bón thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, phân bón là đầu vào của hoạt động sản xuất nông nghiệp nên khi phân bón chịu thuế GTGT thì ít nhiều ảnh hưởng đến giá tiêu thụ của sản phẩm nông nghiệp (đầu ra không chịu thuế nên không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với phân bón). Kiến nghị Bộ Tài chính cân nhắc nội dung này.</p>	<p>Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các Bộ chuyên ngành đánh giá kỹ lưỡng trong giai đoạn xây dựng Luật thuế GTGT (sửa đổi).</p>
		<p>Kiến nghị quy định cụ thể danh mục “máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ; thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác” kèm theo hoặc giao cho cơ quan chuyên ngành ban hành danh mục.</p>	
	<p>4. Sản phẩm muối được sản xuất từ nước biển, muối mỏ tự nhiên, muối tinh, muối i-ốt mà thành phần chính là Na-tri-clo-rua (NaCl).</p>		
	<p>5. Nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do Nhà nước bán cho người đang thuê.</p>	<p>1. Hội tư vấn thuế Việt Nam: Đối với “Nhà ở thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê” nội dung này cần có nghiên cứu tổng kết.</p>	<p>Trong thực tế thực hiện không nhận được phản ánh vướng mắc đối với quy định này. Do vậy, Bộ Tài chính đề nghị giữ như quy</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>6. Chuyển quyền sử dụng đất.</p>	<p>dành giá để để xuất sửa đổi cho phù hợp vì đến nay đối tượng này có thể còn rất nhỏ và về nguyên tắc sau khi người được mua có thể tiếp tục bán nhà được mua và khi đó phải chịu GTGT.</p>	<p>định hiện hành.</p>
	<p>6. Chuyển quyền sử dụng đất.</p>	<p>1. Thành phố Hải Phòng: Thuế GTGT đối với hoạt động chuyển quyền sử dụng đất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT tại khoản 6 Điều 5 Luật và Khoản 1 Điều 7 Luật dẫn đến việc hiểu và áp dụng thuế GTGT đối với hoạt động này chưa đồng bộ, nhất quán. Đề nghị chuyển hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền thuê đất thuộc đối tượng chịu thuế GTGT trừ HĐ chuyển nhượng đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, HĐ chuyển nhượng đất ở thuộc quyền sử dụng của các cá nhân, hộ gia đình thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.</p> <p>2. Tỉnh Đắk Lắk: Đề nghị sửa đổi khoản 6 Điều 5 quy định về các đối tượng không chịu thuế theo định hướng: “6. Chuyển quyền sử dụng đất” thành “6. Cá nhân chuyển quyền sử dụng đất”. Lý do: Dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi quy định chưa cụ thể đối tượng chuyển quyền sử dụng đất thuộc hợp không phải chịu thuế GTGT và đối tượng kinh doanh bất động sản phải nộp thuế GTGT (trong trường hợp bất động sản là đất đai). Đồng thời, đề phân biệt với quy định tại điểm h khoản 1 Điều 7: “h)</p>	<p>Việc quy định không thu thuế GTGT đối với chuyển nhượng đất theo mục đích sử dụng của đất sẽ phức tạp trong thực hiện. Vương, mặc phát sinh liên quan đến quy định về xác định giá tính thuế đối với chuyển nhượng bất động sản và nội dung này đã được đưa vào nhóm chính sách dự kiến sẽ nghiên cứu sửa đổi. Bộ Tài chính đề nghị giữ như quy định hiện hành.</p>
	<p>6. Chuyển quyền sử dụng đất.</p>	<p>2. Tỉnh Đắk Lắk: Đề nghị sửa đổi khoản 6 Điều 5 quy định về các đối tượng không chịu thuế theo định hướng: “6. Chuyển quyền sử dụng đất” thành “6. Cá nhân chuyển quyền sử dụng đất”. Lý do: Dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi quy định chưa cụ thể đối tượng chuyển quyền sử dụng đất thuộc hợp không phải chịu thuế GTGT và đối tượng kinh doanh bất động sản phải nộp thuế GTGT (trong trường hợp bất động sản là đất đai). Đồng thời, đề phân biệt với quy định tại điểm h khoản 1 Điều 7: “h)</p>	<p>Đã giải trình ở phần trên.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>7. Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm người học, các dịch vụ bảo hiểm khác liên quan đến con người; bảo hiểm vật nuôi, bảo hiểm cây trồng, các dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp khác; bảo hiểm tàu, thuyền, trang thiết bị và các dụng cụ cần thiết khác phục vụ trực tiếp đánh bắt thủy sản; tái bảo hiểm.</p>	<p>Đòi với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế giá trị gia tăng, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuế đất phải nộp ngân sách nhà nước.”</p> <p>3. Tình Bình Định: Hiện nay, tại Nghị định, Thông tư đều hướng dẫn tính thuế đối với Quyền sử dụng đất do vậy cần nêu quy định có tính nguyên tắc là khi nào “Quyền sử dụng đất” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.</p>	<p>Đã giải trình ở phần trên.</p>
	<p>8. Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, kinh doanh chứng khoán sau đây:</p> <p>a) Dịch vụ cấp tín dụng bao gồm: cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác; bảo lãnh; cho thuê tài chính; phát hành thẻ tín dụng; bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế; hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật;</p>	<p>1. Hiệp hội Ngân hàng: xem xét bỏ sung quy định vào Điểm a Khoản 8 Điều 5: “Thư tín dụng (trong trường hợp tổ chức tín dụng phải thực hiện nghĩa vụ thay khách hàng từ nguồn tài chính của tổ chức tín dụng)” thuộc dịch vụ cấp tín dụng và do đó thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.</p>	<p>Việc xác định dịch vụ nào thuộc dịch vụ cấp tín dụng không thuộc phạm vi của dự thảo luật thuế GTGT sửa đổi mà thuộc phạm vi của pháp luật ngân hàng. Do vậy, Bộ Tài chính đề nghị giữ như quy định hiện hành</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
b)	<p>Dịch vụ cho vay của người nộp thuế không phải là tổ chức tín dụng;</p>	<p>1. Hiệp hội Ngân hàng: Ngoài ra đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung điều khoản trên nghiệp vụ "mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp" thuộc đối tượng không chịu thuế trong Luật thuế GTGT, do tại Khoản 11 Điều 3 Thông tư 22/2019/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước đã quy định rõ hoạt động trên là các hình thức cấp tín dụng.</p>	<p>- Việc xác định dịch vụ nào thuộc dịch vụ cấp tín dụng không thuộc phạm vi của dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi) mà thuộc phạm vi của pháp luật ngân hàng. Do vậy, Bộ Tài chính đề nghị giữ như quy định hiện hành.</p>
c)	<p>Kinh doanh chứng khoán bao gồm: môi giới chứng khoán; tư doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký chứng khoán; quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; dịch vụ tổ chức thi trường của sở giao dịch chứng khoán hoặc trung tâm giao dịch chứng khoán; hoạt động kinh doanh chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán;</p>	<p>- Bổ sung điểm c Khoản 8 Điều 5 trên các nghiệp vụ "tư vấn phát hành chứng khoán, đại lý phát hành và đại lý lưu ký chứng khoán" thuộc dịch vụ kinh doanh chứng khoán và đó đó thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT trong Luật thuế GTGT để thống nhất với nội dung hướng dẫn của UBCK tại công văn số 6440/UBCK-PTTT ngày 13/10/2015: "Theo quy định tại Khoản 14 Điều 1 Luật chứng khoán sửa đổi, công ty chứng khoán được cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính. Hoạt động tư vấn phát hành, đại lý phát hành và đại lý lưu ký trái phiếu đã được quy định theo các văn bản pháp luật về chứng khoán, do vậy các hoạt động này thuộc hoạt động kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán theo quy định tại điểm c Khoản 8 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC".</p>	<p>- Việc xác định dịch vụ nào thuộc dịch vụ kinh doanh chứng khoán không thuộc phạm vi của dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi) mà thuộc phạm vi của pháp luật ngân hàng. Do vậy, Bộ Tài chính đề nghị giữ như quy định hiện hành.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>d) Chuyển nhượng vốn bao gồm: chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã đầu tư, kể cả trường hợp bán doanh nghiệp cho doanh nghiệp khác để sản xuất, kinh doanh, chuyển nhượng chứng khoán; hình thức chuyển nhượng vốn khác theo quy định của pháp luật;</p>	<p>1. Tinh Hà Nam: Sửa đổi, bổ sung về đối tượng chịu thuế là “Chuyển nhượng dự án đầu tư”, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển nhượng dự án đầu tư đã đi vào hoạt động được xác định là chuyển nhượng tài sản thuộc diện nộp thuế GTGT; - Chuyển nhượng dự án xây nhà để bán thì áp dụng chính sách thuế như hoạt động kinh doanh bất động sản. Tô chức chuyển nhượng phải xuất hoá đơn, tính thuế GTGT, giá tính thuế là giá chuyển nhượng bất động sản trừ (-) giá đất được trừ để tính thuế GTGT. - Trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động để sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, hợp tác xã thì thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT. Lý do: Việc quy định chuyển nhượng dự án đầu tư không chịu thuế dẫn đến làm tăng thù tục khi nộp thuế thực hiện chuyển nhượng dự án đầu tư cũng như gây khó khăn trong việc quản lý. 2. Hội tư vấn thuế Việt Nam: đề nghị cân nhắc, nghiên cứu kỹ hơn về bổ sung “Hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản” vào đối tượng không chịu thuế. Lý do: Trong dự thảo Tờ trình chưa có đánh giá, phân tích cụ thể các vướng mắc thực tế phát sinh mà doanh nghiệp, cơ quan thuế có vướng mắc và tại dự 	<p>Thực tế trong quá trình thực hiện, doanh nghiệp và cơ quan thuế gặp vướng mắc khi xác định nghĩa vụ thuế đối với hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản. Bộ Tài chính thấy rằng, hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư và bán tài sản thì số vốn đầu tư tại doanh nghiệp chuyển nhượng không thay đổi. Đối với hoạt động chuyển nhượng vốn thì số vốn đầu tư của cá nhân, tổ chức sẽ thay đổi (tài sản của doanh nghiệp không thay đổi).</p> <p>Do vậy, Bộ Tài chính hoàn thiện định hướng sửa đổi theo hướng bỏ sung quy định loại trừ “hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản” ra khỏi “chuyển nhượng vốn thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT”.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p style="text-align: center;">Ý KIẾN THAM GIA</p> <p>thảo Báo cáo Tổng kết, đánh giá thực hiện Luật thuế GTGT; theo quy định về chuyển nhượng vốn của Luật doanh nghiệp và quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT của Luật thuế GTGT hiện hành thì không có khai niệm, nội dung về Chuyển nhượng dự án đầu tư và bán tài sản trong chuyển nhượng vốn, lập luận để đưa vào đối tượng không chịu thuế GTGT là chưa có căn cứ, không thuyết phục và cũng chưa có đánh giá tác động cụ thể của việc bổ sung đối tượng không chịu thuế đối với các hoạt động này.</p>	<p style="text-align: center;">Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH</p>
	<p>3. Công ty PWC: Theo quy định hiện hành, hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT không thuộc đối tượng phải kê khai và tính nộp thuế GTGT. Tuy nhiên, hiện chưa có định nghĩa rõ ràng thế nào là chuyển nhượng dự án. Ví dụ, nếu dự án đã hoàn tất giai đoạn đầu tư và đã đi vào hoạt động, tức tạo ra doanh thu, liệu rằng việc chuyển nhượng dự án đó có đủ điều kiện áp dụng theo quy định của luật thuế GTGT. Ngoài ra, cũng không có hướng dẫn về việc áp dụng thuế GTGT cho trường hợp chuyển nhượng dự án được dùng để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT, vừa dùng để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT.</p>	<p>Đã giải trình ở trên.</p>
	<p>Theo đó, quý cơ quan nên cân nhắc việc quy định rõ định nghĩa "chuyển nhượng dự án" để</p>	

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>tạo cơ chế minh bạch, rõ ràng về cơ quan thuế địa phương có thể áp dụng thông nhất khi xử lý hồ sơ liên quan tới áp dụng thuế GTGT cho chuyển nhượng dự án.</p>	
	<p>4. Thành phố Hồ Chí Minh: Đề <u>thông nhất</u> với pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) kiến nghị quy định “trường hợp doanh nghiệp bán toàn bộ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản” thì kê khai và nộp thuế TNDN theo hoạt động chuyển nhượng bất động sản, tính thuế GTGT đối với bất động sản.</p>	<p>Nội dung kiến nghị đã có trong đề nghị xây dựng Luật.</p>	<p>Nội dung kiến nghị đã có trong đề nghị xây dựng Luật.</p>
	<p>VBI: Các hoạt động mua bán khoản phải trả/khoản phải thu diễn ra ngày càng phổ biến do nhu cầu tài cấu trúc doanh nghiệp. Đặc biệt trong trường hợp mua bán doanh nghiệp bao gồm cả các khoản nợ phải trả các khoản phải thu. Theo đó đề nghị sửa đổi, bổ sung đòi tượng không chịu thuế Bán nợ bao gồm bán khoản phải trả và khoản phải thu của các cơ sở kinh doanh.</p>	<p>VBI: Các hoạt động mua bán khoản phải trả/khoản phải thu diễn ra ngày càng phổ biến do nhu cầu tài cấu trúc doanh nghiệp. Đặc biệt trong trường hợp mua bán doanh nghiệp bao gồm cả các khoản nợ phải trả các khoản phải thu. Theo đó đề nghị sửa đổi, bổ sung đòi tượng không chịu thuế Bán nợ bao gồm bán khoản phải trả và khoản phải thu của các cơ sở kinh doanh.</p>	<p>Luật thuế GTGT hiện hành quy định “<i>Bán nợ</i>” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Thực tế, các hoạt động mua bán khoản phải trả/khoản phải thu diễn ra ngày càng phổ biến do nhu cầu tài cấu trúc doanh nghiệp. Đặc biệt trong trường hợp mua bán doanh nghiệp bao gồm cả các khoản nợ phải trả các khoản phải thu. Do vậy, đề quy định rõ ràng, tránh vướng mắc trong thực hiện. Bộ Tài chính tiếp thu đề hoàn chỉnh dự thảo.</p>
	<p>c) Kinh doanh ngoại tệ:</p>		
	<p>g) Dịch vụ tài chính phải sinh bao gồm: hoán đổi lãi suất; hợp đồng kỳ hạn; hợp</p>		

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>đồng tương lai; quyền chọn mua, bán ngoại tệ; dịch vụ tài chính phái sinh khác theo quy định của pháp luật:</p>		
	<p>h) Bản tài sản bảo đảm của khoản nợ của tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng Việt Nam.</p>	<p>1. Hiệp hội ngân hàng: Theo Điểm a Khoản 8 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng thì: "<i>Bản tài sản bảo đảm tiền vay do tổ chức tín dụng hoặc do cơ quan thi hành án hoặc bên đi vay vốn tự bán tài sản bảo đảm theo ủy quyền của bên cho vay để trả nợ khoản vay có bảo đảm</i>" cũng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.</p> <p>Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét sửa đổi, bổ sung quy định trên và <i>Bản tài sản bảo đảm của khoản nợ, các dịch vụ tư vấn, môi giới mua, bán nợ và tài sản, phí đăng ký thành viên do các tổ chức, cá nhân nộp khi đăng ký là thành viên của Sàn giao dịch nợ VAMC của tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng Việt Nam</i>... thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.</p>	<p>Về đề nghị bổ sung thêm quy định đối tượng không chịu thuế đối với <i>Bản tài sản bảo đảm của khoản nợ, các dịch vụ tư vấn, môi giới mua, bán nợ</i>... là không phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về việc thu hẹp đối tượng không chịu thuế.</p>
	<p>9. Dịch vụ y tế, dịch vụ thú y, bao gồm dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh cho người và vật nuôi; dịch vụ chăm</p>		

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
sóc người cao tuổi, người khuyết tật.		<p>Ý KIẾN THAM GIA</p> <p>1. Bộ Thông tin và Truyền thông: Đối với dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích đề nghị vẫn giữ nguyên mức thuế suất 0% như hiện nay vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đây là những dịch vụ mà việc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ này theo cơ chế thị trường khó có khả năng bù đắp chi phí, có tính chất đặc thù; + Đối với dịch vụ bưu chính công ích, giá dịch vụ bưu chính công ích do nhà nước ấn định với mức giá thấp để người nghèo, người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế khó khăn vẫn có thể tiếp cận được dịch vụ. Hiện nay, ngân sách nhà nước không trợ giá phần chênh lệch chi phí. Tổng công ty Bưu điện Việt Nam đang phải tự bù đắp phần chi phí cho thiếu hụt từ dịch vụ bưu chính công ích. Do đó, đề nghị giữ nguyên mức thuế suất 0% như hiện nay để thúc đẩy doanh nghiệp duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ công ích; + Đối với dịch vụ viễn thông công ích, việc triển khai cung cấp dịch vụ là từ nguồn quỹ ngoài ngân sách, từ phần đóng của chính doanh nghiệp viễn thông, tính theo tỷ lệ doanh thu của do các doanh nghiệp viễn thông. Việc tính thuế suất 0% như hiện nay sẽ khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ để thu hẹp khoảng cách số và doanh nghiệp viễn thông tích cực, chủ động tham gia cung ứng dịch vụ tại vùng sâu, 	<p>Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH</p> <p>Hiện nay, các dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích đều có nhiều thành phần kinh tế tham gia nên việc duy trì nhóm dịch vụ này thuộc đối tượng không chịu thuế là không còn phù hợp. Việc áp dụng thuế suất 10% đối với các dịch vụ này thì doanh nghiệp sẽ được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh. Đây là bước lập đề nghị xây dựng luật, dự thảo đề cương mới chi đề cập định hướng sửa đổi, chưa thể đánh giá tác động chi tiết. Do đó, Bộ Tài chính đề nghị giữ như nội dung gửi lấy ý kiến.</p>
10. Dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và In-ter-net phổ cập theo chương trình của Chính phủ.			

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>Vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Do đó, đề nghị cũng giữ nguyên mức thuế suất 0% như hiện nay.</p> <p>2. Thành phố Hồ Chí Minh: những hoạt động phục vụ công cộng do ngân sách nhà nước chi trả, kiến nghị giữ nguyên thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.</p>	
	<p>11. Dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng; dịch vụ tang lễ.</p> <p>12. Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội.</p>	<p>1. Bộ Giao thông vận tải: Đề nghị có quy định hướng dẫn đối với thuế GTGT dự án đầu tư, sửa chữa, xây dựng công trình bằng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nguồn vốn ngân sách nhà nước: bao gồm cả trường hợp sử dụng toàn bộ ngân sách nhà nước và một phần ngân sách nhà nước. + Nguồn vốn ngoài nhà nước đầu tư, xây dựng công trình sau đó bàn giao cho nhà nước, xác lập sở hữu toàn dân (như dự án đầu tư theo phương thức PPP, loại hợp đồng BOT, BTI,....). <p>2. Thành phố Hồ Chí Minh: Những hoạt động phục vụ công cộng (không thu tiền) để khuyến khích tổ chức cá nhân tham gia đóng góp cho lợi ích chung của xã hội kiến nghị giữ nguyên thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.</p>	<p>Đối với các dự án đầu tư theo phương thức hợp tác công tư (hợp đồng BOT, BTI,...) là hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đầu tư dự án nên thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo quy định. Trường hợp không chịu thuế GTGT thì doanh nghiệp sẽ không được khấu trừ/hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư. Do vậy, đề nghị giữ như quy định hiện hành. Trường hợp nhà nước đầu tư thì NSNN sẽ tính đủ phần thuế GTGT của công trình.</p>
		<p>Đề nghị bổ sung thêm đối tượng là các công</p>	<p>Tại khoản 12 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định "12. Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>trình tin ngưỡng, công trình tôn giáo theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.</p> <p>(Đề xuất sửa thành: 12. Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật; công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo; công trình phục vụ công cộng; cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội.)</p>	<p>Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH <i>cho đối tượng chính sách xã hội.</i>” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.</p> <p>Theo đó, quy định nêu trên đã bao quát các công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo mà được xác nhận là công trình văn hóa, công trình phục vụ công cộng. Do đó, Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên như nội dung gửi lấy ý kiến.</p>
<p>13. Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật.</p>	<p>1. Bộ Ngoại giao: Đề nghị làm rõ nội dung sửa đổi liên quan đến dịch vụ dạy học, dạy nghề, dịch vụ cho thuê tài chính.</p> <p>2. Thành phố Hồ Chí Minh: Kiến nghị Chính phủ quy định cụ thể nội dung này.</p>	<p>Để khuyến khích các hoạt động này và giảm chi phí cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên Bộ Tài chính tiếp thu theo hướng bỏ sung quy định dịch vụ đi kèm hoạt động dạy học, dạy nghề cũng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT và giao Chính phủ quy định chi tiết các dịch vụ này để hỗ trợ trẻ mầm non, học sinh, sinh viên, học viên khi tham gia học tập, học nghề.</p>	
<p>14. Phát sóng truyền thanh, truyền hình bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.</p>	<p>15. Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học - kỹ thuật, sách</p>	<p>1. Bộ Thông tin và Truyền thông: đề nghị sửa đổi, bổ sung thành: “Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin, đặc san, sách chính trị, ...” vì Luật báo chí 2016 không có quy</p>	<p>Bộ Tài chính xin tiếp thu đề đảm bảo đồng bộ với Luật báo chí.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cô động, kê cả dưới dạng băng hoặc đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử, tiền, in tiền.</p>	<p>định về “bản tin chuyên ngành”; “đặc san” là sản phẩm thông tin có tính chất báo chí tương tự như bản tin, được quy định tại khoản 17 Điều 3 Luật này.</p>	<p>Thực hiện chủ trương khuyến khích người dân di chuyển bằng phương tiện công cộng để giải quyết ùn ắc giao thông, giảm ô nhiễm môi trường do khí thải xe cơ giới tại các thành phố lớn. Do đó, Bộ Tài chính đề nghị giữ như Luật hiện hành.</p>
	<p>16. Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, xe điện.</p>	<p>1. Tỉnh Hòa Bình: Đề nghị bỏ sung giám sát đối tượng không chịu thuế đối nhóm đối tượng này.</p> <p>2. Thành phố Cần Thơ: Đề nghị bỏ sung nội dung tại khoản 16 Điều 5: “16. Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, xe điện, phương tiện đường thủy (ghe, tàu, thuyền, phà)” nguyên nhân vì các tỉnh miền Tây Nam Bộ, người dân đi lại bằng phương tiện đường thủy như ghe, tàu, thuyền, phà rất nhiều.</p>	<p>Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu tiếp thu khi triển khai bước xây dựng cụ thể nội dung dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi).</p>
	<p>17. Máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước chưa xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư thuộc loại trong nước chưa xuất được cần nhập khẩu để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí đốt; tàu hay, dàn khoan, tàu thủy thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài</p>		

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIAI TRÌNH
	<p>sản có định của doanh nghiệp hoặc thuế của nước ngoài để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, cho thuê, cho thuê lại.</p> <p>18. Vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh.</p>	<p>1. Bộ Quốc phòng: Luật thuế GTGT quy định vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT (khoản 18 Điều 5) chưa bao quát được hết các đối tượng là hàng hóa mua sắm để hình thành tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 64 Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, đây là các tài sản phục vụ cho công tác huấn luyện và chiến đấu của lực lượng vũ trang. Do vậy cần mở rộng đối tượng không chịu thuế GTGT là hàng hóa thuộc nhóm tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng bao gồm: Vũ khí, khí tài, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện đặc chủng, phương tiện chuyên dùng, trang bị kỹ thuật khác phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, nguyên liệu, vật liệu dùng sản xuất, sửa chữa sản phẩm quốc phòng, an ninh.</p>	<p>Thực tế nguyên liệu, vật liệu dùng sản xuất, sửa chữa sản phẩm quốc phòng, an ninh có thể dùng nhiều mục đích khác nhau nên rất khó để xác định theo mục đích sử dụng. Do vậy, đề nghị giữ như Luật hiện hành, trường hợp có thuế GTGT thì NSNN sẽ phi trả thuế.</p>
	<p>19. Hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân; quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam theo mức quy định của Chính phủ;</p>		

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>Đồ dùng của tổ chức, cả nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế.</p> <p>Hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cả nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam.</p>	<p>1. Bộ Giao thông vận tải: Đề nghị bổ sung cụm từ “trung chuyển” vào khoản 20 Điều 5 của dự thảo “20. Hàng hóa trung chuyển, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài; hàng hóa, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan với nhau.” Lý do, bổ sung cho phù hợp với hoạt động khai thác cảng biển khi thực hiện dịch vụ trung chuyển hàng hóa, đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.</p>	<p>Kiến nghị của đơn vị đã có trong định hướng sửa đổi.</p>
	<p>20. Hàng hóa chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài; hàng hóa, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan với nhau.</p>	<p>2. Bộ Công thương: Đề nghị đưa nội dung kiến nghị của hai Hiệp hội Dệt may Việt Nam và Hiệp hội Da – Giày Túi xách Việt Nam làm cơ sở lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế</p>	<p>Luật thuế GTGT hiện hành quy định 03 mức thuế suất là 0%, 5% và 10%, trong đó mức thuế suất 0% chỉ áp dụng đối với hàng hoá và dịch vụ xuất khẩu theo thông lệ</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>GTGT, cụ thể kiến nghị:</p> <p>“Theo khoản 20 Điều 5 Luật thuế GTGT, chi có nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Trong khi đó, doanh nghiệp mua nguyên liệu trong nước để sản xuất hàng xuất khẩu (như mặt hàng vải) chịu thuế GTGT là 10%, phải đóng thuế GTGT sẽ được hoàn thuế khi xuất khẩu. Quy định này có một số bất cập sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa khuyến khích mua và sử dụng nguyên liệu trong nước do doanh nghiệp phải bỏ một khoản tiền để đóng thuế GTGT sau khi xuất khẩu mới được hoàn thuế GTGT, theo đó một khoản tiền bị đọng vốn. - Chưa tạo thuận lợi hình thành chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp dệt may trong nước nhằm tăng tỷ lệ nội địa hóa và đáp ứng yêu cầu xuất cứ của sản phẩm may xuất khẩu theo các Hiệp định FTA đã ký như CPTPP, EVFTA... <p>Chưa bình đẳng đối với hai loại hình là mua nguyên liệu trong nước và nhập nguyên liệu với cùng mục đích để sản xuất hàng xuất khẩu.</p>	<p>GTGT, cụ thể kiến nghị:</p> <p>“Theo khoản 20 Điều 5 Luật thuế GTGT, chi có nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Trong khi đó, doanh nghiệp mua nguyên liệu trong nước để sản xuất hàng xuất khẩu (như mặt hàng vải) chịu thuế GTGT là 10%, phải đóng thuế GTGT sẽ được hoàn thuế khi xuất khẩu. Quy định này có một số bất cập sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa khuyến khích mua và sử dụng nguyên liệu trong nước do doanh nghiệp phải bỏ một khoản tiền để đóng thuế GTGT sau khi xuất khẩu mới được hoàn thuế GTGT, theo đó một khoản tiền bị đọng vốn. - Chưa tạo thuận lợi hình thành chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp dệt may trong nước nhằm tăng tỷ lệ nội địa hóa và đáp ứng yêu cầu xuất cứ của sản phẩm may xuất khẩu theo các Hiệp định FTA đã ký như CPTPP, EVFTA... <p>Chưa bình đẳng đối với hai loại hình là mua nguyên liệu trong nước và nhập nguyên liệu với cùng mục đích để sản xuất hàng xuất khẩu.</p>	<p>Quốc tế. Theo quy định hiện hành thì thuế suất thuế GTGT đối với mặt hàng vải là 10%. Doanh nghiệp trả thuế GTGT 10% khi mua vải trong nước, khi xuất khẩu sản phẩm được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào.</p> <p>Thuế GTGT là thuế gián thu thu theo hàng hóa, dịch vụ, và không có quy định ưu đãi riêng theo đối tượng doanh nghiệp. Đối tượng chịu thuế GTGT là hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam, trừ các hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Việc bỏ quy định nộp thuế GTGT đối với doanh nghiệp sử dụng vải trong nước để sản xuất xuất khẩu hoặc quy định đối tượng không chịu thuế GTGT đối với mặt hàng vải mua trong nước để sản xuất hàng xuất khẩu sẽ làm giảm tính liên hoàn của thuế GTGT do doanh nghiệp bán vải trong nước sẽ không được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào, và có thể làm tăng giá bán của mặt hàng vải, đồng thời chưa phù hợp với quy định của Luật thuế GTGT. Do vậy, đề nghị doanh nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành và doanh nghiệp xuất khẩu sẽ làm thủ tục hoàn thuế GTGT đầu vào của sản phẩm xuất khẩu.</p>
	<p>21. Chuyên giao công nghệ theo quy</p>	<p>1. Hiệp hội Ngán hàng: Đề nghị cơ quan soạn</p>	<p>Tiếp thu ý kiến tham gia của các đơn vị.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>định của Luật chuyên giao công nghệ; chuyên nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ; phần mềm máy tính.</p>	<p>thảo xem xét sửa cụ thể như sau: "21. <i>Chuyên giao công nghệ theo quy định của Luật chuyên nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ; sản phẩm phần mềm máy tính và dịch vụ phần mềm</i>." Sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm được quy định cụ thể tại Nghị định 71/2007/NĐ-CP ngày 3/5/2007 của Chính phủ. Phần mềm máy tính chỉ là một phần trong các sản phẩm phần mềm theo quy định hiện hành. Mục tiêu của cơ quan quản lý Nhà nước là khuyến khích phát triển ngành công nghiệp phần mềm trong đó có sản xuất sản phẩm phần mềm và cung ứng dịch vụ phần mềm, do đó, cần đưa cụ thể vào điều khoản của Luật cho chính xác.</p> <p>2. Thành phố Hồ Chí Minh: Kiến nghị Chính phủ quy định cụ thể nội dung này hoặc theo danh mục do cơ quan chuyên ngành ban hành đối với phần mềm máy tính.</p>	<p>Bộ Tài chính hoàn thiện dự thảo Luật theo hướng quy định rõ "Sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật" thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.</p>
	<p>22. Vàng nhập khẩu dạng thỏi, miếng chưa được chế tác thành sản phẩm mỹ nghệ, đồ trang sức hay sản phẩm khác.</p>		
	<p>23. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên. Khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản công với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành</p>	<p>1. Tỉnh Quảng Ngãi, Công ty Lộc hóa dầu Bình Sơn: Đề nghị sửa đổi thành: "... sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản công với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành phần trở lên, trừ các sản phẩm được</p>	<p>Do đây là bước lập đề nghị xây dựng Luật, dự thảo đề cương mới chỉ đề cập định hướng sửa đổi theo hướng ban hành Danh mục về sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác và Danh mục về sản phẩm</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
sản phẩm trở lên.	<p>chế biến từ dầu thô".</p> <p>2. Tỉnh Hà Tĩnh: Đối với sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản; tại Điểm 1.5. Phần II Báo cáo tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế GTGT hiện hành có phân tích rất rõ các vướng mắc về việc xác định sản phẩm xuất khẩu đã chế biến thành sản phẩm khác hay chưa chế biến thành sản phẩm khác và vướng mắc về xác định tỉ lệ 51% tại Điều 5. Đề cương dự thảo Luật đang dừng lại ở đề xuất sửa đổi chung cho toàn nhóm hàng hóa không chịu thuế.</p> <p>3. Tập đoàn hóa chất Việt Nam: Tại khoản 4, điều 4 Nghị định 122/2016/NĐ-CP, ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định "các mặt hàng phân bón sản xuất trong nước thuộc nhóm 31.01, 31.02, 31.03, 31.04, 31.05 mà có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành trở lên áp dụng mức thuế suất xuất khẩu là 5%". Nhằm đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật, phù hợp với việc sửa đổi, bổ sung quy định tại điều 5 Luật thuế GTGT và đối tượng chịu thuế, kinh đề nghị Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ sửa đổi Nghị định 122/2016/NĐ-CP nêu trên theo hướng bãi bỏ khoản 4, điều 4 của Nghị định. Bộ khoản 3a, Điều 5, Khoản 23 Điều 5, Bổ sung nội dung khoản 3a Điều 5 đã xóa vào Khoản 1 mức thuế suất 0%.</p>	<p>xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.</p> <p>Bộ Tài chính tiếp thu kiến nghị nêu trên đề phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu và đề xuất trong giai đoạn lấy ý kiến xây dựng Luật nếu đề nghị xây dựng Luật được thông qua.</p>	

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>4. Tỉnh Thanh Hóa: Đề nghị bỏ khoản 23. Điều 5 Luật thuế GTGT sửa đổi, đồng thời quy định rõ sản phẩm thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT với tỷ lệ do tỷ lệ trị giá tài nguyên. Khoảng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sp được xác định căn cứ vào quyết toán năm trước và tỷ lệ này được áp dụng ổn định không phản ánh chi phí sản xuất trong kỳ. Việc xác định là phức tạp, việc phối hợp giữa các cơ quan ban ngành còn hạn chế, khó phối hợp.</p> <p>5. Hiệp hội phân bón: Đối với vươngung mắc xác định mức tỷ lệ 51%: nghiên cứu sửa đổi quy định về sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản cho phù hợp.</p> <p>6. Bộ Ngoại giao: Đề nghị làm rõ vươngung mắc và giải pháp đối với sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến.</p> <p>7. Tỉnh Bình Định: Cần quy định cụ thể thế nào là "tài nguyên khoáng sản chưa chế biến thành sản phẩm khác" do cơ quan chức năng tại địa phương không xác nhận tài nguyên khoáng sản đã chế biến thành "sản phẩm khác" cho doanh nghiệp</p> <p>8. Thành phố Hồ Chí Minh: Kiến nghị giao cơ quan chuyên ngành xác định tỷ lệ tài nguyên, khoáng sản cấu thành đối với sản phẩm này do cơ quan thuế không có chuyên môn trong lĩnh vực này.</p>		

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>24. Sản phẩm nhân tạo dùng để thay thế cho bộ phận cơ thể của người bệnh; nặng, xe lăn và dụng cụ chuyên dùng khác cho người tàn tật.</p>	<p>1. Tỉnh Quảng Trị: Đề nghị bỏ khoản 24. Điều 5, nội dung tại khoản này chuyên bỏ sung vào khoản 1, Điều 8 áp dụng thuế suất 0%.</p>	<p>Mức thuế suất thuế GTGT 0% chỉ áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu theo thông lệ quốc tế. Do đó, kiến nghị của địa phương chuyên “Sản phẩm nhân tạo dùng để thay thế cho bộ phận cơ thể của người bệnh; nặng, xe lăn và dụng cụ chuyên dùng khác cho người tàn tật” từ đối tượng không chịu thuế sang đối tượng chịu thuế GTGT 0% là chưa phù hợp.</p>
	<p>25. Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm triệu đồng trở xuống.</p> <p>Cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều này không được khấu trừ và hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào, trừ trường hợp áp dụng mức thuế suất 0% quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật này.</p>	<p>1. Tỉnh Lâm đồng: Đề nghị sửa: Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm năm mươi triệu đồng trở xuống.</p> <p>2. Tỉnh Quảng Ngãi: Nâng mức doanh thu không chịu thuế “từ 100 triệu đồng trở xuống” thành “200 triệu đồng trở xuống”.</p> <p>3. Tỉnh Hà Tĩnh: Mức doanh thu này hiện nay không còn phù hợp với mức tăng lạm phát, biến động giá cả. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét mức giảm trừ gia cảnh cho ban thân tại Luật thuế TNCN và các văn bản có liên quan để chọn mức doanh thu phù hợp.</p> <p>4. Tỉnh Quảng Trị: Đề nghị sửa đổi, bổ sung là: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hàng hóa có mức doanh thu hằng năm từ 150 triệu đồng trở xuống, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sản xuất, dịch vụ có mức doanh thu hằng năm từ 100 triệu đồng trở xuống.</p>	<p>Kiến nghị của đơn vị đã có trong định hướng sửa đổi. Về mức doanh thu cụ thể, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu và đề xuất trong giai đoạn lấy ý kiến xây dựng Luật nếu đề nghị xây dựng Luật được thông qua.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>5. Hiệp hội ngân hàng: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét sửa đổi, bổ sung như sau: “25. Hàng hóa, dịch vụ của họ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ <u>một trăm năm mươi triệu đồng trở xuống</u>.” Mức ấn định doanh thu 100 triệu đồng đối với hộ, cá nhân kinh doanh đã lạc hậu.</p>	<p>1. Tỉnh Hải Dương: Đề nghị bổ sung đối tượng không chịu thuế GTGT đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN do cơ quan quản lý cấp trên giao nhiệm vụ cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo điều 9, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đầu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.</p>	<p>Chính sách thuế GTGT áp dụng thống nhất theo hàng hóa, dịch vụ. Không phân biệt theo nguồn tiền chi trả, theo đó kiến nghị của địa phương là chưa phù hợp. Trường hợp NSNN đặt hàng thì sẽ bố trí tiền để trả thuế GTGT.</p>
	<p>2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Cập nhật các hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế theo danh mục ngành sản phẩm theo quy định tại Hệ thống phân ngành sản phẩm năm 2018 (VCPA 2018). Đối với hàng hóa dịch vụ gắn với khâu lưu thông, đề nghị bổ sung từ “hoạt động” tránh nhầm lẫn.</p>	<p>3. Bộ Thông tin và Truyền thông: Đề xuất bổ sung quy định đối tượng không chịu thuế đối với “hàng hóa, dịch vụ ung hộ, tài trợ cho phòng chống thiên tai, thảm họa dịch</p>	<p>Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu trong quá trình xây dựng Thông tư hướng dẫn.</p>
		<p>Đối với hàng hóa mua trong nước để tài trợ khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, chiến tranh, Bộ Tài chính đề nghị không áp dụng đối tượng không chịu</p>	

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>bệnh...theo chỉ đạo của Cơ quan quản lý Nhà nước" vào dự thảo, cụ thể là chương trình nhấn tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước như: phòng chống dịch bệnh; tuyên truyền về bầu cử; tuyên truyền về ngày hội sách Việt Nam, kêu gọi tiêu thụ vai thiêu Bắc Giang, phòng cháy chữa cháy, phòng ngừa tội phạm về vũ khí và vật liệu nổ, phòng cháy chữa cháy, phòng ngừa tội phạm về vũ khí và vật liệu nổ...những chương trình này được triển khai theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước (Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra thuế...).</p> <p>4. Thành phố Hồ Chí Minh:</p> <p>- Đề khuyến khích sử dụng sản phẩm được sản xuất trong nước để ủng hộ, tài trợ cho phòng chống thiên tai, thảm họa dịch bệnh, chiến tranh, Cục Thuế kiến nghị áp dụng thông nhất chung đối tượng không chịu thuế đối với sản phẩm này, không phân biệt hàng nhập khẩu hay hàng nội địa, nhưng phải bỏ sung văn bản cam kết mua để ủng hộ, tài trợ.</p> <p>- Kiến nghị bổ sung quy định về thuế GTGT đối với trường hợp doanh nghiệp Việt Nam cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho các tổ chức quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên theo điều ước quốc tế, thì thuộc trường hợp không chịu thuế GTGT tương tự như "Hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt</p>	<p>thuế GTGT với lý do: (i) Phát sinh rủi ro cho bên bán hàng khi xuất hóa đơn không chịu thuế GTGT nhưng sau đó cơ quan quản lý thuế thực hiện truy thu thuế GTGT nếu bên mua không thực hiện đúng mục đích tài trợ như cam kết; (ii) Hàng bán trong nước khó xác định được mục đích sử dụng của bên mua; (iii) Bên bán hàng phải thực hiện phân bổ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ nên số thuế này sẽ tính vào giá của hàng bán.</p>	<p>- Đối với trường hợp cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho các tổ chức quốc tế theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên tham gia thì đề nghị thực hiện theo quy định của pháp luật về điều ước quốc tế.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>Nam” do Thực tế phát sinh trường hợp các doanh nghiệp Việt Nam cung cấp hàng hóa dịch vụ cho các tổ chức như Ngân hàng Phát triển Châu Á (AIDB), Công ty Tài chính Quốc tế (IFC) mà theo Hiến chương thành lập của các tổ chức đó có quy định về việc miễn thuế cho các giao dịch của tổ chức phát sinh tại Việt Nam, do đó các tổ chức không đồng ý thanh toán khoản tiền thuế cho doanh nghiệp Việt Nam khi mua hàng hóa, dịch vụ (thay vì lựa chọn thanh toán tiền thuế để sau đó đề nghị hoàn thuế theo điều ước quốc tế).</p>	
		<p>5. Sớ Giao dịch hàng hóa Việt Nam: Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 5 Đề cương Dự thảo Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) về đối tượng không chịu thuế theo hướng quy định các dịch vụ, hoạt động trong lĩnh vực mua bán hàng hóa qua Sớ Giao dịch hàng hóa là đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, gồm: Dịch vụ tổ chức thi trường của Sớ Giao dịch hàng hóa; môi giới, tự doanh mua bán hàng hóa qua Sớ Giao dịch hàng hóa và các hoạt động giao dịch khác thông qua Sớ Giao dịch hàng hóa theo quy định pháp luật về thương mại.</p>	<p>Về nguyên tắc, dịch vụ tài chính phải sinh thuế đối tượng không chịu thuế GTGT. Theo đó, trường hợp cơ quan có thẩm quyền quy định các dịch vụ, hoạt động trong lĩnh vực mua bán hàng hóa qua Sớ Giao dịch hàng hóa là dịch vụ tài chính phải sinh thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Luật thuế GTGT không thể quy định hết các nội dung về chuyên ngành tại Luật. Do vậy, Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên như nội dung gửi lấy ý kiến.</p>
		<p>6. Bộ Ngoại giao: Về tình thuế GTGT đối với các khoản phí tại Hợp đồng vay vốn mà Nhà nước/C hình phủ Việt Nam là bên đi vay (hiện đang thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT), đề nghị có đánh giá tương thích đối với các</p>	<p>Đo đây là bước lập đề nghị xây dựng Luật, dự thảo đề cương mới chi đề cập định hướng sửa đổi. Bộ Tài chính sẽ có đánh giá tính tương thích đối với cam kết quốc tế sau khi dự án Luật được đăng ký vào</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>cam kết của Việt Nam, bao gồm các thỏa thuận vay mà Chính phủ đã ký.</p> <p>7. Hội tư vấn thuế Việt Nam: Đề nghị có nghiên cứu đánh giá cụ thể, cân nhắc xem có cần thiết bổ sung thêm "Hiàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của Công ty cho thuế tài chính cho doanh nghiệp phi thuế quan thuế" thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT vì trên cơ sở thực hiện nguyên lý cơ bản của thuế GTGT và quan điểm, mục tiêu sửa đổi đã đặt ra về việc nghiên cứu mở rộng cơ sở thuế, thu hẹp diện không chịu thuế GTGT, Luật thuế GTGT đã quy định cụ thể nhóm các loại trong nước chưa sản xuất được để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp hoặc thuế của nước ngoài để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, cho thuế, cho thuế lại thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT đối với ngành, lĩnh vực cụ thể.</p>	<p>chương trình xây dựng Luật của Quốc hội.</p> <p>Hiện nay, hoạt động cho thuê tài chính ngày càng phát triển. Theo đó, bên cho thuê tài chính sẽ trực tiếp nhập khẩu tài sản giao cho bên thuê sử dụng. Do vậy, chính sách thuế GTGT đối với Công ty cho thuê tài chính trực tiếp hoặc ủy thác nhập khẩu máy móc, thiết bị về để cho thuê tài chính cần được áp dụng như đối với trường hợp bên thuê tài chính trực tiếp nhập khẩu.</p>
		<p>8. Hiệp hội ngân hàng: <i>Về các khoản thu phí tại các Hợp đồng vay vốn của TCTD với các bên cho vay nước ngoài:</i> Thực tế hiện nay, trong các thỏa thuận vay vốn nước ngoài giữa Tổ chức tín dụng (TCTD) là bên đi vay với các Bên cho vay nước ngoài, ngoài lãi tiền vay phải trả cho Bên cho vay, các TCTD còn phải trả nhiều loại phí khác nhau như phí quản lý, phí cam kết, phí dịch vụ, phí thanh khoản, phí thu xếp cho vay... và các khoản phí này đều nằm trong thỏa thuận vay vốn. Theo đó, Bên cho</p>	<p>Dự thảo Luật chỉ định hướng bổ sung các khoản phí tại Hợp đồng vay vốn của Chính phủ Việt Nam với Bên cho vay nước ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT: các khoản phí phát sinh từ Hợp đồng vay của các tổ chức khác với bên cho vay nước ngoài phải nộp thuế theo quy định.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>Vay nước ngoài yêu cầu các TCTD phải thanh toán đầy đủ và không được khấu trừ thuế đối với các khoản phí thanh toán này. Trong trường hợp Luật thuế của Việt Nam yêu cầu thực hiện khấu trừ thuế thì các TCTD phải dùng ngân sách chi phí của TCTD để thực hiện nộp thuế. Do vậy, để phù hợp với thực tế phát sinh để nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung quy định các khoản thu phí tại các Hợp đồng vay vốn của TCTD với các bên cho vay nước ngoài cũng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.</p>	
		<p>9. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Đề nghị Ban soạn thảo bổ sung quy định miễn thuế GTGT cho các HTX đối với các sản phẩm sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt đã qua sơ chế, chế biến; quy định miễn thuế GTGT trong giao dịch của HTX với thành viên HTX; giao dịch giữa HTX với đối tượng không là thành viên HTX thì chịu mức thuế suất theo quy định.</p>	<p>Thuế GTGT là sắc thuế gián thu, người tiêu dùng là người trả thuế và thu theo hàng hóa, dịch vụ không phân biệt theo người sản xuất hay tiêu dùng. Luật thuế GTGT không có quy định miễn thuế. Do đó, kiến nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chưa phù hợp.</p>
		<p>10. Tinh Đắk Lắk: Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 5 và Điều 7 Luật thuế GTGT theo định hướng: Sửa đổi, bổ sung một số quy định về đối tượng không chịu thuế và giá tính thuế để đồng bộ với quy định của các luật khác có liên quan như: Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt (TTĐB); Luật Trồng trọt; Luật Chứng khoán.</p>	<p>Kiến nghị chỉnh sửa về cấu chữ. Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu tiếp thu đề hoàn chỉnh dự thảo.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
6	<p>Điều 6. Căn cứ tính thuế</p> <p>Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng là giá tính thuế và thuế suất.</p>	<p>1. Thành phố Hồ Chí Minh: Theo quy định Điều 6 Luật Thuế giá trị gia tăng, căn cứ tính thuế giá trị gia tăng là Giá tính thuế và thuế suất tuy nhiên theo Nghị định và Thông tư hiện hành có đề cập khái niệm "Doanh thu" (Doanh thu một tỷ đồng để xác định phương pháp khấu trừ thuế, phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng; Thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh số, doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh số, doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra). Trên hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng: có chi tiêu "Tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra". Kiến nghị thông nhất: giữa "Giá tính thuế" và "Doanh thu, doanh số".</p>	<p>Kiến nghị thuộc Thông tư, Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu trong quá trình ban hành Thông tư.</p>
7	<p>Điều 7. Giá tính thuế</p> <p>1. Giá tính thuế được quy định như sau:</p> <p>a) Đối với hàng hóa, dịch vụ do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa chịu thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa chịu thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ</p>		

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng:</p> <p>b) Đối với hàng hóa nhập khẩu là giá nhập tại cửa khẩu cộng với thuế nhập khẩu (nếu có), cộng với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và cộng với thuế bao vệ môi trường (nếu có). Giá nhập tại cửa khẩu được xác định theo quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu:</p>	<p>1. Ban đọc Thái Mạnh Cường: Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 7: Hàng hóa, dịch vụ dùng để tại trợ an sinh xã hội phù hợp với quy định về khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN thì được áp dụng giá tính thuế bằng 0.</p>	<p>- Đối với hàng hóa mua trong nước để tại trợ an sinh xã hội. Bộ Tài chính đề nghị không áp dụng giá tính thuế GTGT bằng không với lý do: (i) Phát sinh rủi ro cho bên bán hàng khi xuất hóa đơn giá tính thuế hàng không nhưng sau đó cơ quan quản lý thuế thực hiện truy thu thuế GTGT nếu bên mua không thực hiện đúng mục đích tài trợ như cam kết; (ii) Hàng bán trong nước khó xác định được mục đích sử dụng của bên mua.</p>
	<p>c) Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng cho là giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này:</p>	<p>- Bổ sung quy định tại điều 7 Đề xuất: Luật hóa nội dung hàng hóa thuộc mua thực hiện theo quy định của Pháp luật thương mại thì được áp dụng giá tính thuế bằng 0.</p>	<p>- Bộ Tài chính tiếp thu kiến nghị đề nghị cứu để đưa ra đề xuất sửa đổi trong giai đoạn lấy ý kiến xây dựng Luật nêu đề nghị xây dựng 1 uật được thông qua.</p>
		<p>2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Tại điểm c khoản 1 Điều 7: đề nghị làm rõ việc xác định giá tính thuế đối với "hàng hóa, dịch vụ cho, biếu tặng" vì hàng hóa này thuộc đối tượng không chịu</p>	<p>Tại khoản 19 Điều 5 quy định đối tượng không chịu thuế GTGT đối với hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>thuế theo quy định tại khoản 19 Điều 5.</p>	<p>Đối với hàng cho, biểu tặng đối với những hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo quy định nhưng không có giá bán thì tại điểm c khoản 1 Điều 7 quy định về giá tính thuế GTGT đối với trường hợp này. Do vậy, đề nghị giữ như Luật hiện hành.</p>
		<p>3. Tinh Lai Châu: Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “c) Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biểu, tặng cho là giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này (căn cứ vào hoá đơn GTGT của hàng hoá, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh hoặc căn cứ thẩm định giá tại thời điểm phát sinh của đơn vị thẩm định được Bộ Tài chính cấp phép hoạt động)”. Do việc xác định giá căn cứ vào giá của hàng hoá, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương là rất khó vì có nhiều loại tương đương và mỗi nơi sẽ có giá bán khác nhau, vì vậy đề nghị quy định cụ thể căn cứ để xác định giá tính thuế.</p> <p>4. Hiệp hội ngân hàng: Điểm c Khoản 1 Điều 7 Đề cương Dự thảo Luật quy định: “c) Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biểu, tặng cho là giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này”. Theo quy định trên, sẽ có chênh lệch giữa giá trị hàng hóa tại thời điểm mua và giá trị hàng hóa tại thời điểm cho, biểu, tặng.</p>	<p>Để tranh lợi dụng, phát sinh gian lận trong việc sử dụng hàng hóa, dịch vụ để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biểu, tặng, pháp luật thuế GTGT quy định nguyên tắc xác định giá tính thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biểu, tặng cho là giá tính thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này. Việc cơ sở kinh doanh mua, bán, trao đổi hàng hóa, dịch vụ không theo giá trị giao dịch thông thường trên thị trường, pháp luật về quản lý thuế đã có quy định về căn cứ ấn định, xác định số thuế phải nộp đối với từng trường hợp cụ thể. Do đó, kiến nghị của địa phương là chưa phù hợp.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THIẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>Điều này dẫn đến chênh lệch về số thuế GTGT, có thể cao hơn khiến cho người nộp thuế phải nộp thêm thuế, trong khi việc cho, biếu, tặng không mang lại doanh thu cho người nộp thuế. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét sửa đổi quy định này theo hướng đối với hàng hóa, dịch vụ mà doanh nghiệp phải mua vào thì giá tính thuế GTGT là giá trên hóa đơn GTGT đầu vào, đồng thời đối với các trường hợp có cung cấp dịch vụ tín dụng, dịch vụ thanh toán là các đối tượng chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT như ICTID thì thuế GTGT đầu vào của các hóa đơn GTGT khi mua vào trong trường hợp này sẽ được khấu trừ toàn bộ.</p>	
	<p>d) Đối với hoạt động cho thuê tài sản là số tiền cho thuê chưa có thuế giá trị gia tăng.</p> <p>Trường hợp cho thuê theo hình thức trả tiền thuê từng kỳ hoặc trả trước tiền thuê cho thời hạn thuê thì giá tính thuế là số tiền cho thuê trả từng kỳ hoặc trả trước cho thời hạn thuê chưa có thuế giá trị gia tăng:</p>	<p>1. Bộ Giao thông vận tải: Đề nghị giữ nguyên quy định và bổ sung quy định về giá tính thuế của các đối tượng như "Trường hợp thuê, mua máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải của nước ngoài loại trong nước chưa sản xuất để sửa chữa, đóng mới tàu thuyền hoặc cho thuê lại, giá tính thuế được trừ giá thuế, mua phải trả cho nước ngoài".</p>	<p>Theo quy định, thuế GTGT phải nộp được xác định bằng thuế GTGT đầu ra trừ thuế GTGT đầu vào. Do vậy, đối với trường hợp thuê của nước ngoài về cho thuê lại, doanh nghiệp xác định số thuế GTGT đầu ra (hoạt động cho thuê) trừ thuế GTGT đầu vào (khi thuê, mua). Số thuế GTGT của doanh nghiệp phải nộp chính là phần thuế GTGT của hoạt động cho thuê. Do vậy, đề nghị giữ như Luật hiện hành.</p>
	<p>d) Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm là giá tính theo giá bán trả một lần chưa có thuế giá trị gia tăng của hàng hóa đó. Không bao gồm khoản lãi trả góp, lãi trả chậm:</p>		

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>e) Đối với gia công hàng hóa là giá gia công chưa có thuế giá trị gia tăng;</p> <p>g) Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt là giá trị công trình, hạng mục công trình hay phần công việc thực hiện bán giao chưa có thuế giá trị gia tăng. Trường hợp xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị thì giá tính thuế là giá trị xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị;</p> <p>h) Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế giá trị gia tăng, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuế đất phải nộp ngân sách nhà nước;</p>	<p>1. Hội tư vấn thuế Việt Nam: Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định cụ thể đối với các trường hợp thực tế đã phát sinh như (1) Trường hợp được Nhà nước giao đất, (2) Trường hợp đầu giá quyền sử dụng đất, (3) Trường hợp thuê đất, (4) Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân (5) Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất như dự thảo báo cáo tổng kết cũng đã nêu.</p> <p>2. Thành phố Đà Nẵng: Tại Nghị định và Thông tư hướng dẫn giá đất được trừ là tiền sử dụng đất nộp NSNN hoặc giá đất tại thời điểm nhà nước giao đất hoặc nhận chuyển nhượng. Như vậy khoản chênh lệch sau khi trừ giá đất có sự chênh lệch giá đất tại thời điểm nhận quyền sử dụng đất với giá đất tại thời điểm chuyển nhượng; phần giá trị chênh lệch chuyển</p>	<p>Các trường hợp thực tế phát sinh như kiến nghị của Hội tư vấn thuế đã được quy định cụ thể tại các văn bản dưới Luật.</p> <p>Ngoài ra, tiếp thu ý kiến tham gia của các đơn vị, Bộ Tài chính hoàn thiện định hướng sửa đổi theo hướng bỏ sung quy định "Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, giá tính thuế GTGT là giá bán bất động sản chưa có thuế GTGT, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuế đất phải nộp NSNN. Giá đất được trừ theo quy định của Chính phủ".</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>i) Đối với hoạt động đại lý, môi giới mua bán hàng hóa và dịch vụ hướng hoa hồng là tiền hoa hồng thu được từ các hoạt động này chưa có thuế giá trị gia tăng;</p> <p>k) Đối với hàng hóa, dịch vụ được sử dụng chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán là giá đã có thuế giá trị gia tăng thì giá tính thuế được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Giá thanh toán} = \frac{\text{Giá chưa có thuế giá trị gia tăng}}{1 + \text{thuế suất của hàng hóa, dịch vụ (\%)}}$	<p>nhường quyền sử dụng đất chịu thuế GTGT; không phù hợp với quy định chuyên quyền sử dụng đất không chịu thuế GTGT.</p> <p>3. Tình Bình Định: Luật thuế GTGT cần quy định rõ về Giá tính thuế đối với giá bán bất động sản xác định theo giá nào và có tính tương thích với giá tính thuế bất động sản tại Luật thuế TNDN và TNCH</p> <p>4. Thành phố Hồ Chí Minh: Đề nghị giao Chính phủ quy định chi tiết (kê thừa Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ).</p>	
	<p>2. Giá tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này bao</p>		

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm mà cơ sở kinh doanh được hưởng.</p>		
	<p>3. <i>Giá tính thuế được xác định bằng đồng Việt Nam. Trường hợp người nộp thuế có doanh thu bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh thu để xác định giá tính thuế.</i></p>		
8	<p>Điều 8. Thuế suất</p> <p>1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vận tải quốc tế và hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5 của Luật này khi xuất khẩu, trừ các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài; b) Dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài; c) Dịch vụ cấp tín dụng; d) Chuyển nhượng vốn; đ) Dịch vụ tài chính phái sinh; e) Dịch vụ bưu chính, viễn thông; g) Sản phẩm xuất khẩu quy định tại 	<p>1. Bộ Giao thông vận tải: kiến nghị điều chỉnh bổ sung quy định áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% thay vì mức thuế suất 10% như quy định hiện hành đối với chủ tàu Việt Nam khi nhập khẩu tàu biển để vận chuyển hàng hóa, thời gian áp dụng đến hết năm 2026.</p>	<p>Mức thuế suất thuế GTGT 0% chỉ áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu theo thông lệ quốc tế. Do đó, kiến nghị chuyển tàu biển nhập khẩu để vận chuyển hàng hóa đến hết năm 2026 sang đối tượng chịu thuế GTGT 0% là chưa phù hợp.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>khoản 23 Điều 5 của Luật này:</p> <p>Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan: hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ.</p>	<p>1. Tỉnh Hà Nam: Đề nghị có quy định đối với dịch vụ cung cấp băng phương tiện điện tử cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài. Pháp luật thuế GTGT hiện tại quy định đối với dịch vụ cung cấp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ngoài Việt Nam thì được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%. Chưa quy định rõ về thuế GTGT áp dụng đối với dịch vụ cung cấp băng phương tiện điện tử cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài. Đề xuất sửa đổi: Trường hợp cung cấp dịch vụ băng phương tiện điện tử (dịch vụ kỹ thuật số và dịch vụ thương mại điện tử, kể cả hàng hoá kỹ thuật số được cung cấp qua hệ thống internet hoặc đường truyền điện tử như cung ứng các định dạng tài liệu, hình ảnh, văn bản, các ứng dụng trò chơi...) cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài, trường hợp tổ chức, cá nhân ở nước ngoài tiếp nhận dịch vụ thông qua các địa chỉ tên miền không phải là tên miền Việt Nam hoặc có địa chỉ IP không thuộc của Việt Nam thì các dịch vụ này là dịch vụ xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0%</p> <p>2. Công ty PwC: Không có định nghĩa hoặc</p>	<p>- Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến theo hướng sẽ quy định cụ thể những dịch vụ xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% sau khi dự án Luật được đăng ký vào Chương trình xây dựng Luật của Quốc hội hoặc bỏ quy định này để tránh vướng mắc khi thực hiện.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>hướng dẫn cụ thể thẻ nào là “dịch vụ tiêu dùng ở ngoài Việt Nam” và vì vậy dẫn tới việc khó khăn khi áp dụng 0% cho dịch vụ xuất khẩu theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trong khi đó “xuất khẩu dịch vụ” thường được hiểu là: các dịch vụ thực hiện tại Việt Nam cho các khách hàng nước ngoài. Hóa đơn, Hợp đồng và chứng từ thanh toán qua ngân hàng là đủ để chứng minh hoạt động xuất khẩu dịch vụ.</p> <p>Hiện nay với sự phát triển của công nghệ thông tin ngày càng nhiều các công ty đa quốc gia đã chuyển một phần các hoạt động hành chính, văn phòng, hỗ trợ của mình ra nước ngoài hoặc thuê các công ty nước ngoài thực hiện các công đoạn này.</p> <p>Cách đây nhiều năm, Việt Nam đã được coi là một trong những địa có lợi thế để làm trung tâm Outsourcing. Tuy nhiên, ngành này vẫn không phát triển được vì các dịch vụ của họ không được coi là dịch vụ xuất khẩu nên phải nộp 10% thuế GTGT. Số thuế này khách hàng không thể khấu trừ được nên vô hình chung giá dịch vụ của các công ty Việt Nam sẽ đắt hơn 10%, không cạnh tranh được với các nước.</p> <p>3. Hiệp hội ngân hàng: Thực tế hiện nay các TCID cung cấp rất nhiều dịch vụ cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan, tuy nhiên tại Luật, Nghị định và Thông tư hướng dẫn hiện</p>	<p>- Đã giải trình, tiếp thu ở trên.</p>	<p>- Đã giải trình, tiếp thu ở trên.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA		Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p style="text-align: center;">Ý KIẾN THAM GIA</p> <p>hành về thuế GTGT chưa có hướng dẫn cụ thể để xác định dịch vụ mà các TCTD cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan, cho doanh nghiệp chế xuất (ngoài các dịch vụ cấp tin dụng, dịch vụ tài chính phái sinh) là "<i>tiêu dùng trong khu phi thuế quan</i>" và được xác định là "<i>dịch vụ xuất khẩu</i>" hay không. Từ đó có những quan điểm khác nhau giữa cơ quan quản lý thuế và người nộp thuế khi xác định áp dụng tỷ lệ thuế GTGT với các dịch vụ này của TCTD, gây khó khăn khi thực thi chính sách thuế. Vì vậy, đề nghị xem xét dịch vụ trên được xác định là "<i>dịch vụ xuất khẩu</i>" mức thuế suất 0%.</p>	<p style="text-align: center;">Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH</p> <p>- Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến theo hướng bỏ sung quy định "hàng hóa bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh" thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.</p>		<p>- Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung việc áp dụng mức thuế suất ưu đãi hơn cho các tổ chức này khi: (i) các tổ chức này cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt đến người dân; (ii) hoặc các tổ chức này hợp tác với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để triển khai các dịch vụ công cho người dân. Từ đó, các tổ chức này sẽ có thêm nhiều các chương trình nhằm khuyến khích, thúc đẩy người dân sử dụng các phương tiện và dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt (VD: các chính sách miễn</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>2. Mức thuế suất 5% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ sau đây:</p> <p>a) Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt:</p>	<p>giảm phí chuyên tiền liên ngân hàng, các chương trình khuyến mại....)</p> <p>4. Thành phố Hồ Chí Minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất thuế suất 0%, nhưng chỉ áp dụng đối với một số dịch vụ được liệt kê cụ thể. - Kiến nghị luật hóa các trường hợp không áp dụng thuế suất 0% đã được quy định tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC (Các dịch vụ sau cung ứng tại Việt Nam cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài không được áp dụng thuế suất 0% gồm: Thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật, văn hóa, giải trí, hội nghị, khách sạn, đào tạo, quảng cáo, du lịch lữ hành; Dịch vụ thanh toán qua mạng; Dịch vụ cung cấp gắn với việc bán, phân phối, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa tại Việt Nam.) <p>Đề tránh vướng mắc trong thực hiện, kiến nghị bổ sung quy định không áp dụng thuế suất 0% đối với doanh thu từ hoạt động sử dụng, khai thác kinh doanh "nội dung số" trên các nền tảng kỹ thuật số như Youtube, iTunes,....</p>	<p>- Đã giải trình, tiếp thu ở trên.</p>
			<p>1. Tỉnh Thanh Hóa: Đề nghị sửa đổi điểm a khoản 2. Điều 8 tại dự thảo Luật thuế GTGT</p> <p>Tại Nghị định và Thông tư hướng dẫn Luật thuế GTGT đã hướng dẫn rõ "Nước sạch</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>b) Quặng để sản xuất phân bón; thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng;</p>	<p>sửa đổi thành : Nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt vì từ sạch mang tính định tính, nước sạch rất khó làm tiêu chuẩn đánh giá chất lượng nước.</p>	<p>phục vụ sản xuất và sinh hoạt" và thực tế trong quá trình thực hiện không phát sinh vướng mắc. Do vậy, Bộ Tài chính đề nghị giữ như Luật hiện hành.</p>
	<p>c) Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp;</p>		
	<p>d) Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa qua chế biến, trừ sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này;</p>	<p>1. Bộ Kế hoạch và Đầu Tư: Tại điểm d khoản 2 Điều 8, đề nghị làm rõ cơ sở xác định nhóm "sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa qua chế biến" thuộc đối tượng chịu thuế 5% trong khi nhóm "sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa qua chế biến thành sản phẩm khác" lại thuộc đối tượng không chịu thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 5.</p>	<p>Nhóm "sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa qua chế biến thành sản phẩm khác" ở khâu "từ sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khâu" thuộc đối tượng không chịu thuế. Quy định tại khoản 1 Điều 5 áp dụng thuế GTGT 5% đối với sản phẩm này ở các khâu khác (thương mại, tiêu dùng).</p>
	<p>d) Mù cao su sơ chế, nhựa thông sơ chế; lưới, dây giăng và sợi để đan lưới đánh cá;</p>		
	<p>e) Thực phẩm tươi sống; lâm sản chưa qua chế biến, trừ gỗ, măng và sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này;</p>		

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>g) Đường: phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm gi đường, bã mía, bã bùn;</p>	<p>1. Hội tư vấn thuế Việt Nam: “Đường, phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm gi đường, bã mía, bã bùn” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%. Đề nghị đưa ra khỏi diện áp dụng thuế suất 5%, chuyển sang nhóm thuế suất 10% (tránh được vướng mắc trong xác định thuế suất đối với phụ phẩm trong sản xuất đường) và thời gian qua, đường là mặt hàng phổ biến thông thường, không còn là mặt hàng thuộc diện thiết yếu do nhà nước phân phối, quy định giá mà thực hiện theo thị trường.</p>	<p>Hiện nay, đường là mặt hàng phổ biến thông thường, không còn là mặt hàng thiết yếu và giá bán thực hiện theo thị trường. Theo đó, Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến theo hướng quy định áp dụng thuế suất phổ thông đối với nhóm hàng hóa này.</p>
	<p>h) Sản phẩm bằng day, cùi, tre, nứa, lá, rom, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp; bông sơ chẻ; giấy in báo;</p>	<p>1. Tỉnh Hòa Bình: Thực tế nhiều sản phẩm bằng tre, nứa quy định tại Thông tư số 83/2014/TT-BTC ngày 26/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng theo Danh mục hàng hóa nhập khẩu Việt Nam hiện nay đang có mức thuế suất là 10%. Do đó, đề nghị cần có quy định cụ thể, rõ ràng hơn để dễ áp dụng và thống nhất trong việc thực hiện điem này.</p>	<p>Kiến nghị của đơn vị thuộc phạm vi hướng dẫn tại Thông tư, do đó, Bộ Tài chính đề nghị giữ như Luật hiện hành.</p>
		<p>2. Hội tư vấn thuế Việt Nam “Sản phẩm bằng day, cùi, tre, nứa, lá, rom, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp: bông sơ chẻ” thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5%. Thực tế phát sinh vướng mắc như đối với sản phẩm từ cây dừa ngoài vỏ dừa, sọ dừa còn có thân dừa, lá dừa, than dừa. Bên cạnh đó, thuế suất căn cứ vào nguyên liệu cấu thành sản</p>	<p>Về kiến nghị của Hiệp hội, Bộ Tài chính thấy rằng, Luật thuế GTGT hiện hành đã quy định: các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5% để bao quát các trường hợp chưa được liệt kê tên gọi cụ thể. Do đó, Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên như Luật hiện hành.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>i) Thiết bị, dụng cụ y tế; bông, băng vệ sinh y tế; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh; sản phẩm hóa được, được liệu là nguyên liệu sản xuất thuốc chữa bệnh; thuốc phòng bệnh;</p>	<p>phẩm khi xác định thành phẩm thiêu đồng bộ, ví dụ sa lông làm từ bèo tây 5%, từ nguyên liệu khác 10%; tâm tre, dũa tre thuế suất 5%, tâm gỗ, dũa gỗ 10%, do đó cần nghiên cứu, đánh giá đầy đủ hơn.</p>	
		<p>1. Hội tư vấn thuế Việt Nam: “Thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh” thực tế còn vướng mắc do quy định còn chung chung, nên dẫn tới cách hiểu khác nhau, có cách hiểu cho rằng thuốc chữa bệnh, phòng bệnh chi liên quan đến y tế, còn thuốc cho vật nuôi, cây trồng, thủy, hải sản còn chưa rõ. Do đó cần nghiên cứu tổng kết, đánh giá để sửa đổi, bổ sung cho rõ, đầy đủ.</p>	<p>Tại điểm b Khoản 2 Điều 8 và điểm 1 Khoản 2 Điều 8 đã quy định rõ thuốc để chữa bệnh và phòng bệnh cho người và vật nuôi, cây trồng đều thuộc đối tượng chịu thuế suất 5%. Do đó, Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên như Luật hiện hành.</p>
		<p>2. Tỉnh Bình Định: đề nghị xem xét tăng mức thuế suất thuế GTGT của thuốc thành phẩm lên 10% để tạo điều kiện cho doanh nghiệp tăng doanh thu, cân bằng giữa thuế GTGT đầu ra và thuế GTGT đầu vào được khấu trừ</p>	<p>Mức thuế suất 5% là mức thuế suất ưu đãi để giảm giá bán cho người tiêu dùng. Do vậy, kiến nghị chuyển thuốc lên mức thuế suất 10% là chưa phù hợp, tăng chi phí cho người bệnh. Do vậy, đề nghị giữ như Luật hiện hành.</p> <p>Đề thảo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nội dung hoàn thuế GTGT cho cơ sở sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế GTGT thuế suất 5% đã được định hướng sửa đổi.</p>
		<p>3. Thành phố Hồ Chí Minh: Kiến nghị giao Chính phủ quy định chi tiết hoặc ban hành</p>	<p>Tiếp thu ý kiến tham gia, Bộ Tài chính hoàn thiện định hướng sửa đổi theo hướng quy định rõ: <u>Máy móc, thiết bị, dụng cụ y</u></p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>danh mục cụ thể.</p>	<p>tế theo quy định của pháp luật về quản lý trang thiết bị y tế thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%.</p>
	<p>k) Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập, bao gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước kẻ, com-pa và các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học;</p>	<p>1. Thành phố Hồ Chí Minh: Kiến nghị giao Chính phủ quy định chi tiết hoặc ban hành danh mục cụ thể.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến tham gia, Bộ Tài chính hoàn thiện định hướng sửa đổi theo hướng quy định rõ: Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập, bao gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước kẻ, com-pa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5%.</p>
	<p>l) Hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim;</p>		
	<p>m) Đồ chơi cho trẻ em; sách các loại, trừ sách quy định tại khoản 1.5 Điều 5 của Luật này;</p>		
	<p>n) Dịch vụ khoa học, công nghệ theo quy định của Luật khoa học và công nghệ;</p>		
	<p>o) Bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của Luật nhà ở.</p>		
	<p>3. Mức thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p>		
	<p>1. Tỉnh Quảng Ngãi: Đề nghị bỏ quy định về mức thuế suất 5% và các trường hợp không</p>		<p>Theo Chiến lược cải cách thuế GTGT thì sẽ tiến tới cơ bản áp dụng một mức thuế suất. Tuy nhiên, việc bỏ quy định mức thuế</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng.		5% căn cứ đánh giá tổng thể và có lộ trình giảm dần vì nhiều hàng hóa, dịch vụ trong nhóm này đều là thiết yếu.
	<p>2. Tỉnh Hải Dương: Đề nghị Bộ Tài chính có lộ trình giảm dần đối tượng đối tượng chịu thuế suất 5% và bổ sung các đối tượng thuộc lĩnh vực liên quan đến giáo dục, y tế được hưởng thuế suất ưu đãi để giảm giá thành các dịch vụ thuộc lĩnh vực này, đảm bảo công tác an sinh xã hội, công bằng và tiến bộ xã hội.</p>	<p>- Đã giải trình ở trên.</p>	
	<p>3. Tỉnh Gia Lai: Về định hướng sửa đổi hàng hóa không chịu thuế, hàng hóa chịu thuế GTGT 5%:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạn chế quy định về hàng hóa không chịu thuế, hàng hóa chịu thuế GTGT 5% theo công dụng của hàng hóa. + Quyền tài sản theo quy định tại Bộ Luật dân sự thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. 	<p>- Nội dung hạn chế thuế suất 5% đã giải trình ở trên.</p>	<p>- Theo quy định tại Điều 115 Bộ Luật dân sự 2015 thì: <i>Quyền tài sản là quyền trị giá được hàng tiền, bao gồm quyền tài sản đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác.</i> Theo đó, có nhiều loại quyền tài sản và chính sách thuế GTGT áp dụng đối với từng loại quyền tài sản là khác nhau. Vì vậy, kiến nghị của địa phương quy định quyền tài sản thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT là chưa phù hợp.</p>
	<p>4. Thành phố Đà Nẵng: - Đề nghị quy định cụ</p>		<p>Thuế GTGT là thuế tính trên giá trị tăng</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>thể đối với một số ngành nghề phát sinh mới để phù hợp thực tế (lũ hành toán cầu, cung cấp ứng dụng trên nền tảng số).</p> <p>- Đề nghị bỏ mức thuế suất 5% để thuận lợi trong công tác quản lý thuế.</p> <p>5. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Đề nghị xem xét bổ sung quy định sách giáo khoa là mặt hàng sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng chịu thuế suất GTGT mức 5%. Việc áp dụng thuế suất GTGT mức 5% góp phần giảm giá bán sách giáo khoa do phần thuế GTGT đầu vào được khấu trừ không phải tính vào giá vốn, từ đó hỗ trợ người tiêu dùng và bảo đảm an sinh xã hội.</p>	<p>thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT có tính lãnh thô và áp dụng theo đó, về nguyên tắc hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng tại Việt Nam thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, không phân biệt hình thức giao dịch giữa bên mua và bên bán theo phương thức truyền thống hay các ứng dụng trên nền tảng số. Đối với dịch vụ lũ hành quốc tế được thực hiện và tiêu dùng ngoài Việt Nam thì không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Do vậy, đề nghị giữ như Luật hiện hành.</p> <p>Do đó, Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên như nội dung gửi lấy ý kiến.</p> <p>- Nội dung này đã được giải trình ở trên.</p> <p>Ngày 22/7/2022, Bộ GD&ĐT có công văn số 3281/BGDĐT-KHHC gửi Bộ Tài chính về chính sách thuế đối với sách giáo khoa và các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xuất bản. Theo đó, ngày 16/8/2022, Bộ Tài chính có công văn số 8140/BTC-CST trả lời Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và đề nghị Bộ GD&ĐT lấy số liệu thực tế của các đơn vị sản xuất kinh doanh, xuất bản sách giáo khoa và đánh giá tác động cụ thể về việc giá sách giáo khoa sẽ giảm như thế nào khi chuyển sách giáo khoa sang đối</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
9	<p>Điều 9. Phương pháp tính thuế</p> <p>Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng gồm phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng và phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng.</p>		<p>lượng chịu thuế GTGT với thuế suất 5%. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu, tiếp thu kiến nghị chuyên sách giáo khoa sang đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 5% trong quá trình xây dựng Luật thuế GTGT (sửa đổi) theo đúng quy định của Luật BHVBQPPL. Tuy nhiên, đến nay, Bộ GD&ĐT chưa có ý kiến về nội dung này.</p> <p>Do vậy, sau khi Bộ GD&ĐT có đánh giá tác động cụ thể của đề xuất này, Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu, tiếp thu sau khi dự án Luật được đăng ký vào chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội.</p>
10	<p>Điều 10. Phương pháp khấu trừ thuế</p> <p>1. Phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:</p>		
	<p>a) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp khấu trừ thuế bằng số thuế giá trị gia tăng đầu ra trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ;</p>		

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>b) Số thuế giá trị gia tăng đầu ra bằng tổng số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng.</p> <p>Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng bằng giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ đó.</p> <p>Trường hợp sử dụng chứng từ ghi giá thanh toán là giá đã có thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng đầu ra được xác định bằng giá thanh toán trừ giá tính thuế giá trị gia tăng xác định theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 7 của Luật này;</p>		
	<p>c) Số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ bằng tổng số thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa, dịch vụ, chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu và đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 12 của Luật này.</p> <p>2. Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kê toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kê toán, hóa đơn, chứng từ bao gồm:</p>		
	a) Cơ sở kinh doanh có doanh thu	1. Tỉnh Trà Vinh: - Về phương pháp khấu trừ	Việc quy định ngưỡng doanh thu tính thuế

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
<p>hàng năm từ bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ một tỷ đồng trở lên, trừ hộ, cá nhân kinh doanh;</p>	<p>thuế. Đề nghị bỏ điểm a khoản 2 Điều 10.</p> <p>2. Thành phố Đà Nẵng: Đề nghị sửa đổi ngưỡng doanh thu áp dụng phương pháp khấu trừ là từ 03 tỷ đồng trở lên.</p>	<p>GTGT nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Do vậy, đề nghị giữ như Luật hiện hành.</p> <p>Tại khoản 2 Điều 11 Luật thuế GTGT quy định cho phép doanh nghiệp dưới ngưỡng được đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế. Do vậy, việc tăng ngưỡng lên 3 tỷ cũng không ảnh hưởng đến phương pháp kê khai của doanh nghiệp.</p>	
<p>b) Cơ sở kinh doanh đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế, trừ hộ, cá nhân kinh doanh.</p>	<p>1. Thành phố Hồ Chí Minh: đề xuất bỏ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế.</p>	<p>Việc áp dụng ngưỡng doanh thu có hạn chế là phải nộp thuế theo phương pháp trực tiếp. Không được sử dụng hoá đơn GTGT, người mua không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Đề khắc phục hạn chế này Luật đã quy định cho phép doanh nghiệp dưới ngưỡng được đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ nếu đáp ứng được điều kiện về chế độ kế toán, hoá đơn chứng từ.</p>	
<p>3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>1. Tỉnh Hà Tĩnh: Tại khoản 3 Điều 10 và khoản 1 Điều 13 dự thảo giao Chính phủ quy định chi tiết điều/khoản này. Tuy nhiên, tại Điều 16 dự thảo về tổ chức thực hiện lại quy định “Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Điều 5, Điều 7, Điều 8, Điều 12 và Điều 13”. Do đó, đề đảm bảo thống nhất, đề nghị cơ quan soạn thảo chi quy định giao Chính phủ quy định chi</p>	<p>Triếp thu sau khi dự án Luật được đăng ký vào Chương trình xây dựng Luật của Quốc hội.</p>	

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>tiết tại từng điều, khoản hoặc giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung tại phần tổ chức thực hiện.</p>	
11	<p>Điều 11. Phương pháp tính trực tiếp trên giá tăng</p> <p>1. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng bằng giá trị gia tăng nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý.</p> <p>Giá trị gia tăng của vàng, bạc, đá quý được xác định bằng giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra trừ giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào tương ứng.</p>	<p>1. Tỉnh Quảng Nam: Tại khoản 1 Điều 11 quy định phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng "1. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng bằng giá trị gia tăng nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý. Giá trị gia tăng của vàng, bạc, đá quý được xác định bằng giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra trừ giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào tương ứng." Kiến nghị: Đề nghị áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo tỷ lệ % trên doanh thu đối với doanh nghiệp có hoạt động mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý. Đồng thời quy định mức tỷ lệ (%) trên doanh thu riêng đối với hoạt động kinh doanh mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý (không áp dụng tỷ lệ của các hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ).</p>	<p>Thuế GTGT là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Vì vậy, quy định giá tính thuế GTGT của vàng, bạc, đá quý xác định bằng giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra trừ giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào tương ứng là đúng bản chất của thuế GTGT. Ngoài ra, trên thực tế do chênh lệch giá mua bán, công chế tác chiếm tỷ trọng nhỏ trong giá bán nên việc tính thuế GTGT theo tỷ lệ trên toàn bộ giá bán (doanh thu) như kiến nghị của địa phương là không phù hợp.</p>
	<p>2. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng bằng tỷ lệ % nhân với doanh thu áp dụng như sau:</p> <p>a) Đối tượng áp dụng:</p> <p>- Doanh nghiệp, hợp tác xã có doanh thu hàng năm dưới mức ngưỡng doanh thu</p>	<p>1. Tỉnh Lâm Đồng: Tại điểm a khoản 2 Điều 11, đề nghị điều chỉnh</p> <p>a) Đối tượng áp dụng:</p> <p>- Doanh nghiệp có doanh thu hàng năm dưới mức ngưỡng doanh thu một tỷ đồng, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế quy định tại khoản 2 Điều 10 của</p>	<p>Nội dung quy định điểm này liên quan trực tiếp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 về ngưỡng doanh thu áp dụng phương pháp khấu trừ thuế (đã được tiếp thu, giải trình ở phần trên).</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
<p>một tỷ đồng, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật này:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ, cá nhân kinh doanh; - Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nhưng có doanh thu phát sinh tại Việt Nam chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ, trừ tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ đề tiên hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu, khí nộp thuế theo phương pháp khấu trừ do bên Việt Nam khấu trừ nộp thay; - Tổ chức kinh tế khác, trừ trường hợp đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật này; 	<p>Luật này:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác xã có doanh thu hàng năm dưới mức ngưỡng doanh thu ba tỷ đồng, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật này; 	<p>Theo quy định hiện hành thì hoạt động kinh doanh chứng khoán (mua bán có phiếu, trái phiếu...) thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Kiến nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa phù hợp.</p>	
<p>b) Tỷ lệ % đề tính thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân phối, cung cấp hàng hóa: 1%; - Dịch vụ, xây dựng không bao thầu 	<p>1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: đề nghị mở rộng hơn đối tượng được áp dụng phương pháp trực tiếp: HĐ mua bán có phiếu, trái phiếu nhằm đảm bảo tính công bằng, linh hoạt và khuyến khích đầu tư.</p> <p>1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Điều chỉnh mức tỷ lệ tính thuế từ 04 mức như hiện hành về 01 mức nhất quán.</p>	<p>Việc quy định các mức tỷ lệ tính thuế nhằm đảm bảo mức điều tiết hợp lý đối với loại hình sản xuất kinh doanh. Do vậy, Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên như Luật</p>	

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>nguyên vật liệu: 5%;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 3%; - Hoạt động kinh doanh khác: 2%. 		hiện hành.
12	<p>Điều 12. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào</p> <p>1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào như sau:</p> <p>a) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng được khấu trừ toàn bộ, kể cả thuế giá trị gia tăng đầu vào không được bồi thường của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng bị tồn thất;</p> <p>b) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế thì chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng.</p> <p>Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế</p>	<p>1. Hiệp hội Ngân hàng: Điểm c Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 209/2013/ND-CP và khoản 3 Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC quy định: <i>Thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản cố định, máy móc, thiết bị, kể cả thuế giá trị gia tăng đầu vào của hoạt động đi thuê những tài sản, máy móc, thiết bị này và thuế GTGT đầu vào khác liên quan đến tài sản, máy móc, thiết</i></p>	<p>Kiến nghị này sẽ được Bộ Tài chính tổng hợp, nghiên cứu để đưa ra đề xuất sửa đổi sau khi dự án Luật được đăng ký vào chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ % giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra;</p>	<p><i>bi như báo hành, sửa chữa của các tổ chức tin dụng thì không được khấu trừ mà tính vào nguyên giá của tài sản cố định hoặc chi phí được trừ theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.</i></p> <p>Tài sản cố định, máy móc, thiết bị tại TCTD phục vụ chung cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế GTGT. Việc các văn bản dưới Luật quy định TCTD không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào của các tài sản này là chưa phù hợp với nguyên tắc khấu trừ tại Điểm b Khoản 1 Điều 12. Trường hợp thấy cần thiết phải giữ nguyên quy định máy thì đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét Luật hóa quy định về thuế GTGT đầu vào đối với TSCD, máy móc thiết bị của TCTD và các hoạt động liên quan không được khấu trừ. Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định cụ thể khái niệm "<i>thuế GTGT đầu vào khác liên quan tới TSCD, máy móc, thiết bị</i>" chỉ gồm sửa chữa, bảo dưỡng hay bao gồm cả các chi phí để phục vụ công tác vận hành.</p>	<p>Theo quy định thì thuế GTGT đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì mới được khấu trừ. Quy định này cũng phù hợp với thông lệ quốc tế.</p> <p>Trường hợp doanh nghiệp tài trợ hàng hóa thì thuế GTGT đầu vào đã được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu</p>
	<p>c) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại được khấu trừ toàn bộ;</p>	<p>1. Hiệp hội ngân hàng: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét sửa đổi, bổ sung thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa dịch vụ mua vào của tổ chức, cá nhân dùng để tài trợ cho các chương trình do Nhà nước kêu gọi theo quy định được khấu trừ toàn bộ. Các chương trình tài trợ do Nhà nước kêu gọi các tổ chức và cá nhân tham gia đều là các chương trình ích</p>	

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>d) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí được khấu trừ toàn bộ:</p>	<p>nước, lợi nhà, phục vụ cho các mục tiêu chung của Nhà nước, vì lợi ích của người dân. Vì vậy cần khuyến khích doanh nghiệp chia sẻ gánh nặng cho Ngân sách Nhà nước bằng việc cho phép khấu trừ toàn bộ thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua vào dùng cho công tác tài trợ theo quy định của Nhà nước.</p>	<p>thuế TNDN. Vì vậy, Bộ Tài chính giữ nguyên như Luật hiện hành.</p>
	<p>d) Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.</p>	<p>1. Tỉnh Thanh Hóa: Đề nghị sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 12 thêm từ Quý vì kỳ tính thuế của NNT theo quy định được kê khai theo tháng hoặc quý, chuyển từ sai sót thành sai, sót để giúp NNT dễ hiểu hơn trong trường hợp bỏ sót hóa đơn đầu vào.</p> <p>2. Tỉnh Bình Phước, Thành phố Hồ Chí Minh, Hiệp hội ngân hàng: Đề nghị sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 12 dự thảo Luật theo hướng: ... <i>Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung theo quy định tại Luật quản lý thuế.</i></p> <p>3. Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu: Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 12 như sau:</p> <p>d) Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định</p>	<p>Bộ Tài chính đã tiếp thu ý kiến này theo hướng bổ sung quy định trong trường hợp người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế có sai, sót thì thực hiện kê khai, khấu trừ bổ sung theo quy định của pháp luật quản lý thuế.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế. Trường hợp xuất hóa đơn chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán khi kết thúc chương trình (kỳ) chiết khấu hàng bán hoặc đạt doanh số thi căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh thu mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào tại kỳ xuất hóa đơn điều chỉnh.” Lý do: Thực tế phát sinh rất nhiều trường hợp NNT phải xuất hóa đơn chiết khấu thương mại hoặc hóa đơn giảm giá hàng bán khi khách hàng đạt chỉ tiêu về doanh số, do đó cần bổ sung quy định chi tiết kê khai đối với trường hợp này. Mặt khác, việc thông nhất kê khai hóa đơn chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán vào cùng kỳ lập hóa đơn giúp việc quản lý của cơ quan thuế đối với NNT được thuận lợi hơn.</p>	
<p>2. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào được quy định như sau:</p> <p>a) (0) hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa, dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu:</p>	<p>1. Tinh Bình Phước: Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 12 dự thảo Luật như sau: <i>Có hóa đơn GTGT mua hàng hóa, dịch vụ hợp pháp hoặc chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu.</i></p> <p>2. Hiệp hội Ngân hàng: Khoản 1 Điều 81 Thông tư 80/2021/TT-BTC quy định: chỉ khi nhà cung cấp nước ngoài không thực hiện đăng</p>	<p>Hiện nay đã có quy định cụ thể về hóa đơn GTGT, hóa đơn hợp lệ, hợp pháp. Do vậy, không cần thiết bổ sung vào Luật thuế GTGT.</p> <p>Đề quản lý được việc mua hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp, Luật thuế GTGT đã quy định một trong các điều kiện để được</p>	

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam thì bên Việt Nam mới kê khai và nộp thay theo Thông tư 103/2014/TT-BTC.</p> <p>Hiện đã có 39 nhà cung cấp nước ngoài đăng ký thuế, khai và nộp thuế tại Việt Nam, bao gồm nhiều công ty công nghệ lớn cung cấp dịch vụ quảng cáo trực tuyến như Facebook, Google, TikTok... Trường hợp nhà cung cấp nước ngoài đã nộp thuế (bao gồm thuế GTGT) tại Việt Nam thì bên Việt Nam đã phải chịu thuế GTGT trong giá mua dịch vụ. Tuy nhiên, nhà cung cấp nước ngoài lại không cung cấp hóa đơn đầu vào (do pháp luật về hóa đơn không quy định) và cũng không có chứng từ nộp thuế GTGT khấu nhập khẩu (do bên Việt Nam không nộp thay). Do đó, bên Việt Nam không có đủ chứng từ để khấu trừ thuế GTGT đã bỏ ra. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung thêm quy định về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với dịch vụ mua của nhà cung cấp nước ngoài đã đăng ký kê khai, nộp thuế trực tiếp tại Việt Nam.</p>	<p>khấu trừ thuế là có hóa đơn GTGT mua hàng hóa, dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu chứng từ. Theo đó, trường hợp bên Việt Nam mua dịch vụ của các nhà cung cấp không đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì trên hóa đơn bán hàng không thể hiện được số thuế đầu ra, người mua hàng không được kê khai khấu trừ.</p> <p>Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>b) Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng;</p>	<p>1. Tỉnh Hà Nam: Đề xuất sửa đổi: “Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào, trừ hàng hoá, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới năm triệu đồng;”</p> <p>Lý do: Việc thanh toán không dùng tiền mặt đã được thực hiện dễ dàng, thuận tiện (thanh toán qua các tổ chức tín dụng; các tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán trung gian; các tổ chức viễn thông); Phù hợp với chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt, kiểm soát tiền mặt; Phòng chống rửa tiền; Kiểm soát tốt hơn dòng tiền, tài sản, thu nhập; Ngăn chặn gian lận trong khâu trừ, hoàn thuế GTGT.</p> <p>2. Tỉnh Quảng Ngãi, Thành phố Đà Nẵng: Đề nghị sửa đổi: có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa dịch vụ mua vào từng lần có giá trị dưới năm triệu đồng.</p> <p>3. Tỉnh Lâm Đồng, Tỉnh Quảng Nam: Tại điểm b, khoản 2 Điều 12 đề nghị sửa đổi: Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới mười triệu đồng.</p> <p>4. Tỉnh Trà Vinh: Tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 12 đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “a) Có hoá đơn giá trị gia tăng mua hàng hoá, dịch vụ dùng để phục vụ cho sản xuất kinh doanh</p>	<p>Nội dung kiến nghị của đơn vị đã có trong định hướng sửa đổi. Do đây là bước lập đề nghị xây dựng Luật, dự thảo đề cương mới chi đề cập định hướng sửa đổi, Bộ Tài chính xin ghi nhận kiến nghị đề nghị nghiên cứu và đưa ra đề xuất cụ thể sau khi dự án Luật được đăng ký vào Chương trình xây dựng Luật của Quốc hội.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế giá trị gia tăng hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu (trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất tra hàng do hàng kém chất lượng, hàng bị lỗi); b) Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hoá, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng; <u>có chứng từ nộp thuế GTGT thay cho nhà thầu nước ngoài đúng theo quy định của chính sách thuế nhà thầu.</u>" Lý do: Để có điều kiện ràng buộc chặt chẽ hơn.</p>	
		<p>5. Thành phố Cần Thơ: Tại điểm b khoản 2 Điều 12. Khấu trừ thuế GTGT đầu vào</p> <p>Đề nghị đổi nội dung thành: "<i>b) Các hóa đơn được khấu trừ phải được thanh toán qua ngân hàng hoặc các tổ chức trung gian thanh toán.</i>"</p> <p>Nguyên nhân: Vì hiện nay việc thanh toán qua ngân hàng hoặc các tổ chức trung gian thanh toán được nhà nước cấp phép đang phát triển rộng rãi và thuận tiện, hướng tới không dùng tiền mặt.</p>	<p>Điều kiện về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt hiện đang được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định và Thông tư hướng dẫn Luật thuế GTGT. Do đó, sẽ tiếp thu khi sử Nghị định và Thông tư hướng dẫn.</p>
		<p>6. Thành phố Hồ Chí Minh: Bổ sung quy định phải thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản chi phí tiền lương, chi phí được phép lập bang kê.</p>	<p>Đối với những khoản chi này không có hóa đơn GTGT nên không được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Do đó, việc quy định phải thanh toán qua ngân hàng để được kê khai, khấu trừ là chưa phù hợp. Đề nghị giữ như Luật hiện hành.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>c) Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải có: hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán, gia công hàng hóa, cung ứng dịch vụ; hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt; tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu.</p> <p>Việc thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu dưới hình thức thanh toán bù trừ giữa hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu với hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu, trả nợ thay Nhà nước được coi là thanh toán không dùng tiền mặt.</p>	<p>1. Thành phố Hồ Chí Minh: Bộ quy định về việc khấu trừ thuế đối với chứng từ nộp thuế GTGT kê khai nộp thay nhà thầu nước ngoài để thông nhất với trường hợp nhà thầu nước ngoài đã đăng ký nộp thuế tại công thông tin điện tử.</p>	<p>Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn vẫn có quy định người mua hàng khấu trừ nộp thuế thay cho nhà thầu (đối với trường hợp mua hàng không qua phương thức điện tử). Do vậy, đề nghị giữ như Luật hiện hành.</p>
		<p>1. Ban đọc Thái Mạnh Cường: Bộ sung thêm quy định về điều kiện khấu trừ đối với trường hợp nhà cung cấp nước ngoài đã đăng ký để kê khai nộp thuế trực tiếp tại Việt Nam.</p> <p>Bộ sung quy định giao Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều 12.</p>	<p>- Pháp luật thuế GTGT đã có quy định người nộp thuế đủ điều kiện đăng ký tính thuế theo phương pháp khấu trừ sẽ được khấu trừ thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào theo quy định. Trường hợp người nộp thuế đăng ký nộp thuế theo phương pháp trực tiếp thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Do đó, kiến nghị của ban đọc chưa phù hợp.</p> <p>- Tại Điều 16 Luật thuế GTGT hiện hành đã quy định giao Chính phủ quy định chi tiết Điều 12.</p>
		<p>2. Bộ Giao thông Vận tải: Đề nghị bổ sung quy định về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào</p>	<p>Pháp luật thuế GTGT đã có quy định về điều kiện khấu trừ thuế đầu vào đối với cơ</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>đối với dự án PPP.</p> <p>3. Bộ Ngoại giao: Tại khoản 2 Điều 12, đề nghị cần nhắc bổ sung quy định khấu trừ thuế GTGT đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ mua hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ trực tiếp để tránh thuế chồng thuế vì doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp sẽ xuất hóa đơn bán hàng trực tiếp (không có dòng thuế suất thuế GTGT và đơn giá đã bao gồm thuế GTGT (nếu có)) trong khi theo quy định hiện hành, một trong những điều kiện để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào là có hóa đơn GTGT mua bán hàng hóa, dịch vụ. Do đó, doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ không được khấu trừ thuế GTGT đối với hóa đơn mua vào là hóa đơn bán hàng.</p>	<p>sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, không phân biệt theo hàng hóa, dịch vụ đầu ra. Do đó, đề nghị giữ như Luật hiện hành.</p> <p>Với cơ chế khấu trừ thuế, Luật thuế GTGT khuyến khích cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ, đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ (số thuế phải nộp = số thuế GTGT đầu ra - số thuế GTGT đầu vào). Ngược lại, đối với cơ sở kinh doanh chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn chứng từ, nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT thì trên hóa đơn bán hàng không thể hiện được số thuế đầu ra, người mua hàng không được kê khai khấu trừ. Do đó, kiến nghị của Bộ Ngoại giao là chưa phù hợp với bản chất của Luật thuế GTGT.</p>
13	<p>Điều 13. Các trường hợp hoàn thuế</p> <p>1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.</p> <p>Trường hợp cơ sở kinh doanh đã đăng</p>	<p>1. Bộ Giao thông Vận tải: đề nghị bổ sung quy định về hoàn thuế đối với phần vốn đầu tư nhà nước hỗ trợ dự án (vốn VGI). Đối với vương quốc này, Cục thuế tỉnh Nghệ An cũng đã báo cáo Tổng cục thuế tại văn bản số 7609/C1-T1111 ngày 19/12/2022; đồng thời, Kiểm toán Nhà nước đã có kết luận đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn, làm rõ (văn bản số 557/KTN-TH</p>	<p>- Luật thuế GTGT đã quy định rõ các trường hợp được hoàn thuế GTGT. Do vậy, đề nghị thực hiện theo quy định của Luật hiện hành.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>ky nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ và có số thuế còn lại từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng.</p> <p>Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp:</p> <p>a) Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động;</p>	<p>ngày 14/9/2022 của Kiểm toán Nhà nước).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị bổ sung quy định về cơ quan nộp thuế đối với dự án đầu tư công trình giao thông đi qua nhiều địa phương. - Đề nghị bổ sung nội dung: (0 cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng, theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào tháng hoặc quý tiếp theo. Khi kết thúc năm tài chính số thuế giá trị gia tăng mà chưa được khấu trừ trong năm còn lại sẽ được hoàn thuế giá trị gia tăng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung này đã được quy định tại pháp luật về quản lý thuế. - Bộ Tài chính đã tiếp thu theo hướng bổ sung quy định “danh nghiệp sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5% nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý” được hoàn thuế GTGT.
		<p>2. Hội tư vấn thuế Việt Nam: Theo khái niệm dự án đầu tư tại Luật đầu tư gồm nhiều hình thức: dự án đầu tư mới của cơ sở kinh doanh đang hoạt động, dự án đầu tư mở rộng, trong dự án đầu tư tư có hoặc không chia giai đoạn dẫn đến vướng mắc trong thực tiễn hoàn thuế. Do đó, nên tổng kết đánh giá cụ thể thêm đối với từng trường hợp để đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể trong luật để thực hiện được phù hợp và thống nhất.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến tham gia của các đơn vị, Bộ Tài chính hoàn thiện định hướng sửa đổi theo hướng quy định dự án đầu tư được hoàn thuế GTGT là dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư.</p>
		<p>3. Công ty PwC: Theo quy định về thuế GTGT hiện hành thì hoàn thuế GTGT được áp dụng đối với “dự án đầu tư” nói chung, không có hướng dẫn cụ thể liệu rằng dự án đầu tư được hoàn thuế là dự án đầu tư mới hay dự án đầu tư</p>	

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>mở rộng. Do đó quý cơ quan nên cân nhắc việc quy định rõ cơ chế xử lý hoàn thuế GIGT giai đoạn đầu tư cho “dự án đầu tư mới”; dự án đầu tư mở rộng; dự án chia nhiều hạng mục, giai đoạn; đề tạo cơ chế minh bạch, rõ ràng để Bộ Tài Chính có hướng dẫn chi tiết về cơ chế xử lý hoàn và cơ quan thuế địa phương có thể áp dụng thống nhất khi xử lý hồ sơ. Ngoài ra, dự án đầu tư, dự án đầu tư mới, “dự án đầu tư mở rộng” cần nên được định nghĩa rõ ràng, căn cứ theo quy định Luật Đầu tư, để có sự thống nhất trong quy định văn bản pháp luật.</p>	<p>4. Thành phố Đà Nẵng: - Đề nghị có quy định cụ thể về hoàn thuế đối với trường hợp dự án đầu tư mở rộng.</p> <p>- Đề nghị điều chỉnh theo hướng trước khi cơ quan thuế ra quyết định hoàn thuế mà NNT đã góp đủ vốn điều lệ thì được hoàn thuế.</p>	
	<p>5. Tỉnh Nghệ An: Đề nghị không sửa đổi nội dung về “Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ vốn điều lệ như đã đăng ký” do đang phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 18 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Việc xác định vốn điều lệ tại thời điểm hoàn thuế cũng gặp nhiều vướng mắc: Có trường hợp doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền cho phép góp vốn điều lệ theo tiến độ đầu tư nên theo quy định cũng không được hoàn thuế. Có trường hợp tại thời điểm lập đề nghị hoàn thuế chưa góp đủ vốn điều lệ nhưng đến thời điểm cơ quan thuế ra quyết định hoàn thuế doanh nghiệp lại góp đủ vốn điều lệ.</p>	

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>6. Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu: Đề nghị sửa đổi, bổ sung:</p> <p>“1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo. Trường hợp cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư (Bao gồm đầu tư mới và đầu tư mở rộng) có số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ và có số thuế còn lại từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng.”</p>	<p>Theo đó, Bộ Tài chính tiếp thu định hướng sửa đổi theo hướng có thể nghiên cứu bỏ quy định không được hoàn thuế GTGT đối với dự án chưa góp đủ vốn điều lệ.</p>
		<p>Lý do: Doanh nghiệp “đang trong giai đoạn đầu tư” chưa được cấp giấy chứng nhận ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, chưa đủ điều kiện hoàn thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền chi thẩm định, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sau khi cơ sở kinh doanh chấm dứt giai đoạn đầu tư và hoàn tất các thủ tục khác theo quy định. Tuy nhiên, khi dự án hoàn thành, đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh, được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện, thì dự án lại không còn “trong giai đoạn đầu tư” để</p>	<p>Tại Luật đầu tư và các văn bản hướng dẫn đã có quy định cụ thể về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Tuy nhiên, do quy định tại pháp luật chuyên ngành, nhiều dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, như: điện lực, sản xuất được phẩm, kinh doanh khách sạn... đang trong giai đoạn đầu tư đầu không đáp ứng được điều kiện về hoàn thuế.</p> <p>Theo đó, đề phù hợp với thực tế, tránh vướng mắc trong thực hiện, tiếp thu ý kiến tham gia. Bộ Tài chính hoàn thiện định hướng sửa đổi theo hướng bỏ sung quy định rõ một số trường hợp được hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện: hoặc bỏ quy định này.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>b) Dự án đầu tư khai thác tài nguyên, khoáng sản được cấp phép từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 hoặc dự án đầu tư sản xuất sản phẩm hàng hóa mà tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên theo dự án đầu tư.</p> <p>Chính phủ quy định chi tiết khoản này.</p>	<p>đảm bảo điều kiện hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với dự án đầu tư.</p> <p>7. Tình Bình Định: Căn quy định rõ nội dung “điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư” tại khoản 1 điểm a “Dự án đầu tư không được hoàn khi chưa đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư” để tránh cơ quan thuế địa phương lạm quyền hoặc thiếu trách nhiệm do không nắm đầy đủ nội dung về điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư.</p>	
	<p>1. Tập đoàn Hòa chất Việt Nam: Bộ mục b, khoản 1, Điều 13</p>	<p>1. Thành phố Cần Thơ: Tại khoản 2 Điều 13. Các trường hợp hoàn thuế, quy định đối với cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT.</p>	<p>Để tránh cách hiểu khác về việc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí cũng thuộc trường hợp loại trừ không hoàn thuế GTGT đối với các dự án khai thác tài nguyên, khoáng sản được cấp phép từ ngày 01/7/2016, Bộ Tài chính đã sửa đổi theo hướng bổ sung quy định: Hoạt động tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư được hoàn thuế GTGT đến khi có khai thác dầu khí thương mại.</p>
	<p>2. Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý, trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu.</p>		<p>Trong bối cảnh hiện nay, việc hoàn thuế sớm cho doanh nghiệp sẽ tháo gỡ một phần khó khăn về vốn cho doanh nghiệp. Do đó, Bộ Tài chính đề nghị giữ như Luật hiện hành. Cơ quan thuế cần tăng cường, công tác kiểm tra sau hoàn thuế để hạn chế gian</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
<p>hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hai quan theo quy định của Luật hai quan. Thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau đối với người nộp thuế sản xuất hàng hóa xuất khẩu không vi phạm pháp luật về thuế, hải quan trong thời gian hai năm liên tục; người nộp thuế không thuộc đối tượng rủi ro cao theo quy định của Luật quản lý thuế.</p>	<p>Đối với nội dung này Công An thành phố Cần Thơ có ý kiến như sau: cần xem xét việc tăng số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ. Lý do: quá trình quản lý lĩnh vực thuế, nhận thấy nhiều cơ sở kinh doanh lợi dụng chính sách của nhà nước trong việc khuyến khích xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài là hoàn thuế GTGT cho các hàng hóa của doanh nghiệp trong diện ưu tiên xuất khẩu, một số doanh nghiệp hợp thức hoá đầu vào, lập hồ sơ không, sau đó sử dụng hồ sơ không này xin hoàn thuế GTGT để chiếm đoạt tiền hoàn thuế lên đến hàng trăm tỷ đồng.</p>	<p>lần.</p>	<p>Trường hợp cơ sở kinh doanh, kê cả đơn vị trực thuộc, không còn kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế hoặc đã bị thu hồi Giấy đăng ký doanh nghiệp do vi phạm pháp luật chưa hoàn thành thủ tục quyết toán thuế để chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định thì thuộc trường hợp rủi ro về thuế cao và thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế sau theo quy định pháp luật quản lý thuế (điểm d khoản 2 Điều 73 Luật quản lý thuế). Như vậy, cơ sở kinh doanh sẽ không được hoàn thuế GTGT đối với các trường hợp này.</p>
<p>2. Tinh Bà Rịa – Vũng Tàu: Đề nghị sửa đổi, bổ sung: “Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu ... theo quy định của Luật hải quan và trường hợp cơ sở kinh doanh, kê cả đơn vị trực thuộc, không còn kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế hoặc đã bị thu hồi Giấy đăng ký doanh nghiệp do vi phạm pháp luật chưa hoàn thành thủ tục quyết toán thuế để chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định. Thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau đối với người nộp thuế sản xuất hàng hóa xuất khẩu không vi phạm pháp luật về thuế, hải quan trong thời gian hai năm liên tục; người nộp thuế không thuộc đối tượng rủi ro cao theo quy định của Luật quản lý thuế.”</p> <p>Lý do đề nghị bổ sung: “... trừ... và trường hợp</p>	<p>Trường hợp cơ sở kinh doanh, kê cả đơn vị trực thuộc, không còn kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế hoặc đã bị thu hồi Giấy đăng ký doanh nghiệp do vi phạm pháp luật chưa hoàn thành thủ tục quyết toán thuế để chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định thì thuộc trường hợp rủi ro về thuế cao và thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế sau theo quy định pháp luật quản lý thuế (điểm d khoản 2 Điều 73 Luật quản lý thuế). Như vậy, cơ sở kinh doanh sẽ không được hoàn thuế GTGT đối với các trường hợp này.</p> <p>Luật quản lý thuế đã quy định cụ thể về phân loại hồ sơ hoàn thuế, theo đó, kiến</p>		

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>Ý KIẾN THIAM GIA</p> <p>cơ sở kinh doanh, kê cả đơn vị trực thuộc, không còn kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế hoặc đã bị thu hồi...” Doanh nghiệp đang hoạt động, trong tháng, quý có doanh thu xuất khẩu, có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ lớn hơn 300 triệu đồng, tại thời điểm đề nghị hoàn thuế, doanh nghiệp có chi nhánh (đơn vị hạch toán độc lập) đã bị cơ quan thuế phát hành thông báo người nộp thuế không kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký, đang mang theo hóa đơn giấy đã phát hành và doanh nghiệp có chi nhánh bị thu hồi Giấy đăng ký doanh nghiệp, chưa hoàn thành thủ tục quyết toán thuế để chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định. Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng, Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn hiện hành, trường hợp này không thuộc trường hợp “không được hoàn thuế”, cũng không thuộc trường hợp “chuyên kiểm tra trước, hoàn thuế sau”, cơ quan thuế cũng không kiểm tra được chi nhánh (hạch toán độc lập, có địa chỉ khác tỉnh với trụ sở chính) đang có trạng thái không kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký, cũng không có cơ sở để xác định rủi ro về thuế tại trụ sở chính (đang đề nghị hoàn thuế).</p>	<p>nghị nêu trên là chưa phù hợp.</p>
	<p>3. Thành phố Hồ Chí Minh: - Về hoàn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu, theo định hướng là “Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu được hoàn thuế GTGT”.</p>	<p>Đề đảm bảo chính sách rõ ràng, minh bạch, Bộ Tài chính định hướng sửa đổi, bổ sung theo hướng:</p> <p>- Bộ quy định: (1) Hàng hóa nhập khẩu sau</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>- Về hoàn thuế đối với trường hợp hàng hóa xuất khẩu của cơ sở kinh doanh thương mại thực tế phát sinh trường hợp mua bán lòng vòng qua nhiều khâu để thực hiện hoàn thuế, cơ quan Thuế khó kiểm soát do tính phức tạp và mất nhiều thời gian trong công tác xác minh nguồn gốc hàng hóa.</p> <p>Qua tổ chức họp lấy ý kiến các đơn vị, có ba phương án:</p> <p>+ Phương án 1: chi hoàn thuế GTGT đối với trường hợp trực tiếp sản xuất/ trực tiếp nhập khẩu (F0) hoặc mua trực tiếp của cơ sở sản xuất/ cơ sở nhập khẩu (F1) sau đó xuất khẩu; trường hợp mua bán lòng vòng, sau đó xuất khẩu thì không hoàn thuế GTGT (cơ sở thương mại được trừ vào chi phí tính thuế TNDN đối với phần thuế GTGT không được hoàn).</p> <p>+ Phương án 2: đối với trường hợp hàng hóa xuất khẩu không mua trực tiếp của cơ sở sản xuất/ cơ sở nhập khẩu, thì không phải tính thuế GTGT ở khâu kinh doanh thương mại (như sản phẩm nông sản chưa qua chế biến ở khâu kinh doanh thương mại).</p> <p>+ Phương án 3: đối với trường hợp hàng hóa xuất khẩu không mua trực tiếp của cơ sở sản xuất/ cơ sở nhập khẩu, kiến nghị bổ sung điều kiện hoàn thuế GTGT là người xuất khẩu phải chứng minh nguồn gốc của hàng hóa được</p>	<p>đó xuất khẩu không được hoàn GTGT; (ii) Hoàn thuế trước, kiểm tra sau đối với một số trường hợp hàng hóa xuất khẩu theo quy định của Luật quản lý thuế.</p> <p>- Bổ sung quy định xác định thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được hoàn.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>sản xuất tại Việt Nam, đã nộp thuế GTGT tại khâu nhập khẩu.</p> <p>Cục Thuế Thành phố kiến nghị theo phương án 1.</p>	
	<p>3. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế giá trị gia tăng khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết”</p>	<p>1. Tinh Dấu Lắc: Đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 13 quy định về các trường hợp được hoàn thuế theo định hướng: “3. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế giá trị gia tăng khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết” Tuy nhiên, theo quy định tại Luật doanh nghiệp, đổi với trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp thì Công ty chuyển đổi sẽ kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty được chuyển đổi.</p> <p>2. Thành phố Hồ Chí Minh: Đề xuất chi hoàn thuế GTGT trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Lưu ý thuế GTGT hiện hành quy định “Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế GTGT nộp thừa hoặc số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết” Tuy nhiên, theo quy định tại Luật doanh nghiệp, đổi với trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp thì Công ty chuyển đổi sẽ kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty được chuyển đổi.</p> <p>Theo đó, đề phù hợp với Luật doanh nghiệp. Bộ Tài chính hoàn thiện định hướng sửa đổi theo hướng bỏ quy định về hoàn thuế GTGT đối với trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động.</p>
	<p>4. Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu hoặc</p>		

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>giấy tờ nhập cảnh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp được hoàn thuế đối với hàng hóa mua tại Việt Nam mang theo người khi xuất cảnh.</p>		
	<p>5. Việc hoàn thuế giá trị gia tăng đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ chương trình, dự án hoặc nhà thầu chính, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chi định việc quản lý chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại được hoàn số thuế giá trị gia tăng đã trả cho hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam để phục vụ cho chương trình, dự án:</p>		
	<p>b) Tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ không hoàn lại, tiền viện trợ nhân đạo của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho chương trình, dự án viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo tại Việt Nam thì được hoàn số thuế giá trị gia tăng đã trả cho hàng hóa, dịch vụ đó.</p>		
	<p>6. Dối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật về ưu đãi miễn trừ ngoại giao mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam để sử dụng</p>		

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>được hoàn số thuế giá trị gia tăng đã trả ghi trên đơn giá trị gia tăng hoặc trên chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng.</p>		
	<p>7. Cơ sở kinh doanh có quyết định hoàn thuế giá trị gia tăng của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p>		
		<p>1. Bộ Công thương: Đề nghị bổ sung quy định vào Điều 13 như sau: “hoạt động tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư được hoàn thuế GTGT đến khi có khai thác dầu khí thương mại” do quy định tại điểm a khoản 2 mục 3 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ có quy định “... hoặc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, có số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong giai đoạn đầu tư lũy kế chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên được hoàn thuế GTGT...”. Thực tế hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động đều được hoàn thuế GTGT.</p>	<p>Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến theo hướng bổ sung quy định: Hoạt động tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư được hoàn thuế GTGT đến khi có khai thác dầu khí thương mại.</p>
		<p>2. Thành phố Hồ Chí Minh: - Quy định về kiểm tra hoàn thuế GTGT: đề xuất thực hiện</p>	<p>- Nội dung về “Thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau” thuộc chức năng quản lý</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p align="center">Điều 14. Hóa đơn, chứng từ</p> <p>1. Việc mua bán hàng hóa, dịch vụ phải có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật và các quy định sau đây:</p> <p>a) Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng; hóa đơn phải được ghi đầy đủ, đúng nội dung quy định, bao gồm cả khoản phụ thu, phí thu thêm (nếu có). Trường hợp bán hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng mà trên hóa đơn giá trị gia tăng không ghi khoản thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng đầu ra được xác định bằng giá thanh toán ghi trên hóa đơn nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng, trừ trường hợp quy</p>	<p>theo quy định tại Luật Quản lý thuế.</p> <p>- Đề xuất luật hóa các văn bản cá biệt (kể cả mang tính chi đạo) quy định về hoàn thuế GTGT, đặc biệt liên quan đến trách nhiệm của công chức thuế, cơ quan thuế khi giải quyết hoàn thuế.</p> <p>3. Tình Nghệ An: Đề nghị bổ sung nội dung "Thực hiện hoàn thuế nước, kiểm tra sau" vào định hướng sửa đổi đề đồng bộ Điều 73 Luật quản lý thuế.</p>	<p>thuế và đã được quy định tại Luật quản lý thuế. Theo đó, tiếp thu không quy định tại Luật này.</p> <p>- Pháp luật quản lý thuế đã có quy định về việc về kiểm tra hoàn thuế GTGT cũng như trách nhiệm của công chức thuế, cơ quan thuế khi giải quyết hoàn thuế. Đề nghị thực hiện theo Luật hiện hành.</p> <p align="center">Đã giải trình ở phần trên.</p>
14	<p align="center">Điều 14. Hóa đơn, chứng từ</p> <p>1. Việc mua bán hàng hóa, dịch vụ phải có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật và các quy định sau đây:</p> <p>a) Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng; hóa đơn phải được ghi đầy đủ, đúng nội dung quy định, bao gồm cả khoản phụ thu, phí thu thêm (nếu có). Trường hợp bán hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng mà trên hóa đơn giá trị gia tăng không ghi khoản thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng đầu ra được xác định bằng giá thanh toán ghi trên hóa đơn nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng, trừ trường hợp quy</p>		

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>định tại Khoản 2 Điều này;</p>		
	<p>b) Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng sử dụng hóa đơn bán hàng.</p> <p>2. Đối với các loại tem, vé là chứng từ thanh toán in sẵn giá thành toán thì giá thành toán tem, vé đó đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.</p>		
15	<p>Điều 15. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 202...</p> <p>2. Luật này thay thế Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12, Luật số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Điều 3 Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và Điều 1 Luật số 106/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế.</p>	<p>1. Tỉnh Hà Giang: Tồn Chương IV đề nghị sửa thành "Chương IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN" để bao hàm toàn bộ nội dung của chương.</p>	<p>Bộ Tài chính xin ghi nhận kiến nghị đề nghiên cứu sửa đổi sau khi dự án Luật được đăng ký vào Chương trình xây dựng Luật của Quốc hội.</p>
16	<p>Điều 16. Hướng dẫn thi hành Tổ chức thực hiện</p> <p><i>Chính phủ quy định chi tiết, hướng</i></p>	<p>1. Tỉnh Hà Giang: Sửa tên Điều 16 thành "Điều khoản thi hành".</p> <p>2. Tỉnh Bắc Giang: Tại Điều 16 Đề cương dự</p>	<p>Bộ Tài chính xin ghi nhận kiến nghị đề nghiên cứu sửa đổi sau khi dự án Luật được đăng ký vào Chương trình xây dựng</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<p>đơn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật này Điều 5, Điều 7, Điều 8, Điều 12 và Điều 13. những nội dung cần thiết khác của Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.</p>	<p>thảo Luật thuế GTGT sửa đổi, quy định như sau: Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Điều 5, Điều 7, Điều 8, Điều 12 và Điều 13. Do đó, tại các điều khoản nêu trên cần có nội dung “Chính phủ quy định chi tiết điều, khoản này” ở phần cuối các điều đó.</p> <p>3. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Đề nghị bổ sung quy định giao Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều 12 vì hiện nay có rất nhiều quy định dưới Luật về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào, quy định rộng hơn so với Luật. Do đó, cần có quy định giao Chính phủ quy định chi tiết để phù hợp với Luật ban hành các văn bản quy định pháp luật.</p> <p>4. Thanh phố Hồ Chí Minh: Tại Điều 14 quy định hóa đơn, chứng từ: đề xuất giao Chính phủ quy định chi tiết (do hiện tại Chính phủ đã ban hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ).</p>	<p>1. luật của Quốc hội.</p>
	<p>Những ý kiến về mục khác</p>	<p>1. Bộ Tài nguyên và Môi trường: dự thảo Tờ trình CP đề nghị bố cục theo đúng mẫu số 02 Phụ lục V Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, nội dung về mục tiêu, chính sách, giải pháp thực hiện đề riêng 1 mục. Đối với báo cáo đánh giá tác động: Đề nghị rà soát, bố cục cho phù hợp mẫu 01 Phụ lục V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.</p>	<p>Các ý kiến tham gia về chỉnh sửa lại kết cấu, bố cục, câu chữ tại dự thảo Tờ trình, Báo cáo tổng kết, Báo cáo đánh giá tác động... Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu tiếp thu để hoàn chỉnh dự thảo.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>2. Tỉnh Ninh Thuận: Tại tên gọi và cuối phần căn cứ dự thảo Luật: Kiến nghị bỏ cụm từ “sửa đổi” để phù hợp, vì đây là dự thảo Luật thay thế Luật thuế GTGT năm 2008. Kiến nghị bỏ sung Điều quy định về “đổi tương áp dụng” để đầy đủ</p>	<p>Các ý kiến tham gia về chỉnh sửa lại kết cấu, bố cục, câu chữ tại dự thảo Tờ trình, Báo cáo tổng kết, Báo cáo đánh giá tác động... Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu tiếp thu để hoàn chỉnh dự thảo.</p>
		<p>3. Bộ Kế hoạch và đầu tư: về kết cấu dự thảo Tờ trình: Bổ sung các nội dung đảm bảo phù hợp mẫu số 03 Phụ lục V Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Đối với chính sách I đề nghị bổ sung kinh nghiệm quốc tế quốc gia có trình độ tương đồng để tăng tính thuyết phục. Về báo cáo tổng kết: nghiên cứu bỏ sung kết quả khảo sát, phân tích đánh giá có định lượng, đặt trong mối tương quan với các chính sách quản lý khác. Về báo cáo đánh giá tác động: bỏ sung đánh giá tác động tổng thể gắn với thực hiện các giải pháp điều hành.</p>	<p>Các ý kiến tham gia về chỉnh sửa lại kết cấu, bố cục, câu chữ tại dự thảo Tờ trình, Báo cáo tổng kết, Báo cáo đánh giá tác động... Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu tiếp thu để hoàn chỉnh dự thảo.</p>
		<p>4. Tỉnh Hà Giang: a) Đề nghị ban soạn thảo bỏ sung 01 Điều quy định về “Đổi tương áp dụng” cho đầy đủ.</p>	<p>Do đây là bước lập đề nghị xây dựng luật, dự thảo đề cương mới chỉ đề cập định hướng sửa đổi, chưa có nội dung hướng dẫn chi tiết nên Bộ Tài chính xin ghi nhận kiến nghị sau khi dự án Luật được đăng ký vào Chương trình xây dựng Luật của Quốc hội.</p>
		<p>5. Tỉnh Thanh Hóa, Hiệp hội ngân hàng, Thành phố Hồ Chí Minh: Đề nghị bỏ sung trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT vào Luật thuế GTGT sửa đổi lý do đã hướng dẫn tại</p>	<p>- Bộ Tài chính xin ghi nhận kiến nghị để nghiên cứu đề xuất sau khi dự án Luật được đăng ký vào Chương trình xây dựng</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>Thông tư 219/2013/TT-BTC... nhưng không quy định tại Luật thuế GTGT.</p> <p>- Đề nghị chuyển mặt hàng sản phẩm gỗ đã qua chế biến như dăm gỗ từ chịu 10% sang đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT do quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 26/2015 và khoản 5 Điều 5 Thông tư số 219/2013. Lý do đáp ứng thực tế quy trình chế biến dăm gỗ là sản phẩm mới qua sơ chế thông thường, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa người trồng rừng, doanh nghiệp và nhà nước. Việc xác minh hàng kê hàng hóa trồng rừng giữa đơn vị xuất khẩu mặt hàng là khó khăn trong việc kiểm soát chặt chẽ việc hoàn thuế GTGT đối với dăm gỗ.</p> <p>6. Thành phố Hồ Chí Minh:</p> <p>- Kiến nghị bổ sung quy định về nguyên tắc xác định thuế GTGT:</p> <p>Về bản chất thuế GTGT là đánh vào hàng hóa, dịch vụ, do đó đề nghị nhất trong việc xác định mức thuế suất, kiến nghị áp dụng một mức thuế suất cho mỗi loại hàng hóa, dịch vụ, không phân biệt mục đích sử dụng của hàng hóa, dịch vụ đó và không phân biệt đối tượng mua hàng hóa, dịch vụ.</p> <p>Trưởng hợp một loại hàng hóa, dịch vụ đáp ứng tiêu chí ở các trường hợp xác định thuế GTGT khác nhau (ngoại trừ hàng hóa, dịch vụ</p>	<p>Luật của Quốc hội:</p> <p>- Kiến nghị chuyển mặt hàng sản phẩm gỗ đã qua chế biến như dăm gỗ từ chịu 10% sang đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT là chưa phù hợp, lý do: hiện nay vướng mắc về hoàn thuế đối với mặt hàng dăm gỗ là vướng mắc về quản lý thuế, không vướng về chính sách thuế GTGT.</p> <p>Bộ Tài chính tiếp thu kiến nghị theo hướng bổ sung về nguyên tắc xác định thuế suất như sau:</p> <p>- Bổ sung quy định "sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành sản phẩm khác hoặc chi qua sơ chế thông thường được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, được liệt kê áp dụng thuế suất GTGT theo mức thuế suất quy định cho sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản".</p> <p>- Bổ sung quy định "phế phẩm, phụ phẩm, phế liệu được thu hồi để tái chế, sử dụng lại khi bán ra áp dụng mức thuế suất theo</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>kiến nghị nguyên tắc xác định thuế xuất khẩu), kiến nghị nguyên tắc xác định thuế GTGT theo thứ tự: không chịu thuế, 5%, 10% (trường hợp cùng nhóm thuế GTGT thì thứ tự nào đến trước ưu tiên áp dụng theo thứ tự đó).</p> <p>Ví dụ: trường hợp mặt hàng bắp hạt nhập khẩu được sử dụng để làm thức ăn chăn nuôi, khi đó mặt hàng bắp hạt vừa đáp ứng tiêu chí "Sản phẩm trồng trọt chăn nuôi, thủy sản, hải sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu", vừa đáp ứng tiêu chí "thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản và thức ăn cho vật nuôi khác" thuộc nhóm đối tượng không chịu thuế GTGT, tuy nhiên mức thuế suất áp dụng trong 2 trường hợp khác nhau như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp xác định là "Sản phẩm trồng trọt chăn nuôi chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường" thì thuộc đối tượng không chịu thuế ở khâu tự sản xuất bán ra hoặc ở khâu nhập khẩu, nếu bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại thì thuộc trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT, nếu bán cho các đối tượng khác như hộ, cá nhân kinh doanh và các tổ chức, cá nhân khác thì kê khai, tính nộp thuế GTGT theo mức thuế suất 5%. - Trường hợp xác định là "thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản và thức ăn cho vật nuôi khác" 	<p>thuế suất của mặt hàng phế phẩm, phụ phẩm bán ra".</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT thông nhất từ khâu nhập khẩu, sản xuất đến thương mại.</p> <p>Từ ví dụ trên có thể thấy rất khó khăn trong việc xác định mức thuế suất GTGT của hàng hóa dịch vụ nếu có sự phân biệt về mục đích sử dụng, về đối tượng mua hàng hóa, dịch vụ.</p> <p>Do đó, Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị bổ sung nguyên tắc xác định thuế GTGT theo thứ tự: không chịu thuế, 5%, 10% (trường hợp cùng nhóm thuế GTGT thì thứ tự nào đến trước ưu tiên áp dụng theo thứ tự đó).</p>	
		<p>7. Bộ Nội vụ: - Nội dung "đối tượng không chịu thuế GTGT" đều được xác định là vấn đề bất cập trong chính sách 1, 2, 3. Theo đó, tại 3 chính sách đều đề xuất nội dung giải quyết vấn đề là "nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng không chịu thuế". Tương tự, các nội dung về "giá tính thuế", "thuế suất" cũng được lặp lại tại các chính sách. - Việc hoàn thiện các quy định của pháp luật đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật Việt Nam và phù hợp với thông lệ quốc tế là nguyên tắc xây dựng pháp luật, không phải là một chính sách trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật. Do đó, việc đề xuất chính sách 3, 4 tại hồ sơ là chưa phù hợp. Từ sự phân tích trên, đề nghị cần nhắc bộ cục lại các chính sách theo hướng: (1) chính sách về cơ sở thuế, (2) chính sách về giá tính</p>	<p>Các ý kiến tham gia về chỉnh sửa lại kết cấu, bố cục, câu chữ tại dự thảo Từ trình, Báo cáo tổng kết, Báo cáo đánh giá tác động... Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu tiếp thu để hoàn chỉnh dự thảo.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>thuế và thuế suất. (3) chính khâu trừ thuế và hoàn thuế. b) Tại các tài liệu của hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật đều nhất quán mục tiêu cải cách thủ tục hành chính. Tuy nhiên, nội dung này chưa được thể hiện tại các chính sách (chính sách 2 chỉ đề cập đến trong tên gọi, chưa có nội dung triển khai). Do đó, đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung nhằm thực hiện mục tiêu cải cách thủ tục hành chính tại hồ sơ đảm bảo sự phù hợp.</p> <p>8. Bộ Giao thông vận tải: Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), đề nghị: - Đánh giá tác động chính sách theo phương pháp định lượng, định tính, trong trường hợp không thể áp dụng phương pháp định lượng thì trong báo cáo đánh giá tác động của chính sách phải nêu rõ lý do. Do vậy, đối với Chính sách số 01 về mở rộng cơ sở thuế (thu hẹp đối tượng không chịu thuế GTGT, đối tượng chịu thuế GTGT 5%), đề nghị bổ sung đánh giá tác động chính sách theo phương pháp định lượng cụ thể đối với: (i) Các doanh nghiệp có hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT bổ sung như dự thảo Hồ sơ; đặc biệt là hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục san phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách</p>	<p>Các ý kiến tham gia về chỉnh sửa lại kết cấu, bố cục, câu chữ tại dự thảo Tờ trình, Báo cáo tổng kết. Báo cáo đánh giá tác động,... Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu tiếp thu đề hoàn chỉnh dự thảo.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>nhà nước, sản phẩm, dịch vụ công ích như giáo dục, đào tạo, thông tin truyền thông, kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn... (ii) Người tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT bổ sung như dự thảo Hồ sơ: đặc biệt là các mặt hàng nông, ngư nghiệp, văn hóa, thể thao, triển lãm,... - Nếu ít nhất 03 giải pháp trong chính sách. Tại dự thảo Hồ sơ chi nêu 02 giải pháp (áp thuế giá trị gia tăng và giữ nguyên hiện trạng). Do vậy, đề nghị bổ sung các giải pháp khác nhằm giải quyết khó khăn, vướng mắc bên cạnh giải pháp bổ sung thuế giá trị gia tăng. - Đối với các kinh nghiệm quốc tế, đề nghị nghiên cứu trong tổng thể chính sách lập pháp của các quốc gia trên (trường hợp chi có 02 mức thuế có áp dụng các chính sách khác song hành về ưu đãi, khuyến khích đối với các dịch vụ công, dịch vụ công ích... không).</p>	<p>- Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã gửi xin ý kiến các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, lấy ý kiến rộng rãi tổ chức, cá nhân có liên quan trên Công thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính. Theo đó, đề nghị các hiệp hội, doanh nghiệp ngành giao thông như: Hiệp hội cảng biển, Hiệp hội doanh nghiệp vận tải biển... có ý</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>quy định.</p> <p>- Bổ sung đánh giá tác động của Luật Thuế GTGT sửa đổi với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; thông kê số lượng văn bản quy phạm dưới Luật cần phải sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đề thống nhất nội dung với quy định mới của Luật Thuế GTGT sửa đổi.</p> <p>9. Bộ Tư pháp: Đề nghị cơ quan lập đề nghị xác định tên gọi chính sách cho chính xác, phù hợp với nội dung đề xuất. Đề nghị cơ quan lập đề nghị chia nội dung dự thảo Luật theo nhóm chính sách : (1) các cơ chế, chính sách đã được quy định tại Luật hiện hành (không sửa đổi, bổ sung) (2) các cơ chế, chính sách đã được quy định tại Luật hiện hành nhưng có sửa đổi, bổ sung (3) các cơ chế, chính sách được bổ sung mới so với quy định của Luật hiện hành.</p> <p>Về chính sách 2: cần có đánh giá tác động kỹ lưỡng để đạt được mục tiêu đặt ra. Về chính sách 4: bổ sung nội dung đánh giá về sự phù hợp và mức độ bảo đảm thực hiện cam kết quốc tế của VN trong lĩnh vực thuế GTGT đang dự kiến sửa đổi.</p> <p>Về dự thảo Từ trình: đề nghị bổ sung nội dung chính sách cho từng chính sách cụ thể khi</p>	<p>kiến tham gia. Ý kiến tham gia có thể gửi trực tiếp về Bộ Tài chính hoặc thông qua Bộ Giao thông Vận tải hoặc các Hiệp hội doanh nghiệp như VCCI.</p> <p>- Kiến nghị về việc thống kê các văn bản dưới Luật cần sửa đổi sẽ được được thực hiện sau khi đề nghị xây dựng Luật được thông qua.</p> <p>Bộ Tài chính tiếp thu kiến nghị và hoàn thiện lại hồ sơ lập đề nghị xây dựng dự án Luật.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>để xuất và hoàn thiện lại dự thảo Từ trình theo các nội dung tại điểm a khoản 1 Điều 37 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>Về Báo cáo đánh giá tác động: Đề nghị đánh giá đầy đủ, chi tiết hơn tác động của chính sách theo đúng các nội dung quy định tại Luật BHVBQPPL, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể: cần làm rõ nội hàm từng chính sách, nghiên cứu đưa nhiều hơn các phương án trong từng chính sách, phân tích ưu, nhược điểm từng phương án lựa chọn. Cần 05 nội dung: (1) Xác định vấn đề bất cập, (2) Mục tiêu giải quyết vấn đề (3) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề (4) Đánh giá tác động (5) Kiến nghị giải pháp lựa chọn.</p> <p>Về trình tự, thủ tục soạn thảo: lập đề nghị theo Điều 37 Luật Ban hành và gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình chính phủ theo Điều 39 Luật Ban hành.</p> <p>10. Bộ Ngoại giao: Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá tính tương thích của nội dung chính sách với các cam kết quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên theo quy định tại Điều 34 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2020.</p> <p>11. Hiệp hội ngân hàng:</p> <p>- Theo pháp luật về kế toán đối với công ty chứng khoán (quy định tại Thông tư</p>	<p>Do đây là bước lập đề nghị xây dựng Luật, dự thảo đề cương mới chi đề cập định hướng sửa đổi, Bộ Tài chính sẽ có đánh giá tính tương thích đối với cam kết quốc tế sau khi dự án Luật được đăng ký vào chương trình xây dựng Luật của Quốc hội.</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>334/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính), doanh thu bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là khoản chênh lệch tăng giữa giá bán thực tế và giá mua (chênh lệch lãi được ghi nhận vào TK 511 - Thu nhập). Theo pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 15 Thông tư 78/2014/TT-BTC, khoản trong kỳ được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua của chứng khoán chuyển nhượng. Do đó, doanh thu đối với hoạt động tự doanh chứng khoán để xác định tỷ lệ thuế GTGT đầu vào là khoản lãi mà công ty chứng khoán thu được (chênh lệch tăng giữa giá bán thực tế và giá mua) chứ không phải là giá trị bán chứng khoán. Tuy nhiên, nhiều cơ quan thuế và cơ quan thanh kiểm tra hiện nay đang xác định doanh thu của hoạt động chuyển nhượng chứng khoán chi bằng giá bán. Điều này là chưa phù hợp với đặc thù của hoạt động chứng khoán. Do đó, đề nghị xem xét bổ sung quy định xác định chi tiêu doanh thu để tính lệ thuế GTGT khấu trừ trong chuyển nhượng chứng khoán của công ty chứng khoán (tự doanh chứng khoán) là khoản chênh lệch tăng giữa giá bán thực tế và giá mua.</p>	
		<p>12. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Đề nghị bổ sung nội dung "Đôi tượng điều chỉnh của Luật" để đảm bảo phù hợp với yêu cầu các nội dung phai có của Torr trình quy định</p>	<p>- Các ý kiến tham gia về chỉnh sửa lại kết cấu, bố cục, cấu chữ tại dự thảo Torr trình. Báo cáo tổng kết. Báo cáo đánh giá tác động... Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu tiếp thu</p>

STT	NỘI DUNG DỰ THẢO	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<p>tại điểm a khoản 1 Điều 37 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>Các chỉnh sách trong Đề nghị xây dựng Luật đề nghị xem xét, cân nhắc đưa ra nhiều hơn 02 giải pháp đề xuất sửa đổi, bổ sung khác nhau (01 giải pháp giữ nguyên; 02 giải pháp đề xuất sửa đổi, bổ sung khác nhau) để có cơ sở đánh giá, so sánh chi phí lợi ích của các giải pháp, đảm bảo tính thuyết phục trong lựa chọn giải pháp.</p> <p>13. Bộ Công thương: Đề nghị BTC rà soát, nghiên cứu, sửa đổi các nội dung về xuất nhập khẩu tại chỗ trong Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu cùng với Luật thuế GTGT, Luật Thương mại để đảm bảo đồng bộ trong hệ thống pháp luật.</p>	<p>đề hoàn chỉnh dự thảo.</p> <p>Bộ Tài chính đã tiếp thu và hoàn thiện lại hồ sơ lập đề nghị xây dựng dự án Luật.</p>



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế giá trị gia tăng

Ngày 03/6/2008, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XII, đã thông qua Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) số 13/2008/QH12 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 thay thế Luật thuế GTGT năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT số 07/2003/QH11.

Ngày 19/6/2013, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XIII đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT số 31/2013/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014.

Ngày 26/11/2014, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XIII đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015, trong đó có sửa đổi, bổ sung về thuế GTGT.

Ngày 06/4/2016, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XIII đã thông qua Luật số 106/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016.

Luật thuế GTGT sửa đổi, bổ sung qua các năm với nhiều thay đổi đánh dấu bước ngoặt mới trong chính sách thuế GTGT của nước ta. Qua thời gian thực hiện, Luật thuế GTGT đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt kinh tế - xã hội và đã đạt được mục tiêu đề ra. Cụ thể như sau:

A. TONG KẾT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN LUẬT THUẾ GTGT

1. Kết quả đạt được

Bám sát mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và tài chính - ngân sách giai đoạn 2011-2020, Luật thuế GTGT về cơ bản đã đạt được mục tiêu đề ra khi ban hành cũng như các lần sửa đổi, bổ sung như: Cải cách chính sách thuế GTGT nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; tháo gỡ khó khăn, khuyến khích doanh nghiệp, cá nhân và tổ chức khác đầu tư, sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững; đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế, ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước (NSNN). Bên cạnh đó, Luật thuế GTGT đã góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh

tranh bình đẳng và cải cách thủ tục hành chính cho người nộp thuế, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Hỗ trợ phát triển, nâng cao chất lượng sản xuất công nghiệp theo hướng chế biến sâu, nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại, khuyến khích đầu tư sản xuất kinh doanh, thúc đẩy xuất khẩu. Đồng thời, Luật thuế GTGT cũng khuyến khích doanh nghiệp tăng cường quản trị kinh doanh, phòng ngừa các hành vi lợi dụng chính sách hoàn thuế GTGT. Với tỷ trọng lớn trong số thu NSNN, thuế GTGT góp phần tạo lập nguồn lực tài chính để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra. Cụ thể:

Thứ nhất, Luật thuế GTGT đã được hoàn thiện theo đúng định hướng cải cách hệ thống thuế đã được xác định trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước, đồng thời bám sát các mục tiêu định hướng xác định trong Chiến lược cải cách hệ thống chính sách thuế giai đoạn 2011-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 18/5/2011 như: Giảm bớt số lượng nhóm hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT; giảm bớt nhóm hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất 5%; hoàn thiện phương pháp tính thuế, tiến tới cơ bản thực hiện phương pháp khấu trừ thuế; quy định về ngưỡng doanh thu để áp dụng hình thức kê khai thuế GTGT phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước và thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó, Luật thuế GTGT đã quy định theo hướng giảm bớt thủ tục hành chính cho người nộp thuế và cơ quan thuế, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Cụ thể:

- Luật thuế GTGT đã sửa đổi, giảm bớt các nhóm hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế (chuyển 03 nhóm từ không chịu thuế sang chịu thuế GTGT) đã tạo điều kiện cho việc tính thuế, khấu trừ thuế được liên hoàn giữa các khâu trong quá trình sản xuất kinh doanh; sắp xếp, điều chỉnh hợp lý hơn các nhóm hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất 5% và 10% (chuyển một số nhóm hàng hóa từ thuế suất 5% sang áp dụng thuế suất 10%) đã góp phần nâng cao sự minh bạch về chính sách, nâng cao hiệu quả quản lý của cả cơ quan thuế và người nộp thuế.

- Luật thuế GTGT quy định mức ngưỡng doanh thu 01 tỷ đồng để áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ phù hợp với thông lệ quốc tế và chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2020. Cùng với việc áp dụng ngưỡng đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và đơn giản hoá cách tính thuế đối với người nộp thuế có doanh thu dưới ngưỡng đã góp phần giảm bớt thủ tục hành chính cho doanh nghiệp có quy mô nhỏ, siêu nhỏ. Đồng thời giảm chi phí, thời gian kê khai, nộp thuế GTGT đối với người nộp thuế và chi phí quản lý của cơ quan thuế. Hạn chế được việc một số doanh nghiệp lợi dụng cơ chế thông thoáng trong việc thành lập doanh nghiệp để thành lập doanh nghiệp chỉ nhằm mua bán hoá đơn, lợi dụng hoá đơn không kê khấu trừ, hoàn thuế làm ảnh hưởng xấu đến môi trường kinh doanh, gây thất thu cho NSNN.

- Quy định về nguyên tắc xác định hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu áp dụng

thuế suất 0% theo địa điểm tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ đã khắc phục các vướng mắc trong thực tiễn trước đây (căn cứ theo tiêu chí bên nước ngoài có hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam), tránh các trường hợp lách luật (cung cấp các dịch vụ cho nước ngoài nhưng thực tế tiêu dùng dịch vụ tại Việt Nam) cũng như giải quyết được vướng mắc cho người nộp thuế (thực chất cung cấp dịch vụ cho nước ngoài và tiêu dùng ngoài Việt Nam nhưng không rõ phía nước ngoài có hay không có cơ sở thường trú tại Việt Nam).

- Luật cũng quy định mức thuế tối thiểu được hoàn đối với đầu tư và xuất khẩu là 300 triệu đồng (trước đây là 200 triệu đồng) góp phần khắc phục những bất cập, góp phần phòng chống gian lận trong hoàn thuế, đồng thời có tác dụng thúc đẩy doanh nghiệp sản xuất trong nước đẩy nhanh việc đưa dự án vào hoạt động và thúc đẩy quá trình lưu thông hàng hóa, giảm bớt thủ tục hành chính, giảm khối lượng hồ sơ hoàn thuế, tạo thuận lợi cho người nộp thuế và cơ quan thuế góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Ngoài ra, việc quy định đối tượng không chịu thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm triệu đồng trở xuống đã tạo thuận lợi cho người nộp thuế, giảm chi phí khai nộp thuế và giảm chi phí hành thu của cơ quan thuế, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý của nhà nước.

Thứ hai, Luật thuế GTGT đã góp phần tháo gỡ khó khăn và thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, trong đó đã chú trọng để khuyến khích nông nghiệp phát triển, giảm chi phí đầu vào cho hoạt động sản xuất nông nghiệp theo đúng định hướng, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Luật thuế GTGT cũng đã góp phần vào đảm bảo an sinh xã hội, giảm chi phí đối với hàng hóa, dịch vụ thiết yếu, cụ thể:

- Theo quy định của Luật thuế GTGT hiện hành hàng hóa, dịch vụ trong ngành nông nghiệp chủ yếu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT (sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu; sản phẩm là giống vật nuôi, giống cây trồng; tưới, tiêu nước; cày, bừa đất; nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp; sản phẩm muối được sản xuất từ nước biển) hoặc thuộc đối tượng áp dụng mức thuế suất 5% (thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng; dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp; mũ sao su sơ chế; nhựa thông sơ chế; lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá; đường; phụ phẩm trong sản xuất đường; sản phẩm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, rơm, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp; bông sơ chế) góp phần tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành nông nghiệp.

- Việc quy định đối tượng không chịu thuế GTGT đối với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ: dạy học, dạy nghề, dịch vụ khám chữa bệnh, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi hoặc quy định thuế suất thuế GTGT 5% (mức thuế suất ưu đãi) đối với mặt hàng thiết yếu: nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt, trang thiết bị y tế, lương thực, thực phẩm, dụng cụ dạy học dạy nghề đã góp phần giảm chi phí cho người tiêu dùng và đảm bảo an sinh xã hội.

Thứ ba, Luật thuế GTGT đã góp phần định hướng sản xuất và tiêu dùng từ đó định hướng doanh nghiệp đầu tư sản xuất theo đúng đường lối chủ trương chính sách của Đảng, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển công nghệ, đầu tư đổi mới tài sản cố định (TSCĐ), khuyến khích xuất khẩu, góp phần thúc đẩy vốn đầu tư xã hội tăng trưởng, cụ thể:

- Luật thuế GTGT quy định đối tượng không chịu thuế đối với: Máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; hoạt động chuyển giao công nghệ, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ hoặc quy định mức thuế suất thấp 5% đối với dịch vụ khoa học công nghệ. Quy định này đã góp phần tạo điều kiện hỗ trợ vốn để doanh nghiệp thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và khuyến khích doanh nghiệp nhận chuyển giao công nghệ, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ từ nước ngoài.

- Luật thuế GTGT quy định đối tượng không chịu thuế GTGT đối với tài nguyên khoáng sản chưa qua chế biến hoặc đã qua chế biến nhưng tiêu tốn nhiều năng lượng đã góp phần hạn chế xuất khẩu tài nguyên, khoáng sản thô, góp phần định hướng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp khi đầu tư vào những ngành này.

- Luật thuế GTGT quy định cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư đang trong giai đoạn đầu tư thì được hoàn thuế GTGT nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ hết từ 300 triệu trở lên. Hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu được áp dụng thuế GTGT 0%, nghĩa là không phải nộp thuế GTGT khi xuất khẩu đồng thời được hoàn lại toàn bộ thuế GTGT đầu vào; cơ sở kinh doanh xuất khẩu được hoàn thuế nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ hết từ 300 triệu trở lên trong khi các cơ sở kinh doanh thông thường chỉ được khấu trừ vào các kỳ tiếp theo, không được hoàn thuế. Theo số liệu của cơ quan thuế, số hoàn thuế GTGT tăng dần qua các năm, năm sau cao hơn năm trước trong giai đoạn 2013 đến năm 2021, số tiền hoàn bình quân từ năm 2013-2021 chiếm khoảng 27,1% tổng thu từ thuế GTGT (Chi tiết trong Phụ lục kèm theo). Do vậy, thuế GTGT đã khuyến khích xuất khẩu, hạ giá bán của sản phẩm xuất khẩu tạo điều kiện cho hàng hóa, dịch vụ của Việt Nam cạnh tranh trên thị trường quốc tế, kim ngạch xuất khẩu qua các năm đều tăng: Năm 2013 tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 132,2 tỷ USD, đến năm 2021 đạt 336,31 tỷ USD (tăng trưởng khoảng 254% so với năm 2013).

Bên cạnh đó, thông qua việc hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư và hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu cùng với các biện pháp cải cách có liên quan khác đã tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển công nghệ, đầu tư đổi mới TSCĐ, tạo điều kiện để doanh nghiệp hạ giá hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế, từ đó khuyến khích xuất khẩu tăng trưởng, góp phần thúc đẩy vốn đầu tư xã hội, đặc biệt là đối với nguồn vốn ngoài nhà nước. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội cũng tăng trưởng đều năm sau cao hơn năm trước, cụ thể: năm 2013 khoảng 1.094.543 tỷ đồng thì đến năm 2021 đã tăng lên khoảng 2.919.100 tỷ đồng, tăng gần 267% so với năm 2013.

Thứ tư, Luật thuế GTGT góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, minh bạch các hoạt động kinh tế, chống gian lận thông qua khuyến khích phát triển các giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt giữa các doanh nghiệp qua đó góp phần hạn chế hoàn thuế không nhằm chiếm đoạt tiền từ NSNN. Bên cạnh đó, Luật thuế GTGT đã quy định điều kiện hoàn thuế GTGT, điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào để thúc đẩy hạch toán kế toán, sử dụng hoá đơn, chứng từ, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

Trước năm 2009 việc khấu trừ thuế GTGT đầu vào khâu nội địa chỉ căn cứ vào hóa đơn GTGT của người bán, không có quy định về việc phải thanh toán qua ngân hàng khâu kinh doanh trong nước nên đã phát sinh tình trạng nhiều doanh nghiệp lập hóa đơn không (hóa đơn không kèm theo hàng hóa, dịch vụ và không kèm theo việc thanh toán tiền) để lợi dụng trốn thuế (không kê khai nộp thuế đối với giao dịch tiền mặt) chiếm đoạt tiền thuế.

Từ ngày 01/01/2009, để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào thì Luật thuế GTGT đã quy định một trong những điều kiện quan trọng là doanh nghiệp phải có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị trên hai mươi triệu đồng. Quy định này đã thúc đẩy phát triển giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt giữa các doanh nghiệp – đây là chủ trương lớn của Quốc hội, Chính phủ và góp phần ngăn chặn các hành vi mua bán, sử dụng hoá đơn bất hợp pháp, gian lận trong khấu trừ, hoàn thuế GTGT, chống thất thu ngân sách, tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, lành mạnh, góp phần chống rửa tiền.

Thông qua việc quy định rõ các điều kiện khấu trừ thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ trong nước và hoàn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, Luật thuế GTGT tạo điều kiện cho cơ quan thuế và cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra việc kê khai tính thuế, nộp thuế, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; đòi hỏi doanh nghiệp thực hiện tốt hơn việc mua bán hàng hóa, dịch vụ phải có hóa đơn, chứng từ và khuyến khích việc thanh toán không dùng tiền mặt. Từ đó, làm cho hoạt động kinh tế minh bạch, lành mạnh.

Thứ năm, Luật thuế GTGT góp phần quan trọng, ổn định, đảm bảo tỉ lệ động viên hợp lý cho NSNN nhằm đáp ứng nguồn tài chính cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết việc làm. Qua đó, đã góp phần quan

trọng trong việc cơ cấu lại thu NSNN theo hướng bền vững, giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn thu từ tài nguyên khoáng sản (dầu thô) và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Thuế GTGT tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trong động viên vào NSNN, đây là sắc thuế có số thu lớn nhất trong hệ thống thu NSNN của Việt Nam hiện nay. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, hiệu suất thu tốt của thuế GTGT góp phần đảm bảo cân đối cơ bản cho thu chi NSNN. Ngoài ra, thuế GTGT được nộp vào ngân sách kịp thời (hàng tháng, hàng quý kể tiếp tháng, quý phát sinh giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ) nên thuế GTGT tạo dòng tiền đều cho ngân sách.

Từ năm 2013 đến năm 2019, mặc dù nền kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng bởi kinh tế thế giới nhưng số thu về thuế GTGT vẫn được bảo đảm, tăng trưởng đều qua các năm và ổn định về tỷ trọng thu thuế GTGT trong tổng số thu NSNN. Theo thống kê của cơ quan quản lý thu thì số thu về thuế GTGT luôn chiếm tỷ lệ cao trong tổng số thu NSNN cũng như chiếm tỷ lệ cao trong tổng số thu về thuế, cụ thể: Năm 2013 tổng số thu thuế GTGT đã trừ hoàn thuế (thực thu) thấp nhất khoảng 208.536 tỷ đồng, năm 2019 cao nhất khoảng 362.691 tỷ đồng. Tỷ trọng số thực thu thuế GTGT trong tổng thu NSNN ổn định qua các năm, năm 2014 cao nhất khoảng 26,9%, năm 2019 thấp nhất còn khoảng 23,3%, năm 2020 ước thực hiện khoảng 22,7%, năm 2021 ước thực hiện khoảng 24% (năm 2020, 2021 chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19) (Chi tiết trong Phụ lục kèm theo).

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế, do sự biến động nhanh của kinh tế - chính trị thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, qua triển khai thực hiện chính sách thuế GTGT cũng đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, vẫn có điểm chưa phù hợp với thông lệ quốc tế, chưa phù hợp với nguyên tắc của thuế GTGT, một số quy định còn phức tạp không thuận lợi trong quá trình thực hiện gây vướng mắc cho cả cơ quan thuế lẫn người nộp thuế, chưa có những quy định đề xác định đúng cơ chế thu đối với một số loại hàng hóa phát sinh theo sự phát triển của kinh tế thị trường. Những bất cập này cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp để kịp thời tháo gỡ khó khăn theo nguyên tắc tạo thuận lợi hơn nữa cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo tính minh bạch và đồng bộ của hệ thống pháp luật như:

- Về đối tượng không chịu thuế GTGT còn nhiều (25 nhóm hàng hóa, dịch vụ) nên chưa bao quát hết nguồn thu cần thiết phải giảm một số nhóm hàng hóa, dịch vụ. Bên cạnh đó, việc quy định một số hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT gây khó khăn cho doanh nghiệp do không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào dẫn đến tăng giá thành sản xuất, tăng giá bán.

làm giảm khả năng cạnh tranh so với hàng hóa nhập khẩu cùng loại. Đối với doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT có mức từ 100 triệu đồng trở xuống/năm cần phải nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp với diễn biến lạm phát kể từ khi được ban hành đến nay.

- Về đối tượng chịu thuế GTGT thuế suất 5% còn nhiều (14 nhóm hàng hóa, dịch vụ) chưa phù hợp với định hướng cải cách hệ thống thuế, tiến tới áp dụng 1 mức thuế suất phổ thông. Bên cạnh đó, việc xác định thuế suất đối với một số hàng hóa dựa vào mục đích sử dụng nên gây vướng mắc cho cả cơ quan thuế và người nộp thuế.

- Về mức thuế suất phổ thông 10% cần phải nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp khi Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi, tái cơ cấu nền kinh tế với nhiệm vụ trọng tâm đẩy mạnh cơ cấu lại thu, chi ngân sách, bảo đảm an toàn nợ công và tài chính quốc gia.

- Quy định về giá tính thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh bất động sản còn có cách hiểu khác nhau giữa người nộp thuế và cơ quan thuế. Đồng thời, quy định về khấu trừ thuế GTGT đầu vào cần phải chặt chẽ hơn nữa để góp phần ngăn chặn gian lận trong khấu trừ, hoàn thuế GTGT, chống thất thu ngân sách.

- Về chính sách hoàn thuế GTGT: Cần phải nghiên cứu bổ sung quy định hoàn thuế GTGT đối với doanh nghiệp sản xuất cung ứng hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT 5% mà đầu vào chủ yếu áp dụng thuế suất 10%; nghiên cứu sửa đổi một số thủ tục hoàn thuế để tạo điều kiện hơn nữa cho doanh nghiệp đầu tư, đổi mới công nghệ thông qua đó tăng năng suất lao động, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

2.2. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

Những tồn tại, hạn chế nói trên xuất phát từ cả các nguyên nhân khách quan và chủ quan. Cụ thể như sau:

a) Về nguyên nhân khách quan

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngày càng đa dạng, phức tạp. Các mô hình kinh doanh mới liên tục xuất hiện. Trong những thập niên gần đây, quá trình toàn cầu hoá diễn ra ngày càng sâu rộng và được mở rộng ra nhiều lĩnh vực. Phân công lao động toàn cầu cùng với sự phát triển của các chuỗi giá trị đã và đang làm thay đổi cấu trúc tổ chức và hoạt động của các tập đoàn đa quốc gia. Qua đó, đã và đang làm thay đổi mạnh mẽ các hoạt động kinh doanh truyền thống, đặt các cơ quan quản lý vào những tình huống chưa có tiền lệ không riêng với Việt Nam mà đối với hầu hết các quốc gia khác trên thế giới.

- Nền kinh tế trong nước liên tục phải ứng phó với các biến động khó lường, khó dự báo. Sau khi Chiến lược cải cách hệ thống chính sách thuế đến năm 2020 được ban hành đã chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những khó khăn do nền kinh tế ngày càng hội nhập sâu, rộng trong điều kiện kinh tế toàn cầu có

nhiều biến động và tiềm ẩn nhiều rủi ro, trong khi hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ, khả năng phân tích, dự báo còn hạn chế, chưa theo kịp với sự phát sinh ngày càng nhiều nghiệp vụ kinh tế phức tạp mới như chuyên giá, thương mại điện tử.

- Tính đồng bộ của pháp luật thuế nói chung, pháp luật về thuế GTGT nói riêng với hệ thống các chính sách pháp luật khác có liên quan còn bộc lộ một số bất cập do sự điều chỉnh liên tục cho phù hợp với các yêu cầu và bối cảnh mới. Sau khi Luật thuế GTGT và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật thuế GTGT được ban hành, nhiều văn bản pháp luật có liên quan khác cũng đã được Quốc hội thông qua, trong đó có quy định một số nội dung chưa đảm bảo tính thống nhất.

- Xu hướng các nước phát triển và các nước đang phát triển đều thực hiện cơ cấu lại thu NSNN là tăng cường vai trò của thuế GTGT, đồng thời từng bước giảm dần thuế nhập khẩu để thực hiện cam kết trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng.

b) Về nguyên nhân chủ quan

- Việc đánh giá, dự báo tình hình kinh tế trong nước và quốc tế còn chưa sát, chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới, khi bối cảnh kinh tế thế giới biến động liên tục. Khi xây dựng chính sách chưa lường hết được các tác động bất lợi đối với nền kinh tế nên một số chính sách, giải pháp đề ra còn chưa kịp thời.

- Một số yêu cầu về cải cách chính sách thuế GTGT đã được nhận diện khá sớm nhưng kết quả thực hiện trên thực tiễn chưa cao do việc thực hiện còn chưa đồng bộ, trong chính sách thuế còn lồng ghép nhiều chính sách an sinh xã hội. Hầu hết các cơ quan trung ương, các địa phương luôn mong muốn có các chính sách ưu đãi thuế nói chung và thuế GTGT nói riêng để dành lợi thế cho ngành mình, địa phương mình nhưng lại thường ít quan tâm đến hiệu quả và các chi phí của việc thực hiện các chính sách này, nhất là chi phí về quản lý thuế, chi phí về nguồn thu NSNN. Thực tế này đã dẫn đến việc rà soát, hợp lý hóa các chính sách thuế GTGT gặp phải nhiều khó khăn khi thu hẹp đối tượng không chịu thuế, đối tượng chịu thuế GTGT 5%, mở rộng cơ sở thuế trong giai đoạn gần đây.

B. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT THUẾ GTGT (SỬA ĐỔI)

I. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

- Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030.

- Kịp thời tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, khơi thông, phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế

- xã hội.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.
- Phù hợp xu hướng cải cách thuế của quốc tế.
- Đảm bảo ổn định nguồn thu NSNN.

b) Mục tiêu cụ thể

- Mở rộng cơ sở thu thuế; nghiên cứu sửa đổi một số quy định để chống gian lận và chống thất thu thuế GTGT, đảm bảo thu đúng thu đủ vào NSNN.
- Sửa đổi bất cập trong quy định hiện hành để bảo đảm tính minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện Luật.

2. Quan điểm

a) Việc xây dựng dự án Luật nhằm thực hiện đúng các chủ trương của Đảng, Nhà nước đã nêu tại các Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội, Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Luật hoá những vấn đề đã rõ, đã được thực tế kiểm nghiệm, rà soát, xác định rõ những nội dung, phạm vi vấn đề cần sửa đổi, bổ sung để khắc phục được khó khăn, vướng mắc phát sinh.

c) Bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

d) Kế thừa và phát huy những quy định đã mang lại tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của Luật thuế GTGT hiện hành; những nội dung cần sửa đổi, bổ sung phải có quy định rõ ràng, minh bạch, có đánh giá tác động cụ thể.

d) Đảm bảo mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với xu hướng phát triển.

II. KẾT QUẢ TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG

Trên cơ sở báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, các hiệp hội và từ tổng kết đánh giá công tác quản lý thuế GTGT, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết, đánh giá toàn bộ nội dung của Luật thuế GTGT. Luật thuế GTGT hiện hành được thiết kế gồm 4 Chương 16 Điều, trong đó: Chương I quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 5); Chương II quy định về căn cứ và phương pháp tính thuế (từ Điều 6 đến Điều 11); Chương III quy định về khấu trừ, hoàn thuế (từ Điều 12 đến Điều 14); Chương IV quy định về điều khoản thi hành (Điều 15, Điều 16).

Qua tổng kết đánh giá thì có 08 Điều của Luật thuế GTGT không phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện (Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 6, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 14), có 08 Điều phát sinh vướng mắc cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung (Điều 4, Điều 5, Điều 7, Điều 8, Điều 12, Điều 13, Điều 15 và Điều 16). Nội dung vướng mắc chủ yếu liên quan đến: (i)

người nộp thuế; (ii) đối tượng không chịu thuế; (iii) giá tính thuế; (iv) thuế suất; (v) khấu trừ thuế GTGT đầu vào; và (vi) hoàn thuế. Nội dung như sau:

1. Về người nộp thuế

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Pháp luật về doanh nghiệp (Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp) có quy định: “*Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ*”. Luật quản lý thuế quy định người nộp thuế bao gồm tổ chức, hộ kinh doanh,... Tuy nhiên, tại Luật thuế GTGT chưa có quy định cụ thể về người nộp thuế là hộ kinh doanh.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, cần thiết bổ sung quy định hộ kinh doanh là người nộp thuế.

2. Về đối tượng không chịu thuế GTGT

2.1. Đối với phân bón

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Theo khoản 3a Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành thì phân bón thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Thực hiện quy định trên, các doanh nghiệp sản xuất phân bón gặp khó khăn do không được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả hoạt động đầu tư, mua sắm TSCD phục vụ cho hoạt động sản xuất phân bón mà phải tính vào chi phí sản phẩm, khiến giá thành tăng và lợi nhuận giảm; bất lợi trong cạnh tranh với phân bón nhập khẩu. Do không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nên không khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất phân bón đầu tư, mua sắm, sửa chữa, nâng cấp TSCD để tạo ra sản phẩm phân bón thế hệ mới, chất lượng cao. Đồng thời, chưa góp phần chủ động nguồn sản xuất phân bón trong nước cũng như khắc phục được việc giá cả biến động gây bất lợi cho sản xuất nông nghiệp và người nông dân. Do vậy, trong thời gian qua Bộ Tài chính nhận được kiến nghị của Bộ Công thương, Hiệp hội phân bón, các doanh nghiệp sản xuất phân bón đề nghị chuyển phân bón sang đối tượng chịu thuế GTGT thuế suất 5%.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy mặt hàng phân bón là mặt hàng phục vụ sản xuất nông nghiệp nên chính sách thuế GTGT (hoặc thuế hàng hóa dịch vụ, thuế bán hàng) của nhiều nước được thiết kế theo hướng ưu đãi hơn so với các mặt hàng thông thường khác. Chính phủ nhiều nước đã thông qua các chính sách và chương trình hỗ trợ trên các phương diện khác nhau nhằm tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy sự phát triển ngành phân bón, trong đó chính sách hỗ trợ về thuế cũng là công cụ thường được các nước sử dụng. Tuy nhiên, cách thức thiết kế của các nước cũng rất khác nhau. Một số nước không thu thuế GTGT/thuế bán hàng đối với mặt hàng phân bón như Thái

Lan, Lào, Myanmar, Philippines, Pakistan, Mỹ... Một số nước có thu thuế GTGT/thuế bán hàng đối với mặt hàng phân bón nhưng với mức thuế suất thấp hơn thuế suất phổ thông, ví dụ như Trung Quốc, Romania, Croatia, Ấn Độ...

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để góp phần tạo điều kiện cho ngành sản xuất phân bón trong nước cạnh tranh được với phân bón nhập khẩu, cần chuyển phân bón từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 5%.

2.2. Đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng cho nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Theo khoản 3a Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành thì “máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ; thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Đối với các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, tàu đánh bắt xa bờ gặp khó khăn như sau:

- Không được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả hoạt động đầu tư, mua sắm TSCĐ) phục vụ cho hoạt động sản xuất lắp ráp máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, tàu đánh bắt xa bờ mà phải tính vào chi phí sản phẩm, khiến giá thành tăng và lợi nhuận giảm, bất lợi trong cạnh tranh với hàng hóa nhập khẩu cùng loại.

- Nhiều loại máy móc, thiết bị vừa sử dụng được cho sản xuất nông nghiệp, vừa dùng được vào mục đích khác: máy bơm nước, máy dùng để tưới ẩm trong nông nghiệp, động cơ máy nổ,... doanh nghiệp khó xác định được loại máy nào được áp dụng thuế suất 5% loại nào áp dụng thuế suất 10% để thực hiện khai đúng số thuế phải nộp và cùng một loại máy móc, thiết bị lại thực hiện khai thuế khác nhau giữa các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cơ quan thuế, cơ quan hải quan không thể kiểm soát được theo mục đích sử dụng của các loại máy móc, thiết bị nêu trên.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp các mặt hàng máy móc, thiết bị nông nghiệp, tàu đánh bắt xa bờ cũng như tạo điều kiện cạnh tranh bình đẳng với hàng nhập khẩu cùng loại, cần chuyển tàu đánh bắt xa bờ và một số loại máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp sang đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 5%. Đồng thời, quy định tên một số máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5% và giao Chính phủ quy

định Danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, cụ thể: Máy cày, máy bừa, máy cấy, máy gieo hạt, máy tuốt lúa, máy gặt, máy gặt đập liên hợp, máy thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, máy hoặc bình bơm thuốc trừ sâu và máy móc, thiết bị chuyên dùng khác phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Các loại máy móc, thiết bị có thể dùng vào nhiều mục đích khác nhau chuyên sang áp dụng thuế suất thuế GTGT 10%.

2.3. Đối với nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 3 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định đối tượng không chịu thuế bao gồm: *Nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp.*

Tại điểm c khoản 2 Điều 8 Luật thuế GTGT hiện hành quy định mức thuế 5% áp dụng đối với: *Nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp.*

Trong thực tế thực hiện việc xác định thế nào là kênh, mương, ao hồ nội đồng cũng phát sinh vướng mắc. Mặt khác, cùng là một hoạt động nạo vét nhưng nếu để phục vụ kênh, mương nội đồng thì thuộc đối tượng không chịu thuế nhưng nếu để phục vụ kênh, mương không phải nội đồng nhưng vẫn là phục vụ sản xuất nông nghiệp thì thuộc đối tượng chịu thuế 5%.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để phù hợp với thực tiễn, tránh vướng mắc trong thực hiện, cần chuyển dịch vụ “nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp” từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang đối tượng áp dụng thuế suất GTGT 5%.

2.4. Đối với dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và In-ter-net phổ cập, dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 10 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định đối tượng không chịu thuế GTGT: *Dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và In-ter-net phổ cập theo chương trình của Chính phủ.*

Tại khoản 11 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định đối tượng không chịu thuế GTGT: *Dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng.*

Hiện nay, nhiều doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đã tham gia cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích, In-ter-net phổ cập; dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng. Việc quy định đối tượng không chịu thuế sẽ không còn phù hợp vì doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư sẽ không được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào.

Một số nước quy định thuộc đối tượng chịu thuế GTGT đối với dịch vụ bưu chính như: Úc, Chi lê, Nhật Bản, Niu-di-lân, Na uy. Hầu hết các nước đều quy định thu thuế GTGT đối với dịch vụ viễn thông và dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để đảm bảo công bằng với một số dịch vụ khác và phù hợp với thông lệ quốc tế, cần thiết chuyển dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và Internet phổ cập, dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng sang đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 10%. Trường hợp cung cấp hàng hoá, dịch vụ theo phương thức Nhà nước đặt hàng thì Nhà nước bố trí đủ kinh phí để doanh nghiệp nộp thuế.

2.5. Đối với các khoản phí tại Hợp đồng vay vốn giữa Chính phủ Việt Nam với Bên cho vay nước ngoài

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 8 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định đối tượng không chịu thuế GTGT như sau:

"a) Dịch vụ cấp tín dụng bao gồm: cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác; bảo lãnh; cho thuê tài chính; phát hành thẻ tín dụng; bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế; hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật;"

Trong các thỏa thuận vay vốn nước ngoài mà Nhà nước/Chính phủ Việt Nam là Bên đi vay, ngoài lãi tiền vay phải trả cho Bên cho vay, Bên đi vay còn phải trả nhiều loại phí khác nhau như các phí quản lý, phí cam kết, phí đầu cuối, phí dịch vụ, phí thanh khoản..... Theo Bên cho vay thì các khoản phí này đều nằm trong thỏa thuận vay liên quan đến việc cấp tín dụng (cho vay) và thuộc đối tượng không chịu thuế.

Trên thực tế Bên cho vay nước ngoài (bao gồm cả các tổ chức trực thuộc Chính phủ nước ngoài và các ngân hàng thương mại được Chính phủ nước ngoài chỉ định là Bên cho vay) khi cho Chính phủ Việt Nam vay đều đề nghị được nhận đầy đủ các khoản thanh toán từ Chính phủ Việt Nam mà không bị khấu trừ. Để phù hợp với thực tế phát sinh, phù hợp với nguyên tắc của thuế GTGT thì nội dung này cần được sửa đổi để cải cách thủ tục hành chính.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để tránh vướng mắc trong thực hiện, cần bổ sung quy định các khoản phí tại Hợp đồng vay vốn của Chính phủ Việt Nam với Bên cho vay nước ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

2.6. Đối với sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 23 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định đối tượng không chịu thuế GTGT như sau:

“23. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên.”

Tại điểm b, khoản 1 Điều 13 Luật thuế GTGT hiện hành quy định không hoàn thuế GTGT đối với: *Dự án đầu tư khai thác tài nguyên, khoáng sản được cấp phép từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 hoặc dự án đầu tư sản xuất sản phẩm hàng hóa mà tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên theo dự án đầu tư.*

Trong quá trình triển khai thực hiện đã phát sinh vướng mắc nên nhiều Hiệp hội, doanh nghiệp có nhiều kiến nghị như sau:

- *Vướng mắc trong xác định sản phẩm xuất khẩu đã chế biến thành sản phẩm khác hay chưa chế biến thành sản phẩm khác:* Nhiều sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản rất khó xác định đã được chế biến thành sản phẩm khác hay chưa, ví dụ: Mặt hàng đá qua công đoạn cắt, sè hoặc nghiền nhưng có quy trình chế biến khác nhau hoặc qua công nghệ chế biến khác nhau tạo ra sản phẩm khác nhưng tên gọi vẫn là mặt hàng đá (đá ốp lát, bột đá siêu mịn, bột đá có tráng phủ axit,...) hoặc những sản phẩm đã qua chế biến để nâng cao hàm lượng nhưng tùy từng sản phẩm, tùy từng quy định chế biến mà các cơ quan chuyên ngành xác định là sản phẩm đã chế biến thành sản phẩm khác hoặc chưa chế biến thành sản phẩm khác (vì mức độ nâng cao hàm lượng khác nhau).

- *Vướng mắc xác định mức tỷ lệ 51%:* Cùng một loại sản phẩm xuất khẩu nhưng có doanh nghiệp được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% (tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm dưới 51% giá thành sản phẩm), có doanh nghiệp không được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% mà thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT (tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên). Bên cạnh đó, do có sự biến động về giá cả tài nguyên, khoáng sản trên thị trường nên cùng một sản phẩm của cùng một doanh nghiệp nhưng có lúc tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản, năng lượng là từ 51% trở lên và có lúc là dưới 51% dẫn đến cùng một sản phẩm xuất khẩu có lúc thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, có lúc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thuế suất 0%. Do vậy, doanh nghiệp phải thực hiện điều chỉnh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để tránh vướng mắc trong thực hiện và đảm bảo chính sách minh bạch, cần thay quy định tại khoản 23 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành về “sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng

trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên” bằng quy định ban hành Danh mục về sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác và Danh mục về sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

2.7. Đối với hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 12 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định: *Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.*

Thực tế việc duy tu, sửa chữa các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội ngoài tiền đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo thì còn có nguồn vốn khác. Để phù hợp thực tiễn, tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định: *Đối với hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng các công trình quy định tại khoản 12 Điều 5 Luật thuế GTGT nếu có sử dụng nguồn vốn khác ngoài nguồn vốn đóng góp của nhân dân (bao gồm cả vốn đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân), vốn viện trợ nhân đạo mà nguồn vốn khác không vượt quá 50% tổng số vốn sử dụng cho công trình thì đối tượng không chịu thuế là toàn bộ giá trị công trình.*

Tuy nhiên, quy định này vẫn phát sinh vướng mắc trong việc xác định tỷ lệ 50%, nhiều công trình đã tránh thuế bằng cách khai tăng tỷ lệ đóng góp của nhân dân để được hưởng đối tượng không chịu thuế GTGT.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Vi vậy, để đảm bảo minh bạch các nguồn vốn đóng góp, tránh vướng mắc, gian lận trong thực hiện, cần quy định rõ *“Hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng toàn bộ vốn đóng góp của tổ chức, cá nhân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội”* thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

2.8. Đối với dạy học, dạy nghề

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 13 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định: *“13. Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật”*.

Thực tế, nhiều trường học tổ chức ăn bán trú, tổ chức đưa đón học sinh, trẻ mầm non hoặc tổ chức cho học sinh, sinh viên, học viên ở nội trú. Để khuyến khích các hoạt động này và giảm chi phí cho trẻ em mầm non, học

sinh, sinh viên đề nghị giao Chính phủ quy định chi tiết các dịch vụ đi kèm hoạt động dạy học, dạy nghề thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Đề hỗ trợ trẻ mầm non, học sinh, sinh viên, học viên khi tham gia học tập, học nghề, cần bổ sung quy định các dịch vụ đi kèm dạy học, dạy nghề do Chính phủ quy định cũng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

2.9. Đối với hàng hóa nhập khẩu ủng hộ, tài trợ cho phòng chống thiên tai, thảm họa dịch bệnh, chiến tranh

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 19 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định đối tượng không chịu thuế bao gồm: "Hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại: quà tặng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân; quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam theo mức quy định của Chính phủ; đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế.

Hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam."

Căn cứ vào quy định trên, hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ chi quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

Thời gian qua đã phát sinh trường hợp một số doanh nghiệp trong nước thực hiện nhập khẩu máy thở, áo choàng chống dịch Covid.... để ủng hộ, tài trợ cho các cơ quan, tổ chức phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid, khoản ủng hộ, tài trợ này chưa được xác định là viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại tại các văn bản quy phạm pháp luật để áp dụng đối tượng không chịu thuế GTGT. Bộ Tài chính thấy rằng, khoản ủng hộ, tài trợ và hàng hóa doanh nghiệp trong nước trực tiếp hoặc ủy thác nhập khẩu cũng cần khuyến khích để doanh nghiệp chung tay đóng góp, khắc phục khó khăn do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, chiến tranh vì mục đích nhân đạo như khoản viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của tổ chức, cá nhân.

Đối với hàng hóa mua trong nước để ủng hộ, tài trợ khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, chiến tranh, không áp dụng đối tượng không chịu thuế GTGT với lý do: (i) Phát sinh rủi ro cho bên bán hàng khi xuất hóa đơn không chịu thuế GTGT nhưng sau đó cơ quan quản lý thuế thực hiện truy thu thuế GTGT nếu bên mua không thực hiện đúng mục đích tài trợ như cam kết; (ii) Hàng bán trong nước khó xác định được mục đích sử dụng của bên mua; (iii) Bên bán hàng phải thực hiện phân bổ thuế GTGT đầu vào được

khấu trừ nên số thuế này sẽ tính vào giá của hàng bán.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để khuyến khích doanh nghiệp chung tay đóng góp, khắc phục khó khăn do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, chiến tranh vì mục đích nhân đạo, cần bổ sung quy định hàng hóa nhập khẩu để ủng hộ, tài trợ nhằm khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, chiến tranh vào đối tượng không chịu thuế GTGT.

2.10. Đối với phần mềm máy tính

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 21 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định: *Phần mềm máy tính* thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Tại Luật thuế GTGT chưa quy định rõ phần mềm máy tính là sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm. Do vậy, tại văn bản dưới Luật đã có quy định: *Phần mềm máy tính bao gồm sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật.*

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để hướng dẫn rõ và tránh cách hiểu khác nhau, cần quy định rõ sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

2.11. Đối với mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT của hộ, cá nhân kinh doanh

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 25 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định: *Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm triệu đồng trở xuống* thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Tại khoản 1 Điều 3 Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 26/2012/QH13 và Luật số 71/2014/QH13 như sau:

“1. Thu nhập từ kinh doanh, bao gồm:

a) Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ;

b) Thu nhập từ hoạt động hành nghề độc lập của cá nhân có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật.

Thu nhập từ kinh doanh quy định tại khoản này không bao gồm thu nhập của cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống.”

Kể từ khi Luật số 31/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 có hiệu lực (01/01/2014) cho đến nay, CPI đã tăng nhiều. Theo đó, việc điều chỉnh mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ

của hộ, cá nhân kinh doanh cho phù hợp với mức biến động của giá cả là cần thiết trong bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để phù hợp với mức tăng lạm phát, biến động của giá cả qua các năm, cần thiết điều chỉnh mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT cho phù hợp.

2.12. Đối với hàng hóa do Công ty cho thuê tài chính nhập khẩu để cho thuê tài chính

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 17 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định đối tượng không chịu thuế GTGT như sau: *Máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí đốt; tàu bay, dàn khoan, tàu thủy thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp hoặc thuê của nước ngoài để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, cho thuê, cho thuê lại.*

Tại khoản 20 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định đối tượng không chịu thuế GTGT như sau: *Hàng hóa chuyên khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài; hàng hóa, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan với nhau.*

Như vậy, trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu trực tiếp máy móc, thiết bị thuộc đối tượng nêu tại khoản 17 Điều 5 Luật thuế GTGT hoặc nhập khẩu máy móc, thiết bị từ nước ngoài vào khu phi thuế quan thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Hiện nay, hoạt động cho thuê tài chính ngày càng phát triển (Cho thuê tài chính là hoạt động cấp tín dụng trung hạn, dài hạn trên cơ sở hợp đồng cho thuê tài chính giữa bên cho thuê tài chính với bên thuê tài chính. Bên cho thuê tài chính cam kết mua tài sản cho thuê tài chính theo yêu cầu của bên thuê tài chính và nắm giữ quyền sở hữu đối với tài sản cho thuê tài chính trong suốt thời hạn cho thuê. Bên thuê tài chính sử dụng tài sản thuê tài chính và thanh toán tiền thuê trong suốt thời hạn thuê quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính).

Đối với hoạt động cho thuê tài chính, bên cho thuê tài chính sẽ trực tiếp nhập khẩu tài sản giao cho bên thuê (không có tiền mua tài sản) sử dụng đối với tài sản đó (thay vì bên thuê tài chính trực tiếp nhập khẩu để sử dụng). Do

vậy, chính sách thuế GTGT đối với hàng hóa này cần được áp dụng như đối với trường hợp bên thuê trực tiếp nhập khẩu để khuyến khích hoạt động cho thuê tài chính hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cũng như hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí đốt, tàu bay, dàn khoan, tàu thủy thuộc loại trong nước chưa sản xuất được nêu trên.

Mặt khác, theo quy định trên hàng hóa từ nước ngoài đưa vào khu phi thuế quan thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT; hàng hóa do doanh nghiệp trong nước nhập khẩu sau đó bán vào khu phi thuế quan thì thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, sau khi xuất khẩu áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% (doanh nghiệp được khấu trừ hoặc hoàn thuế GTGT). Như vậy, Công ty cho thuê tài chính mua máy móc, thiết bị từ nước ngoài về để cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thuê nếu áp dụng thuế GTGT đối với máy móc, thiết bị này và sau chuyển giao sở hữu cho bên thuê tài chính (khi kết thúc hợp đồng) mới áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% thì Công ty cho thuê tài chính trong nước không cạnh tranh được so với Công ty cho thuê tài chính nước ngoài (vì tài sản của Công ty cho thuê tài chính ở nước ngoài được chuyển thẳng vào khu phi thuế quan nên thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT).

Do vậy, trong thời gian qua, Bộ Tài chính nhận được kiến nghị của Hiệp hội cho thuê tài chính và một số Công ty cho thuê tài chính đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định chính sách thuế GTGT đối với Công ty cho thuê tài chính trực tiếp hoặc ủy thác nhập khẩu máy móc, thiết bị về để cho thuê tài chính thì được áp dụng như đối với trường hợp bên thuê tài chính trực tiếp nhập khẩu.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và phù hợp với mục tiêu khuyến khích một số hàng hóa nhập khẩu loại trong nước chưa sản xuất được, cần bổ sung quy định hàng hóa nhập khẩu của công ty cho thuê tài chính để cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thuê tài chính thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

2.13. Đối với tài sản, hàng hóa của tổ chức, cá nhân không kinh doanh

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại Điều 3 và Điều 4 Luật thuế GTGT hiện hành quy định:

"Điều 3. Đối tượng chịu thuế

Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế GTGT, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật này.

Điều 4. Người nộp thuế

Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu

thuế GTGT.”

Thực tế nhiều trường hợp tổ chức, cá nhân không kinh doanh bán (thanh lý) tài sản, như văn phòng đại diện không có chức năng kinh doanh của tổ chức nước ngoài kết thúc hoạt động tại Việt Nam; các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước thanh lý tài sản; các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước thu phí, lệ phí theo pháp luật về phí và lệ phí; cơ quan dự trữ bán hàng dự trữ quốc gia; thanh lý tài sản chuyên dùng phục vụ cho hoạt động không chịu thuế GTGT... Những đối tượng này không phải là người nộp thuế GTGT, do vậy tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT đã quy định hàng hóa do các tổ chức này bán không phải nộp thuế GTGT theo thẩm quyền được giao tại Luật.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để luật hóa quy định đã thực hiện ổn định, cần thiết bổ sung quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT đối với những trường hợp nêu trên cho phù hợp.

2.14. Đối với chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại điểm d khoản 8 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định đối tượng không chịu thuế GTGT bao gồm: *Chuyển nhượng vốn bao gồm: chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã đầu tư, kê cả trường hợp bán doanh nghiệp cho doanh nghiệp khác để sản xuất, kinh doanh, chuyển nhượng chứng khoán; hình thức chuyển nhượng vốn khác theo quy định của pháp luật.*

Thực tế trong quá trình thực hiện, doanh nghiệp và cơ quan thuế gặp vướng mắc khi xác định nghĩa vụ thuế đối với hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản. Bộ Tài chính thấy rằng, hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư và bán tài sản thì số vốn đầu tư tại doanh nghiệp chuyển nhượng không thay đổi. Đối với hoạt động chuyển nhượng vốn thì số vốn đầu tư của cá nhân, tổ chức sẽ thay đổi (tài sản của doanh nghiệp không thay đổi).

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để quy định rõ ràng, tránh vướng mắc trong thực hiện, cần bổ sung quy định trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh, là người nộp thuế GTGT chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản thì phải kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định.

2.15. Đối với bán nợ

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại điểm đ khoản 8 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định đối tượng không chịu thuế bao gồm: *Bán nợ.*

Thực tế, các hoạt động mua bán khoản phải trả/khoản phải thu diễn ra ngày càng phổ biến do nhu cầu tái cấu trúc doanh nghiệp. Đặc biệt trong

trường hợp mua bán doanh nghiệp bao gồm cả các khoản nợ phải trả các khoản phải thu.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để quy định rõ ràng, tránh vướng mắc trong thực hiện, cần bổ sung quy định bán nợ bao gồm bán khoản phải trả và khoản phải thu của các cơ sở kinh doanh.

2.16. Để đồng bộ với quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật chứng khoán, Luật trồng trọt và Luật báo chí

- Đồng bộ với quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu
- + Đối với tài sản di chuyển theo định mức miễn thuế nhập khẩu

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 2 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định: *Tài sản di chuyển* thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu.

Tại khoản 20 Điều 4 Luật hải quan quy định: *Tài sản di chuyển là đồ dùng, vật dụng phục vụ sinh hoạt, làm việc của cá nhân, gia đình, tổ chức được mang theo khi thôi cư trú, chấm dứt hoạt động ở Việt Nam hoặc nước ngoài.*

Theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và các biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì: *Định mức miễn thuế nhập khẩu đối với tài sản di chuyển (gồm đồ dùng vật dụng phục vụ sinh hoạt làm việc đã qua sử dụng hoặc chưa qua sử dụng trừ xe ô tô, xe gắn máy) là 01 cái hoặc 01 bộ đối với mỗi tổ chức hoặc cá nhân.*

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để đồng bộ với quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, cần bổ sung quy định tài sản di chuyển theo định mức miễn thuế nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

- + Đối với hàng hóa mua bán trao đổi của cư dân biên giới theo định mức miễn thuế nhập khẩu

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 3 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định miễn thuế: *Hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới của cư dân biên giới thuộc Danh mục hàng hóa và trong định mức để phục vụ cho sản xuất, tiêu dùng của cư dân biên giới.*

Trường hợp thu mua, vận chuyển hàng hóa trong định mức nhưng không sử dụng cho sản xuất, tiêu dùng của cư dân biên giới và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân nước ngoài được phép kinh doanh ở chợ biên giới thì phải nộp thuế.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để khuyến khích hoạt động mua bán trao đổi của cư dân biên giới, tạo điều kiện phát triển kinh tế vùng biên và đồng bộ với quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, cần bổ sung quy định hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới theo định mức miễn thuế nhập khẩu và trong danh mục thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

+ Đối với vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 18 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định đối tượng không chịu thuế GTGT: "*Vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh*".

Tại Nghị định của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về thuế GTGT quy định: Vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh quy định tại khoản 18 Điều 5 Luật thuế GTGT do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì, thống nhất với Bộ Tài chính quy định cụ thể. Danh mục vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh đang được thực hiện từ năm 2009.

Tuy nhiên, việc xây dựng Danh mục mới rất phức tạp, khó khăn do Danh mục vũ khí, khí tài cơ bản Việt Nam chưa sản xuất được, phải nhập khẩu từ nước ngoài và cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, danh mục hàng hóa rất đa dạng, nhiều chủng loại và sẽ liên tục thay đổi phải cập nhật mới. Do vậy, việc xây dựng Danh mục sẽ tạo ra vướng mắc trong công tác mua sắm, sản xuất, sửa chữa vũ khí trang bị của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Hiện nay, hàng năm Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phải xây dựng kế hoạch mua sắm vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ cho quốc phòng, an ninh và kế hoạch này phải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc do Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ. Pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định cơ sở miễn thuế nhập khẩu là căn cứ danh mục mua sắm hàng năm đã được phê duyệt.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để phù hợp với thực tế và đảm bảo đồng bộ với pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, cần bổ sung quy định việc xác định vũ khí, khí tài thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT căn cứ danh mục vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ cho an ninh, quốc phòng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hàng năm hoặc do Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt hàng năm theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ.

Ngoài các nội dung nêu trên, đề đồng bộ với một số quy định tại Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, cần sửa đổi, bổ sung quy định đối với: (i) hàng hóa trung chuyên thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT; (ii) định nghĩa khu phi thuế quan được thực hiện theo quy định về pháp luật thuế xuất

khẩu, thuế nhập khẩu; (iii) hàng hóa có số tiền thuế GTGT phải nộp dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Đồng bộ với quy định của Luật chứng khoán

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại điểm c, khoản 8 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định: *Kinh doanh chứng khoán bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bao lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký chứng khoán; quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; dịch vụ tổ chức thị trường của sở giao dịch chứng khoán hoặc trung tâm giao dịch chứng khoán; hoạt động kinh doanh chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.*

Tại Điều 42 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 quy định tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán:

"1. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con được tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán cho chứng khoán đủ điều kiện niêm yết...

2. Ngoài Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, không tổ chức, cá nhân nào được phép tổ chức và vận hành thị trường giao dịch chứng khoán"

Theo quy định trên, chỉ có Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và Công ty con được tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán. Do vậy, cần thiết phải sửa đổi quy định tại Luật thuế GTGT cho phù hợp.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để đồng bộ với quy định của Luật chứng khoán, cần sửa đổi, bổ sung quy định dịch vụ tổ chức thị trường của sở giao dịch chứng khoán và công ty con thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

- Đồng bộ với Luật trồng trọt

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 2 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định: *"Sản phẩm là giống vật nuôi, giống cây trồng, bao gồm trứng giống, con giống, cây giống, hạt giống, tinh dịch, phôi, vật liệu di truyền"* thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Tại Luật trồng trọt quy định: *Vật liệu nhân giống* là cây hoặc bộ phận của cây, nấm ăn hoặc bộ phận của nấm ăn có thể phát triển thành một cá thể mới, dùng để nhân giống hoặc để gieo trồng.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để phù hợp với Luật trồng trọt, cần thay cụm từ "giống cây trồng" bằng cụm từ "vật liệu nhân giống cây trồng" và bỏ cụm từ "cây giống, hạt giống" trong đối tượng không chịu thuế GTGT.

- Đồng bộ với Luật báo chí

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 15 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định đối tượng không chịu thuế bao gồm: *Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học - kỹ thuật...*

Tuy nhiên, tại Luật báo chí không có quy định về “bản tin chuyên ngành”. Ngoài ra, “đặc san” là sản phẩm thông tin có tính chất báo chí tương tự như bản tin và được quy định tại khoản 17 Điều 3 Luật báo chí.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Đề phù hợp với Luật báo chí, cần thay cụm từ “bản tin chuyên ngành” bằng cụm từ “bản tin, đặc san” trong đối tượng không chịu thuế GTGT.

3. Về giá tính thuế GTGT

3.1. Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 6 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Chuyển quyền sử dụng đất*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Tại điểm h khoản 1 Điều 7 Luật thuế GTGT hiện hành quy định giá tính thuế GTGT: “*Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế GTGT, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước*”.

Trên thực tế có các hình thức chuyển nhượng bất động sản liên quan đến quyền sử dụng đất như sau: (i) Trường hợp được Nhà nước giao đất; (ii) Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất; (iii) Trường hợp thuê đất; (iv) Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân; (v) Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Theo các quy định nêu trên, chuyển quyền sử dụng đất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT nhưng hoạt động kinh doanh bất động sản thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và trong trường hợp phát sinh hoạt động chuyển quyền sử dụng đất thì giá đất được trừ để tính thuế GTGT là giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp NSNN.

Vì vậy, thực tế thực hiện Luật thuế GTGT vừa qua, phát sinh vướng mắc liên quan đến xác định giá tính thuế GTGT khi chuyển nhượng bất động sản, cụ thể:

(i) Nhiều doanh nghiệp kinh doanh bất động sản thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất của Nhà nước sau đó đầu tư cơ sở hạ tầng và bán cho tổ chức, cá nhân khác nhưng không thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT trên phần chênh lệch giữa giá bán và tiền sử dụng đất thực tế nộp vào NSNN vì cho

ràng hoạt động chuyển quyền sử dụng đất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, cơ quan thuế, cơ quan thanh tra đề nghị doanh nghiệp phải kê khai, nộp thuế GTGT đối với hoạt động chuyển quyền sử dụng đất căn cứ quy định hoạt động kinh doanh bất động sản theo quy định tại Luật kinh doanh bất động sản và quy định tại Luật thuế GTGT, doanh nghiệp chỉ được trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước.

Đồng thời cơ quan Kiểm toán Nhà nước đã kiến nghị Bộ Tài chính nghiên cứu báo cáo cấp thẩm quyền sửa đổi quy định tại Luật thuế GTGT để làm rõ quy định giá tính thuế đối với hoạt động này.

(ii) Đối với các dự án bất động sản chung cư, việc phân bổ tiền sử dụng đất đã nộp NSNN để xác định giá đất được trừ khi tính thuế GTGT theo từng căn hộ rất phức tạp nên đã phát sinh trường hợp cơ sở kinh doanh bất động sản không xác định giá đất được trừ khi tính thuế GTGT.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để đảm bảo chính sách rõ ràng, minh bạch và tránh áp dụng không thống nhất, cần bổ sung quy định giá đất được trừ theo quy định của Chính phủ.

3.2. Giá tính thuế đối với kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) quy định về giá tính thuế TTĐB như sau: *Đối với kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược là doanh thu từ hoạt động này trừ số tiền đã trả thưởng cho khách.*

Tại Nghị định hướng dẫn về giá tính thuế GTGT đã có quy định: *Đối với dịch vụ casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược, là số tiền thu từ hoạt động này đã bao gồm cả thuế TTĐB trừ số tiền đã trả thưởng cho khách.*

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để đồng bộ với Luật thuế TTĐB, cần bổ sung quy định về giá tính thuế GTGT đối với dịch vụ ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược tại Luật để đảm bảo rõ ràng, minh bạch.

4. Về thuế suất thuế GTGT

4.1. Về thuế suất 0%

4.1.1. Đối với dịch vụ xuất khẩu

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 1 Điều 8 Luật thuế GTGT hiện hành quy định:

“Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vận tải quốc tế và hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT quy định tại Điều 5 của Luật này khi xuất khẩu, trừ các trường hợp sau đây:

a) Chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài;

b) Dịch vụ tài bảo hiểm ra nước ngoài;

c) Dịch vụ cấp tín dụng;

d) Chuyển nhượng vốn;

đ) Dịch vụ tài chính phái sinh;

e) Dịch vụ bưu chính, viễn thông;

g) Sản phẩm xuất khẩu quy định tại khoản 23 Điều 5 của Luật này.

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ”.

Đề quy định chi tiết dịch vụ xuất khẩu, tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016) quy định:

Tại tiết b: “Đối với dịch vụ xuất khẩu bao gồm dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, tiêu dùng trong khu phi thuế quan....

Cá nhân ở nước ngoài là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và ở ngoài Việt Nam trong thời gian diễn ra việc cung ứng dịch vụ.

Tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan là tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh và các trường hợp khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ”.

Tại tiết đ: “Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho cá nhân không đăng ký kinh doanh trong khu phi thuế quan” không áp dụng thuế suất 0%.

Tại tiết e: “Bộ Tài chính quy định cụ thể một số trường hợp hàng hóa, dịch vụ khác cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài được áp dụng thuế suất 0% và hàng hóa, dịch vụ cung ứng cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nhưng tiêu dùng ở Việt Nam không được áp dụng mức thuế suất 0%”.

Thực hiện quy định trên, trong thời gian qua không phát sinh vướng mắc khi xác định hàng hóa đã xuất ra khỏi Việt Nam vì hàng hóa xuất khẩu được cơ quan hải quan xác nhận trên tờ khai hàng hóa. Tuy nhiên, do dịch vụ có tính vô hình nên việc xác định dịch vụ được tiêu dùng tại Việt Nam hay dịch vụ được tiêu dùng ở nước ngoài đối với một số dịch vụ là rất khó xác định, gây vướng mắc, tranh cãi cho cả cơ quan thuế và người nộp thuế.

Trong quá trình thực hiện, nhiều doanh nghiệp đã xuất hóa đơn cung cấp dịch vụ cho khách hàng với thuế suất 0% (xác định là tiêu dùng ngoài Việt Nam) sau đó lại bị cơ quan kiểm toán, cơ quan thuế cho rằng đây là dịch vụ tiêu dùng tại Việt Nam và thực hiện truy thu thuế GTGT 10%. Với việc

truy thu này gây khó khăn cho bên cung cấp dịch vụ (phải bỏ tiền để nộp thuế trong khi không đòi được bên mua dịch vụ do hợp đồng đã ký và thanh toán đã kết thúc).

Mặt khác, hiện nay đang phát triển nhiều dịch vụ cung ứng cho tổ chức, cá nhân nước ngoài gắn với hàng hoá được gia công sản xuất tại Việt Nam để xuất khẩu nhưng thực tế không xác định được chính xác hàng hóa đó là tiêu dùng ở trong nước hay ở nước ngoài tại thời điểm cung cấp dịch vụ, hoặc nếu xác định thì rất phức tạp, tăng chi phí quản lý như: dịch vụ phân loại hàng hóa, giám sát chất lượng hàng hóa để xuất khẩu,...

Qua nghiên cứu kinh nghiệm một số nước thì cũng có nước chỉ áp dụng đối với một số dịch vụ cụ thể, như: Indonesia áp dụng thuế suất 0% đối với: dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng liên quan đến các loại hàng hóa không phải là bất động sản và dịch vụ xây dựng gắn với các bất động sản ở ngoài “lãnh thổ hải quan”, các dịch vụ liên quan đến vận chuyển hàng hoá, dịch vụ khác được sử dụng ngoài “lãnh thổ hải quan”.

Một số nước trong khu vực: Philippines: Thuế suất 0% đối với dịch vụ cung cấp cho người tiêu dùng ngoài lãnh thổ quốc gia; dịch vụ cung cấp cho các doanh nghiệp trong các khu vực kinh doanh du lịch theo quy định của pháp luật; vận chuyển hành khách và hàng hóa bằng đường hàng không hoặc tàu biển từ Philippines ra nước ngoài...; Úc: thuế suất 0% áp dụng cho dịch vụ xuất khẩu cho những người không phải là cư dân của Úc, không ở Úc khi việc cung cấp được thực hiện.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để tránh vướng mắc trong thực hiện, cần thiết quy định cụ thể những dịch vụ xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% hoặc có thể nghiên cứu bỏ quy định này để tránh vướng mắc khi thực hiện.

4.1.2. Đối với hàng hóa bán tại khu vực cách ly của các cảng biển, cảng hàng không dân dụng quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế và các cửa khẩu đường bộ quốc tế (Khu vực cách ly)

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Để khuyến khích hoạt động xuất khẩu hàng hóa, nhất là những sản phẩm thủ công, mỹ nghệ của Việt Nam, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 về kinh doanh hàng miễn thuế tại khu cách ly ở cửa khẩu quốc tế sân bay, cảng biển, đường bộ, đường sắt hoặc trên tàu bay thực hiện các chuyến bay quốc tế để phục vụ người xuất cảnh, quá cảnh.

Hàng hóa bán tại khu cách ly là phục vụ cho người Việt Nam, người nước ngoài xuất cảnh, quá cảnh qua Việt Nam và là hàng xuất khẩu, được cơ quan hải quan kiểm soát chặt chẽ lượng hàng hóa ra, vào khu cách ly (doanh nghiệp có đăng ký tờ khai hải quan đối với hàng xuất khẩu). Hiện nay doanh nghiệp bán hàng tại khu cách ly được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%, tuy nhiên không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào do không đáp ứng được các

điều kiện như: Hợp đồng ký với tổ chức, cá nhân nước ngoài (bán cho người Việt Nam hoặc người nước ngoài); chứng từ thanh toán qua ngân hàng (khách hàng thanh toán bằng nhiều hình thức: Tiền mặt, thẻ Visa, ví điện tử...).

Để khuyến khích hoạt động xuất khẩu hàng hóa, cũng như phát triển du lịch, tại Luật thuế GTGT hiện hành đã có quy định người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được hoàn thuế đối với hàng hóa mua tại Việt Nam mang theo người khi xuất cảnh (không có điều kiện về hợp đồng và chứng từ thanh toán qua ngân hàng).

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để tránh vướng mắc trong thực hiện, cần bổ sung quy định hàng hóa bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 0% và hướng dẫn điều kiện, thủ tục được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% cho phù hợp.

4.1.3. Đối với hàng bán tại cửa hàng miễn thuế

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Quy định về thuế GTGT

Tại khoản 1 Điều 8 Luật thuế GTGT hiện hành quy định: *Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu...*

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ.

Tại tiết c, khoản 2 Điều 12 Luật thuế GTGT hiện hành quy định điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào như sau: *c) Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải có: hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán, gia công hàng hóa, cung ứng dịch vụ; hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt; tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu.*

Quy định về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

Khoản 4 Điều 2 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu không áp dụng đối với trường hợp sau: *Hàng hóa xuất khẩu từ khu phi thuế quan ra nước ngoài; hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan; hàng hóa chuyển từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác.*

Khoản 1 Điều 4 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định: *1. Khu phi thuế quan là khu vực kinh tế nằm trong lãnh thổ Việt Nam, được thành lập theo quy định của pháp luật, có ranh giới địa lý xác định, ngăn cách với khu vực bên ngoài bằng hàng rào cứng, bảo đảm điều kiện cho hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện, hành khách xuất*

cánh, nhập cánh; quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa giữa khu phi thuế quan với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu.

Tại Điều 3 Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế quy định đối tượng và điều kiện mua hàng miễn thuế bao gồm: (1) *Người xuất cánh, quá cánh sau khi hoàn thành thủ tục xuất cánh, quá cánh, hành khách trên các chuyến bay quốc tế xuất cánh từ Việt Nam hoặc người chờ xuất cánh;* (2) *hành khách trên các chuyến bay quốc tế;* (3) *người nhập cánh được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế đặt tại khu vực hạn chế của cảng hàng không dân dụng quốc tế ngay sau khi hoàn thành thủ tục nhập cánh, không được mua hàng miễn thuế sau khi đã ra khỏi khu vực hạn chế tại cảng hàng không dân dụng quốc tế;* (4) *đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa;* (5) *thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế.*

Căn cứ vào quy định nêu trên: Trước ngày 01/9/2016, cửa hàng miễn thuế được xác định là khu phi thuế quan nên chính sách thuế GTGT đối với cửa hàng miễn thuế được áp dụng theo cơ chế khu phi thuế quan. Kể từ ngày 01/9/2016, theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì cửa hàng miễn thuế không đáp ứng được các điều kiện về khu phi thuế quan nên dẫn đến vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để khuyến khích hoạt động bán hàng miễn thuế, thu hút khách du lịch, cần bổ sung quy định đối với hàng bán tại cửa hàng miễn thuế thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 0% và hướng dẫn điều kiện áp dụng thuế suất 0%, điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với một số trường hợp đặc thù cho phù hợp.

4.1.4. Đối với rượu, bia, thuốc lá nhập khẩu sau đó xuất khẩu

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Để ngăn chặn gian lận hoàn thuế đối với đối với thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu, tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định về thuế quy định không áp dụng thuế suất 0% đối với: *Thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu.*

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để luật hóa các quy định đã thực hiện ổn định trong thời gian qua và ngăn chặn gian lận hoàn thuế đối với thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu, cần bổ sung quy định không áp dụng thuế suất 0% đối với mặt hàng thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu.

4.2. Về thuế suất thuế GTGT 5%

4.2.1. Đối với thực phẩm tươi sống

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 1 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định đối tượng không chịu thuế GTGT như sau:

“1. Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chi qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.

Doanh nghiệp, hợp tác xã mua sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chi qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT nhưng được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.”

Tại điểm đ và điểm g khoản 2 Điều 8 Luật thuế GTGT hiện hành quy định mức thuế suất thuế GTGT 5% như sau:

“đ) Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa qua chế biến, trừ sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này.

g) Thực phẩm tươi sống: lâm sản chưa qua chế biến, trừ gỗ, măng và sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này;”

Trong quá trình thực hiện phát sinh vướng mắc về việc áp dụng thuế suất thuế GTGT đối với thực phẩm tươi sống như: thịt xay, cá cắt khúc, ... là các sản phẩm chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác, chi qua sơ chế thông thường và mặt hàng này cũng là thực phẩm tươi sống.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để áp dụng thống nhất, cần bỏ quy định “thực phẩm tươi sống” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%.

4.2.2. Đối với đường, phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm gi đường, bã mía, bã bùn

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 2 Điều 8 Luật thuế GTGT hiện hành quy định mức thuế suất 5% áp dụng đối với: *Đường; phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm gi đường, bã mía, bã bùn.*

Hiện nay, đường là mặt hàng phổ biến thông thường, không còn là mặt hàng thiết yếu và giá bán thực hiện theo thị trường.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để phù hợp với thực tế, cần thiết bỏ quy định áp dụng thuế suất ưu đãi 5% đối với nhóm hàng hóa này.

4.2.3. Đối với thiết bị, dụng cụ y tế; giáo cụ dùng để học tập

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Thuế GTGT thu theo hàng hóa, dịch vụ, không phân biệt mục đích sử

dụng nên việc quy định áp dụng thuế suất 5% đối với những loại hàng hóa có thể sử dụng đa mục đích như: các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học cũng có thể dùng cho văn phòng, mục đích dân dụng khác như bàn, ghế, máy chiếu, màn hình,... dẫn đến không thống nhất trong thực hiện, tạo kẽ hở để lợi dụng chính sách, cạnh tranh không bình đẳng.

Mặt khác, theo quy định tại Luật quản lý thuế thì người nộp thuế tự tính, tự khai, tự nộp thuế và tự chịu trách nhiệm. Do vậy, nhiều doanh nghiệp đề nghị phải hướng dẫn rõ sản phẩm nào thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 5%, sản phẩm nào áp dụng thuế suất 10% để doanh nghiệp thực hiện đúng nghĩa vụ với NSNN, tránh trường hợp bị truy thu thuế sau này.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để bảo đảm minh bạch, tránh vướng mắc trong thực hiện, cần quy định cụ thể máy móc, thiết bị, dụng cụ y tế, giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5% cho phù hợp.

4.2.4. Đối với hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Theo số liệu thống kê của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF¹), đa số các nước (47,6%) áp dụng thuế GTGT có biểu thuế suất gồm một mức (không tính mức thuế suất 0% cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu); 31,7% số nước áp dụng biểu thuế suất thuế GTGT với hai mức thuế suất và số còn lại là nhiều hơn hai mức. Phần lớn các nước châu Á, đặc biệt là các nước ASEAN, chỉ áp dụng một mức thuế suất ngoài mức thuế suất 0%².

Qua nghiên cứu, một số nước áp dụng thuế suất phổ thông đối với dịch vụ này như: Úc, Indonesia, Ai Cập, Colombia.

Hiện nay, nhiều doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đã tham gia cung cấp dịch vụ về văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim để đáp ứng nhu cầu về văn hóa, giải trí ngày càng phổ biến của xã hội.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để tiến tới áp dụng thống nhất một mức thuế suất và hạn chế vướng mắc trong quá trình thực hiện, cần chuyển nhóm “Hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim” sang áp dụng mức thuế suất 10%.

4.3. Về thuế suất thuế GTGT 10%

Kết quả tổng kết, đánh giá:

¹ <https://www.imf.org/external/np/fad/tpaf/pages/vat.htm> (Standard VAT Rate) (2020).

² Các nước Asean áp dụng 01 mức thuế suất thuế GTGT ngoài mức 0% gồm: Campuchia, Indonesia, Lào, Thái Lan.

Khoản 2, khoản 3 Điều 8 Luật thuế GTGT hiện hành quy định mức thuế suất ưu đãi là 5% và mức thuế suất phổ thông là 10%.

Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, trong đó có chỉ đạo mở rộng cơ sở thuế, hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong các sắc thuế và chính sách miễn, giảm, giãn thuế, đảm bảo tính trung lập của thuế và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 trong Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng cộng sản Việt Nam đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội về thuế, phí như sau: Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế... Theo đó, nghiên cứu mở rộng cơ sở thuế thông qua giảm nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT và giảm nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 5%; nghiên cứu sửa đổi một số quy định để chống gian lận và chống thất thu thuế GTGT, đảm bảo thu đúng thu đủ vào NSNN.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, Việt Nam trong quá trình chuyển đổi, tái cơ cấu nền kinh tế với nhiệm vụ trọng tâm đẩy mạnh cơ cấu lại thu, chi ngân sách, bảo đảm an toàn nợ công và tài chính quốc gia; trong đó, thu từ xuất nhập khẩu giảm do thực hiện các cam kết cắt giảm thuế quan mà Việt Nam đã ký kết tại các Hiệp định thương mại cùng với thu từ dầu thô giảm và việc cắt giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ 32% xuống 20% để tăng tính cạnh tranh của nền kinh tế tác động đáng kể đến cơ cấu thu ngân sách nhà nước (tỷ trọng thu dầu thô và thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu giảm từ khoảng 39,1% tổng thu NSNN (tương đương 10,3% GDP) bình quân giai đoạn 2006 - 2010 xuống còn khoảng 30,8% tổng thu NSNN (tương đương 7,3% GDP) bình quân giai đoạn 2011 - 2015 và giảm tiếp xuống còn khoảng 14,5% tổng thu NSNN (tương đương 3,65% GDP) bình quân giai đoạn 2016 - 2020).

Qua tham khảo kinh nghiệm quốc tế cho thấy: Xu hướng các nước phát triển và các nước đang phát triển đều thực hiện cơ cấu lại thu NSNN là tăng cường vai trò của thuế GTGT, đồng thời từng bước giảm dần thuế nhập khẩu để thực hiện cam kết trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng và giảm dần thuế thu nhập để tăng tính hấp dẫn của môi trường đầu tư. Số lượng quốc gia áp dụng thuế GTGT/thuế hàng hóa và dịch vụ ngày càng tăng, từ khoảng 140 nước năm 2004 lên 160 nước năm 2014, 166 nước năm 2016, 195 nước năm 2020.

Theo số liệu thống kê của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) về mức thuế suất của 164 quốc gia, vùng lãnh thổ năm 2020, có 122 nước có mức thuế suất phổ thông từ 13% đến 27% (trong đó 84 nước có mức thuế suất từ 17% đến 27%); 26 nước có mức thuế suất phổ thông ở mức 10% đến dưới 13%; và 16 nước

có mức thuế suất phổ thông dưới 10%. Các nước láng giềng của Việt Nam như Lào, Indonesia, Campuchia cũng có mức thuế suất phổ biến là 10%; Trung Quốc có mức thuế suất 13%; Philippines có mức thuế suất 12%. Ở một số quốc gia, ví dụ Canada, bên cạnh việc chính quyền liên bang thu thuế hàng hóa (GST), chính quyền của một số bang cũng thu thêm loại thuế này.

Cùng với việc tăng số lượng các nước sử dụng thuế GTGT để điều tiết tiêu dùng cũng như tăng số thu ngân sách thì xu thế tăng thuế suất GTGT diễn ra phổ biến. Từ năm 2009 - 2020, các nước đều tăng thuế suất phổ thông: Thuế suất trung bình tại các nước EU năm 2000 là 19%, đến năm 2014 mức thuế suất trung bình xấp xỉ 21,5%. Các nước OECD cũng có xu hướng tăng thuế suất thuế GTGT từ mức trung bình 18% năm 2000 lên khoảng 19% năm 2014 và 19,3% vào năm 2020. Các nước châu Á cũng có xu hướng cơ cấu lại thu NSNN theo hướng tăng tỷ trọng thuế tiêu dùng trong tổng thu ngân sách từ việc tăng thuế suất thuế GTGT, như Phi-líp-pin, Ấn Độ, Nhật Bản,... Một số nước trong khu vực có mức thuế suất thấp cũng đang dự kiến tăng thuế suất thuế GTGT như: Singapore, Thái Lan.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn ra trên thế giới và trong nước từ năm 2020 đến nay, tác động tiêu cực đến hầu như tất cả các ngành nghề và lĩnh vực, Quốc hội, Chính phủ đã phải ban hành nhiều chính sách để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân, an sinh xã hội. Để phục hồi và phát triển kinh tế, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, theo đó giảm thuế GTGT đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% xuống mức thuế suất 8% từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 31/12/2022, trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ không được giảm.

Hiện nay, Chính phủ đang trình Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chính sách giảm thuế GTGT 2% theo như chính sách giảm thuế đã quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15, thời gian áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023. Dự kiến Quốc hội sẽ thông qua chính sách này tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội Khóa XV.

Do vậy, có thể nghiên cứu cân nhắc điều chỉnh thuế suất thuế GTGT theo lộ trình vào thời điểm thích hợp khi nền kinh tế ổn định để thực hiện chủ trương đường lối của Đảng nêu tại Nghị quyết 07-NQ/TW và Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, phù hợp với thông lệ và xu hướng cải cách thuế GTGT quốc tế.

4.4. Về nguyên tắc xác định thuế suất

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 1 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định đối tượng không chịu thuế GTGT như sau:

“1. Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.

Doanh nghiệp, hợp tác xã mua sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT nhưng được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.”

Tại điểm đ khoản 2 Điều 8 Luật thuế GTGT hiện hành quy định mức thuế suất thuế GTGT 5% như sau: *Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa qua chế biến, trừ sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này.*

Tại khoản 3a Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định đối tượng không chịu thuế GTGT như sau: *3a. Phân bón; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ; thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác.*

Căn cứ quy định nêu trên, sản phẩm trồng trọt chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản chưa chế biến thành sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT ở khâu sản xuất hoặc khâu nhập khẩu. Trường hợp bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã thì không phải kê khai nộp thuế; bán cho cá nhân, hộ gia đình thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5%. Thức ăn chăn nuôi thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT ở tất cả các khâu (khâu nhập khẩu, sản xuất trong nước, khâu kinh doanh thương mại).

Theo Danh mục sản phẩm thức ăn chăn nuôi theo tập quán và nguyên liệu đơn được phép lưu hành tại Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BNNPTNT ngày 11/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì mặt hàng đậu tương, ngô, thóc, lúa mỳ,... thuộc Danh mục thức ăn chăn nuôi. Như vậy, một số sản phẩm nông sản (ngô, đậu nành, đậu tương,...) vừa là sản phẩm nông nghiệp vừa dùng làm thức ăn chăn nuôi.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện phát sinh vướng mắc trong việc áp dụng thuế suất thuế GTGT đối với các sản phẩm là phế phẩm, phụ phẩm của quá trình sơ chế thông thường các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản nuôi trồng của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, gia công, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu. Để có cơ sở pháp lý thực hiện, tránh vướng mắc trong thực tế, đề nghị bổ sung làm rõ thuế suất thuế GTGT áp dụng đối với phế phẩm, phụ phẩm của quá trình sơ chế thông thường các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản nuôi trồng vào Luật.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để đảm bảo quy định rõ ràng, minh bạch, tránh vướng mắc trong thực hiện, cần bổ sung quy định rõ nguyên tắc xác định thuế suất thuế GTGT tại Luật cho phù hợp.

5. Về khấu trừ thuế GTGT đầu vào

5.1. Đối với hóa đơn bị sai, sót

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Luật thuế GTGT hiện hành quy định: *Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế GTGT đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.*

Theo quy định tại Điều 47 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 về việc khai bổ sung hồ sơ khai thuế khi người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì người nộp thuế được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra; trường hợp sau khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành kết luận, quyết định xử lý về thuế sau thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế, người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế có sai, sót nếu khai bổ sung làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn thì thực hiện theo quy định về giải quyết khiếu nại về thuế.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Đề đồng bộ với quy định tại Luật quản lý thuế, cần bổ sung quy định trong trường hợp người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế có sai, sót thì thực hiện kê khai, khấu trừ bổ sung theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

5.2. Đối với điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Từ ngày 01/01/2009, theo quy định của Luật thuế GTGT thì một trong những điều kiện để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào là có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới 20 triệu đồng.

Thực hiện quy định trên đã góp phần thúc đẩy phát triển giao dịch thanh toán qua ngân hàng giữa các doanh nghiệp, góp phần ngăn chặn gian lận trong việc khấu trừ, hoàn thuế GTGT và phòng chống rửa tiền. Đến nay, hệ thống thanh toán qua ngân hàng đã phát triển và tiện lợi hơn, các phương thức thanh toán ngày càng đa dạng. Hầu hết các địa điểm cung cấp hàng hóa, dịch vụ đã có thiết bị chấp nhận thẻ và cho phép khách hàng thanh toán không dùng tiền mặt khi mua hàng. Qua công tác thanh tra, kiểm tra thuế, nhiều doanh nghiệp vẫn lợi dụng chia nhỏ hóa đơn dưới 20 triệu để thanh toán bằng tiền mặt để được kê khai, khấu trừ thuế GTGT và tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để tiếp tục thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 và góp phần minh bạch hóa các giao dịch mua bán của doanh nghiệp, cần sửa đổi quy định về định mức đối với chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt từ mức dưới 20 triệu đồng xuống mức phù hợp để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

6. Về hoàn thuế GTGT

6.1. Đối với cơ sở sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế GTGT 5%

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Thuế GTGT là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Doanh nghiệp bỏ vốn ra kinh doanh đều nhằm mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận, nghĩa là làm tăng thêm giá trị sản phẩm hàng hóa, dịch vụ. Như vậy, về nguyên tắc doanh nghiệp luôn phát sinh GTGT (nghĩa là phát sinh số thuế GTGT phải nộp). Do vậy, để phù hợp với bản chất của thuế GTGT, tại khoản 1 Điều 13 Luật thuế GTGT hiện hành quy định: *Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.*

Qua tổng kết đánh giá, thực tế vẫn còn một số trường hợp thường xuyên phát sinh số thuế GTGT đầu vào lớn hơn số thuế GTGT đầu ra và qua nhiều kỳ vẫn chưa được khấu trừ hết như đối với trường hợp sản xuất hàng hóa, cơ sở kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5% nhưng đầu vào chủ yếu thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 10%.

Theo quy định của Luật thuế GTGT thì số thuế GTGT chưa được khấu trừ hết doanh nghiệp không được hoàn mà chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tiếp theo. Theo đó, số thuế GTGT đầu vào khi mua hàng hóa, nguyên vật liệu và dịch vụ của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất 5% chưa được khấu trừ hết sẽ không được hoàn thuế. Số thuế chưa được khấu trừ hết không được hoàn này lũy kế ngày càng nhiều, các doanh nghiệp bị áp lực về vốn, nhất là trong điều kiện hiện nay. Do vậy, doanh nghiệp đã có nhiều công văn gửi lên Chính phủ, Bộ Tài chính và thông qua các cuộc đối thoại doanh nghiệp đề nghị hướng dẫn hoàn thuế đối với trường hợp cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%.

Mức thuế suất 5% là mức thuế suất ưu đãi và doanh nghiệp luôn phát sinh số thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ hết. Do vậy, việc không hoàn thuế GTGT đối với trường hợp này sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp và chưa đúng với mục tiêu là mức thuế suất ưu đãi 5%.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để tạo thuận lợi về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh mặt hàng

chịu thuế GTGT 5%, căn bổ sung quy định “doanh nghiệp sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5% nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý” được hoàn thuế GTGT.

6.2. Về hoàn thuế đối với dự án đầu tư

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 1 Điều 13 Luật thuế GTGT hiện hành quy định:

“Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.

Trường hợp cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ và có số thuế còn lại từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT.”

Theo quy định của Luật thuế GTGT hiện hành thì cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ và có số thuế còn lại từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT.

Việc quy định hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư đã góp phần khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ và thúc đẩy sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, theo khái niệm dự án đầu tư tại Luật đầu tư gồm nhiều hình thức: dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng,... dẫn đến vướng mắc trong thực hiện hoàn thuế trong thời gian qua.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, nâng cao năng suất lao động, đồng bộ pháp luật về dự án đầu tư, căn bổ sung quy định dự án đầu tư được hoàn thuế GTGT là dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư bao gồm cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

6.3. Về hoàn thuế đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 1 Điều 13 Luật thuế GTGT hiện hành quy định: *Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế GTGT mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp:*

a) Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư hoặc không bảo

đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động.

Thực tế phát sinh trường hợp dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, như: điện lực, sản xuất dược phẩm, kinh doanh khách sạn... trong quá trình đầu tư, cơ sở kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; được cấp Giấy phép xây dựng; đã có văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư. Tuy nhiên, doanh nghiệp chưa được cấp giấy chứng nhận ngành nghề kinh doanh có điều kiện do các giấy chứng nhận này chỉ được cấp khi cơ sở kinh doanh chấm dứt giai đoạn đầu tư, làm đầy đủ các thủ tục theo quy định (đối với dự án điện thì phải có giai đoạn chạy thử để nghiệm thu) thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới cấp giấy chứng nhận kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện (theo quy định của pháp luật về điện lực thì chậm nhất trước 15 ngày làm việc kể từ ngày dự kiến chính thức vận hành thương mại, tổ chức tham gia hoạt động phát điện phải nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực).

Trong khi đó, khi doanh nghiệp hoàn thành dự án và phát sinh doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ nên không còn là dự án đang trong giai đoạn đầu tư nên cơ quan quản lý thuế không thực hiện hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư (dự án đã đi vào hoạt động).

Bên cạnh đó, việc xác định vốn điều lệ tại thời điểm hoàn thuế gặp nhiều vướng mắc: Có trường hợp doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền cho phép góp vốn điều lệ theo tiến độ đầu tư nên theo quy định cũng không được hoàn thuế. Có trường hợp tại thời điểm lập đề nghị hoàn thuế chưa góp đủ vốn điều lệ nhưng đến thời điểm cơ quan thuế ra quyết định hoàn thuế doanh nghiệp lại góp đủ vốn điều lệ. Do vậy, nhiều ý kiến đề nghị bỏ quy định không hoàn thuế GTGT đối với trường hợp không góp đủ vốn điều lệ theo quy định.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để phù hợp với thực tế, tránh vướng mắc trong thực hiện, cần bổ sung quy định rõ một số trường hợp được hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; hoặc bỏ quy định loại trừ đối với 02 trường hợp dự án đầu tư (thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện; dự án chưa góp đủ vốn điều lệ) không được hoàn thuế GTGT như quy định của Luật thuế GTGT hiện hành.

6.4. Về hoàn thuế đối với dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại điểm d khoản 1 Điều 12 Luật thuế GTGT hiện hành quy định: *Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí được khấu trừ toàn bộ.*

Tại khoản 1 Điều 13 Luật thuế GTGT hiện hành quy định:

“Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế GTGT mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp:...

b) Dự án đầu tư khai thác tài nguyên, khoáng sản được cấp phép từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 hoặc dự án đầu tư sản xuất sản phẩm hàng hóa mà tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên theo dự án đầu tư.

Chính phủ quy định chi tiết khoản này.”

Việc quy định hoàn thuế GTGT đối với dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động không thay đổi và xuyên suốt từ trước đến nay. Tuy nhiên, để tránh cách hiểu khác về việc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí cũng thuộc trường hợp loại trừ không hoàn thuế GTGT đối với các dự án khai thác tài nguyên, khoáng sản được cấp phép từ ngày 01/7/2016 nên Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ có quy định “... hoặc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, có số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong giai đoạn đầu tư lũy kế chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên được hoàn thuế GTGT...”.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật, cần thiết bổ sung quy định dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư được hoàn thuế GTGT đến khi có khai thác dầu khí thương mại.

6.5. Về hoàn thuế đối với cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 2 Điều 13 Luật thuế GTGT hiện hành quy định: *Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT theo tháng, quý, trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan. Thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau đối với người nộp thuế sản xuất hàng hóa xuất khẩu không vi phạm pháp luật về thuế, hải quan trong thời gian hai năm liên tục; người nộp thuế không thuộc đối tượng rủi ro cao theo quy định của Luật quản lý thuế.*

Thực tế hàng nhập khẩu để xuất khẩu trong các trường hợp sau: (1) Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất bán vào khu phi thuế quan; (2) Hàng hóa đã nhập khẩu nhưng xuất trả lại chủ hàng nước ngoài; (3) Hàng hóa đã nhập khẩu sau đó làm thủ tục xuất khẩu sang nước khác; (4) Hàng nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Thực hiện quy định không hoàn thuế GTGT đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu không thực hiện việc xuất

khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan dẫn đến vướng mắc phát sinh trong thực tế do có 02 cách hiểu khi áp dụng như sau:

- Đối với hàng nhập khẩu sau đó xuất khẩu mà việc xuất khẩu không thực hiện tại địa bàn hoạt động hải quan thì không được hoàn thuế để tránh gian lận trong trường hợp doanh nghiệp thực hiện xuất khẩu tại địa bàn không có cơ quan hải quan quản lý.

- Có ý kiến cho rằng cứ hàng nhập khẩu sau đó xuất khẩu đều không được hoàn thuế. Bộ Tài chính thấy rằng, các trường hợp nêu trên nếu không được hoàn thuế GTGT sẽ dẫn đến tăng chi phí, tăng giá bán của hàng hóa xuất khẩu, đồng thời chưa phù hợp với chủ trương là khuyến khích xuất khẩu hàng hóa, do đó cần phải hướng dẫn rõ các trường hợp trên thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT để khuyến khích các doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa sau đó thực hiện xuất bán vào khu phi thuế quan, xuất bán sang nước khác. Do vậy, để đảm bảo chính sách rõ ràng, minh bạch đề nghị bỏ quy định: Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu không được hoàn thuế GTGT. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu không thuộc địa bàn hoạt động hải quan thì Luật đã quy định không hoàn thuế GTGT đối với trường hợp này.

Ngoài ra, pháp luật quản lý thuế đã có quy định cụ thể về việc phân loại hồ sơ hoàn thuế thuộc diện hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế hay hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau (Điều 73 Luật quản lý thuế và Điều 22 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP). Theo đó, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, cần thiết bỏ quy định về hoàn thuế trước, kiểm tra sau tại Luật.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để đảm bảo nguyên tắc hoàn thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, cần bỏ quy định: (i) Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu không được hoàn GTGT; (ii) Hoàn thuế trước, kiểm tra sau đối với một số trường hợp hàng hóa xuất khẩu theo quy định của Luật quản lý thuế.

Ngoài ra, bổ sung quy định xác định thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được hoàn.

6.5. Về hoàn thuế GTGT đối với chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động

Kết quả tổng kết, đánh giá:

Tại khoản 3 Điều 13 Luật thuế GTGT hiện hành quy định: *Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế GTGT nộp thừa hoặc số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết.*

Tại Điều 202, Điều 203 và Điều 204 Luật doanh nghiệp quy định: *Công ty chuyển đổi đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và*

nghĩa vụ khác của công ty được chuyển đổi.

Thực tế, trong thời gian vừa qua nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng quy định trên để lập hồ sơ xin hoàn thuế GTGT đối với số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết thông qua việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần hoặc ngược lại, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp) mặc dù theo quy định của Luật doanh nghiệp thì Công ty chuyển đổi phải kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty chuyển đổi (bao gồm cả quyền kê khai, khấu trừ số thuế GTGT chưa được khấu trừ hết). Đồng thời, Luật doanh nghiệp chỉ quy định chấm dứt hoạt động đối với văn phòng hoặc chi nhánh, trường hợp văn phòng, chi nhánh chấm dứt hoạt động thì Công ty mẹ kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của văn phòng, chi nhánh.

Định hướng sửa đổi, bổ sung:

Để phù hợp với Luật doanh nghiệp, cần thiết bỏ quy định về hoàn thuế GTGT đối với trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động.

Trên đây là Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế GTGT và một số định hướng của Bộ Tài chính đối với dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi)/.

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục: SỐ THU THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG GIAI ĐOẠN 2013 - 2021

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2015	NĂM 2016	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021 (ước thực hiện)
1	Tổng thu NSNN	841.536	895.385	1.017.756	1.131.503	1.293.627	1.431.662	1.553.611	1.507.845	1.563.260
2	Tổng thu NSNN từ thuế, phí	743.390	790.738	867.733	948.590	1.071.161	1.172.821	1.276.048	1.202.359	1.268.560
3	Tổng thu thuế GTGT chưa trừ hoàn thuế	300.018	321.062	344.210	370.606	408.450	455.846	495.734	479.078	536.120
4	Tổng thu thuế GTGT đã trừ hoàn thuế (thực thu)	208.536	241.129	251.758	271.604	309.308	344.063	362.691	342.029	375.320
5	Tỷ trọng (%) số thực thu thuế GTGT trong tổng thu NSNN	24,8%	26,9%	24,7%	24,0%	23,9%	24,0%	23,3%	22,7%	24,0%
6	Số thuế GTGT đã hoàn	91.482	79.933	92.452	99.002	99.142	111.783	133.043	137.049	160.800



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(SỬA ĐỔI)

A. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BÁT CẬP TỔNG QUAN

I. Bối cảnh xây dựng chính sách

Ngày 03/6/2008, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XII, đã thông qua Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) số 13/2008/QH12 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 thay thế Luật thuế GTGT năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT số 07/2003/QH11.

Ngày 19/6/2013, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XIII đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT số 31/2013/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014.

Ngày 26/11/2014, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XIII đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015, trong đó có sửa đổi, bổ sung về thuế GTGT.

Ngày 06/4/2016, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XIII đã thông qua Luật số 106/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016.

Luật thuế GTGT sửa đổi, bổ sung qua các năm với nhiều thay đổi đánh dấu bước ngoặt mới trong chính sách thuế GTGT của nước ta. Qua thời gian thực hiện, Luật thuế GTGT đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt kinh tế - xã hội và đã đạt được mục tiêu đề ra.

II. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030.

- Kịp thời tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, khơi thông, phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Phù hợp xu hướng cải cách thuế của quốc tế.
- Đảm bảo ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước (NSNN).

B. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH ĐỀ XUẤT

I. Chính sách 1: Hoàn thiện quy định về người nộp thuế GTGT

1. Xác định vấn đề bất cập

Pháp luật về doanh nghiệp (Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp) có quy định: “*Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ*”.

Luật quản lý thuế quy định người nộp thuế bao gồm tổ chức, hộ kinh doanh,... Tuy nhiên, tại Luật thuế GTGT chưa có quy định cụ thể về người nộp thuế là hộ kinh doanh.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.1. Giải pháp 1: Bổ sung quy định hộ kinh doanh là người nộp thuế.

3.2. Giải pháp 2: Giữ nguyên như quy định hiện hành.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

4.1. Giải pháp 1:

Thực hiện theo giải pháp này sẽ tháo gỡ được những vướng mắc khi thực hiện, đồng thời đảm bảo căn cứ pháp lý vững chắc, hoàn thiện cơ chế pháp luật.

4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không phát sinh thêm chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

- Tác động tiêu cực: Chưa giải quyết được vướng mắc khi thực hiện Luật.

5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

II. Chính sách 2: Hoàn thiện các quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT

1. Về mặt hàng phân bón và máy móc, thiết bị chuyên dùng cho nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Thực tiễn phát sinh vướng mắc, một số doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp (như: phân bón; máy móc, thiết bị chuyên dùng cho nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ;...) thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT gặp khó khăn do không được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả hoạt động đầu tư, mua sắm tài sản cố định (TSCĐ) phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh) mà phải tính vào chi phí sản phẩm, khiến giá thành tăng và lợi nhuận giảm; bất lợi trong cạnh tranh với hàng hóa nhập khẩu cùng loại. Do không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nên không khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, mua sắm, sửa chữa, nâng cấp TSCĐ để tạo ra sản phẩm chất lượng cao. Do vậy, cần thiết sửa đổi chính sách thuế GTGT đối với các mặt hàng này cho phù hợp.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Mở rộng cơ sở thuế thông qua việc giảm bớt số lượng nhóm hàng hóa, dịch vụ đang thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

- Tháo gỡ khó khăn cho sản xuất trong nước, bảo đảm hàng hóa sản xuất trong nước cạnh tranh bình đẳng với hàng hóa nhập khẩu cùng loại.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

1.3.1. Giải pháp 1: Chuyển phân bón từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 5%.

Ngoài ra, chuyển tàu đánh bắt xa bờ và một số loại máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp sang đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 5%. Đồng thời, quy định tên một số máy móc, thiết bị chuyên dùng cho nông nghiệp thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5% và giao Chính phủ quy định Danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho nông nghiệp, cụ thể: Máy cày, máy bừa, máy cấy, máy gieo hạt, máy tuốt lúa, máy gặt, máy gặt đập liên hợp, máy thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, máy hoặc bình bơm thuốc trừ sâu và máy móc, thiết bị chuyên dùng khác phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Các loại máy móc, thiết bị có thể dùng vào nhiều mục đích khác nhau chuyển sang áp dụng thuế suất thuế GTGT 10%.

1.3.2. Giải pháp 2: Chuyển phân bón từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 10%.

Ngoài ra, quy định các loại máy móc, thiết bị vừa phục vụ cho sản xuất nông nghiệp vừa có thể dùng vào nhiều mục đích khác nhau từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang đối tượng chịu thuế GTGT áp dụng thuế suất thuế GTGT 10%.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực:

Đối với phân bón

+ Tác động đến doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước: Số thuế GTGT đầu vào doanh nghiệp sản xuất phân bón sẽ được khấu trừ khoảng 950 tỷ đồng, đây là cơ hội để giảm giá thành sản xuất; số thuế GTGT đầu vào còn lại (1.200 tỷ đồng - 950 tỷ đồng = 250 tỷ đồng) sẽ được khấu trừ vào kỳ tiếp theo hoặc được hoàn thuế. Do đó, phân bón sản xuất trong nước có thêm điều kiện để cạnh tranh với phân bón nhập khẩu, từ đó có thêm cơ hội để hạ giá phân bón so với nhập khẩu theo cơ chế thị trường; qua đó góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh trong nước, tăng tích tụ vốn, đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ để tạo ra sản phẩm phân bón thế hệ mới, chất lượng cao, chiếm ưu thế khi cạnh tranh với phân bón nhập khẩu.

+ Tác động đến người tiêu dùng (nông dân):

Đối với phương án đề xuất chuyển phân bón sang đối tượng áp dụng thuế suất 5% sẽ góp phần phát triển ngành sản xuất phân bón trong nước là đầu vào của ngành nông nghiệp, tạo nguồn cung ổn định cho người nông dân, giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu, khắc phục việc giá cả không ổn định, cũng như sự biến động giá của phân bón nhập khẩu bất lợi đối với người nông dân (nhất là trong bối cảnh giá phân bón nhập khẩu đang tăng cao), góp phần bảo đảm phát triển nền nông nghiệp bền vững hơn.

+ Tác động đến NSNN

Đối với khâu sản xuất trong nước, theo quy định của Luật thuế GTGT thì số thuế GTGT doanh nghiệp phải nộp bằng số thuế GTGT đầu ra trừ đi số thuế GTGT đầu vào. Do hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh mặt hàng phân bón thuộc đối tượng không chịu thuế hoặc đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất là 5% và 10%, nếu tính thuế GTGT thuế suất 5% đầu ra đối với mặt hàng phân bón thì doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước cơ bản không phải nộp thuế GTGT đối với hoạt động sản xuất phân bón (do số thuế đầu vào cơ bản được khấu trừ với số thuế đầu ra). Vì vậy, không làm tăng thu NSNN về thuế GTGT từ sản xuất phân bón trong nước.

Đối với phân bón nhập khẩu, số thu NSNN về thuế GTGT phải nộp khâu nhập khẩu sẽ tăng là 1.170 tỷ đồng. Doanh nghiệp nhập khẩu sẽ được khấu trừ toàn bộ số thuế GTGT đầu vào đã nộp tại khâu nhập khẩu (1.170 tỷ đồng) khi xác định số thuế GTGT phải nộp bán trong nước.

Đối với tàu đánh bắt xa bờ và một số loại máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp

+ Tác động đến NSNN: Số thu NSNN tăng lên do chuyển từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang đối tượng chịu thuế GTGT và phù hợp với Chiến lược cải cách hệ thống thuế.

+ Tác động đến doanh nghiệp: Doanh nghiệp sản xuất máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và đóng tàu được khấu trừ thuế GTGT đầu vào góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp sản xuất máy móc, thiết bị chuyên dùng cho nông nghiệp, tàu đánh bắt xa bờ.

- Tác động tiêu cực:

Đối với phân bón

Thuế GTGT là sắc thuế gián thu và người tiêu dùng là người chịu thuế, do vậy khi thay đổi chính sách thuế đối với phân bón (chuyển sang đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 5%) thì sẽ tác động đến giá bán. Hiện nay giá phân bón được hình thành theo cơ chế thị trường; các doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh mặt hàng này được quyền tự định giá theo tín hiệu thị trường.

Đối với tàu đánh bắt xa bờ và một số loại máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp

Giá tàu đánh bắt xa bờ, máy cày, máy bừa, máy cấy, máy gieo hạt, máy tuốt lúa, máy gặt, máy gặt đập liên hợp, máy thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, máy hoặc bình bơm thuốc trừ sâu tăng lên do phải trả thuế GTGT; doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp và người nông dân đều không được hưởng lợi trực tiếp.

1.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực:

Số thu NSNN tăng nhiều hơn so với giải pháp 1. Phù hợp với chiến lược cải cách thuế GTGT về thu hẹp đối tượng không chịu thuế và áp dụng cơ bản một mức thuế suất 10%.

- Tác động tiêu cực:

Giá bán phân bón, tàu đánh bắt xa bờ và một số loại máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp sẽ tăng hơn so với phương án áp dụng thuế suất thuế GTGT 5%. Ngoài ra, mức thuế suất 10% là thuế suất phổ thông (không phải mức thuế suất ưu đãi) nên chưa phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước trong việc thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Người tiêu dùng mua hàng hóa, dịch vụ này sẽ phải trả thêm phần thuế GTGT khi mua các mặt hàng này.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

2. Về dịch vụ nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định dịch vụ “nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT và dịch vụ “nạo vét kênh, mương khác phục vụ sản xuất nông nghiệp” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 5%. Qua tổng kết đánh giá tình hình thực hiện cho thấy phát sinh vướng mắc trong việc xác định phạm vi của 02 dịch vụ

này. Do vậy, để thống nhất trong thực hiện, cần thiết sửa đổi quy định áp dụng chính sách thuế GTGT thống nhất đối với cả 02 dịch vụ này.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Nội dung chính sách được quy định minh bạch rõ ràng, cải cách thủ tục hành chính.

- Đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

2.3.1. Giải pháp 1:

Quy định dịch vụ “nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp” từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang đối tượng áp dụng thuế suất GTGT 5%.

2.3.2. Giải pháp 2:

Giữ nguyên như quy định hiện hành.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực:

+ Tác động đến NSNN: Số thu NSNN tăng lên do chuyển từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang đối tượng không chịu thuế GTGT và phù hợp với Chiến lược cải cách hệ thống thuế.

+ Tác động đến doanh nghiệp: Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp được khấu trừ thuế GTGT đầu vào góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ này.

- Tác động tiêu cực:

Người tiêu dùng sử dụng dịch vụ này có thể sẽ phải trả thêm phần thuế GTGT.

2.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không phát sinh thêm chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

- Tác động tiêu cực: Không giải quyết được vướng mắc khi thực hiện Luật.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

3. Về dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và In-ter-net phổ cập, dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định một số nhóm dịch vụ công ích (như: dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và In-ter-net phổ cập, dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng;...) thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, quá trình toàn cầu hoá và xã hội hoá đang diễn ra phổ biến và nhiều lĩnh vực dịch vụ công ích đang có xu hướng chuyên sang xã hội hóa ngày càng nhiều. Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều đã tham gia cung cấp các nhóm dịch vụ công nêu trên. Việc quy định các dịch vụ công đã được xã hội hóa thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT cho thấy không còn phù hợp vì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT nên thuế GTGT đầu vào của số vốn đầu tư đưa vào kinh doanh dịch vụ sẽ không được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào. Theo đó, để khắc phục bất cập này, cần thiết sửa đổi cho phù hợp.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đề bảo đảm tính liên hoàn của thuế GTGT và mở rộng cơ sở thuế, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.3.1. Giải pháp 1:

Chuyển dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và In-ter-net phổ cập, dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng vào diện chịu thuế với mức thuế suất 10%. Trường hợp cung cấp hàng hoá, dịch vụ theo phương thức Nhà nước đặt hàng thì Nhà nước bố trí đủ kinh phí để doanh nghiệp nộp thuế.

3.3.2. Giải pháp 2:

Chuyển dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và In-ter-net phổ cập, dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng vào diện chịu thuế với mức thuế suất 5%.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

3.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực:

- Tác động đến doanh nghiệp: Doanh nghiệp sẽ không phải thực hiện phân bổ thuế GTGT đầu vào phục vụ cho hoạt động chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT. Giá cung ứng dịch vụ sẽ vận hành theo cơ chế thị trường (do quy luật cung cầu quyết định).

+ Tác động đến người tiêu dùng: Việc quy định đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 10% thì doanh nghiệp có thể tăng giá cung ứng các dịch vụ này (mức tăng giá phụ thuộc vào quan hệ cung cầu). Hiện nay một số dịch vụ trên do Nhà nước đặt hàng nên Nhà nước sẽ phải trả thêm khoản thuế GTGT trong giá mua dịch vụ.

+ Tác động đến NSNN: Theo số liệu cung cấp của Bộ Thông tin và Truyền thông thì tổng doanh thu từ dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và In-ter-net phổ cập năm 2020 khoảng 300 tỷ đồng, với đề xuất thu thuế GTGT 10% thì số thu NSNN dự kiến tăng lên khoảng 15 tỷ đồng (theo tính toán của cơ quan thuế, giá trị gia tăng của ngành dịch vụ khoảng 50% doanh thu nên số thu NSNN tăng lên $300 \text{ tỷ} \times 50\% \times 10\% = 15 \text{ tỷ đồng}$).

- Tác động tiêu cực:

Về nguyên tắc, người tiêu dùng các dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và In-ter-net phổ cập; dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng nêu trên sẽ phải trả thêm phần thuế GTGT. Tuy nhiên, khi nhóm dịch vụ này được chuyển sang mức thuế suất 10%, các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ có thể giảm được chi phí sản xuất kinh doanh thì giá thành dịch vụ cũng sẽ giảm, từ đó mức giá chung của dịch vụ sau thuế GTGT có thể sẽ không tăng quá nhiều. Ngoài ra, hiện nay một số dịch vụ trên do Nhà nước đặt hàng nên Nhà nước sẽ trả thêm khoản thuế GTGT trong giá mua dịch vụ, điều này cũng hỗ trợ mức giá chung của dịch vụ sau thuế GTGT có thể sẽ không tăng quá nhiều.

3.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Người sử dụng không phải chịu tác động mạnh như giải pháp 1.

- Tác động tiêu cực: Chưa phù hợp với mục tiêu hướng tới áp dụng thống nhất một mức thuế suất tại Chiến lược cải cách hệ thống thuế.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

4. Đối với các khoản phí tại Hợp đồng vay vốn giữa Chính phủ Việt Nam với Bên cho vay nước ngoài

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định dịch vụ cấp tín dụng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT¹. Trong các thỏa thuận vay vốn nước ngoài mà Nhà nước/Chính phủ Việt Nam là Bên đi vay, ngoài lãi tiền vay phải trả cho Bên cho vay, Bên đi vay còn phải trả nhiều loại phí khác nhau như các phí quản lý, phí

¹ Dịch vụ cấp tín dụng bao gồm: cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác; bảo lãnh; cho thuê tài chính; phát hành thẻ tín dụng; bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế; hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật.

cam kết, phí đầu cuối, phí dịch vụ, phí thanh khoản,... Theo Bên cho vay thì các khoản phí này đều nằm trong thỏa thuận vay liên quan đến việc cấp tín dụng (cho vay) và thuộc đối tượng không chịu thuế.

Trên thực tế Bên cho vay nước ngoài (bao gồm cả các tổ chức trực thuộc Chính phủ nước ngoài và các ngân hàng thương mại được Chính phủ nước ngoài chỉ định là Bên cho vay) khi cho Chính phủ Việt Nam vay đều đề nghị được nhận đầy đủ các khoản thanh toán từ Chính phủ Việt Nam mà không bị khấu trừ. Đề phù hợp với thực tế phát sinh, phù hợp với nguyên tắc của thuế GTGT thì cần quy định rõ khoản phí tại Hợp đồng vay vốn của Chính phủ Việt Nam với Bên cho vay nước ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT để cải cách thủ tục hành chính.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tránh vướng mắc trong thực hiện.

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

4.3.1. Giải pháp 1: Quy định các khoản phí tại Hợp đồng vay vốn của Chính phủ Việt Nam với Bên cho vay nước ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

4.3.2. Giải pháp 2: Giữ nguyên như quy định hiện hành.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

4.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Giải quyết được vướng mắc khi thực hiện thanh toán tại các Hợp đồng vay vốn.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

4.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không phát sinh thêm chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

- Tác động tiêu cực: Không giải quyết được vướng mắc khi thực hiện Luật.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

5. Về sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản

5.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên.*”

khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm hàng hóa mà tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên theo dự án đầu tư*” không được hoàn thuế GTGT.

Trong quá trình triển khai thực hiện đã phát sinh vướng mắc trong việc xác định sản phẩm xuất khẩu đã chế biến thành sản phẩm khác hay chưa chế biến thành sản phẩm khác² cũng như vướng mắc xác định mức tỷ lệ 51%³. Do vậy, cần sửa đổi quy định này tại Luật cho phù hợp.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Bảo đảm chính sách minh bạch, thực hiện thống nhất giữa các địa phương đối với cùng loại sản phẩm xuất khẩu, hạn chế xuất khẩu sản phẩm thô.

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Quy định ban hành Danh mục về sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác và Danh mục về sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Đối với thẩm quyền ban hành Danh mục. Đối với thẩm quyền ban hành Danh mục, đề xuất 2 giải pháp:

5.3.1. Giải pháp 1:

Danh mục do Chính phủ quy định, cụ thể:

“Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác hoặc đã chế biến thành sản phẩm khác theo Danh mục do Chính phủ quy định”.

Đồng thời để đảm bảo đồng bộ, Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung sửa đổi, bổ sung về việc không hoàn thuế GTGT như sau:

“b) Dự án đầu tư khai thác tài nguyên, khoáng sản và dự án đầu tư sản phẩm là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã hoặc chưa chế biến thành sản phẩm khác quy định tại khoản 23 Điều 5 Luật này”.

² Nhiều sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản rất khó xác định đã được chế biến thành sản phẩm khác hay chưa, ví dụ: Mặt hàng đá qua công đoạn cắt, sè hoặc nghiền nhưng có quy trình chế biến khác nhau hoặc qua công nghệ chế biến khác nhau tạo ra sản phẩm khác nhưng tên gọi vẫn là mặt hàng đá (đá ốp lát, bột đá siêu mịn, bột đá có tráng phủ axit...) hoặc những sản phẩm đã qua chế biến để nâng cao hàm lượng nhưng tùy từng sản phẩm, tùy từng quy định chế biến mà các cơ quan chuyên ngành xác định là sản phẩm đã chế biến thành sản phẩm khác hoặc chưa chế biến thành sản phẩm khác (vì mức độ nâng cao hàm lượng khác nhau).

³ Cùng một loại sản phẩm xuất khẩu nhưng có doanh nghiệp được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% (tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm dưới 51% giá thành sản phẩm), có doanh nghiệp không được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% mà thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT (tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên). Bên cạnh đó, do có sự biến động về giá cả tài nguyên, khoáng sản trên thị trường nên cùng một sản phẩm của cùng một doanh nghiệp nhưng có lúc tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản, năng lượng là từ 51% trở lên và có lúc là dưới 51% dẫn đến cùng một sản phẩm xuất khẩu có lúc thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, có lúc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thuế suất 0%.

5.3.2. Giải pháp 2:

Quy định Danh mục theo Phụ lục kèm theo dự án Luật, cụ thể:

“Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác hoặc đã chế biến thành sản phẩm khác theo Danh mục quy định tại Phụ lục 1”.

Đồng thời để đảm bảo đồng bộ, Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung sửa đổi, bổ sung về việc không hoàn thuế GTGT như sau:

“b) Dự án đầu tư khai thác tài nguyên, khoáng sản và dự án đầu tư sản phẩm là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã hoặc chưa chế biến thành sản phẩm khác theo Danh mục quy định tại Phụ lục 1”.

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

5.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực:

+ Đối với doanh nghiệp: Việc bổ sung quy định Danh mục sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác và Danh mục sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT tạo căn cứ pháp lý rõ ràng, minh bạch, giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn trong việc xác định hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hay được áp dụng thuế suất thuế GTGT như các hàng hóa xuất khẩu khác.

+ Đối với cơ quan quản lý: Việc bổ sung Danh mục sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác và Danh mục sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT giúp cơ quan thuế thuận tiện hơn trong quá trình thực thi chính sách, góp phần cải cách thủ tục hành chính. Đồng thời, danh mục sản phẩm được giao cho Chính phủ ban hành sẽ đảm bảo tính linh hoạt, kịp thời và đáp ứng yêu cầu quản lý khi cần bổ sung sản phẩm vào danh mục hoặc thay đổi tên gọi cho phù hợp thực tế.

+ Đối với xã hội: Việc xây dựng danh mục sẽ hạn chế xuất khẩu một số sản phẩm là tài nguyên, khoáng sản đã được chế biến thành sản phẩm khác nhưng hàm lượng GTGT thấp.

+ Đối với NSNN: Việc thực hiện giải pháp này về cơ bản sẽ không làm thay đổi số thu NSNN.

- Tác động tiêu cực: Thực hiện giải pháp này, hàng năm cần phải có tổng kết, đánh giá để bổ sung sản phẩm định kỳ (nếu giao Chính phủ) cho phù hợp với thực tế và chủ trương về xuất khẩu tài nguyên khoáng sản.

5.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực:

+ Đối với doanh nghiệp: Tương tự như giải pháp 1, việc bổ sung quy định Danh mục sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác và Danh mục sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn trong việc xác định hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hay được áp dụng thuế suất thuế GTGT như các hàng hóa xuất khẩu khác.

+ Đối với cơ quan quản lý: Việc bổ sung Danh mục sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác và Danh mục sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT giúp cơ quan thuế thuận tiện hơn trong quá trình thực thi chính sách, góp phần cải cách thủ tục hành chính.

+ Đối với xã hội, đối với NSNN: Như giải pháp 1.

- Tác động tiêu cực: Do công nghệ chế biến thay đổi nên việc quy định cụ thể danh mục tại Luật sẽ không đảm bảo tính linh hoạt và kịp thời khi cần bổ sung sản phẩm vào Danh mục hoặc thay đổi tên gọi của sản phẩm để phù hợp với thực tế.

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

6. Về hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân

6.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Thực tế việc duy tu, sửa chữa các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội ngoài tiền đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo thì còn có nguồn vốn khác. Để phù hợp thực tiễn, tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định: *Đối với hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng các công trình quy định tại khoản 12 Điều 5 Luật thuế giá trị gia tăng nếu có sử dụng nguồn vốn khác ngoài nguồn vốn đóng góp của nhân dân (bao gồm cả vốn đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân), vốn viện trợ nhân đạo mà nguồn vốn khác không vượt quá 50% tổng số vốn sử dụng cho công trình thì đối tượng không chịu thuế là toàn bộ giá trị công trình.* Tuy nhiên, quy định này vẫn phát sinh vướng mắc trong việc xác định tỷ lệ 50%, nhiều công trình đã tránh thuế bằng cách khai tăng tỷ lệ đóng góp của nhân dân để được hưởng đối

tượng không chịu thuế GTGT. Vì vậy, cần thiết phải sửa đổi quy định cụ thể về tỷ lệ đóng góp của nhân dân.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Bảo đảm chính sách minh bạch, tính liên hoàn của thuế GTGT.

6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

6.3.1. Giải pháp 1:

Sửa đổi quy định “Duy tu, sửa chữa, xây dựng *bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân*, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội” thành “*hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng toàn bộ vốn đóng góp của tổ chức, cá nhân*, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

6.3.2. Giải pháp 2:

Chuyên: *Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội* sang đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất phổ thông 10%.

6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

6.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực:

+ Đối với doanh nghiệp: Giải quyết được vướng mắc phát sinh về việc xác định tỷ lệ các nguồn vốn góp, tạo thuận lợi cho cả người nộp thuế và cơ quan thuế trong việc thực thi chính sách. Đồng thời với quy định này cũng tạo môi trường kinh doanh công bằng hơn với các công trình sử dụng nguồn vốn đóng góp của nhân dân dưới 50%.

+ Đối với NSNN: Theo quy định này, hoạt động duy tu, sửa chữa công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội có vốn góp ngoài vốn của tổ chức, cá nhân, vốn viện trợ nhân đạo đều thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 10%. Nhìn chung, các cơ sở có hoạt động này sẽ phải nộp thuế GTGT, từ đó làm gia tăng số thu NSNN.

- Tác động tiêu cực: Các cơ sở có hoạt động duy tu, sửa chữa công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội có vốn góp ngoài vốn đóng góp của tổ chức, cá nhân, vốn viện trợ nhân đạo nhìn chung sẽ phải nộp thuế GTGT.

6.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Số thu NSNN tăng nhiều hơn so với giải pháp 1 và

phù hợp với Chiến lược cải cách hệ thống thuế.

- Tác động tiêu cực: Chủ đầu tư sẽ phải trả thêm phần thuế GTGT khi xây dựng các công trình này.

6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

7. Về dạy học, dạy nghề

7.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Thực tế, nhiều trường học tổ chức ăn bán trú, tổ chức đưa đón học sinh, trẻ mầm non hoặc tổ chức cho học sinh, sinh viên, học viên ở nội trú. Để khuyến khích các hoạt động này và giảm chi phí cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên cần quy định dịch vụ đi kèm hoạt động dạy học, dạy nghề cũng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT và giao Chính phủ quy định chi tiết các dịch vụ này để hỗ trợ trẻ mầm non, học sinh, sinh viên, học viên khi tham gia học tập, học nghề.

7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nội dung chính sách được quy định minh bạch rõ ràng, tránh vướng mắc trong thực hiện.

7.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

7.3.1. Giải pháp 1:

Bổ sung quy định “*Dịch vụ đi kèm dạy học, dạy nghề*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT và giao Chính phủ quy định cụ thể tên các dịch vụ đi kèm.

7.3.2. Giải pháp 2:

Giữ nguyên quy định như hiện hành.

7.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

7.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Tránh được vướng mắc trong thực hiện.
- Tác động tiêu cực: Phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

7.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.
- Tác động tiêu cực: Vướng mắc trong thực hiện vẫn còn tồn tại.

7.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

8. Về hàng hóa nhập khẩu tài trợ cho phòng chống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, chiến tranh

8.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “Hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Thời gian qua đã phát sinh trường hợp một số doanh nghiệp trong nước thực hiện nhập khẩu máy thở, áo choàng chống dịch Covid,... để ủng hộ, tài trợ cho các cơ quan, tổ chức phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19, khoản ủng hộ, tài trợ này chưa được xác định là viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại tại các văn bản quy phạm pháp luật để áp dụng đối tượng không chịu thuế GTGT. Khoản ủng hộ, tài trợ và hàng hóa doanh nghiệp trong nước trực tiếp hoặc ủy thác nhập khẩu cũng cần khuyến khích để doanh nghiệp chung tay đóng góp, khắc phục khó khăn do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, chiến tranh vì mục đích nhân đạo như khoản viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của tổ chức, cá nhân.

8.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Khuyến khích cá nhân, tổ chức hảo tâm chung tay đóng góp hỗ trợ nhân dân trong việc khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.

8.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

8.3.1. Giải pháp 1: Sửa đổi, bổ sung như sau:

Bổ sung “Hàng hóa nhập khẩu để ủng hộ, tài trợ nhằm khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, chiến tranh” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

8.3.2. Giải pháp 2:

Giữ nguyên quy định như hiện hành.

8.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

8.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Quy định này góp phần tháo gỡ các vướng mắc phát sinh trong thời gian qua, đồng thời giảm chi phí nhập khẩu, từ đó góp phần tạo điều kiện và khuyến khích các doanh nghiệp chung tay đóng góp, khắc phục khó khăn do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, chiến tranh vì mục đích nhân đạo.

- Tác động tiêu cực: Số thu NSNN giảm so với hiện hành.

8.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không làm phát sinh chi phí hành thu, đồng thời

không ảnh hưởng đến số thu NSNN.

- Tác động tiêu cực: Chưa tháo gỡ được những khó khăn tồn tại, chưa khuyến khích được các doanh nghiệp trong nước cùng đóng góp, khắc phục khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh vì mục đích nhân đạo.

8.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

9. Về phần mềm máy tính

9.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định "*Phần mềm máy tính*" thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Để tránh vướng mắc, tại văn bản dưới Luật đã có quy định "*Phần mềm máy tính bao gồm sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật*" thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Vì vậy, cần sửa đổi quy định rõ tại Luật.

9.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đề phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành và tránh cách hiểu khác nhau giữa các văn bản.

9.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

9.3.1. Giải pháp 1: Sửa đổi quy định rõ "*Sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật*" thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

9.3.2. Giải pháp 2: Giữ nguyên quy định như hiện hành.

9.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

9.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Tránh được vướng mắc trong thực hiện, không có sự trông chèo về quy định. Ngoài ra, định nghĩa sát với pháp luật chuyên ngành.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

9.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

- Tác động tiêu cực: Vướng mắc trong thực hiện vẫn còn tồn tại.

9.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

10. Về mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT của hộ, cá nhân kinh doanh

10.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định "*Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm triệu đồng trở xuống*" thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, quy định này đã được áp dụng từ năm 2014. Theo đó, việc điều chỉnh mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh cho phù hợp với mức biến động của giá cả là cần thiết trong bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay.

10.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Điều chỉnh mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh cho phù hợp với mức biến động của giá cả.

10.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

10.3.1. Giải pháp 1: Sửa đổi quy định rõ mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT của hộ, cá nhân kinh doanh theo mức biến động của lạm phát.

Đồng thời, giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc xác định mức doanh thu để xác định đối tượng không chịu thuế GTGT trong trường hợp người nộp thuế kinh doanh không trọn năm.

10.3.2. Giải pháp 2: Nâng mức doanh thu từ 100 triệu đồng lên mức 130 triệu đồng.

Đồng thời, giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc xác định mức doanh thu để xác định đối tượng không chịu thuế GTGT trong trường hợp người nộp thuế kinh doanh không trọn năm.

10.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

10.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực:

Thực hiện theo phương án này giúp cho việc điều chỉnh mức doanh thu được linh hoạt hơn trong từng điều kiện của nền kinh tế - xã hội, đặc biệt là khi lạm phát thay đổi.

- Tác động tiêu cực: Không dự báo chính xác được tình hình thu NSNN đối với hộ, cá nhân kinh doanh do ngưỡng doanh thu thay đổi qua từng thời kỳ.

10.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực:

+ Đối với doanh nghiệp: Nếu điều chỉnh ngưỡng doanh thu không chịu thuế từ 100 triệu đồng/năm lên 130 triệu đồng/năm thì các hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu hàng năm trong khoảng từ trên 100 triệu đến 130 triệu đồng

được chuyển từ diện nộp thuế GTGT sang diện không phải nộp thuế GTGT, từ đó góp phần hỗ trợ cho các hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu chưa cao.

+ Đối với công tác quản lý: Giảm được chi phí hành thu, do các hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 130 triệu đồng/năm trở xuống rất lớn, tuy nhiên mức thu từ các đối tượng này lại nhỏ (tối đa trong khoảng 1,2 triệu đồng - 6 triệu đồng/năm, do hộ, cá nhân kinh doanh áp dụng phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng, với tỷ lệ % để tính thuế GTGT là 1% - 5% trên doanh thu, tùy thuộc vào loại hình kinh doanh).

- Tác động tiêu cực: Nếu điều chỉnh tăng ngưỡng doanh thu để xác định đối tượng không chịu thuế GTGT theo giải pháp này thì số lượng hộ, cá nhân kinh doanh thuộc diện nộp thuế sẽ giảm 276.464 hộ tương ứng số thuế GTGT giảm là 975 tỷ đồng.

10.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

11. Đối với hàng hóa do Công ty cho thuê tài chính nhập khẩu để cho thuê tài chính

11.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo quy định của Luật thuế GTGT hiện hành, hàng hóa từ nước ngoài đưa vào khu phi thuế quan thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT; hàng hóa do doanh nghiệp trong nước nhập khẩu sau đó bán vào khu phi thuế quan thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, sau khi xuất khẩu áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% (doanh nghiệp được khấu trừ hoặc hoàn thuế GTGT). Như vậy, Công ty cho thuê tài chính mua máy móc, thiết bị từ nước ngoài về để cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thuê nếu áp dụng thu thuế GTGT đối với máy móc, thiết bị này và sau chuyển giao sở hữu cho bên thuê tài chính (khi kết thúc hợp đồng) mới áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% thì Công ty cho thuê tài chính trong nước không cạnh tranh được so với Công ty cho thuê tài chính nước ngoài (vì tài sản của Công ty cho thuê tài chính ở nước ngoài được chuyển thẳng vào khu phi thuế quan nên thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT).

Hiệp hội cho thuê tài chính và một số Công ty cho thuê tài chính đã có kiến nghị đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định chính sách thuế GTGT đối với Công ty cho thuê tài chính trực tiếp hoặc ủy thác nhập khẩu máy móc, thiết bị về để cho thuê tài chính thì được áp dụng như đối với trường hợp bên thuê tài chính trực tiếp nhập khẩu.

11.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Khuyến khích hoạt động cho thuê tài chính hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cũng như hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí đốt, tàu bay, dàn khoan, tàu thủy thuộc loại trong nước chưa sản xuất được.

11.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

11.3.1. Giải pháp 1: Bổ sung quy định “Hàng hóa nhập khẩu của công ty cho thuê tài chính để cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thuê tài chính” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

11.3.2. Giải pháp 2: Giữ như quy định hiện hành.

11.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

11.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực:

Việc bổ sung quy định tài sản do công ty cho thuê tài chính nhập khẩu để cho thuê tài chính thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT tạo sự công bằng và phản ánh đúng bản chất của việc nhập khẩu tài sản (không dựa trên đối tượng nhập khẩu là công ty cho thuê tài chính hay bên thuê trực tiếp nhập khẩu). Qua đó khuyến khích sự phát triển của hoạt động cho thuê tài chính, tháo gỡ khó khăn về vốn trong việc đầu tư tài sản của doanh nghiệp; thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển dầu mỏ, khí đốt, tàu bay... thuộc loại trong nước chưa sản xuất được. Bên cạnh đó, việc bổ sung quy định này cũng tạo điều kiện cạnh tranh công bằng giữa công ty cho thuê tài chính trong nước với công ty cho thuê tài chính nước ngoài.

- Tác động tiêu cực: Không tháo gỡ được khó khăn cho doanh nghiệp và có thể làm giảm thu NSNN.

11.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không ảnh hưởng đến nguồn thu NSNN.

- Tác động tiêu cực: Không tháo gỡ được những khó khăn tồn tại, chưa khuyến khích được các doanh nghiệp cho thuê tài chính trong nước hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp.

11.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

12. Đối với tài sản, hàng hóa của tổ chức, cá nhân không kinh doanh

12.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu thuế GTGT*”.

Thực tế nhiều trường hợp tổ chức, cá nhân không kinh doanh bán (thanh lý) tài sản, như văn phòng đại diện không có chức năng kinh doanh của tổ chức nước ngoài kết thúc hoạt động tại Việt Nam; các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước thanh lý tài sản; các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước thu phí,

lệ phí theo pháp luật về phí và lệ phí; cơ quan dự trữ bán hàng dự trữ quốc gia; thanh lý tài sản chuyên dùng phục vụ cho hoạt động không chịu thuế GTGT... Những đối tượng này không phải là người nộp thuế GTGT. Để tránh vướng mắc, tại Nghị định quy định hàng hóa do các tổ chức này bán không phải nộp thuế GTGT. Do vậy cần bổ sung quy định này tại Luật.

12.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đề luật hóa quy định đã thực hiện ổn định.

12.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

12.3.1. Giải pháp 1: Bổ sung quy định “Tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng bán tài sản; hàng dự trữ quốc gia do cơ quan dự trữ quốc gia bán; tài sản cố định chuyên dùng của tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng bán; các hoạt động có thu phí, lệ phí của Nhà nước theo pháp luật về phí và lệ phí” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

12.3.2. Giải pháp 2: Giữ như quy định hiện hành.

12.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

12.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Thực hiện theo giải pháp này sẽ tháo gỡ được những vướng mắc khi thực hiện, đồng thời đảm bảo căn cứ pháp lý khi thực hiện, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

12.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không.

- Tác động tiêu cực: Chưa giải quyết được vướng mắc trong quá trình thực hiện.

12.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

13. Đối với chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản

13.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Chuyển nhượng vốn bao gồm: chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã đầu tư, kể cả trường hợp bán doanh nghiệp cho doanh nghiệp khác để sản xuất, kinh doanh, chuyển nhượng chứng khoán; hình thức chuyển nhượng vốn khác theo quy định của pháp luật*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Thực tế trong quá trình thực hiện, doanh nghiệp và cơ quan thuế gặp vướng mắc khi xác định nghĩa vụ thuế đối với hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản. Hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư và bán tài sản thì số vốn đầu tư tại doanh nghiệp chuyển nhượng không thay đổi. Đối với hoạt động chuyển nhượng vốn thì số vốn đầu tư của cá nhân, tổ chức sẽ thay đổi (tài sản của doanh nghiệp không thay đổi). Do vậy, cần thiết phải quy định rõ loại trừ “chuyển nhượng dự án và bán tài sản” ra khỏi trường hợp “chuyển nhượng vốn thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT”.

13.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đề quy định rõ ràng, tránh vướng mắc trong thực hiện.

13.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

13.3.1. Giải pháp 1: Bổ sung quy định loại trừ “hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản” ra khỏi “chuyển nhượng vốn thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT”.

13.3.2. Giải pháp 2: Giữ như quy định hiện hành.

13.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

13.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực:

+ Đối với doanh nghiệp: Quy định rõ ràng, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện kê khai và nộp thuế; giải quyết vướng mắc giữa doanh nghiệp và cơ quan thuế khi xác định nghĩa vụ thuế đối với hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư và bán tài sản.

+ Đối với NSNN: Theo giải pháp này, các trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản thì phải kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định, từ đó góp phần mở rộng cơ sở thuế, tăng số thu từ thuế GTGT. Đồng thời quy định này cũng đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng của chính sách.

- Tác động tiêu cực: Đối với doanh nghiệp chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản sẽ phải thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định.

13.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

- Tác động tiêu cực: Vướng mắc trong thực hiện vẫn còn tồn tại.

13.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

14. Đối với bán nợ

14.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Bán nợ*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Thực tế, các hoạt động mua bán khoản phải trả/khoản phải thu diễn ra ngày càng phổ biến do nhu cầu tái cấu trúc doanh nghiệp. Đặc biệt trong trường hợp mua bán doanh nghiệp bao gồm cả các khoản nợ phải trả các khoản phải thu. Do vậy, cần thiết quy định rõ ràng, tránh vướng mắc trong thực hiện.

14.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đảm bảo chính sách minh bạch, tránh vướng mắc trong thực hiện.

14.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

14.3.1. Giải pháp 1: Bổ sung quy định cụ thể dịch vụ “*Bán nợ* bao gồm bán khoản phải trả và khoản phải thu của các cơ sở kinh doanh”.

14.3.2. Giải pháp 2: Giữ như quy định hiện hành.

14.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

14.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Thực hiện theo giải pháp này sẽ tháo gỡ được những vướng mắc khi thực hiện, đồng thời đảm bảo căn cứ pháp lý khi thực hiện.

+ Đối với doanh nghiệp: Quy định rõ ràng, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện kê khai và nộp thuế; giải quyết vướng mắc giữa doanh nghiệp và cơ quan thuế khi xác định nghĩa vụ thuế đối với hoạt động bán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp.

+ Đối với NSNN: Không ảnh hưởng đến số thu NSNN.

- Tác động tiêu cực: Tăng chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

14.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

- Tác động tiêu cực: Chưa giải quyết được các vướng mắc cho doanh nghiệp.

14.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

15. Đồng bộ với quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

15.1. Xác định vấn đề bất cập

** Bổ sung tài sản di chuyển theo định mức miễn thuế nhập khẩu của cá nhân, gia đình, tổ chức mang theo khi thôi cư trú, chấm dứt hoạt động ở*

nước ngoài vào đối tượng không chịu thuế GTGT

Tại khoản 2 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định: *Tài sản di chuyển thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu.*

Theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và các biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì: *Định mức miễn thuế nhập khẩu đối với tài sản di chuyển (gồm đồ dùng vật dụng phục vụ sinh hoạt làm việc đã qua sử dụng hoặc chưa qua sử dụng trừ xe ô tô, xe gắn máy) là 01 cái hoặc 01 bộ đối với mỗi tổ chức hoặc cá nhân.*

Theo đó, để đồng bộ với quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, cần thiết bổ sung tài sản di chuyển theo định mức miễn thuế nhập khẩu vào đối tượng không chịu thuế GTGT.

**** Bổ sung quy định hàng hóa mua bán trao đổi của cư dân biên giới theo định mức miễn thuế nhập khẩu và trong danh mục thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT***

Tại khoản 3 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định miễn thuế: *Hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới của cư dân biên giới thuộc Danh mục hàng hóa và trong định mức để phục vụ cho sản xuất, tiêu dùng của cư dân biên giới.*

Trường hợp thu mua, vận chuyển hàng hóa trong định mức nhưng không sử dụng cho sản xuất, tiêu dùng của cư dân biên giới và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân nước ngoài được phép kinh doanh ở chợ biên giới thì phải nộp thuế.

Để khuyến khích hoạt động mua bán trao đổi của cư dân biên giới và tạo điều kiện phát triển kinh tế vùng biên và đồng bộ với quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, cần thiết bổ sung đối tượng không chịu thuế GTGT cho phù hợp.

**** Sửa đổi quy định đối với vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT***

Luật thuế GTGT hiện hành quy định đối tượng không chịu thuế GTGT: *“Vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh”.*

Tại Nghị định của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về thuế GTGT quy định: Vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh quy định tại khoản 18 Điều 5 Luật thuế GTGT do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì, thống nhất với Bộ Tài chính quy định cụ thể. Danh mục vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh đang được thực hiện từ năm 2009. Tuy nhiên, việc xây dựng Danh mục mới rất phức tạp, khó khăn do Danh mục vũ khí, khí tài cơ bản Việt Nam chưa sản xuất được, phải nhập khẩu từ nước ngoài và cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, danh mục hàng hóa rất đa dạng, nhiều chủng loại và sẽ liên tục thay đổi phải cập nhật mới.

Hiện nay, hàng năm Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phải xây dựng kế hoạch

mua sắm vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ cho quốc phòng, an ninh và kế hoạch này phải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc do Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ. Pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định cơ sở miễn thuế nhập khẩu là căn cứ danh mục mua sắm hàng năm đã được phê duyệt. Do vậy, để phù hợp với thực tế và đảm bảo đồng bộ với pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, cần thiết sửa đổi quy định này cho phù hợp.

15.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

15.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

15.3.1. Giải pháp 1:

- Bổ sung vào đối tượng không chịu thuế GTGT đối với tài sản di chuyển theo định mức miễn thuế nhập khẩu.

- Bổ sung hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới theo định mức miễn thuế nhập khẩu và trong danh mục thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

- Bổ sung rõ quy định việc xác định vũ khí, khí tài thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT căn cứ danh mục vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ cho an ninh, quốc phòng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hàng năm hoặc do Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt hàng năm theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ.

15.3.2. Giải pháp 2: Giữ như quy định hiện hành.

15.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

15.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực:

Đối với tài sản di chuyển theo định mức miễn thuế nhập khẩu

+ Đối với cá nhân, gia đình, tổ chức được mang theo khi thôi cư trú, chấm dứt hoạt động ở Việt Nam hoặc nước ngoài, được mang theo đồ dùng, vật dụng phục vụ sinh hoạt, làm việc mà không phải trả thuế GTGT.

+ Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của chính sách giữa Luật thuế GTGT và Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Đối với hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới

+ Đối với cư dân biên giới: Hàng hóa mua bán trao đổi qua biên giới của cư dân không phải chịu thuế GTGT, góp phần làm giảm chi phí sinh hoạt của cư dân biên giới.

+ Đối với hoạt động kinh tế vùng biên: Việc quy định hàng hóa mua bán

trao đổi qua biên giới của cư dân không phải chịu thuế GTGT sẽ góp phần khuyến khích hoạt động mua bán trao đổi của cư dân biên giới và tạo điều kiện phát triển kinh tế vùng biên.

+ Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của chính sách giữa Luật Thuế GTGT và Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Đối với quy định đối với vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh

+ Tạo thuận lợi hơn trong công tác mua sắm, sản xuất, sửa chữa vũ khí trang bị của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Việc quy định cụ thể tại Luật giúp có thể thực hiện được luôn, không cần chờ hướng dẫn tại Nghị định.

- Tác động tiêu cực:

+ Có thể làm giảm số thu NSNN từ thuế GTGT.

+ Đối với quy định đối với vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh: Việc quy định cụ thể tại Luật có thể dẫn đến tính cứng nhắc, không linh hoạt trong quá trình thực hiện (nếu cần sửa đổi quy định thì phải sửa Luật).

15.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

- Tác động tiêu cực: Chưa đồng bộ với quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, dẫn đến vướng mắc trong quá trình thực hiện.

15.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

16. Đồng bộ với quy định của pháp luật chứng khoán

16.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định: *Kinh doanh chứng khoán bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký chứng khoán; quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; dịch vụ tổ chức thị trường của sở giao dịch chứng khoán hoặc trung tâm giao dịch chứng khoán; hoạt động kinh doanh chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.*

Tại Điều 42 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 quy định tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán:

“1. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con được tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán cho chứng khoán đủ điều kiện niêm yết...”

2. Ngoài Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, không tổ

chức, cá nhân nào được phép tổ chức và vận hành thị trường giao dịch chứng khoán."

Theo quy định trên, chỉ có Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và Công ty con được tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán. Do vậy, cần thiết phải sửa đổi quy định này tại Luật thuế GTGT cho phù hợp.

16.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

16.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

16.3.1. Giải pháp 1: Sửa đổi quy định về kinh doanh chứng khoán cho phù hợp với quy định tại Luật chứng khoán.

16.3.2. Giải pháp 2: Giữ như quy định hiện hành.

16.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

16.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của chính sách giữa Luật thuế GTGT và Luật chứng khoán, tạo thuận lợi trong thực hiện.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

16.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

- Tác động tiêu cực: Chưa đồng bộ với Luật Chứng khoán.

16.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

17. Đồng bộ với Luật trồng trọt

17.1. Xác định vấn đề bất cập

Tại khoản 2 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành quy định: "*Sản phẩm là giống vật nuôi, giống cây trồng, bao gồm trứng giống, con giống, cây giống, hạt giống, tinh dịch, phôi, vật liệu di truyền*" thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Tại Luật trồng trọt quy định: *Vật liệu nhân giống* là cây hoặc bộ phận của cây, nấm ăn hoặc bộ phận của nấm ăn có thể phát triển thành một cá thể mới, dùng để nhân giống hoặc để gieo trồng.

Theo đó, cần thiết sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật thuế GTGT để phù hợp với Luật Trồng trọt.

17.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

17.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

17.3.1. Giải pháp 1: Thay cụm từ “giống cây trồng” bằng cụm từ “vật liệu nhân giống cây trồng” và bỏ cụm từ “*cây giống, hạt giống*” tại khoản 2 Điều 5 Luật thuế GTGT.

17.3.2. Giải pháp 2: Giữ như quy định hiện hành.

17.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

17.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của chính sách giữa Luật thuế GTGT và Luật trồng trọt, tạo thuận lợi trong thực hiện.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

17.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

- Tác động tiêu cực: Chưa đồng bộ với quy định của Luật trồng trọt.

17.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

18. Đồng bộ với Luật báo chí

18.1. Xác định vấn đề bất cập

Tại khoản 15 Điều 5 Luật thuế GTGT quy định: “*Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành...*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Tuy nhiên, tại Luật báo chí không có quy định về “bản tin chuyên ngành” mà chỉ có quy định về “bản tin”. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 19 Điều 3 Luật báo chí thì “đặc san” là sản phẩm thông tin có tính chất báo chí tương tự như bản tin.

Theo đó, cần thiết sửa đổi quy định tại khoản 15 Điều 5 Luật thuế GTGT để phù hợp với Luật báo chí.

18.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

18.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

18.3.1. Giải pháp 1: Thay cụm từ “bản tin chuyên ngành” bằng cụm từ “bản tin, đặc san” tại khoản 15 Điều 5 Luật thuế GTGT.

18.3.2. Giải pháp 2: Giữ như quy định hiện hành.

18.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

18.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của chính sách giữa Luật thuế GTGT và Luật báo chí, tạo thuận lợi trong thực hiện.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

18.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

- Tác động tiêu cực: Chưa đồng bộ với quy định của Luật báo chí.

18.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

III. Chính sách 3: Hoàn thiện các quy định về giá tính thuế GTGT

1. Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định giá tính thuế GTGT “Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế giá trị gia tăng, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước”.

Trên thực tế có các hình thức chuyển nhượng bất động sản liên quan đến quyền sử dụng đất như sau: (i) Trường hợp được Nhà nước giao đất; (ii) Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất; (iii) Trường hợp thuê đất; (iv) Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân; (v) Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất. Vì vậy, thực tế thực hiện Luật thuế GTGT vừa qua, phát sinh vướng mắc liên quan đến việc xác định giá đất được trừ ra khỏi giá tính thuế GTGT khi chuyển nhượng bất động sản theo các hình thức chuyển nhượng phát sinh trong thực tế như nêu trên. Do vậy cần thiết phải quy định giao Chính phủ quy định cụ thể về giá đất được trừ tại Luật.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đề đảm bảo thu đúng, thu đủ vào NSNN, tránh trường hợp doanh nghiệp không nộp thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong

trường hợp có chênh lệch giữa giá bán và tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thực tế nộp vào NSNN và tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

1.3.1. Giải pháp 1: Bổ sung quy định “Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, giá tính thuế GTGT là giá bán bất động sản chưa có thuế GTGT, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp NSNN. **Giá đất được trừ theo quy định của Chính phủ**”.

1.3.2. Giải pháp 2: Giữ như quy định hiện hành.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Giải quyết vướng mắc khi thực hiện.
- Tác động tiêu cực: Phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

1.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.
- Tác động tiêu cực: Chưa giải quyết được vướng mắc khi thực hiện.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

2. Đối với giá tính thuế đối với kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Tại Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) quy định về giá tính thuế TTĐB như sau: Đối với kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược là doanh thu từ hoạt động này trừ số tiền đã trả thưởng cho khách.

Tại Nghị định hướng dẫn về giá tính thuế GTGT đã có quy định: Đối với dịch vụ casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược, là số tiền thu từ hoạt động này đã bao gồm cả thuế TTĐB trừ số tiền đã trả thưởng cho khách.

Theo đó, cần thiết bổ sung quy định về giá tính thuế GTGT đối với dịch vụ ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược để đảm bảo minh bạch chính sách.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Để đồng bộ với Luật thuế TTĐB và đảm bảo căn cứ pháp lý cao hơn.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

2.3.1. Giải pháp 1: Bổ sung quy định về giá tính thuế GTGT đối với dịch vụ ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược tại Luật đồng bộ với Luật thuế TTĐB, đảm bảo rõ ràng, minh bạch.

2.3.2. Giải pháp 2: Giữ như quy định hiện hành.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của chính sách giữa Luật thuế GTGT và Luật thuế TTĐB, tạo thuận lợi trong thực hiện.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

2.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

- Tác động tiêu cực: Chưa tháo gỡ được khó khăn, vướng mắc, chưa đồng bộ với quy định của Luật thuế TTĐB.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

IV. Chính sách 4: Hoàn thiện các quy định về thuế suất

1. Về thuế suất 0%

1.1. Đối với dịch vụ xuất khẩu

1.1.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu... Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ*”. Thực hiện quy định trên, trong thời gian qua, do dịch vụ có tính vô hình nên việc xác định dịch vụ được tiêu dùng tại Việt Nam hay dịch vụ được tiêu dùng ở nước ngoài đối với một số dịch vụ là rất khó xác định, gây vướng mắc, tranh cãi cho cả cơ quan thuế và người nộp thuế.

Trong quá trình thực hiện, nhiều doanh nghiệp đã xuất hóa đơn cung cấp dịch vụ cho khách hàng với thuế suất 0% (xác định là tiêu dùng ngoài Việt Nam) sau đó lại bị cơ quan kiểm toán, cơ quan thuế cho rằng đây là dịch vụ tiêu dùng tại Việt Nam và thực hiện truy thu thuế GTGT 10%. Với việc truy thu này gây khó khăn cho bên cung cấp dịch vụ (phải bỏ tiền để nộp thuế trong khi không đòi được bên mua dịch vụ do hợp đồng đã ký và thanh toán đã kết thúc).

Mặt khác, hiện nay đang phát triển nhiều dịch vụ cung ứng cho tổ chức, cá nhân nước ngoài gắn với hàng hoá được gia công sản xuất tại Việt Nam để xuất khẩu nhưng thực tế không xác định được chính xác hàng hóa đó là tiêu dùng ở trong nước hay ở nước ngoài tại thời điểm cung cấp dịch vụ, hoặc nếu xác định thì rất phức tạp, tăng chi phí quản lý như: dịch vụ phân loại hàng hóa, giám sát chất lượng hàng hóa để xuất khẩu,... Theo đó, cần thiết quy định cụ thể những dịch vụ xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% hoặc bỏ quy định này để tránh vướng mắc khi thực hiện.

1.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đảm bảo chính sách minh bạch và tránh vướng mắc trong thực hiện.

1.1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

1.1.3.1. Giải pháp 1: Sửa đổi quy định về dịch vụ xuất khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 0%, cụ thể:

Dịch vụ xuất khẩu cung cấp cho khách hàng nước ngoài, tổ chức trong khu phi thuế quan, gồm: (1) Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải được sử dụng ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam; (2) Dịch vụ vận tải quốc tế; (3) Dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải cung ứng trực tiếp cho vận tải quốc tế.

Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục, hồ sơ và điều kiện áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vận tải quốc tế và một số trường hợp đặc thù khác quy định tại khoản này.

1.1.3.2. Giải pháp 2: Bỏ quy định dịch vụ xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.

1.1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.1.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Doanh nghiệp Việt Nam có thể cạnh tranh được với doanh nghiệp nước ngoài khi cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

- Tác động tiêu cực: Có thể phát sinh nhiều dịch vụ không xác định được nơi tiêu dùng và doanh nghiệp vẫn có thể bị truy thu thuế GTGT khi hợp đồng kết thúc. Thực tế, Bộ Tài chính nhận được nhiều kiến nghị của doanh nghiệp đề nghị hướng dẫn rõ dịch vụ nào thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 0% để thống nhất thực hiện.

1.1.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Dễ thực hiện, đảm bảo chính sách minh bạch và tránh vướng mắc trong thực hiện.

- Tác động tiêu cực: Doanh nghiệp Việt Nam khó cạnh tranh được với doanh nghiệp nước ngoài khi cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài do giá cung cấp dịch vụ cao hơn.

1.1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục nghiên cứu đề xuất phương án phù hợp.

1.2. Đối với hàng hóa bán tại khu vực cách ly của các cảng biển, cảng hàng không dân dụng quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế và các cửa khẩu đường bộ quốc tế (Khu vực cách ly)

1.2.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay doanh nghiệp bán hàng tại khu cách ly được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%, tuy nhiên không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào do không đáp ứng được các điều kiện như: Hợp đồng ký với tổ chức, cá nhân nước ngoài (bán cho người Việt Nam hoặc người nước ngoài); chứng từ thanh toán qua ngân hàng (khách hàng thanh toán bằng nhiều hình thức: Tiền mặt, thẻ Visa, ví điện tử...). Luật thuế GTGT hiện hành cũng quy định người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được hoàn thuế đối với hàng hóa mua tại Việt Nam mang theo người khi xuất cảnh (không có điều kiện về hợp đồng và chứng từ thanh toán qua ngân hàng). Để cải cách thủ tục hành chính cần thiết sửa đổi quy định rõ “hàng hóa bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và giao Bộ Tài chính hướng dẫn điều kiện và thủ tục được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.

1.2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Khuyến khích hoạt động xuất khẩu hàng hóa, nhất là những sản phẩm thủ công, mỹ nghệ của Việt Nam.

1.2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

1.2.3.1. Giải pháp 1: Bổ sung quy định “hàng hóa bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và giao Bộ Tài chính hướng dẫn điều kiện và thủ tục được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.

1.2.3.2. Giải pháp 2: Giữ nguyên như quy định hiện hành

1.2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.2.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực:

+ Đối với doanh nghiệp: Các đơn vị bán hàng hóa bán tại các khu cách ly được khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua vào của hàng hóa bán tại khu cách ly, từ đó giảm chi phí sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các mặt hàng bán trong khu cách ly. Ngoài ra, việc thúc đẩy kinh doanh của các đơn vị cung ứng dịch vụ trong nước cũng góp phần tạo công ăn việc làm, thu nhập cho một bộ phận người lao động, từ đó góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

+ Đối với xã hội: Khuyến khích xuất khẩu hàng hóa, đặc biệt là sản phẩm truyền thống của Việt Nam, đồng thời thu hút khách du lịch, quảng bá hình ảnh Việt Nam rộng rãi hơn.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

1.2.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không làm phát sinh chi phí hành thu, đồng thời không ảnh hưởng đến nguồn thu NSNN.

- Tác động tiêu cực: Không tháo gỡ được những khó khăn tồn tại, chưa khuyến khích được hoạt động xuất khẩu hàng hóa, cũng như phát triển du lịch.

1.2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

1.3. Đối với hàng bán tại cửa hàng miễn thuế

1.3.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu... Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ*”.

Trước ngày 01/9/2016, cửa hàng miễn thuế được xác định là khu phi thuế quan nên chính sách thuế GTGT đối với cửa hàng miễn thuế được áp dụng theo cơ chế khu phi thuế quan. Kể từ ngày 01/9/2016, theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì cửa hàng miễn thuế không đáp ứng được các điều kiện về khu phi thuế quan nên dẫn đến vướng mắc trong quá trình thực hiện. Hàng bán tại cửa hàng miễn thuế chủ yếu phục vụ cho khách du lịch và được tiêu dùng ngoài Việt Nam hoặc bán cho đối tượng miễn trừ ngoại giao (đối tượng được mua hàng không có thuế GTGT) hoặc người nhập cảnh (chỉ được mua hàng trong định mức). Do vậy, để khuyến khích hoạt động bán hàng miễn thuế, thu hút khách du lịch, cần thiết sửa đổi quy định “hàng bán tại cửa hàng miễn thuế” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và giao Bộ Tài chính hướng dẫn điều kiện áp dụng thuế suất 0% và điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với một số trường hợp đặc thù.

1.3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Để khuyến khích hoạt động bán hàng miễn thuế, thu hút khách du lịch.

1.3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

1.3.3.1. Giải pháp 1: Bổ sung quy định “hàng bán tại cửa hàng miễn thuế” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và giao Bộ Tài chính hướng dẫn điều kiện áp dụng thuế suất 0% và điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với một số trường hợp đặc thù.

1.3.3.2. Giải pháp 2: Giữ nguyên như quy định hiện hành

1.3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.3.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Khuyến khích doanh nghiệp bán hàng miễn thuế, thu hút khách du lịch. Đồng thời, giải quyết được vướng mắc về hàng bán tại cửa hàng miễn thuế không đáp ứng được điều kiện để khấu trừ thuế GTGT đầu vào do khách hàng mua hàng có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc qua ngân hàng; không có hợp đồng mua bán hàng hóa và tờ khai hải quan đối với từng lần bán.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

1.3.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

- Tác động tiêu cực: Không tháo gỡ được những khó khăn tồn tại, chưa khuyến khích được hoạt động xuất khẩu hàng hóa, cũng như phát triển du lịch.

1.3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

1.4. Đối với rượu, bia, thuốc lá nhập khẩu sau đó xuất khẩu

1.4.1. Xác định vấn đề bất cập

Để ngăn chặn gian lận hoàn thuế đối với thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu, tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế đã quy định không áp dụng thuế suất 0% đối với những mặt hàng thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu.

Theo đó, cần thiết bổ sung quy định này tại Luật để đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật.

1.4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật.

1.4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

1.4.3.1. Giải pháp 1: Bổ sung quy định không áp dụng thuế suất 0% đối với những mặt hàng thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu.

1.4.3.2. Giải pháp 2: Giữ nguyên như quy định hiện hành

1.4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.4.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Hoàn thiện cơ chế chính sách, cơ sở pháp lý, tránh gian lận khi thực hiện hoàn thuế GTGT.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

1.4.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

- Tác động tiêu cực: Chưa đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, có thể phát sinh gian lận trong hoàn thuế GTGT.

1.4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

2. Về thuế suất thuế GTGT 5%

2.1. Đối với thực phẩm tươi sống

2.1.1. Xác định vấn đề bất cập

Trong quá trình thực hiện phát sinh vướng mắc về việc áp dụng thuế suất thuế GTGT đối với thịt xay, cá cắt khúc,... vì các sản phẩm này vừa là các sản phẩm chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác, chỉ qua sơ chế thông thường (thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT) vừa là thực phẩm tươi sống (thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%). Do vậy, cần bỏ quy định “thực phẩm tươi sống” áp dụng thuế suất 5%.

2.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Để áp dụng thống nhất nội dung liên quan đến thực phẩm tươi sống và sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác.

2.1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

2.1.3.1. Giải pháp 1: Bỏ quy định “thực phẩm tươi sống” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%.

2.1.3.2. Giải pháp 2: Giữ nguyên như quy định hiện hành.

2.1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.1.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Dễ dàng trong việc quản lý, tránh vướng mắc cho doanh nghiệp.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

2.1.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh vướng mắc trong thực hiện.

2.1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

2.2. Đối với đường, phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm gi đường, bã mía, bã bùn

2.2.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định đường; phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm gi đường, bã mía, bã bùn thuộc đối tượng chịu thuế 5%. Hiện nay, đường là mặt hàng phổ biến thông thường, không còn là mặt hàng thiết yếu và giá bán thực hiện theo thị trường. Theo đó, cần thiết sửa đổi quy định áp dụng thuế suất phổ thông đối với nhóm hàng hóa này.

2.2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Mở rộng cơ sở thuế, tiến tới áp dụng một mức thuế suất thuế GTGT theo Chiến lược cải cách hệ thống thuế thông qua giảm bớt số lượng nhóm hàng hóa, dịch vụ đang thuộc đối tượng chịu thuế GTGT ở mức thuế suất 5%.

- Phù hợp với thông lệ quốc tế và xu thế cải cách thuế GTGT của các nước.

2.2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

2.2.3.1. Giải pháp 1: Quy định mặt hàng “đường; phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm gi đường, bã mía, bã bùn” từ đối tượng áp dụng thuế suất GTGT 5% sang áp dụng thuế suất GTGT 10%.

2.2.3.2. Giải pháp 2: Giữ nguyên như quy định hiện hành.

2.2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.2.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Mở rộng cơ sở thuế, phù hợp với Chiến lược cải cách hệ thống thuế, tăng nguồn thu cho NSNN.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành. Người tiêu dùng sẽ phải trả thêm phần thuế GTGT khi chuyển sang từ mức thuế suất 5% sang mức thuế suất 10%.

2.2.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

Người tiêu dùng không phải trả thêm khoản thuế GTGT.

- Tác động tiêu cực: Chưa phù hợp với Chiến lược cải cách hệ thống thuế. Số thu NSNN không thay đổi.

2.2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

2.3 Đối với thiết bị, dụng cụ y tế; giáo cụ dùng để học tập

2.3.1. Xác định vấn đề bất cập

Thuế GTGT thu theo hàng hóa, dịch vụ, không phân biệt mục đích sử dụng nên việc quy định áp dụng thuế suất 5% đối với những loại hàng hóa có thể sử dụng đa mục đích như: các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học cũng có thể dùng cho văn phòng, mục đích dân dụng khác như bàn, ghế, máy chiếu, màn hình,... dẫn đến không thống nhất trong thực hiện, tạo kẽ hở để lợi dụng chính sách, cạnh tranh không bình đẳng.

Mặt khác, theo quy định tại Luật quản lý thuế thì người nộp thuế tự tính, tự khai, tự nộp thuế và tự chịu trách nhiệm. Do vậy, nhiều doanh nghiệp đề nghị phải hướng dẫn rõ sản phẩm nào thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 5%, sản phẩm nào áp dụng thuế suất 10% để doanh nghiệp thực hiện đúng nghĩa vụ với NSNN, tránh trường hợp bị truy thu thuế sau này. Theo đó, để bảo đảm minh bạch, tránh vướng mắc trong thực hiện, cần thiết bổ sung quy định rõ đối với các trường hợp này cho phù hợp.

2.3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đảm bảo phù hợp với thực tế phát sinh, tạo thuận lợi trong thực hiện, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

2.3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

2.3.3.1. Giải pháp 1: Quy định rõ: (i) Máy móc, thiết bị, dụng cụ y tế khác theo quy định của pháp luật về quản lý trang thiết bị y tế vào đối tượng áp dụng thuế suất 5%; và (ii) Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập, bao gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước kẻ, com-pa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5%.

2.3.3.2. Giải pháp 2: Chuyển toàn bộ thiết bị, dụng cụ y tế, giáo cụ dùng để học tập sang đối tượng chịu thuế GTGT 10%.

2.3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.3.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực:

+ Đối với doanh nghiệp: Việc quy định rõ sản phẩm nào thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%; sản phẩm nào áp dụng thuế suất 10% sẽ tạo khung khổ

pháp lý rõ ràng, minh bạch, giúp doanh nghiệp thực hiện đúng nghĩa vụ với NSNN, đồng thời tạo sự cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp. Việc bổ sung quy định máy móc, thiết bị, dụng cụ y tế khác theo quy định của pháp luật về quản lý trang thiết bị y tế vào đối tượng áp dụng thuế suất 5% sẽ bao quát hết các trường hợp phát sinh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong thực hiện.

+ Đối với NSNN: Việc quy định rõ sản phẩm nào thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%; sản phẩm nào áp dụng thuế suất 10% sẽ tránh được tình trạng doanh nghiệp lợi dụng chính sách để giảm nghĩa vụ thuế với NSNN, từ đó hạn chế giảm thu NSNN.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với người tiêu dùng: Một số loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học đang được hưởng mức thuế suất 5% thì theo quy định này sẽ chịu mức thuế 10%, từ đó người sử dụng có thể phải tăng chi phí phải trả cho việc sử dụng những hàng hóa này.

+ Đối với doanh nghiệp: Việc chuyển sang áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10% sẽ tác động tới doanh nghiệp sản xuất, cung ứng các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học đang được áp dụng mức thuế suất 5%. Tuy nhiên, quy định này tạo tính minh bạch, bình đẳng trong kinh doanh.

2.3.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không ảnh hưởng đến giá hiện hành của một số loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học đang áp dụng mức thuế suất 5%.

- Tác động tiêu cực: Không giải quyết được những vướng mắc trong thực tiễn thực hiện chính sách và chưa đảm bảo tính minh bạch, công bằng cho các doanh nghiệp.

2.3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

2.4. Đối với hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim

2.4.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định một số nhóm dịch vụ công (như hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim;...) thuộc đối tượng chịu thuế 5% (trừ dài hơn mức thuế suất phổ biến 10%). Tuy nhiên, các dịch vụ công này đã và đang tiếp tục được xã hội hóa mạnh mẽ. Theo đó, cần thiết sửa đổi quy định áp dụng thuế suất phổ thông đối với các dịch vụ công đã được xã hội hóa.

2.4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Mở rộng cơ sở thuế, tiến tới áp dụng một mức thuế suất thuế GTGT theo Chiến lược cải cách hệ thống thuế thông qua giảm bớt số lượng nhóm hàng hóa, dịch vụ đang thuộc đối tượng chịu thuế GTGT ở mức thuế suất 5%.

2.4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

2.4.3.1. Giải pháp 1:

Quy định nhóm “Hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim” từ đối tượng áp dụng thuế suất GTGT 5% sang áp dụng mức thuế suất 10%.

2.4.3.2. Giải pháp 2: Giữ nguyên như quy định hiện hành.

2.4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.4.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực:

+ Đối với NSNN: Việc chuyển nhóm đối tượng nêu trên từ thuế suất 5% lên thuế suất 10%, dự kiến làm tăng thu NSNN thêm khoảng 600-800 tỷ đồng.

+ Đối với xã hội: Hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao... đã được xã hội hóa sâu rộng với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế nhằm mục đích lợi nhuận. Vì vậy, việc chuyển nhóm hàng hóa dịch vụ gồm hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim sang áp dụng mức thuế 10% sẽ đảm bảo sự công bằng giữa các lĩnh vực, ngành nghề trong nền kinh tế.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với người tiêu dùng: Quy định này nhìn chung sẽ gia tăng chi phí phải trả cho việc sử dụng những hàng hóa, dịch vụ của người tiêu dùng do tăng thuế suất, tuy nhiên mức tăng này không quá lớn (từ 5% lên 10%). Trong dài hạn, với môi trường kinh doanh minh bạch, bình đẳng, các doanh nghiệp sẽ phải cạnh tranh nhau và có những chiến lược phát triển kinh doanh phù hợp để đưa đến người tiêu dùng những sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chất lượng với giá thành phù hợp.

+ Đối với doanh nghiệp: Việc chuyển sang áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10% sẽ tác động tới doanh nghiệp trên hai khía cạnh: (i) Nếu doanh nghiệp vẫn giữ giá tính thuế như trước, thì việc tăng thuế suất thuế GTGT sẽ làm tăng giá bán của hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao,... từ đó tác động làm giảm nhu cầu đối với hàng hóa, dịch vụ, có thể làm giảm doanh thu bán hàng của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này; (ii) Nếu doanh nghiệp muốn giữ nguyên giá bán ra đối với hàng hóa này thì việc tăng thuế suất thuế GTGT có thể tác động đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

2.4.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Giảm giá thành cho người sử dụng.
- Tác động tiêu cực: Chưa phù hợp với Chiến lược cải cách hệ thống thuế. Số thu NSNN không thay đổi.

2.4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

2.5. Về nguyên tắc xác định thuế suất

2.5.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa qua chế biến, trừ sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này*” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%.

Trong quá trình thực hiện phát sinh vướng mắc trong việc áp dụng thuế suất thuế GTGT đối với các sản phẩm là phế phẩm, phụ phẩm của quá trình sơ chế thông thường các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản nuôi trồng của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, gia công, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu. Một số sản phẩm nông sản vừa là sản phẩm nông nghiệp vừa dùng làm thức ăn chăn nuôi. Do vậy, để tránh vướng mắc trong thực tế, cần bổ sung làm rõ thuế suất thuế GTGT áp dụng đối với phế phẩm, phụ phẩm của quá trình sơ chế thông thường các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản nuôi trồng, sản phẩm nông sản làm thức ăn chăn nuôi tại Luật.

2.5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đảm bảo phù hợp với thực tế phát sinh, tạo thuận lợi trong thực hiện, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

2.5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

2.5.3.1. Giải pháp 1:

Bổ sung quy định “*sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, được liệt kê áp dụng thuế suất GTGT theo mức thuế suất quy định cho sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản*”.

Bổ sung quy định “*Phế phẩm, phụ phẩm, phế liệu được thu hồi để tái chế, sử dụng lại khi bán ra áp dụng mức thuế suất theo thuế suất của mặt hàng phế phẩm, phụ phẩm bán ra*”.

2.5.3.2. Giải pháp 2: Giữ nguyên như quy định hiện hành.

2.5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.5.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Việc quy định rõ nguyên tắc áp dụng thuế suất giúp doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động nhập khẩu, sản xuất trong nước hay kinh doanh thương mại các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, sản phẩm trồng trọt chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản chưa qua chế biến thành sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế dễ dàng và thuận tiện trong việc hạch toán, kê khai và nộp thuế. Bên cạnh đó, việc bổ sung rõ thuế suất thuế GTGT áp dụng đối với các sản phẩm là phế phẩm, phụ phẩm của quá trình sơ chế thông thường các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản nuôi trồng của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, gia công, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu sẽ khắc phục được những vướng mắc trong quá trình thực hiện kê khai, nộp thuế của doanh nghiệp.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới khi Luật có hiệu lực thi hành.

2.5.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

- Tác động tiêu cực: Chưa giải quyết được vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Tăng chi phí hành thu cho cơ quan thuế và chi phí tuân thủ của người nộp thuế.

2.5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

3. Đề xuất tăng thuế suất theo lộ trình

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn ra trên thế giới và trong nước từ năm 2020 đến nay, tác động tiêu cực đến hầu như tất cả các ngành nghề và lĩnh vực, Quốc hội, Chính phủ đã phải ban hành nhiều chính sách để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân, an sinh xã hội. Để phục hồi và phát triển kinh tế, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, theo đó giảm thuế GTGT đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% xuống mức thuế suất 8% từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 31/12/2022, trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ không được giảm.

Hiện nay, Chính phủ đang trình Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chính sách giảm thuế GTGT 2% theo như chính sách giảm thuế đã quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15, thời gian áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023. Dự kiến Quốc hội sẽ thông qua chính sách này tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội Khóa XV. Do vậy, có thể nghiên cứu cân nhắc điều chỉnh thuế suất

thuế GTGT theo lộ trình vào thời điểm thích hợp khi nền kinh tế ổn định.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tăng thu NSNN, tạo điều kiện mở rộng quy mô thu NSNN, đáp ứng tốt hơn nhu cầu chi NSNN, đặc biệt tăng chi cho đầu tư phát triển, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội và giải quyết việc làm.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên mức thuế suất 5% và mức thuế suất 10% như quy định hiện hành.

3.3.2. Giải pháp 2: Sau 03 năm kể từ ngày Luật có hiệu lực thi hành tăng từ mức 5% lên mức 6%; từ mức 10% lên mức 11% để thực hiện chủ trương đường lối của Đảng nêu tại Nghị quyết 07-NQ/TW và Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, phù hợp với thông lệ và xu hướng cải cách thuế GTGT quốc tế.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

3.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Không làm thay đổi chính sách, giữ được sự ổn định về giá cả, tiêu dùng.

- Tác động tiêu cực: Không thực hiện được mục tiêu đề ra là cơ cấu lại nguồn thu, bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững.

3.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Hoàn thiện chính sách thuế nhằm mục tiêu cơ cấu lại nguồn thu NSNN, tăng tỷ trọng thu nội địa theo mục tiêu đề ra trong bối cảnh hội nhập giảm thu từ hoạt động xuất nhập khẩu do giảm thuế theo các Hiệp định thương mại tự do (FTA). Đảm bảo tỷ trọng thu nội địa (không kể thu từ dầu thô) trong tổng thu NSNN đạt mục tiêu nêu tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII.

Với đề xuất tăng 1% thuế suất thuế GTGT thì số thu NSNN tăng lên khoảng 31.000 tỷ đồng

- Tác động tiêu cực: Trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn ra trên thế giới và trong nước từ năm 2020 đến nay, tác động tiêu cực đến hầu như tất cả các ngành nghề và lĩnh vực, Quốc hội, Chính phủ đã phải ban hành nhiều chính sách để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân, an sinh xã hội. Để phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, theo đó giảm thuế GTGT đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% xuống mức thuế suất 8% từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 31/12/2022, trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ không được giảm.

Hiện nay, Chính phủ đang trình Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chính sách giảm thuế GTGT 2% theo như chính sách giảm thuế đã quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15, thời gian áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023. Dự kiến Quốc hội sẽ thông qua chính sách này tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội Khóa XV. Do vậy, có thể nghiên cứu cân nhắc điều chỉnh thuế suất thuế GTGT theo lộ trình vào thời điểm thích hợp khi nền kinh tế ổn định.

Thuế GTGT là thuế gián thu tính trên hàng hóa, dịch vụ người tiêu dùng phải chịu. Do vậy, tăng thuế sẽ ảnh hưởng đến cầu tiêu dùng hàng hóa, ảnh hưởng đến lạm phát. Tại thời điểm năm 2017, khi đề xuất tăng thuế suất thuế GTGT nhiều ý kiến cho rằng sẽ tác động vào chi tiêu của người nghèo vì người nghèo sẽ phải chi nhiều hơn cho những hàng hóa thiết yếu. Bên cạnh đó, tăng thuế sẽ ảnh hưởng đến tăng trưởng của doanh nghiệp, có thể tác động đến lợi nhuận (khi doanh nghiệp không tăng được giá bán hàng hóa, dịch vụ).

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

V. Chính sách 5: Hoàn thiện các quy định về khấu trừ thuế GTGT đầu vào

1. Đối với hóa đơn bị sai, sót

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định: *“Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế GTGT đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.”*

Theo quy định tại Điều 47 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 về việc khai bổ sung hồ sơ khai thuế khi Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì Người nộp thuế được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra; trường hợp sau khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành kết luận, quyết định xử lý về thuế sau thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế, người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế có sai, sót nếu khai bổ sung làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn thì thực hiện theo quy định về giải quyết khiếu nại về thuế.

Theo đó, đề phù hợp với thực tế, đồng bộ với quy định tại Luật quản lý thuế, cần sửa đổi quy định này cho phù hợp.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực hiện.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

1.3.1. Giải pháp 1: Bổ sung quy định trong trường hợp người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế có sai, sót thì thực hiện kê khai, khấu trừ bổ sung theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

1.3.2. Giải pháp 2: Giữ nguyên như quy định hiện hành

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực:

+ Các doanh nghiệp được kê khai bổ sung hóa đơn bị bỏ sót giúp doanh nghiệp giảm số thuế phải nộp hoặc tăng số tiền được khấu trừ, tăng số tiền thuế được miễn, giảm, như vậy sẽ giảm thiểu thiệt hại cho doanh nghiệp khi kê khai sót hóa đơn đầu vào tại kỳ tính thuế hoặc tại thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra, thanh tra.

+ Quy định này cũng tạo sự minh bạch, rõ ràng, bình đẳng trong chính sách.

- Tác động tiêu cực: Quy định này có thể phát sinh thêm chi phí hành thu tuy nhiên không đáng kể.

1.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không làm thay đổi chính sách.

- Tác động tiêu cực: Không giải quyết được vướng mắc trong thực tế kê khai, nộp thuế của doanh nghiệp, gây thiệt hại cho doanh nghiệp.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

2. Đối với điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định một trong những điều kiện để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào là có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới 20 triệu đồng. Qua công tác thanh tra, kiểm tra thuế, nhiều doanh nghiệp vẫn lợi dụng chia nhỏ hóa đơn dưới 20 triệu để thanh toán bằng tiền mặt để được kê khai, khấu trừ thuế GTGT và tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Do vậy, cần sửa đổi giảm định mức hàng hóa, dịch vụ mua từng lần từ mức dưới 20 triệu đồng xuống mức phù hợp.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Minh bạch hóa các giao dịch mua bán của doanh nghiệp, hạn chế việc gian lận trong kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

2.3.1. Giải pháp 1: Sửa đổi quy định về định mức đối với chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt từ mức dưới 20 triệu đồng xuống mức phù hợp để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

2.3.2. Giải pháp 2: Giữ nguyên như quy định hiện hành.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực:

+ Đối với NSNN: Quy định này làm giảm thiểu các gian lận về chứng từ thanh toán trong khấu trừ và hoàn thuế GTGT, từ đó làm giảm các thiệt hại về NSNN.

+ Đối với xã hội: Thực hiện quy định này sẽ góp phần thúc đẩy hơn nữa việc phát triển giao dịch thanh toán qua ngân hàng giữa các doanh nghiệp, đồng thời góp phần minh bạch hóa các giao dịch mua bán của doanh nghiệp, giảm thiểu các giao dịch “ngầm” trong nền kinh tế.

- Tác động tiêu cực: Thực hiện quy định mới có thể gây ra một số ảnh hưởng đối với doanh nghiệp và người dân ở địa bàn nông thôn, miền núi nơi mà việc tiếp cận dịch vụ ngân hàng, dịch vụ thanh toán điện tử còn khó khăn.

2.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

- Tác động tiêu cực: Chưa giảm thiểu các gian lận về chứng từ thanh toán trong khấu trừ và hoàn thuế GTGT, từ đó có thể thiệt hại về NSNN.

Chưa thúc đẩy hơn nữa việc phát triển giao dịch thanh toán qua ngân hàng giữa các doanh nghiệp.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

VI. Chính sách 6: Hoàn thiện các quy định về hoàn thuế GTGT

1. Đối với cơ sở sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế GTGT 5%

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT được khấu trừ toàn bộ. Tuy nhiên, thực tế phát sinh trường hợp sản xuất hàng hóa, cơ sở kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5% nhưng đầu vào chủ yếu thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 10% nên thường xuyên phát sinh

số thuế GTGT đầu vào lớn hơn số thuế GTGT đầu ra và qua nhiều kỳ vẫn chưa được khấu trừ hết, phải sang khấu trừ vào các kỳ tiếp theo, không được hoàn. Do vậy, cần bổ sung quy định cho phép hoàn thuế GTGT đối với trường hợp này để tháo gỡ khó khăn về vốn cho doanh nghiệp.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tạo thuận lợi về vốn cho cơ sở sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế GTGT 5%.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

1.3.1. Giải pháp 1: Bổ sung quy định “doanh nghiệp sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5% nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý” được hoàn thuế GTGT.

1.3.2. Giải pháp 2: Giữ nguyên như quy định hiện hành.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và đúng mục tiêu ưu đãi thuế GTGT đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT 5%, phù hợp mục tiêu thu thuế.

Số liệu của các cơ sở kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất 5% mà không có hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất 10%, 0%:

+ Năm 2020 có 4.460 doanh nghiệp có số thuế GTGT còn được khấu trừ tại kỳ tháng 12/quý 4 là 1.854 tỷ đồng.

+ Năm 2021 có 4.868 doanh nghiệp có số thuế GTGT còn được khấu trừ tại kỳ tháng 12/quý 4 là 1.994 tỷ đồng (số thuế GTGT còn được khấu trừ năm 2021 đã bao gồm số thuế GTGT còn được khấu trừ của năm 2020 chuyển sang).

- Tác động tiêu cực: Tăng quỹ hoàn thuế GTGT.

1.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không ảnh hưởng đến cân đối NSNN.

- Tác động tiêu cực: Không đạt được mục tiêu đề ra là tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp và không đạt được mục tiêu ưu đãi thuế GTGT đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT 5%.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

2. Về hoàn thuế đối với dự án đầu tư

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ và có số thuế còn lại từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT. Tuy nhiên, theo khái niệm dự án đầu tư tại Luật đầu tư gồm nhiều hình thức: dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng,... dẫn đến vướng mắc trong thực hiện hoàn thuế trong thời gian qua. Do vậy, cần quy định rõ dự án đầu tư được hoàn thuế GTGT là dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư bao gồm cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, nâng cao năng suất lao động, đồng bộ pháp luật về dự án đầu tư.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

2.3.1. Giải pháp 1: Bổ sung quy định dự án đầu tư được hoàn thuế GTGT là dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư bao gồm cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

2.3.2. Giải pháp 2: Giữ nguyên như quy định hiện hành.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Tháo gỡ khó khăn về vốn cho doanh nghiệp, khắc phục những bất cập trong thực tiễn.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới khi Luật có hiệu lực thi hành.

2.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới khi Luật có hiệu lực thi hành.

- Tác động tiêu cực: Không khắc phục những bất cập trong thực tiễn.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

3. Về hoàn thuế đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình*”

hoạt động" không được hoàn thuế GTGT.

Thực tế phát sinh vướng trong việc hoàn thuế GTGT đối với cả 02 trường hợp nêu trên liên quan đến quy định của pháp luật về chuyên ngành. Do vậy, cần sửa đổi theo hướng bỏ quy định không hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động. Trong trường hợp cơ sở có vi phạm các điều kiện này thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc nghiên cứu bổ sung quy định rõ một số trường hợp được hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện để tránh vướng mắc trong thực hiện.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Bảo đảm chính sách minh bạch, rõ ràng, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tạo thuận lợi trong thực hiện.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.3.1. Giải pháp 1: Bỏ quy định loại trừ đối với 02 trường hợp dự án đầu tư (thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện; dự án chưa góp đủ vốn điều lệ) không được hoàn thuế GTGT như quy định của Luật thuế GTGT hiện hành.

3.3.2. Giải pháp 2: Bổ sung quy định rõ một số trường hợp được hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

3.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Giảm thủ tục hồ sơ hoàn thuế cho doanh nghiệp, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

- Tác động tiêu cực: Trường hợp doanh nghiệp vi phạm pháp luật về đầu tư thì bị xử lý theo pháp luật về đầu tư, không bị truy hoàn thuế GTGT.

3.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Đảm bảo chặt chẽ về quy định hoàn thuế.

- Tác động tiêu cực: Chưa tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp vi phạm pháp luật về đầu tư bị truy hoàn thuế và bị xử lý theo pháp luật về đầu tư.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục nghiên cứu đề xuất phương án phù hợp.

4. Về hoàn thuế đối với dự án đầu tư

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Để khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực này thì tại khoản 1 Điều 12 Luật thuế GTGT hiện hành đã quy định thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí được khấu trừ toàn bộ. Việc quy định hoàn thuế GTGT đối với dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động không thay đổi và xuyên suốt từ trước đến nay. Theo đó, để tránh cách hiểu khác về việc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí cũng thuộc trường hợp loại trừ không hoàn thuế GTGT đối với các dự án khai thác tài nguyên, khoáng sản được cấp phép từ ngày 01/7/2016 nên Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ có quy định "... hoặc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, có số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong giai đoạn đầu tư lũy kế chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên được hoàn thuế GTGT...".

Theo đó, để đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật, cần thiết bổ sung quy định này tại Luật cho phù hợp.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Bảo đảm chính sách minh bạch, rõ ràng, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tạo thuận lợi trong thực hiện.

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

4.3.1. Giải pháp 1: Bổ sung quy định: Hoạt động tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư được hoàn thuế GTGT đến khi có khai thác dầu khí thương mại.

4.3.2. Giải pháp 2: Giữ nguyên như quy định hiện hành.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

4.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Tháo gỡ khó khăn về vốn cho doanh nghiệp, khắc phục những bất cập trong thực tiễn. Khuyến khích đầu tư đối với hoạt động thăm dò và phát triển mỏ dầu khí.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới khi Luật có hiệu lực thi hành. Tăng quỹ hoàn thuế GTGT

4.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

- Tác động tiêu cực: Không khuyến khích phát triển, đầu tư vào lĩnh vực này.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

5. Về hoàn thuế đối với cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu

5.1. Xác định vấn đề bất cập

(i) Luật thuế GTGT hiện hành quy định không hoàn thuế GTGT đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan. Căn cứ quy định nêu trên, có ý kiến cho rằng cứ hàng nhập khẩu sau đó xuất khẩu đều không được hoàn thuế dẫn đến tăng chi phí, tăng giá bán của hàng hóa xuất khẩu, đồng thời chưa phù hợp với chủ trương là khuyến khích xuất khẩu hàng hóa. Do vậy, để đảm bảo chính sách rõ ràng, minh bạch đề nghị bỏ quy định: Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu không được hoàn thuế GTGT.

(ii) Pháp luật quản lý thuế đã có quy định cụ thể về việc phân loại hồ sơ hoàn thuế thuộc diện hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế hay hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau (Điều 73 Luật quản lý thuế và Điều 22 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP). Theo đó, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, cần thiết bỏ quy định về hoàn thuế trước, kiểm tra sau tại Luật.

Ngoài ra, để đảm bảo nguyên tắc hoàn thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, cần thiết bổ sung quy định xác định thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được hoàn.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đảm bảo nguyên tắc hoàn thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, tránh vướng mắc khi thực hiện.

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

5.3.1. Giải pháp 1: Bỏ quy định: (i) Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu không được hoàn GTGT; (ii) Hoàn thuế trước, kiểm tra sau đối với một số trường hợp hàng hóa xuất khẩu theo quy định của Luật quản lý thuế.

Bổ sung quy định xác định thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được hoàn.

5.3.2. Giải pháp 2: Giữ nguyên như quy định hiện hành.

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

5.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Tạo thuận lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu.
- Tác động tiêu cực: Phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới khi Luật có hiệu lực thi hành.

5.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện.

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

6. Về hoàn thuế GTGT đối với chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động

6.1. Xác định vấn đề bất cập

Luật thuế GTGT hiện hành quy định hoàn thuế GTGT khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế GTGT nộp thừa hoặc số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết. Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng quy định trên để lập hồ sơ xin hoàn thuế GTGT thông qua việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần hoặc ngược lại, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp) mặc dù theo quy định của Luật doanh nghiệp thì Công ty chuyển đổi phải kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty chuyển đổi (bao gồm cả quyền kê khai, khấu trừ số thuế GTGT chưa được khấu trừ hết). Theo đó, cần thiết sửa đổi quy định về hoàn thuế GTGT đối với các trường hợp này.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Để tránh trường hợp doanh nghiệp lợi dụng để lập hồ sơ xin hoàn thuế và phù hợp với Luật doanh nghiệp.

6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

6.3.1. Giải pháp 1: Bỏ quy định về hoàn thuế GTGT đối với trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động.

6.3.2. Giải pháp 2: Giữ nguyên như quy định hiện hành.

6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

6.4.1. Giải pháp 1:

- Tác động tích cực:

+ Đối với NSNN: Đảm bảo tính minh bạch, đồng bộ của chính sách; hạn chế được trường hợp doanh nghiệp lợi dụng chính sách để lập hồ sơ xin hoàn thuế, làm thiệt hại đến quỹ hoàn thuế của NSNN.

+ Đối với doanh nghiệp: Chính sách minh bạch, đồng bộ tạo môi trường kinh doanh bình đẳng cho tất cả các doanh nghiệp.

- Tác động tiêu cực: Các doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động thực sự (không vì mục đích lợi dụng chính sách) sẽ không được hoàn thuế GTGT đối với số thuế GTGT nộp thừa hoặc số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết. Tuy nhiên, quy định này đồng nhất với quy định tại Luật Đầu tư.

6.4.2. Giải pháp 2:

- Tác động tích cực: Không phát sinh chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách mới khi Luật có hiệu lực thi hành.

- Tác động tiêu cực: Chưa đảm bảo được tính minh bạch, đồng bộ của chính sách và chưa hạn chế được trường hợp doanh nghiệp lợi dụng chính sách để lập hồ sơ xin hoàn thuế, làm thiệt hại đến quỹ hoàn thuế của NSNN.

6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 1.

VII. Đánh giá tác động của các giải pháp đến giới, thủ tục hành chính, hệ thống pháp luật

1. Tác động đến giới

Các giải pháp về chính sách nêu trên không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

2. Tác động về thủ tục hành chính

Các giải pháp lựa chọn đều không phát sinh thủ tục hành chính khi thực hiện.

3. Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Bộ máy nhà nước: Các giải pháp đề xuất không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: Các giải pháp đề xuất không cản trở điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: Các giải pháp đề xuất không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: Các giải pháp đề xuất không trái với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: Các giải pháp đề xuất đều phù hợp hoàn toàn với thông lệ quốc tế, nghĩa vụ của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

C. LẤY Ý KIẾN

Quá trình xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đối với đề nghị xây dựng Luật thuế GTGT (sửa đổi), Bộ Tài chính đã tham khảo ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan với việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng luật (công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023).

D. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Trách nhiệm thi hành Luật là trách nhiệm của tất cả cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trong đó trách nhiệm chính là Chính phủ với vai trò là cơ quan hành pháp có trách nhiệm tổ chức thi hành.

Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội giám sát thi hành Luật. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc triển khai thi hành Luật trong phạm vi địa phương.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động chính sách trong đề nghị xây dựng Luật thuế GTGT (sửa đổi)/.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 1106/BTP-PLDSKT
Vấn đề đề nghị xây dựng dự thảo
Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

0025337

29-03-2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

Vụ CST

Trả lời Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính đề nghị cho ý kiến về đề nghị xây dựng dự thảo Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) (sau đây gọi tắt là đề nghị xây dựng Luật), trên cơ sở tài liệu được cung cấp, trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp có một số ý kiến như sau:

I. Về sự cần thiết ban hành đề nghị xây dựng Luật

Luật Thuế giá trị gia tăng hiện hành được Quốc hội Khoá XII thông qua ngày 03/6/2008 tại kỳ họp thứ 3, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 (thay thế cho Luật thuế giá trị gia tăng năm 1997 và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2003, năm 2005). Đến nay, Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 đã qua 03 lần sửa đổi, bổ sung vào năm 2013, 2014 và năm 2016 để xử lý các bất cập phát sinh trong thực tiễn. Tuy nhiên, chính sách thuế giá trị gia tăng hiện hành đã phát sinh một số bất cập, hạn chế như đối tượng chịu thuế cần phải mở rộng hơn, đối tượng không chịu thuế cần phải thu hẹp, mức thuế suất chưa phù hợp với quá trình chuyển đổi, tái cơ cấu nền kinh tế, giá tính thuế, khấu trừ thuế cần tăng cường quản lý nhằm chống thất thu ngân sách nhà nước và thủ tục hoàn thuế cần đổi mới công nghệ, tạo điều kiện cho người được hoàn thuế.

Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng cộng sản Việt Nam đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội về thuế, phí như sau:

“Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế và áp dụng mức thuế suất hợp lý, hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, đồng thời góp phần thiết lập môi trường cạnh tranh phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển của nền kinh tế”.

“Sửa đổi hệ thống luật và chính sách thuế, phí, lệ phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh của môi trường đầu tư. Mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính công bằng, trung lập của chính sách thuế; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

giảm chi phí tuân thủ các thủ tục nộp thuế, phí của người dân và doanh nghiệp”

Tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 đưa ra nhiệm vụ và giải pháp thực hiện như sau: *“Thực hiện các giải pháp khả thi để đạt tỷ lệ huy động cao hơn vào ngân sách nhà nước, khai thác các dự địa thu, mở rộng và chống xói mòn cơ sở thuế, đẩy mạnh chống thất thu, phân đầu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế dưới 5% tổng thu ngân sách nhà nước. Khẩn trương sửa đổi, hoàn thiện một số luật thuế, nhất là Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt... Chú trọng các nguồn thu từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản để tránh thất thoát. Hạn chế việc lồng ghép các chính sách xã hội trong pháp luật về thuế. rà soát, hoàn thiện các quy định ưu đãi thuế để tránh thất thu, bảo đảm minh bạch, công bằng, khả thi, phù hợp với xu thế phát triển và thông lệ quốc tế”*.

Vì vậy, việc Bộ Tài chính lập đề nghị xây dựng dự thảo Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền là cần thiết.

II. Về chính sách trong đề nghị xây dựng Luật

1. Tại Tờ trình Chính phủ, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất 3 chính sách gồm: (1) Mở rộng cơ sở thuế (thu hẹp đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng); (2) Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính; (3) Sửa đổi để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và (4) Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng phát triển.

Về vấn đề này, Bộ Tư pháp cho rằng, việc sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính; sửa đổi để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và sửa đổi để đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng phát triển không phải là tên gọi của chính sách. Vì vậy, đề nghị cơ quan lập đề nghị xác định tên gọi chính sách cho chính xác, phù hợp với nội dung đề xuất.

Để tạo thuận lợi trong quá trình tiếp cận nội dung chính sách mới của đề nghị xây dựng Luật, đề nghị cơ quan lập đề nghị chia nội dung dự thảo Luật theo nhóm chính sách: (1) các cơ chế, chính sách đã được quy định tại Luật hiện hành (không sửa đổi, bổ sung); (2) các cơ chế, chính sách đã được quy định ở Luật hiện hành nhưng có sửa đổi, bổ sung và (3) các cơ chế, chính sách được bổ sung mới so với quy định của Luật hiện hành.

2. Về các chính sách cụ thể

2.1. Về Chính sách 1: Mở rộng cơ sở thuế (thu hẹp đối tượng không chịu thuế

¹ Điều 4. Mục V. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội

giá trị gia tăng)

Nghị quyết số 07-NQ:TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia, an toàn bền vững có nêu *"Hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế..."*. Vì vậy, việc mở rộng cơ sở thuế là cần thiết phù hợp với chủ trương của Đảng và Nghị quyết số 23/2021/QH15 của Quốc hội.

2.2. Về chính sách 2: sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính

Giải pháp cơ quan lập đề nghị đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành để khắc phục hạn chế, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện theo hướng tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính. Bộ Tư pháp nhất trí với chủ trương sửa đổi, bổ sung chính sách nhằm đảm bảo hạn chế vướng mắc phát sinh, công khai minh bạch và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Do đó, đề nghị cơ quan lập đề nghị cần có đánh giá tác động kỹ lưỡng các nội dung trên để đạt được mục tiêu đặt ra.

2.3. Về chính sách 3: sửa đổi để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật

Bộ Tư pháp cho rằng, việc sửa đổi các quy định hiện hành để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật không phải là chính sách trong lập đề nghị xây dựng Luật. Việc sửa đổi này do một số Luật chuyên ngành được ban hành sau ngày Luật Thuế giá trị gia tăng có hiệu lực thi hành nên việc sửa đổi các quy định Luật Thuế giá trị gia tăng hiện hành để thống nhất với Luật chuyên ngành là cần thiết và đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

2.4. Về chính sách 4: Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng phát triển.

Bộ Tư pháp nhất trí về sự cần thiết có chính sách thuế giá trị gia tăng đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng phát triển nhằm tránh thất thu thuế, đảm bảo tính khả thi. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nội dung đánh giá về sự phù hợp và mức độ bảo đảm thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực thuế giá trị gia tăng đang dự kiến sửa đổi.

III. Về hồ sơ, trình tự, thủ tục soạn thảo

Cơ quan lập đề nghị đã chuẩn bị thành phần hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, để hoàn thiện nội dung các thành phần hồ sơ kèm theo, đề nghị cơ quan lập đề nghị nghiên cứu, hoàn thiện một số nội dung sau:

1. Về dự thảo Tờ trình

Điểm 2 Mục III dự thảo Tờ trình có tiêu đề "*Mục tiêu, nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng Luật*". Tuy nhiên, nội dung của điểm này chỉ nêu tên chính sách, mục tiêu và giải pháp mà không nêu nội dung chính sách. Vì vậy, đề nghị cơ quan lập đề nghị bổ sung nội dung chính sách cho từng chính sách cụ thể khi đề xuất. Đồng thời, hoàn thiện lại dự thảo Tờ trình theo các nội dung tại điểm a khoản 1 Điều 37 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Về Báo cáo đánh giá tác động

Đề nghị cơ quan lập đề nghị xây dựng Luật đánh giá đầy đủ, chi tiết hơn tác động của chính sách theo đúng các nội dung quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP). Theo đó, cơ quan lập đề nghị xây dựng Luật cần làm rõ nội hàm từng chính sách, nghiên cứu đưa nhiều hơn các phương án trong từng chính sách, phân tích ưu, nhược điểm từng phương án để lựa chọn. Mỗi chính sách đề nghị cần phải đảm bảo đủ 05 nội dung chính, gồm: (i) Xác định vấn đề bất cập; (ii) Mục tiêu giải quyết vấn đề; (iii) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề; (iv) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan; và (v) Kiến nghị giải pháp lựa chọn. Việc đánh giá tác động chính sách cần dựa trên các khía cạnh đánh giá tác động về kinh tế, về xã hội, về giới, về thủ tục hành chính, về hệ thống pháp luật. Ngoài ra, cơ quan lập đề nghị xây dựng Luật cần làm rõ nội hàm của từng chính sách, phân tích ưu, nhược điểm của từng phương án để lựa chọn được phương án tối ưu.

3. Về trình tự, thủ tục soạn thảo

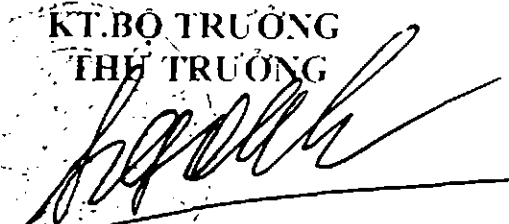
Đề nghị cơ quan lập đề nghị xây dựng Luật hoàn thiện hồ sơ dự thảo Luật theo Điều 37 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình Chính phủ theo quy định tại Điều 39 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp về đề nghị xây dựng dự thảo Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), xin gửi Bộ Tài chính để tham khảo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ CVĐCVXDPI. (để biết);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT (PLKTTH, Thuytt).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG


Đặng Hoàng Oanh

Số: 1200/BNV-PC

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

V/v góp ý đề nghị xây dựng dự án Luật
thuế giá trị gia tăng sửa đổi

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến đối với đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) sửa đổi, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

1. Về sự cần thiết ban hành Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi

Thông nhất với sự cần thiết ban hành Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi nhằm kịp thời thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng trong cơ cấu lại ngân sách nhà nước, đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; đồng thời khắc phục những hạn chế phát sinh từ thực tiễn nhằm tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hỗ trợ sản xuất kinh doanh phát triển.

2. Về các chính sách đề xuất

a) Tại hồ sơ đề nghị đề xuất 04 chính sách¹, tuy nhiên nội dung và bố cục của các chính sách còn chưa phù hợp, cụ thể là:

- Nội dung “đối tượng không chịu thuế GTGT” đều được xác định là vấn đề bắt cập trong chính sách 1, 2, 3. Theo đó, tại 3 chính sách đều đề xuất nội dung giải quyết vấn đề là “nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng không chịu thuế”. Tương tự, các nội dung về “giá tính thuế”, “thuế suất” cũng được lặp lại tại các chính sách.

- Việc hoàn thiện các quy định của pháp luật đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật Việt Nam và phù hợp với thông lệ quốc tế là nguyên tắc xây dựng pháp luật, không phải là một chính sách trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật. Do đó, việc đề xuất chính sách 3, 4 tại hồ sơ là chưa phù hợp.

Từ sự phân tích trên, đề nghị cân nhắc bố cục lại các chính sách theo hướng: (1) chính sách về cơ sở thuế, (2) chính sách về giá tính thuế và thuế suất, (3) chính khâu trừ thuế và hoàn thuế.

¹ Chính sách 1 (Mở rộng cơ sở thuế), Chính sách 2 (Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính), Chính sách 3 (Sửa đổi để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật), Chính sách 4 (Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng phát triển)

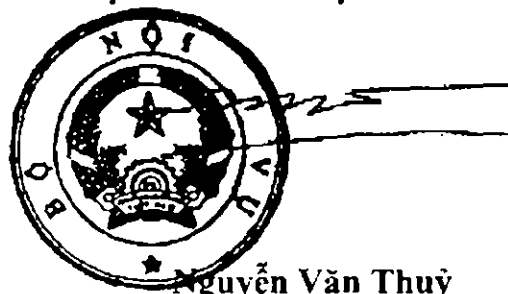
b) Tại các tài liệu của hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật đều nhất quán mục tiêu cải cách thủ tục hành chính. Tuy nhiên, nội dung này chưa được thể hiện tại các chính sách (chính sách 2 chỉ đề cập đến trong tên gọi, chưa có nội dung triển khai). Do đó, đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung nhằm thực hiện mục tiêu cải cách thủ tục hành chính tại hồ sơ đảm bảo sự phù hợp.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng (để báo cáo);
- Lưu: VT, PC.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP CHẾ**



Nguyễn Văn Thuý



Người ký: Bộ
Ngoại giao
Email:
tll.mfa@mofa.g
ov.vn
Cơ quan: Bộ
Ngoại giao
Thời gian ký:
28.03.2023
09:31:45 +07:00

BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1259 /BNG-LPQT

V/v góp ý dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng
Dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phúc Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Quý Bộ đề nghị góp ý dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), Bộ Ngoại giao có ý kiến như sau:

1. Về sự cần thiết xây dựng Dự án Luật

Bộ Ngoại giao nhất trí với sự cần thiết xây dựng Dự án sửa đổi Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) nhằm giải quyết những bất cập phát sinh trong quá trình quản lý thuế, đáp ứng nhu cầu của thực tiễn, phù hợp với mục tiêu cải cách thủ tục hành chính nhằm tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hỗ trợ sản xuất kinh doanh phát triển và mở rộng cơ sở thu thuế.

2. Về Hồ sơ đề nghị xây dựng Dự án Luật

Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật cơ bản đã được chuẩn bị đầy đủ theo quy định tại Điều 37 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2020.

3. Về dự thảo Tờ trình

- Tại Mục III.2.2.3 (trang 8), về giải pháp tính thuế GTGT đối với các khoản phí tại Hợp đồng vay vốn mà Nhà nước/Chính phủ Việt Nam là bên đi vay (hiện đang thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT), đề nghị Quý Bộ có đánh giá tính tương thích với các cam kết của Việt Nam, bao gồm các thỏa thuận vay mà Chính phủ đã ký.

- Tại Mục III.2.2.3 (trang 8), đề nghị làm rõ vướng mắc và giải pháp đối với sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến. Tương tự, đề nghị làm rõ nội dung sửa đổi liên quan đến dịch vụ dạy học, dạy nghề, dịch vụ cho thuê tài chính (trang 9)

- Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá tính tương thích của nội dung chính sách với các cam kết quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên theo quy định tại Điều 34 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2020.

4. Về dự thảo Đề cương

- Tại Điều 4, đề nghị cân nhắc bổ sung: "... tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng" để bảo đảm thống nhất với đối

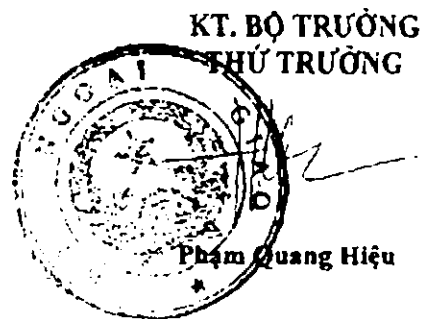
tương chịu thuế quy định tại Điều 3, đồng thời không bỏ sót nguồn thu ngân sách nhà nước.

- Tại khoản 2 Điều 12, đề nghị cân nhắc bổ sung quy định khấu trừ thuế GTGT đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ mua hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ trực tiếp để tránh thuế chồng thuế vì doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp sẽ xuất hóa đơn bán hàng trực tiếp (không có dòng thuế suất thuế GTGT và đơn giá đã bao gồm thuế GTGT (nếu có)) trong khi theo quy định hiện hành, một trong những điều kiện để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào là có hóa đơn GTGT mua bán hàng hóa, dịch vụ. Do đó, doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ không được khấu trừ thuế GTGT đối với hóa đơn mua vào là hóa đơn bán hàng.

Trên đây là một số ý kiến của Bộ Ngoại giao để Quý Bộ tham khảo, tổng hợp. lx

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Vụ: THKT, KTĐP, QTTV;
- Lưu: HC, LPQT. TVT.



Ký bởi: Phạm Quang Hiệu
Cơ quan: BỘ NGOẠI GIAO
Ngày ký: 24-03-2023 13:04:27
+07:00

**ĐÀI TRUYỀN HÌNH
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 336 /THVN-VP

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

V/v góp ý dự thảo Hồ sơ đề nghị
xây dựng dự án Luật Thuế giá trị
gia tăng (sửa đổi).

ĐƠN SỐ 002
Ngày: 23-03-2023
Chuyên: Vụ CST
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính

Đài Truyền hình Việt Nam nhận được Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/2/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi). Hồ sơ bao gồm: dự thảo Tờ trình Chính phủ về đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), Đề cương dự thảo Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, Báo cáo tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Luật Thuế giá trị gia tăng (gọi tắt là Hồ sơ).

Sau khi nghiên cứu, Đài Truyền hình Việt Nam nhất trí với nội dung của Hồ sơ.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (đề b/cáo);
- VP (P.TKTHPC);
- Lưu: VT, VP.

**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Lê Quyền

THANH TRA CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 774/TTCP-V.II

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2023

V/v lấy ý kiến về việc lập đề nghị
xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia
tăng sửa đổi

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ	23184
Ngày	22-03-2023
Chức vụ	Vụ CST
Số và ký hiệu	...

Phúc đáp Văn bản số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); Thanh tra Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền rà soát, tổng hợp ý kiến tham gia của các bộ ngành và cơ quan có liên quan, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng theo quy định.

Thanh tra Chính phủ trân trọng phúc đáp././*M*

Nơi nhận *M*

- Như trên;
- Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Phó Tổng TTCP Bùi Ngọc Lam;
- Lưu: VT, Vụ II.

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA



Bùi Ngọc Lam



Kỷ niệm Văn phòng Bộ
Cơ quan 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký 22/03/2023 10:06:49
*07 00

ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 581 /TNVN-KHTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2023

V/v ý kiến về việc lập đề nghị xây
dựng dự án Luật thuế TTĐB sửa đổi
và Luật thuế GTGT sửa đổi.

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ:	0022808
Ngày:	22-03-2023
Chuyên:	KHTC
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phục đáp Công văn 1585/BTC-CST ngày 21/02/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi và Công văn 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi.

Sau khi nghiên cứu các hồ sơ đề nghị xây dựng Luật thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi và Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi, Đài Tiếng nói Việt Nam (TNVN) cơ bản nhất trí với nội dung đề nghị xây dựng 2 dự án Luật sửa đổi của Bộ Tài chính.

Đài TNVN rất mong các dự án Luật sửa đổi sớm được ban hành để công tác triển khai, thực hiện để đảm bảo tính minh bạch, thống nhất, đạt hiệu quả cao và đúng quy định của pháp luật.

Đài TNVN trân trọng cảm ơn. 

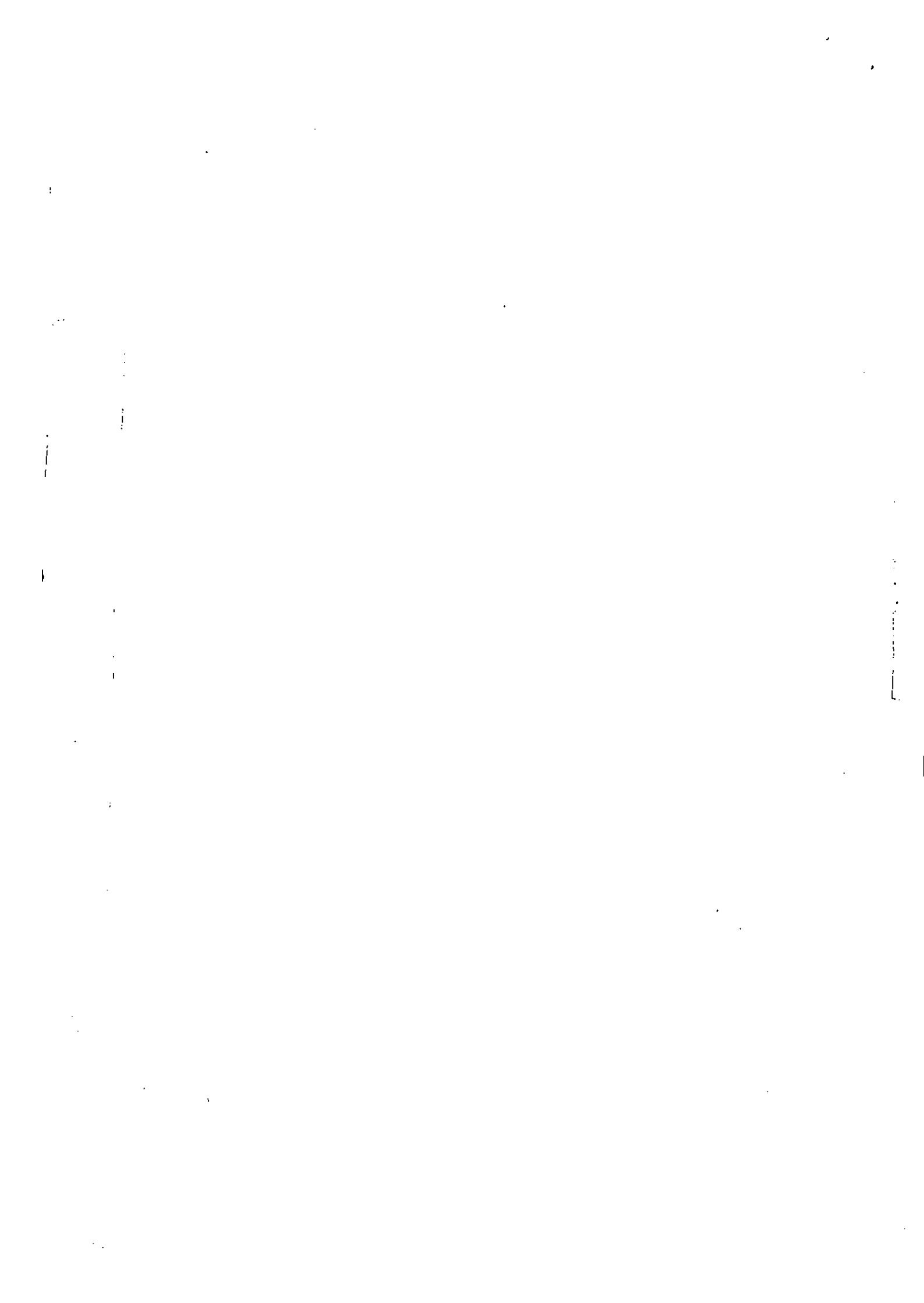
Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC




Trần Minh Hùng



**THÔNG TẤN XÃ
VIỆT NAM**

Số: 264/TTX-VP

V/v tham gia ý kiến đối với hồ sơ
đề nghị xây dựng Luật Thuế giá trị
gia tăng sửa đổi.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phúc đáp Công văn số 1660/BTC-CST ngày 03/3/2023 lấy ý kiến về việc
đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi;

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo, Thông tấn xã Việt Nam (TTXVN)
nhận thấy các dự thảo đã thể chế hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và
kịp thời tháo gỡ được khó khăn, vướng mắc phát sinh; bảo đảm tính thống nhất
của hệ thống pháp luật và mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với xu
hướng phát triển toàn cầu.

Trên cơ sở đó, TTXVN hoàn toàn nhất trí với nội các dự thảo và không có
ý kiến khác. Xin gửi các đồng chí để tổng hợp chung./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP (THPC).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đoàn Thị Tuyết Nhung

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 791 /BHXH-PC

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2023

V/v TGYK về việc lập đề nghị XD
dự án Luật Thuế GTGT (SD)

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhận được Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/2/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế Giá trị gia tăng (sửa đổi). Sau khi nghiên cứu, Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhất trí với việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi theo Hồ sơ gửi kèm công văn nêu trên.

Kính gửi Quý Bộ để tổng hợp chung *ms*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (đề b/c);
- Lưu: VT, PC.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Chu Mạnh Sinh
Chu Mạnh Sinh

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 364 /UBDT-KHTC

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2023

V/v tham gia ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi, Ủy ban Dân tộc có ý kiến như sau:

Nhất trí với đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi của Bộ Tài chính; Việc sửa đổi Luật thuế giá trị gia tăng thực hiện theo chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030; tạo hành lang pháp lý cho hiện đại hóa hoạt động quản lý thuế; góp phần thực hiện cải cách thủ tục hành chính; phù hợp xu hướng cải cách thuế Quốc tế; tạo môi trường pháp luật thống nhất, đồng bộ áp dụng trong nền kinh tế và khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban Dân tộc gửi Quý Bộ để tổng hợp, hoàn thiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBDT (để b/c);
- Công TTĐT UBDT;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



Lê Sơn Hải

Số: *1302* /LDTBXH-PC
V/v tham gia ý kiến về việc lập đề nghị
xây dựng dự án Luật Thuế giá trị
gia tăng (sửa đổi)

Hà Nội, ngày *12* tháng *4* năm *2023*

BỘ TÀI CHÍNH

ĐẾN SỐ 0031421

Ngày: *13-04-2023*

Chuyên: *Vụ CST*

Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trà lời Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của quý Bộ lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhất trí với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) nêu trên.

Trân trọng gửi quý Bộ đề tổng hợp. / *g*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG

CHỦ TRƯỞNG



Lê Văn Thanh
★ Lê Văn Thanh

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2204 /BNN-TC
V/v ý kiến về đề nghị xây dựng Luật thuế
GTGT sửa đổi

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp đề nghị của Bộ Tài chính tại Văn bản số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 lấy ý kiến về lập đề nghị xây dựng Luật thuế Giá trị gia tăng sửa đổi, Bộ Nông nghiệp và PTNT có ý kiến như sau:

1. Về cơ bản, thống nhất với định hướng sửa đổi, bổ sung một số hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT sang đối tượng chịu thuế tại đề cương dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi, cụ thể là phân bón; máy móc, thiết bị chuyên dùng cho nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ.

2. Về dự thảo Tờ trình Đề nghị xây dựng Luật

Đề nghị bổ sung nội dung “Đối tượng điều chỉnh của Luật” để đảm bảo phù hợp với yêu cầu các nội dung phải có của Tờ trình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Về dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách

Các chính sách trong Đề nghị xây dựng Luật đề nghị xem xét, cân nhắc để đưa ra nhiều hơn 02 giải pháp đề xuất sửa đổi, bổ sung khác nhau (01 giải pháp giữ nguyên; 02 giải pháp đề xuất sửa đổi, bổ sung khác nhau) để có cơ sở đánh giá, so sánh chi phí lợi ích của các giải pháp, đảm bảo tính thuyết phục trong lựa chọn giải pháp.

Ví dụ: Đối với Chính sách 1: Mở rộng cơ sở thuế (thu hẹp đối tượng không chịu thuế GTGT, đối tượng chịu thuế GTGT 5%), trong đó có chuyên một số đối tượng không chịu thuế về thuế suất 5%. Tại dự thảo đưa ra 02 giải pháp (i) sửa đổi ; (ii) giữ nguyên. Tuy nhiên, có thể xem xét đề xuất giải pháp cụ thể hơn cho từng trường hợp như: Đối với trường hợp chuyển từ đối tượng không chịu thuế về thuế suất 5% sẽ có 04 giải pháp: (i) Giữ nguyên; (ii) Chuyển về 5%; (iii) Chuyển về 0%; (iv) Chuyển về 10%.

Để giảm áp lực cho nông dân trong bối cảnh dịch bệnh và giá phân bón tăng cao, giá nông thủy sản thấp trong thời gian qua, đề nghị Bộ Tài chính cần đánh giá kỹ tác động đối với người nông dân và cân nhắc mức thuế suất thuế GTGT phù hợp với phân bón; máy móc, thiết bị chuyên dùng cho nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ.

4. Về Dự thảo Luật:

- Khoản 2, Điều 5 “Đối tượng không chịu thuế”: đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi thành “Sản phẩm là giống cây trồng, vật liệu nhân giống cây trồng, giống vật nuôi bao gồm trứng giống, con giống, tinh dịch, phôi, vật liệu di truyền”, để thống nhất về từ ngữ được quy định trong Khoản 5, Khoản 6 Điều 2 của Luật Trồng trọt.

- Đề nghị Ban soạn thảo bổ sung quy định miễn thuế GTGT cho các HTX đối với các sản phẩm sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt đã qua sơ chế, chế biến; quy định miễn thuế GTGT trong giao dịch của HTX với thành viên HTX; giao dịch giữa HTX với đối tượng không là thành viên HTX thì chịu mức thuế suất theo quy định.

Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr Nguyễn Hoàng Hiệp (đề b/cáo);
- Lưu: TC

TL. BỘ TRƯỞNG
VU TRƯỞNG VỤ TÀI CHÍNH



Nguyễn Văn Hà

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ



Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công Thương
Thời gian ký: 11/04/2023 22:0

VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2105/BCT-KHTC
V/v góp ý theo Công văn số
1660/BTC-CST ngày 23/02/2023
của Bộ Tài chính về đề nghị
xây dựng dự án Luật thuế giá trị
gia tăng sửa đổi

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (Luật thuế GTGT) sửa đổi, Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

1. Theo quy định của Luật thuế GTGT hiện hành thì phân bón thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Thực hiện quy định trên, các doanh nghiệp sản xuất phân bón gặp khó khăn do không được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả hoạt động đầu tư, mua sắm tài sản cố định phục vụ cho hoạt động sản xuất phân bón) mà phải tính vào chi phí sản phẩm, khiến giá thành tăng và lợi nhuận giảm; bất lợi trong cạnh tranh với phân bón nhập khẩu. Do không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nên không khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất phân bón đầu tư, mua sắm, sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định để tạo ra sản phẩm phân bón thế hệ mới, chất lượng cao, đồng thời, chưa góp phần chủ động nguồn sản xuất phân bón trong nước cũng như khắc phục được việc giá cả biến động gây bất lợi cho sản xuất nông nghiệp và người nông dân. Do vậy, trong thời gian qua Bộ Công Thương đã có kiến nghị chuyển phân bón sang đối tượng chịu thuế GTGT thuế suất 5%.

Bộ Tài chính cũng cho biết: Kinh nghiệm quốc tế cho thấy mặt hàng phân bón là mặt hàng phục vụ sản xuất nông nghiệp nên chính sách thuế GTGT (hoặc thuế hàng hóa dịch vụ, thuế bán hàng) của nhiều quốc gia được thiết kế theo hướng ưu đãi hơn so với các mặt hàng thông thường khác. Chính phủ nhiều nước đã thông qua các chính sách và chương trình hỗ trợ trên các phương diện khác nhau nhằm tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy sự phát triển ngành phân bón, trong đó chính sách hỗ trợ về thuế cũng là công cụ thường được các nước sử dụng.

Tại dự thảo Tờ trình, Bộ Tài chính đã nêu định hướng sửa đổi, bổ sung một số hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo hướng:

“Giảm bớt số lượng nhóm hàng hóa, dịch vụ đang thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng như: phân bón; máy móc, thiết bị chuyên dùng cho nông nghiệp;...”. Tuy nhiên, trong dự thảo Tờ trình chưa có phương án cụ thể về thuế suất đối với phân bón. Đề nghị Bộ Tài chính có ý kiến cụ thể về phương án chuyển phân bón từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 5%.

2. Điểm a khoản 2 mục 3 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP có quy định: “...hoặc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, có số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong giai đoạn đầu tư lũy kế chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên được hoàn thuế giá trị gia tăng...”. Thực tế hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động đều được hoàn thuế GTGT.

Đề nghị bổ sung quy định vào Điều 13 đề cương dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi như sau: “hoạt động tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư được hoàn thuế giá trị gia tăng đến khi có khai thác dầu khí thương mại”.

3. Tại Văn bản số 9519/BTC-TCHQ ngày 19/9/2022 của Bộ Tài chính gửi Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã nêu “sẽ nghiên cứu, thực hiện đánh giá tác động toàn diện các quy định về thủ tục hải quan và chính sách thuế có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ để đề xuất chính sách thay thế đảm bảo phù hợp với bản chất kinh tế của hoạt động này, như sửa đổi Luật Hải quan, Luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu; Luật thuế GTGT...”.

Đồng thời, Văn phòng Chính phủ có Thông báo số 351/TB-VPCP ngày 11/11/2022 và Thông báo số 39/TB-VPCP ngày 20/02/2023 thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại cuộc họp về tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP. Theo đó, Phó Thủ tướng chỉ đạo Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan khẩn trương đánh giá toàn diện quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ để đề xuất chính sách, quy định phù hợp với quy định pháp luật hiện hành...

Đề nghị Bộ Tài chính rà soát, nghiên cứu, sửa đổi các nội dung về xuất nhập khẩu tại chỗ trong Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu cùng với Luật thuế GTGT, Luật Thương mại để đảm bảo đồng bộ trong hệ thống pháp luật.

4. Thời gian qua Bộ Công Thương nhận được kiến nghị của Hiệp hội Dệt may Việt Nam và Hiệp hội Da - Giày - Túi xách Việt Nam liên quan đến thuế GTGT như sau:

Theo khoản 20 Điều 5 Luật Thuế GTGT, chỉ có nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Trong khi đó, doanh nghiệp mua nguyên liệu trong nước để sản xuất hàng xuất khẩu (như mặt hàng vải) chịu thuế GTGT là 10%, phải đóng thuế GTGT sẽ được hoàn thuế khi xuất khẩu. Quy định này có một số bất cập sau:

- Chưa khuyến khích mua và sử dụng nguyên liệu trong nước do doanh nghiệp phải bỏ một khoản tiền để đóng thuế GTGT sau khi xuất khẩu mới được hoàn thuế GTGT, theo đó một khoản tiền bị đọng vốn.

- Chưa tạo thuận lợi hình thành chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp dệt may trong nước nhằm tăng tỷ lệ nội địa hóa và đáp ứng yêu cầu xuất xứ của sản phẩm may xuất khẩu theo các Hiệp định FTA đã ký như CPTPP, EVFTA...

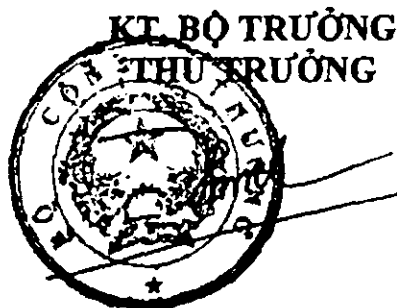
- Chưa bình đẳng đối với hai loại hình là mua nguyên liệu trong nước và nhập nguyên liệu với cùng mục đích để sản xuất hàng xuất khẩu.

Do vậy, đề nghị Bộ Tài chính đưa nội dung kiến nghị nêu trên của hai Hiệp hội làm cơ sở lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế GTGT.

Trên đây là một số ý kiến của Bộ Công Thương về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT sửa đổi. Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.



Phan Thị Thắng

Số: 991 /BT/TT-PC

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2023

V/v lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng
dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi, sau khi nghiên cứu, Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến như sau:

1. Đối với dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích đề nghị vẫn giữ nguyên mức thuế suất 0% như hiện nay vì:

+ Đây là những dịch vụ mà việc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ này theo cơ chế thị trường khó có khả năng bù đắp chi phí, có tính chất đặc thù;

+ Đối với dịch vụ bưu chính công ích, giá dịch vụ bưu chính công ích do nhà nước ấn định với mức giá thấp để người nghèo, người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế khó khăn vẫn có thể tiếp cận được dịch vụ. Hiện nay, ngân sách nhà nước không trợ giá phần chênh lệch chi phí, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam đang phải tự bù đắp phần chi phí cho thiếu hụt từ dịch vụ bưu chính công ích. Do đó, đề nghị giữ nguyên mức thuế suất 0% như hiện nay để thúc đẩy doanh nghiệp duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ công ích;

+ Đối với dịch vụ viễn thông công ích, việc triển khai cung cấp dịch vụ là từ nguồn quỹ ngoài ngân sách, từ phần đóng của chính doanh nghiệp viễn thông, tính theo tỷ lệ doanh thu của do các doanh nghiệp viễn thông. Việc tính thuế suất 0% như hiện nay sẽ khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ để thu hẹp khoảng cách số và doanh nghiệp viễn thông tích cực, chủ động tham gia cung ứng dịch vụ tại vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Do đó, đề nghị cũng giữ nguyên mức thuế suất 0% như hiện nay.

2. Đề xuất bổ sung quy định đối tượng không chịu thuế đối với “hàng hóa, dịch vụ ủng hộ, tài trợ cho phòng chống thiên tai, thảm họa dịch bệnh...theo chỉ đạo của Cơ quan quản lý Nhà nước” vào dự thảo, cụ thể là chương trình nhân tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước như: phòng chống dịch bệnh; tuyên truyền về bầu cử; tuyên truyền về ngày hội sách Việt Nam, kêu gọi tiêu thụ vải thiều Bắc Giang, phòng cháy chữa cháy, phòng ngừa tội phạm về vũ khí và vật liệu nổ, phòng cháy chữa cháy, phòng ngừa tội phạm về vũ khí và vật liệu nổ...những chương trình này được triển khai theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước (Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra thuế...), đây là việc cung cấp dịch vụ không thu tiền nhưng doanh nghiệp vẫn phải thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT (10% thuế GTGT). Việc bổ sung quy định đối tượng không chịu thuế đối với

“hàng hóa, dịch vụ ủng hộ, tài trợ cho phòng chống thiên tai, thảm họa dịch bệnh...theo chỉ đạo của Cơ quan quản lý Nhà nước” nhằm giúp đỡ cho doanh nghiệp viễn thông, cũng như các doanh nghiệp thuộc các ngành nghề khác không gặp phải các vấn đề khó khăn liên quan đến các khoản thu nộp của Nhà nước khi cung cấp các dịch vụ miễn phí trong các trường hợp thảm họa, thiên tai, dịch bệnh...; điều này cũng phù hợp với mục tiêu sửa đổi tại Điều 5 dự thảo Luật thuế GTGT đang dự kiến xem xét “Sửa đổi, bổ sung một số nhóm hàng hóa, dịch vụ để tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính như: ...hàng hóa nhập khẩu ủng hộ, tài trợ cho phòng chống thiên tai, thảm họa dịch bệnh, chiến tranh.

3. Tại khoản 15 Điều 5 đề cương dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi, đề nghị sửa đổi, bổ sung thành: “Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin, đặc san, sách chính trị, ...”, vì: Luật báo chí 2016 không có quy định về “bản tin chuyên ngành”; “đặc san” là sản phẩm thông tin có tính chất báo chí tương tự như bản tin, được quy định tại khoản 17 Điều 3 Luật này.

Bộ Thông tin và Truyền thông xin gửi Bộ Tài chính để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phan Tâm;
- Lưu: VT, PC, NTTTT (5).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phan Tâm

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3108 /BGTVT-TC

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

V/v đề nghị xây dựng dự án Luật
Thuế giá trị gia tăng sửa đổi.

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi (hồ sơ dự thảo Luật thuế), trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT) có ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Luật Thuế như sau:

- Thống nhất sự cần thiết xây dựng Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) như báo cáo của Bộ Tài chính tại hồ sơ dự thảo Luật thuế.

- Về báo cáo đánh giá tác động đối với Chính sách 1 - Mở rộng cơ sở thuế (thu hẹp đối tượng không chịu thuế GTGT, đối tượng chịu thuế GTGT 5%): Nghiên cứu, bổ sung đánh giá thêm tác động theo phương pháp định lượng, do mở rộng cơ sở thuế sẽ làm ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách nhà nước và giá thành sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp (nhất là nhóm sản phẩm, dịch vụ công ích); tính tương thích của nội dung chính sách với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

- Về thuế suất đối với tàu biển nhập khẩu để vận chuyển hàng hóa: Bộ GTVT đã ban hành có Quyết định số 1254/QĐ-BGTVT ngày 28/09/2022 phê duyệt Đề án phát triển đội tàu vận tải biển của Việt Nam, trong đó đã có nội dung đề xuất về thuế GTGT. Theo đó, để nâng cao năng lực, góp phần đẩy mạnh, hỗ trợ thị phần vận tải biển quốc tế của doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu áp dụng mức thuế suất mức 0%, hoặc có chính sách miễn, giảm thuế GTGT đối với tàu biển nhập khẩu để vận chuyển hàng hóa cho chủ tàu Việt Nam, thời gian áp dụng đến hết năm 2026.

- Đối với ý kiến cụ thể khác về dự thảo Luật thuế của các cơ quan, đơn vị (gửi kèm theo), Bộ GTVT gửi Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp./.

(Gửi kèm theo các Công văn: số 846/CHHVN-TC ngày 08/3/2023 của Cục Hàng hải Việt Nam; số 331/CĐCTVN-PCĐT ngày 10/3/2023 của Cục Đường cao tốc Việt Nam và số 1238/CĐBVN-TC ngày 06/3/2023 của Cục Đường bộ Việt Nam) ↘

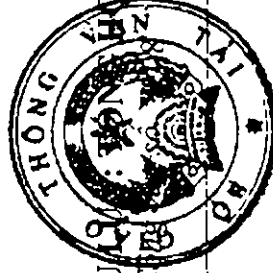
Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TC (Đức).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Duy Lâm



PHỤ LỤC 2: HỢP Ý KIẾN ĐỀ XUẤT CỦA CÁC ĐƠN VỊ
(Gửi kèm theo Công văn số 331/CĐCTVN-PCĐT/BGTVT-TC ngày 30/03/2023 của Bộ Giao thông vận tải)

STT	Cơ quan, đơn vị	Nội dung ý kiến	Ghi chú
1	Cục Đường cao tốc Việt Nam (Công văn số 331/CĐCTVN-PCĐT ngày 10/3/2023)	<p>1. Về thuế GTGT đối với dự án giao thông</p> <ul style="list-style-type: none">- Đề nghị bổ sung quy định về căn cứ và phương pháp tính thuế, khấu trừ và hoàn thuế GTGT đối với các nguồn vốn tham gia trong dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (vốn nhà đầu tư huy động, vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án), cụ thể:<ul style="list-style-type: none">+ Điều 12. Khấu trừ thuế GTGT đầu vào: đề nghị bổ sung quy định về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với dự án PPP.+ Điều 13. Các trường hợp hoàn thuế: đề nghị bổ sung quy định về hoàn thuế đối với phần vốn đầu tư nhà nước hỗ trợ dự án (vốn VGF). Đối với vướng mắc này, Cục thuế tỉnh Nghệ An cũng đã báo cáo Tổng cục thuế tại văn bản số 7609/CT-TTHT ngày 19/12/2022; đồng thời, Kiểm toán Nhà nước đã có kết luận đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn, làm rõ (văn bản số 557/KTNV-TH ngày 14/9/2022 của Kiểm toán Nhà nước).- Về đối tượng không chịu thuế, dự thảo quy định bao gồm hoạt động “Dạy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng (...). Đề nghị có quy định hướng dẫn đối với thuế GTGT dự án đầu tư, sửa chữa, xây dựng công trình bằng:<ul style="list-style-type: none">+ Nguồn vốn ngân sách nhà nước: bao gồm cả trường hợp sử dụng toàn bộ ngân sách nhà nước và một phần ngân sách nhà nước.+ Nguồn vốn ngoài nhà nước đầu tư, xây dựng công trình sau đó bàn giao cho nhà nước, xác lập sở hữu toàn dân (như dự án đầu tư theo phương thức PPP, loại hợp đồng BTO, BTL,...).- Đề nghị bổ sung quy định về cơ quan nộp thuế đối với dự án đầu tư công trình giao thông đi qua nhiều địa phương, do:<ul style="list-style-type: none">+ Hiện nay, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định việc khai thuế thực hiện tại nơi có dự án đầu tư.+ Tuy nhiên, dự án giao thông có đặc thù đi qua nhiều địa phương, đồng thời, không thể phân tách khối lượng của một số gói thầu nằm trên nhiều tỉnh (như chi phí tư vấn,	

STT	Cơ quan, đơn vị	Nội dung ý kiến	Ghi chú
		<p>giảm sát,...). Do vậy, còn phát sinh khó khăn, vướng mắc khi xác định cơ quan nộp thuế.</p> <p>2. Một số ý kiến khác</p> <p>Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), đề nghị:</p> <p>- Đánh giá tác động chính sách theo phương pháp định lượng, định tính, trong trường hợp không thể áp dụng phương pháp định lượng thì trong báo cáo đánh giá tác động của chính sách phải nêu rõ lý do. Do vậy, đối với Chính sách số 01 về mở rộng cơ sở thuế (thu hẹp đối tượng không chịu thuế GTGT, đối tượng chịu thuế GTGT 5%), đề nghị bổ sung đánh giá tác động chính sách theo phương pháp định lượng cụ thể đối với:</p> <p>(i) Các doanh nghiệp có hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT bổ sung như dự thảo Hồ sơ; đặc biệt là hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước, sản phẩm, dịch vụ công ích như giáo dục, đào tạo, thông tin truyền thông, kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn,...</p> <p>(ii) Người tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT bổ sung như dự thảo Hồ sơ; đặc biệt là các mặt hàng nông, ngư nghiệp, văn hóa, thể thao, triển lãm,...</p> <p>- Nếu ít nhất 03 giải pháp trong chính sách. Tại dự thảo Hồ sơ chỉ nêu 02 giải pháp (áp thuế giá trị gia tăng và giữ nguyên hiện trạng). Do vậy, đề nghị bổ sung các giải pháp khác nhằm giải quyết khó khăn, vướng mắc bên cạnh giải pháp bổ sung thuế giá trị gia tăng.</p> <p>- Đối với các kinh nghiệm quốc tế, đề nghị nghiên cứu trong tổng thể chính sách lập pháp của các quốc gia trên (trường hợp chỉ có 02 mức thuế có áp dụng các chính sách khác song hành về ưu đãi, khuyến khích đối với các dịch vụ công, dịch vụ công ích,...</p>	
2	Cục Hàng hải Việt Nam (Công văn số	<p>a) Về thuế GTGT đối với chủ tàu Việt Nam khi nhập khẩu tàu biển vận chuyển hàng hóa đến hết năm 2026: kiến nghị điều chỉnh bổ sung quy định áp dụng thuế suất thuế</p>	

STT	Cơ quan, đơn vị	Chi chú
846/CHHVN-TC ngày 08/3/2023)	<p>Nội dung ý kiến</p> <p>GTGT 0% thay vì mức thuế suất 10% như quy định hiện hành đối với <i>chủ tàu Việt Nam khi nhập khẩu tàu biển để vận chuyển hàng hóa, thời gian áp dụng đến hết năm 2026</i>, xuất phát từ các cơ sở như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã nêu rõ: “Kinh tế hàng hải: Trọng tâm là khai thác có hiệu quả các cảng biển và dịch vụ vận tải biển. Đẩy mạnh phát triển đội tàu vận tải biển với cơ cấu hợp lý, ứng dụng công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu thị trường vận tải nội địa, tham gia sâu vào các chuỗi cung ứng vận tải, từng bước gia tăng, chiếm lĩnh thị phần quốc tế”. - Ngày 05/3/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 26/NQ-CP về Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó nêu rõ Kế hoạch đến năm 2025 như sau: “Tiếp tục phát triển đội tàu biển Việt Nam theo hướng hiện đại, hiệu quả; chú trọng phát triển các loại tàu chuyên dụng có trọng tải lớn đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu, tuyến quốc tế, các tuyến ven biển, vận tải than phục vụ nhà máy nhiệt điện, vận tải dầu thô phục vụ nhà máy lọc dầu, ga, khí hoá lỏng, xi măng... Tiếp tục phát huy hiệu quả, đảm bảo an toàn khai thác tuyến vận tải hành khách ven biển, từ đất liền ra đảo. Tiếp tục phát triển đồng bộ dịch vụ hỗ trợ vận tải biển, vận tải đa phương thức, đặc biệt nâng cao chất lượng dịch vụ logistics. Nâng cao thị phần vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu. Phát triển tuyến vận tải hành khách ven biển, hải đảo. Đồng thời, tăng cường vai trò quản lý nhà nước, đổi mới thể chế chính sách tạo khung pháp lý minh bạch, thông thoáng, cải cách thủ tục hành chính theo hướng tạo điều kiện, tháo gỡ các khó khăn, rào cản, tạo động lực khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển đội tàu biển. Phát triển dịch vụ vận tải biển đồng bộ với hệ thống cảng biển, tập trung khai thác hiệu quả các tuyến vận tải biển nội địa nhằm giảm tải cho đường bộ; góp phần giảm chi phí, nâng cao số lượng hàng hóa được vận tải. Phát huy tối đa lợi thế vị trí của các cảng biển, đặc biệt là cảng cửa ngõ quốc tế để thu hút các tàu trọng tải lớn 	

STT	Cơ quan, đơn vị	Nội dung ý kiến	Ghi chú
		<p>vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu đi các tuyến vận tải biển xa; tăng cường hợp tác với các cơ quan quản lý cảng biển, hãng tàu biển nước ngoài để thu hút nguồn hàng thông qua cảng biển Việt Nam”.</p> <p>- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 cũng đã quy định rõ tại khoản 3 Điều 7 về Chính sách của Nhà nước về phát triển hàng hải, theo đó: Ưu tiên phát triển đội tàu vận tải biển thông qua chính sách ưu đãi về thuế, lãi suất vay vốn trong đầu tư phát triển đội tàu và trong hoạt động vận tải biển.</p> <p>- Ngày 29/6/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 63/NQ-CP về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải ngân vốn đầu tư công và xuất khẩu bền vững những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022, trong đó giao Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu việc xây dựng, phát triển đội tàu vận tải biển quốc tế của Việt Nam để giảm chi phí và nâng cao tính chủ động cho hoạt động xuất nhập khẩu.</p> <p>Đề nâng cao năng lực, góp phần đẩy mạnh, hỗ trợ thị phần vận tải biển quốc tế của doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam, ngày 28/09/2022, Bộ trưởng Bộ GTVT đã có Quyết định số 1254/QĐ-BGTVT phê duyệt Đề án phát triển đội tàu vận tải biển của Việt Nam, trong đó đã có nội dung đề xuất nêu trên về thuế GTGT.</p> <p>b) Đề nghị bổ sung cụm từ “<i>trung chuyển</i>” vào Khoản 20 Điều 5 của dự thảo “20. <i>Hàng hóa trung chuyển, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài; hàng hóa, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan với nhau.</i>” Lý do, bổ sung cho phù hợp với hoạt động khai thác cảng biển khi thực hiện dịch vụ trung chuyển hàng hóa, đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.</p> <p>c) Đề xuất bổ sung nội dung tại: Mục “<i>Định hướng sửa đổi, bổ sung quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng</i>” của Điều 13 trong Đề cương dự thảo Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi, theo đó đề nghị bổ sung nội dung: <i>Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được</i>.</p>	

STT	Cơ quan, đơn vị	Nội dung ý kiến	Ghi chú
3	Cục Đường bộ Việt Nam (Công văn số 1238/CĐBVN-TC ngày 06/3/2023)	<p><i>khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào tháng hoặc quý tiếp theo. Khi kết thúc năm tài chính số thuế giá trị gia tăng mà chưa được khấu trừ trong năm còn lại sẽ được hoàn thuế giá trị gia tăng.</i></p> <p>d) Đề nghị giữ nguyên quy định và bổ sung quy định về giá tính thuế của các đối tượng như “Trương hợp thuế, mua máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải của nước ngoài loại trong nước chưa sản xuất để sửa chữa, đóng mới tàu thuyền hoặc cho thuê lại, giá tính thuế được trừ giá thuế, mua phải trả cho nước ngoài” (quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 Luật Thuế GTGT số 13/2008/QH12).</p> <p>đ) Đây là dự luật có ảnh hưởng rộng rãi đến các đối tượng doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Doanh nghiệp hàng hải nói riêng, do vậy đề bảo đảm tính hợp lý, khả thi của văn bản, bảo đảm quyền và lợi ích của doanh nghiệp hàng hải, đề nghị Cơ quan soạn thảo bổ sung việc lấy ý kiến của các Hiệp hội cảng biển, Hiệp hội doanh nghiệp vận tải biển, Hiệp hội chủ tàu Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam (Vosa Corporation) và các Công ty đóng mới, sửa chữa tàu biển để ghi nhận, tiếp thu các ý kiến tham gia đầy đủ, thuyết phục trước khi trình Quốc hội xem xét ban hành theo quy định.</p>	
		<p>- Luật Thuế giá trị gia tăng được ban hành từ năm 2008 và qua 03 lần sửa đổi, bổ sung. dự thảo Luật Thuế GTGT sửa đổi thực hiện sửa đổi 06/16 Điều của Luật Thuế GTGT để thay thế: (1) Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12, (2) Luật số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, (3) Điều 3 Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và (4) Điều 1 Luật số 106/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế. Do đó, việc nghiên cứu xây dựng dự án Luật Thuế GTGT sửa đổi để cập nhật các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ, giảm bớt số lượng văn bản quy phạm pháp luật để thuận lợi trong việc thực hiện pháp luật, áp dụng pháp luật của người dân và doanh nghiệp là cần thiết. Tuy nhiên, để có cái nhìn tổng quan đối với việc thay đổi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật dưới Luật sau khi Luật Thuế GTGT sửa đổi được ban hành, Cục Đường bộ Việt Nam kiến nghị:</p>	

STT	Cơ quan, đơn vị	Nội dung ý kiến	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung đánh giá tác động của Luật Thuế GTGT sửa đổi đối với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; thống kê số lượng văn bản quy phạm dưới Luật cần phải sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế để thống nhất nội dung với quy định mới của Luật Thuế GTGT sửa đổi. - Bổ sung quy định về hóa đơn điện tử vào dự thảo Luật Thuế GTGT sửa đổi. 	

Số: ~~897~~/BQP-TC

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2023

V/v tham gia ý kiến về lập đề
nghị xây dựng dự án Luật thuế
giá trị gia tăng sửa đổi

ĐỀ AN SỐ: 0023911

Ngày: 24-03-2023

Chuyên: Vũ CST

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Quốc phòng nhận được Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi. Sau khi nghiên cứu, Bộ Quốc phòng cơ bản thống nhất với dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi và có ý kiến như sau:

1. Đề nghị bổ sung vào gạch đầu dòng thứ nhất tiết 2.1.3 điểm 2.1 khoản 2 Phần III (trang 8) dự thảo Tờ trình nội dung:

“+ Luật thuế GTGT quy định vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT (khoản 18 Điều 5) chưa bao quát được hết các đối tượng là hàng hóa mua sắm để hình thành tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 64 Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, đây là các tài sản phục vụ cho công tác huấn luyện và chiến đấu của lực lượng vũ trang. Do vậy cần mở rộng đối tượng không chịu thuế GTGT là hàng hóa thuộc nhóm tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng, bao gồm: Vũ khí, khí tài, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện đặc chủng, phương tiện chuyên dùng, trang bị kỹ thuật khác phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; nguyên liệu, vật liệu dùng sản xuất, sửa chữa sản phẩm quốc phòng, an ninh”.

2. Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 đã thực hiện được 15 năm và qua 02 lần sửa đổi (2013, 2016) và dự kiến sửa đổi lần này, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, báo cáo Chính phủ, Quốc hội xây dựng Luật thuế mới thay thế.

Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- C41;
- Lưu: VT, THBD. *uy* 06b

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Thượng tướng Vũ Hải Sản

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2007/BKHĐT - TCTT
V/v góp ý dự thảo Hồ sơ đề nghị
xây dựng dự án Luật Thuế GTGT
sửa đổi

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2023



Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phúc đáp văn bản số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về việc có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT) sửa đổi, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

1. Ý kiến chung

Việc đề xuất xây dựng dự thảo Luật Thuế GTGT sửa đổi nhằm cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, luật hóa những vấn đề đã được kiểm nghiệm thực tế, kịp thời tháo gỡ vướng mắc phát sinh trong thực tiễn là cần thiết. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thống nhất với sự cần thiết trình Chính phủ đề trình Quốc hội về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế GTGT sửa đổi vào Chương trình xây dựng pháp luật năm 2023 của Quốc hội.

Để đảm bảo tính tổng thể, thuận lợi cho quá trình tổ chức thực hiện, đề nghị Quý Bộ nghiên cứu đề xuất trình dự thảo Luật Thuế GTGT thay thế các Luật về thuế GTGT hiện hành (bao gồm: Luật số 13/2008/QH; Luật số 31/2013/QH13; Luật số 71/2014/QH13; Luật số 106/2016/QH13).

2. Ý kiến cụ thể

2.1. Đối với dự thảo Tờ trình

(1) Về kết cấu dự thảo Tờ trình: Đề nghị rà soát bổ sung các nội dung đảm bảo phù hợp quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

(2) Đối với Chính sách 1 (Mục III, trang 5), tại tiết 2.1.3 - Lý do lựa chọn giải pháp, đề nghị nghiên cứu bổ sung đánh giá kinh nghiệm quốc tế của một số nước có điều kiện tương đồng với Việt Nam về trình độ phát triển kinh tế - xã hội, thu nhập của người dân... để tăng tính thuyết phục đối với giải pháp lựa chọn.

2.2. Đối với Đề cương dự thảo Luật Thuế GTGT sửa đổi

(1) Tại Điều 5, đề nghị làm rõ:

+ Đối tượng không chịu thuế là các hàng hóa, dịch vụ theo 25 nhóm được sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ tại lãnh thổ Việt Nam để phân biệt với trường hợp các hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế nhưng khi xuất khẩu lại là đối tượng chịu thuế dù thuế suất bằng 0.

+ Cập nhật các hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế theo danh mục ngành sản phẩm theo quy định tại Hệ thống phân ngành sản phẩm năm 2018 (VCPA 2018) ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTG ngày 1/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ để đảm bảo tính thống nhất trong danh mục ngành sản phẩm không chịu thuế. Theo đó, đối với các hàng hóa dịch vụ gắn với khâu lưu thông, đề nghị bổ sung từ “hoạt động” để tránh nhầm lẫn; Ví dụ: Tại điểm 15, cần ghi rõ “Hoạt động xuất bản, nhập khẩu, phát hành...” vì không có hàng hóa hay dịch vụ tên là “nhập khẩu”... Đề nghị rà soát tương tự với toàn bộ Dự thảo.

(2) Tại điểm c khoản 1 Điều 7, đề nghị làm rõ việc xác định giá tính thuế với “hàng hóa, dịch vụ cho, biếu, tặng” vì “hoàng hóa, dịch vụ cho, biếu, tặng” thuộc đối tượng không chịu thuế theo quy định tại khoản 19 Điều 5.

(3) Tại điểm d khoản 2 Điều 8, đề nghị làm rõ cơ sở xác định nhóm “sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa qua chế biến” thuộc đối tượng chịu thuế với mức thuế suất 5%, trong khi nhóm “sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa qua chế biến thành sản phẩm khác” lại thuộc đối tượng không chịu thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 5.

(4) Tại Điều 11, đề nghị nghiên cứu bổ sung định hướng sửa đổi, bổ sung quy định về phương pháp trực tiếp trên GTGT theo hướng:

- Mở rộng hơn đối tượng được áp dụng phương pháp trực tiếp, như: hoạt động mua bán cổ phiếu, trái phiếu,... nhằm đảm bảo tính công bằng, linh hoạt và khuyến khích đầu tư.

- Điều chỉnh mức tỷ lệ tính thuế từ 04 mức như hiện hành về 01 mức nhất quán để cụ thể hóa giải pháp cải cách chính sách thuế tại tiết a điểm 1 Mục III Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.

2.3. Về Báo cáo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện

Về cơ bản, Báo cáo tổng kết đã có nhận định, đánh giá bao quát kết quả đạt được trong quá trình thực hiện Luật Thuế GTGT (*bao gồm Luật gốc và các Luật sửa đổi, bổ sung*). Tuy nhiên, bên cạnh những phân tích làm nổi bật về đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước, đề nghị Quý Bộ nghiên cứu bổ sung những kết quả khảo sát, phân tích đánh giá có định lượng, đặt trong mối tương quan với các

chính sách quản lý khác nhằm làm rõ hơn kết quả thực thi chính sách đối với định hướng sản xuất, tiêu dùng, điều hành vĩ mô nền kinh tế.

2.4. Về Báo cáo đánh giá tác động

Bên cạnh những nội dung đánh giá theo Mẫu số 01 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ, đề nghị Quý Bộ nghiên cứu bổ sung đánh giá tác động tổng thể về đề nghị xây dựng Luật Thuế GTGT sửa đổi gắn với thực hiện các giải pháp điều hành đảm bảo các mục tiêu về ổn định kinh tế vĩ mô để làm rõ hơn quan điểm chỉ đạo điều hành của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính gửi Quý Bộ đề nghị nghiên cứu, tổng hợp *đồng*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đơn vị: TCTK, QLĐT, PC, KHGD TNMT, KTN, VCLPT;
- Lưu: VT, TCTT *02*

KT. BỘ TRƯỞNG
PHỤ TRƯỞNG



Trần Quốc Phương

Trần Quốc Phương

Số: 1557 /BGDDT-KHTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2023

V/v góp ý về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) nhận được Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi. Sau khi nghiên cứu, Bộ GDĐT có ý kiến như sau:

- Đề nghị xem xét bổ sung chính sách quy định sách giáo khoa là mặt hàng sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng chịu thuế suất giá trị gia tăng mức 5%. Việc áp dụng thuế suất giá trị gia tăng mức 5% góp phần giảm giá bán sách giáo khoa do phần thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ, không phải tính vào giá vốn, từ đó hỗ trợ người tiêu dùng và bảo đảm an sinh xã hội.

- Đề nghị xem xét, bổ sung quy định giao Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều 12 vì hiện nay có rất nhiều quy định dưới Luật về điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào, quy định rộng hơn so với Luật. Do đó, cần có quy định giao Chính phủ quy định chi tiết để phù hợp với Luật ban hành các văn bản quy định pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Bộ GDĐT, kính gửi Quý Bộ để tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Ngọc Thương

Số: 1945 /BTNMT-KHTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2023

V/v ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tài chính về lấy ý kiến lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); sau khi nghiên cứu, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Bộ Tài nguyên và môi trường thống nhất với nội dung đề xuất của Bộ Tài chính về mục tiêu, quan điểm, nội dung chính sách và các giải pháp trong Đề cương dự thảo dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

2. Đối với dự thảo Tờ trình Chính phủ: đề nghị bố cục theo đúng mẫu số 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trong đó, nội dung về mục tiêu, nội dung của chính sách, giải pháp thực hiện chính sách phải để riêng thành một mục. Đối với từng chính sách, đề nghị bổ sung mục về nội dung của chính sách.

3. Đối với báo cáo đánh giá tác động chính sách: đề nghị rà soát, bố cục cho phù hợp với mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trân trọng kính gửi Quý Bộ để xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ Chính sách thuế (Bộ Tài chính);
- Lưu VT, KHTC, NT.



Số: 180 /TTĐT-DLĐT

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

V/v Góp ý dự thảo văn bản quy
phạm pháp luật.

SỞ TÀI CHÍNH

ĐẾN SỐ: 0022620

Ngày: 21-03-2023

Kính gửi: Bộ Tài chính (Vụ Chính sách Thuế)

Số và ký hiệu HS:

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 trong đó có quy định về việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ,

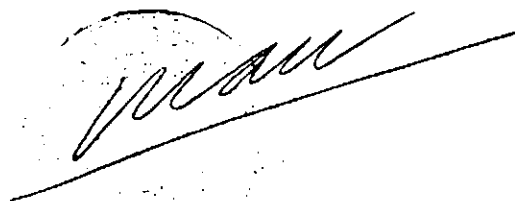
Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ đã đăng toàn văn nội dung dự thảo trên để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân cả trong và ngoài nước trong 30 ngày theo quy định.

Sau 30 ngày đăng tải, có một ý kiến góp ý của công dân đối với dự thảo (tại file đính kèm). Cổng Thông tin điện tử Chính phủ xin gửi Bộ Tài chính ý kiến góp ý này. Đề nghị quý Bộ có văn bản gửi Cổng Thông tin điện tử Chính phủ cho biết về việc tiếp thu hoặc giải trình ý kiến của công dân đã góp ý đối với dự thảo này. *dm*

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP: Vụ KTTT, PL;
- TGD;
- Lưu: VT, DLĐT, PH

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Sâm



TỔNG HỢP CÁC Ý KIẾN GÓP Ý CỦA NHÂN DÂN

Đối với đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi (gửi kèm
theo công văn số 170/TTĐT-DLĐT
ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Công Thông tin điện tử Chính phủ)

**Bạn đọc Thái Mạnh Cường; địa chỉ: Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội;
điện thoại: 0815381010; email: manhcuong.cmt@gmail.com góp ý:**

Kính gửi: Ban soạn thảo, tôi có một số nội dung góp ý như sau:

1. Bổ sung quy định tại Điều 7 đề xuất: Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 7: Hàng hoá, dịch vụ dùng để tài trợ an sinh xã hội (tài trợ cho giáo dục, y tế, khắc phục hậu quả thiên tai, làm nhà cho người nghèo, nghiên cứu khoa học,...) phù hợp với quy định về khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN thì được áp dụng giá tính thuế bằng 0. Lí do: Nếu xem tài trợ cũng là biểu, tặng phải áp dụng giá tính thuế thông thường thì doanh nghiệp phải ghi nhận chi phí cao hơn giá trị thực tế của HHDV tài trợ (thêm 10% thuế GTGT đầu ra), không khuyến khích được việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

2. Bổ sung quy định tại Điều 7 đề xuất: Luật hoá nội dung hàng hoá khuyến mại thực hiện theo quy định của pháp luật thương mại thì được áp dụng giá tính thuế bằng 0. Lí do: Quy định này mới chỉ được ban hành ở cấp thông tư, chưa thực sự phù hợp với quy định tại Luật. Do đó, cần thiết phải luật hoá nội dung này.

3. Bổ sung quy định tại Điều 12 đề xuất: Bổ sung thêm quy định về điều kiện khấu trừ đối với trường hợp nhà cung cấp nước ngoài đã đăng kí để kê khai nộp thuế trực tiếp tại Việt Nam (Google, Facebook,...) Lí do: Điểm a Khoản 2 Điều 12 quy định phải có hoá đơn GTGT hoặc chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu. Tuy nhiên, khi các nhà cung cấp nước ngoài đã nộp thuế tại Việt Nam, bao gồm thuế GTGT, thì đều không thể cung cấp cho bên VN các chứng từ này. Do đó, các doanh nghiệp không thể khấu trừ thuế GTGT đã bỏ ra khi mua HHDV đầu vào.

4. Bổ sung quy định tại Điều 12 đề xuất: Bổ sung quy định giao Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều 12. Lí do: Hiện nay có rất nhiều quy định dưới Luật về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào, quy định rộng hơn so với Luật. Do đó, cần có quy định giao Chính phủ quy định chi tiết để phù hợp với Luật ban hành các văn bản quy định pháp luật. Trân trọng!

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 829 /CT-NVDTPC

Ninh Thuận, ngày 20 tháng 3 năm 2023

V/v góp ý dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT sửa đổi.

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ	0023169
Ngày	22-03-2023
Số và ký hiệu: HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính (Vụ Chính sách Thuế)

Thực hiện Công văn số 658/VPUB-KTTH ngày 25/02/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc góp ý xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) sửa đổi, theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023.

Qua nghiên cứu nội dung và tổng hợp ý kiến góp ý của các đơn vị trên địa bàn tỉnh đều cơ bản thống nhất đối với nội dung dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT sửa đổi nêu trên; đồng thời, tham gia góp ý “Đề cương Dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi” với một số nội dung sau:

1. Tại tên gọi và cuối phần căn cứ dự thảo Luật: Kiến nghị bỏ cụm từ “sửa đổi” để phù hợp, vì đây là dự thảo Luật thay thế Luật thuế GTGT năm 2008.

2. Tại Điều 1 dự thảo Luật: Kiến nghị nghiên cứu quy định về phạm vi điều chỉnh để phù hợp, thống nhất với nội dung dự thảo.

3. Tại Khoản 3a Điều 5 dự thảo Luật: Kiến nghị điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Điều 17 Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

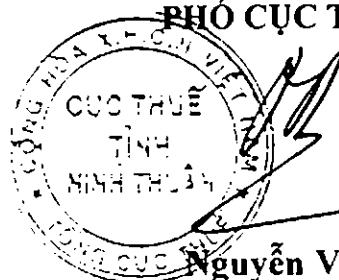
4. Kiến nghị bổ sung Điều quy định về “đôi tượng áp dụng” để đầy đủ.

Vậy, Cục Thuế tỉnh Ninh Thuận kính báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Ninh Thuận: để báo cáo;
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Lưu: VT, NVDTPC_{TQĐ} (02b).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Văn Mục

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 293/CTHGI-NVDTPC

Hà Giang, ngày 20 tháng 3 năm 2023

V/v tham gia ý kiến vào Tờ trình,
Đề cương dự thảo Luật thuế GTGT,
BC tác động, BC tổng kết, đánh giá
thực hiện luật thuế GTGT sửa đổi
của Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ	0022658
Ngày	21-03-2023
Chuyên	Vu CST
Số và ký hiệu	

Kính gửi:

- Bộ Tài chính
- Văn phòng UBND tỉnh

Thực hiện Công văn số 437/UBND-KTTH ngày 27/02/2023 của Ủy ban nhân tỉnh về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Tờ trình Chính phủ về đề nghị xây dựng Dự án Luật thuế GTGT sửa đổi, Đề cương dự thảo Luật, Báo cáo đánh giá tác động, Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế GTGT do Bộ Tài chính soạn thảo trình Chính phủ ban hành.

Cục Thuế đã triển khai phối hợp với các Sở, ngành có liên quan nghiên cứu tham gia ý kiến vào các dự thảo, đồng thời phổ biến nội dung các dự thảo nêu trên đến toàn thể công chức trong ngành nghiên cứu, thảo luận, và tổng hợp các ý kiến tham gia như sau:

Về Nội dung dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi:

a) Đề nghị ban soạn thảo bổ sung 01 Điều quy định về “Đối tượng áp dụng” cho đầy đủ.

b) Điều 3 đối tượng chịu thuế và Điều 5 đối tượng không chịu thuế: Đề nghị Ban soạn thảo xem xét gộp chung lại thành một điều trong đó bố cục lại thành các khoản cho khoa học và dễ tra cứu. Trong trường hợp cần phải quy định thành điều riêng đề nghị sắp xếp hai điều này gần nhau cho khoa học và thuận lợi khi tra cứu áp dụng.

c) Tên Chương IV đề nghị sửa thành “Chương IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN” để bao hàm toàn bộ nội dung của chương.

d) Sửa tên Điều 16 thành “Điều 16. Điều khoản thi hành”.

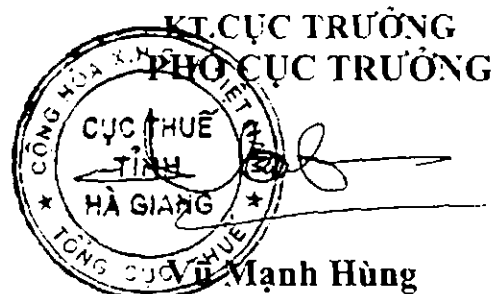
đ) Các nội dung định hướng sửa đổi, bổ sung nhất trí như đề cương.

Trên đây là ý kiến của các Sở, ngành tham gia vào các dự thảo, báo cáo ngoài ra không có ý kiến tham gia, bổ sung.

Cục Thuế trân trọng báo cáo gửi Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh ./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, NVDTPC;



Số: *AMB* /CTTPHCM-THTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày *17* tháng *04* năm 2023

Về lấy ý kiến về việc lập đề nghị
xây dựng dự án Luật thuế giá trị
gia tăng sửa đổi

BỘ TÀI CHÍNH
ĐẾN 0032265
Ngày: 17-04-2023
Chuyên: <i>Vụ CST</i>
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính

Địa chỉ: Số 28 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Thực hiện Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính đề nghị góp ý dự thảo đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) sửa đổi theo Công văn số 1448/VP-KT ngày 27/02/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh tham gia một số ý kiến như sau:

1. Về đối tượng không chịu thuế GTGT

1.1. Đối với phân bón:

Nội dung tham gia ý kiến:

Về cơ bản, Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh thống nhất mặt hàng phân bón thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, phân bón là đầu vào của hoạt động sản xuất nông nghiệp nên khi phân bón chịu thuế GTGT thì ít nhiều ảnh hưởng đến giá tiêu thụ của sản phẩm nông nghiệp (đầu ra không chịu thuế nên không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với phân bón).

Kiến nghị Bộ Tài chính cân nhắc nội dung này.

1.2. Đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng cho nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ

Nội dung tham gia ý kiến:

Đối với nhóm sản phẩm này Cục Thuế cũng có ý kiến như đối với mặt hàng phân bón. Kiến nghị quy định cụ thể danh mục "máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ; thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác" kèm theo hoặc giao cho cơ quan chuyên ngành ban hành danh mục.

1.3. Đối với dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và In-ter-net phổ cập, dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng

Nội dung tham gia ý kiến:

Cục Thuế thống nhất, tuy nhiên những hoạt động phục vụ công cộng do ngân sách nhà nước chi trả, kiến nghị giữ nguyên thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

1.4. Đối với các khoản phí tại Hợp đồng vay vốn giữa Chính phủ Việt Nam với Bên cho vay nước ngoài

Nội dung tham gia ý kiến:

Cục Thuế thống nhất.

1.5. Đối với sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản

Nội dung tham gia ý kiến:

Kiến nghị giao cơ quan chuyên ngành xác định tỷ lệ tài nguyên, khoáng sản cấu thành đối với sản phẩm này do cơ quan thuế không có chuyên môn trong lĩnh vực này.

1.6. Đối với hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân

Nội dung tham gia ý kiến:

Cục Thuế thống nhất, tuy nhiên những hoạt động phục vụ công cộng (không thu tiền) để khuyến khích tổ chức cá nhân tham gia đóng góp cho lợi ích chung của xã hội kiến nghị giữ nguyên thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Đề nghị bổ sung thêm đối tượng là các công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

(Đề xuất sửa thành: 12. Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật; công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo; công trình phục vụ công cộng; cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội.)

1.7. Đối với dạy học, dạy nghề

Nội dung tham gia ý kiến:

Kiến nghị Chính phủ quy định cụ thể nội dung này.

1.8. Đối với hàng hóa nhập khẩu ủng hộ, tài trợ cho phòng chống thiên tai, thảm họa dịch bệnh, chiến tranh

Nội dung tham gia ý kiến:

Về cơ bản Cục Thuế thống nhất, tuy nhiên để khuyến khích sử dụng sản phẩm được sản xuất trong nước để ủng hộ, tài trợ cho phòng chống thiên tai, thảm họa dịch bệnh, chiến tranh, Cục Thuế kiến nghị áp dụng thống nhất chung đối tượng không chịu thuế đối với sản phẩm này, không phân biệt hàng nhập khẩu hay hàng nội địa, nhưng phải bổ sung văn bản cam kết mua để ủng hộ, tài

trợ.

1.9. Đối với phần mềm máy tính

Nội dung tham gia ý kiến:

Kiến nghị Chính phủ quy định cụ thể nội dung này hoặc theo danh mục do cơ quan chuyên ngành ban hành.

1.10. Đối với mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT của hộ, cá nhân kinh doanh

Nội dung tham gia ý kiến:

Đề xuất nâng lên mức 185 triệu đồng (tương ứng với mức giảm trừ gia cảnh của bản thân và một người phụ thuộc theo quy định tại luật Thuế thu nhập cá nhân).

1.11. Đối với hàng hóa do Công ty cho thuê tài chính nhập khẩu để cho thuê tài chính

Nội dung tham gia ý kiến:

Cục Thuế thống nhất.

1.12. Đối với tài sản, hàng hóa của tổ chức, cá nhân không kinh doanh

Nội dung tham gia ý kiến:

Cục Thuế thống nhất nội dung này.

1.13. Đối với chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản

Nội dung tham gia ý kiến:

Cục Thuế thống nhất. Tuy nhiên để thống nhất với pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) kiến nghị quy định "trường hợp doanh nghiệp bán toàn bộ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản" thì kê khai và nộp thuế TNDN theo hoạt động chuyển nhượng bất động sản, tính thuế GTGT đối với bất động sản.

1.14. Đề đồng bộ với quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật chứng khoán và Luật trồng trọt (03 nhóm hàng hóa, dịch vụ)

+ Đối với hàng hóa mua bán trao đổi của cư dân biên giới theo định mức miễn thuế nhập khẩu; vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh

Nội dung tham gia ý kiến:

Cục Thuế thống nhất.

+ Đồng bộ với quy định của pháp luật chứng khoán và Luật trồng trọt

Nội dung tham gia ý kiến:

Kiến nghị giao Chính phủ quy định chi tiết.

2. Về giá tính thuế GTGT**2.1. Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản****Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế thống nhất và kiến nghị giao Chính phủ quy định chi tiết (kế thừa Nghị định số 49/2022/NĐ-CP).

2.2. Giá tính thuế đối với kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược**Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế thống nhất.

2.3. Định nghĩa về giá tính thuế

Theo quy định Điều 6 Luật Thuế giá trị gia tăng, căn cứ tính thuế giá trị gia tăng là Giá tính thuế và thuế suất tuy nhiên theo Nghị định và Thông tư hiện hành có đề cập khái niệm “Doanh thu” (*Doanh thu một tỷ đồng để xác định phương pháp khấu trừ thuế, phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng; Thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh số, doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh số, doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra*). Trên hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng: có chi tiêu “Tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra”. Kiến nghị thống nhất: giữa “Giá tính thuế” và “Doanh thu, doanh số”.

3. Về thuế suất thuế GTGT**3.1. Về thuế suất 0%****3.1.1. Đối với dịch vụ xuất khẩu****Nội dung tham gia ý kiến:**

- Thống nhất thuế suất 0%, nhưng chỉ áp dụng đối với một số dịch vụ được liệt kê cụ thể.

- Kiến nghị luật hóa các trường hợp không áp dụng thuế suất 0% đã được quy định tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC (Các dịch vụ sau cung ứng tại Việt Nam cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài không được áp dụng thuế suất 0% gồm: Thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật, văn hóa, giải trí, hội nghị, khách sạn, đào tạo, quảng cáo, du lịch lữ hành; Dịch vụ thanh toán qua mạng; Dịch vụ cung cấp gắn với việc bán, phân phối, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa tại Việt Nam.)

- Tại Điều 8 Luật Thuế GTGT hiện hành quy định:

“Điều 8. Thuế suất

1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vận tải quốc tế và hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5 của Luật này khi xuất khẩu, trừ các trường hợp sau đây:

a) Chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài;

b) Dịch vụ tài bảo hiểm ra nước ngoài;

c) Dịch vụ cấp tín dụng;

d) Chuyển nhượng vốn;

đ) Dịch vụ tài chính phái sinh;

e) Dịch vụ bưu chính viễn thông;

g) Sản phẩm xuất khẩu quy định tại khoản 23 Điều 5 của Luật này.

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ.”

Do dịch vụ có tính vô hình nên việc xác định được tiêu dùng tại Việt Nam hay dịch vụ được tiêu dùng ở nước ngoài đối với một số dịch vụ là rất khó xác định, đặc biệt là trong thời đại kỹ thuật số hiện nay thì những dịch vụ được cung cấp dựa trên nền tảng tin học hóa thì việc xác định địa điểm tiêu dùng càng khó xác định.

Một ví dụ điển hình như trường hợp doanh nghiệp Việt Nam có phát sinh hoạt động cung cấp quyền sử dụng nội dung số (các tác phẩm âm thanh và nghe nhìn của các đối tác trong nước: video phim ảnh, tiểu phẩm hài, chương trình giáo dục, giải trí, MV ca nhạc, hoạt hình,...) cho tổ chức nước ngoài, theo thỏa thuận tổ chức nước ngoài sẽ sử dụng và khai thác kinh doanh “nội dung số” trên các nền tảng kỹ thuật số như Youtube, iTunes và chia sẻ phần doanh thu này cho doanh nghiệp Việt Nam. Theo thông tin tại trang Youtube trợ giúp, các đối tác của Youtube có thể kiếm tiền từ nội dung của họ đăng trên Youtube từ nguồn doanh thu quảng cáo (đính quảng cáo vào video clip) và doanh thu từ phí sử dụng dịch vụ của những người đăng ký Youtube Premium xem video clip của họ (dịch vụ Youtube Premium giúp người xem không bị quảng cáo làm phiền). Trong trường hợp này, mức thuế suất GTGT áp dụng đối với doanh thu phát sinh do tổ chức nước ngoài chia sẻ lại cho doanh nghiệp Việt Nam từ việc khai thác sử dụng nội dung số trên các nền tảng kỹ thuật số như Youtube, iTunes đối với các lượt xem không phát sinh tại các nguồn truy cập ở Việt Nam cũng gây vướng mắc cho cả cơ quan thuế và người nộp thuế.

Ý kiến kiến nghị:

Để tránh vướng mắc trong thực hiện, kiến nghị bổ sung quy định không áp dụng thuế suất 0% đối với doanh thu từ hoạt động sử dụng, khai thác kinh doanh “nội dung số” trên các nền tảng kỹ thuật số như Youtube, iTunes,...

3.1.2. Đối với hàng hóa bán tại khu vực cách ly của các cảng biển, cảng hàng không dân dụng quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế và các cửa khẩu đường bộ quốc tế (Khu vực cách ly); hàng bán tại cửa hàng miễn thuế

Nội dung tham gia ý kiến:

- Thống nhất giao Chính phủ quy định điều kiện và thủ tục được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% cho phù hợp.

3.2. Về thuế suất thuế GTGT 5%

3.2.1. Đối với thực phẩm tươi sống

Nội dung tham gia ý kiến:

Kiến nghị giao Chính phủ quy định chi tiết hoặc ban hành danh mục cụ thể.

3.2.2. Đối với hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim

Nội dung tham gia ý kiến:

Kiến nghị áp dụng một thuế suất thống nhất 10%.

3.2.3. Đối với thiết bị, dụng cụ y tế; giáo cụ dùng để học tập

Nội dung tham gia ý kiến:

Kiến nghị giao Chính phủ quy định chi tiết hoặc ban hành danh mục cụ thể.

3.3. Về mức thuế suất 10%

Nội dung tham gia ý kiến:

Thống nhất thực hiện theo chủ trương đường lối của Đảng nêu tại Nghị quyết 07-NQ/TW và Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, phù hợp với thông lệ và xu hướng cải cách thuế GTGT quốc tế.

3.4. Về nguyên tắc xác định thuế suất

Thống nhất

4. Về khấu trừ thuế GTGT đầu vào

4.1. Đối với hóa đơn bị sai, sót

Nội dung tham gia ý kiến:

Thống nhất nội dung này thực hiện theo quy định của Luật quản lý thuế (không chỉ riêng trường hợp hóa đơn bỏ sót mà áp dụng chung cho cả hóa đơn sai sót điều chỉnh, thay thế).

4.2. Đối với điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào

Nội dung tham gia ý kiến:

- Thực hiện theo lộ trình tại Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025; sửa đổi bổ sung Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 31/12/2013 của Chính phủ về thanh toán bằng tiền mặt.

- Bổ sung quy định phải thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản chi phí tiền lương, chi phí được phép lập bảng kê.

- Bộ quy định về việc khấu trừ thuế đối với chứng từ nộp thuế GTGT kê khai nộp thay nhà thầu nước ngoài để thống nhất với trường hợp nhà thầu nước ngoài đã đăng ký nộp thuế tại cổng thông tin điện tử.

5. Về hoàn thuế GTGT

5.1. Đối với cơ sở sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế GTGT 5%

Nội dung tham gia ý kiến:

Kiến nghị mở rộng cơ sở thuế (chuyên hàng hóa dịch vụ chịu thuế 5% sang 10%) để giảm trường hợp phát sinh do chênh lệch thuế suất. Đối với trường hợp còn lại, đề xuất được trừ vào chi phí tính thuế TNDN phần chênh lệch thuế GTGT, không bổ sung hoàn thuế GTGT đối với trường hợp này.

5.2. Về hoàn thuế đối với dự án đầu tư

Nội dung tham gia ý kiến:

Thông nhất giao Chính phủ quy định chi tiết, kế thừa Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022.

5.3. Về hoàn thuế đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện

Nội dung tham gia ý kiến:

Thông nhất giao Chính phủ quy định chi tiết, kế thừa Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022.

5.4. Về hoàn thuế đối với cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu

Nội dung tham gia ý kiến:

- Về hoàn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu, theo định hướng là "Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu được hoàn thuế GTGT".

Cục Thuế Thành phố thống nhất (ngoại trừ cơ sở kinh doanh thương mại mua bán lông vông). Kiến nghị luật hóa quy định "rượu, bia, thuốc lá nhập khẩu sau đó xuất khẩu thì không được hoàn thuế GTGT" do không được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% quy định tại Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016.

- Về số thuế GTGT đề nghị hoàn, kiến nghị chi hoàn thuế đối với giá trị hàng hóa phục vụ trực tiếp xuất khẩu (loại trừ hàng tồn kho chưa xuất khẩu).

- Về hoàn thuế đối với trường hợp hàng hóa xuất khẩu của cơ sở kinh doanh thương mại, thực tế phát sinh trường hợp mua bán lòng vòng qua nhiều khâu để thực hiện hoàn thuế, cơ quan Thuế khó kiểm soát do tính phức tạp và mất nhiều thời gian trong công tác xác minh nguồn gốc hàng hóa.

Qua tổ chức họp lấy ý kiến các đơn vị, có ba phương án:

+ Phương án 1: chi hoàn thuế GTGT đối với trường hợp trực tiếp sản xuất/ trực tiếp nhập khẩu (F0) hoặc mua trực tiếp của cơ sở sản xuất/ cơ sở nhập khẩu (F1) sau đó xuất khẩu: trường hợp mua bán lòng vòng, sau đó xuất khẩu thì không hoàn thuế GTGT (cơ sở thương mại được trừ vào chi phí tính thuế TNDN đối với phần thuế GTGT không được hoàn).

+ Phương án 2: đối với trường hợp hàng hóa xuất khẩu không mua trực tiếp của cơ sở sản xuất/ cơ sở nhập khẩu, thì không phải tính thuế GTGT ở khâu kinh doanh thương mại (như sản phẩm nông sản chưa qua chế biến ở khâu kinh doanh thương mại).

+ Phương án 3: đối với trường hợp hàng hóa xuất khẩu không mua trực tiếp của cơ sở sản xuất/ cơ sở nhập khẩu, kiến nghị bổ sung điều kiện hoàn thuế GTGT là người xuất khẩu phải chứng minh nguồn gốc của hàng hóa được sản xuất tại Việt Nam, đã nộp thuế GTGT tại khâu nhập khẩu.

Cục Thuế Thành phố kiến nghị theo phương án 1.

5.5. Về hoàn thuế GTGT đối với chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động

Nội dung tham gia ý kiến:

Đề xuất chi hoàn thuế GTGT trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

5.6. Nội dung kiến nghị khác

- Quy định về kiểm tra hoàn thuế GTGT: đề xuất thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

- Đề xuất luật hóa các văn bản cá biệt (kể cả mang tính chỉ đạo) quy định về hoàn thuế GTGT, đặc biệt liên quan đến trách nhiệm của công chức thuế, cơ quan thuế khi giải quyết hoàn thuế.

6. Một số nội dung kiến nghị khác:

- Tại Điều 3 về đối tượng chịu thuế quy định:

"Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật này."

Đề xuất sửa thành: “Hàng hóa, dịch vụ và các hoạt động khác¹, trừ các đối tượng không chịu thuế quy định tại Điều 5 của Luật này.”

- Miễn thuế GTGT theo Điều ước quốc tế:

Thực tế phát sinh trường hợp các doanh nghiệp Việt Nam cung cấp hàng hóa dịch vụ cho các tổ chức như Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Công ty Tài chính Quốc tế (IFC) mà theo Hiến chương thành lập của các tổ chức đó có quy định về việc miễn thuế cho các giao dịch của tổ chức phát sinh tại Việt Nam, do đó các tổ chức không đồng ý thanh toán khoản tiền thuế cho doanh nghiệp Việt Nam khi mua hàng hóa, dịch vụ (thay vì lựa chọn thanh toán tiền thuế để sau đó đề nghị hoàn thuế theo điều ước quốc tế).

Theo quy định pháp luật thuế GTGT hiện hành thì không có quy định về miễn thuế (chỉ có đối tượng không chịu thuế). Trường hợp tổ chức quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên theo điều ước quốc tế thì các tổ chức này thuộc trường hợp hoàn thuế GTGT theo quy định.

Tuy nhiên, Điều 63 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính quy định thủ tục hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo Điều ước quốc tế không phải là Hiệp định tránh đánh thuế hai lần phải có “*Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/DUQT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư này có xác nhận của cơ quan đề xuất ký kết Điều ước quốc tế*”.

Ngày 31/8/2022 Ngân hàng Nhà nước đã ban hành văn bản số 6091/NHNN-HIQT gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế), theo đó “*Việc xác nhận thu nhập của IFC từ hợp đồng ký với các doanh nghiệp Việt Nam không đúng với chức năng nhiệm vụ của NHNN theo quy định tại Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/2/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN. ... Việc kéo dài thời gian giải quyết các nội dung nói trên có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy NHNN kính đề nghị Quý Bộ - với vai trò là cơ quan chủ trì xây dựng và ban hành Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật quản lý thuế - tổng hợp các vướng mắc pháp lý này và đề xuất giải pháp xử lý dứt điểm với cấp có thẩm quyền để sớm hướng dẫn thủ tục miễn giảm thuế cho IFC và doanh nghiệp, đảm bảo phù hợp với chức năng nhiệm vụ của NHNN và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và nhà đầu tư trong quá trình thực hiện. ...*”

Từ những bất cập kể trên, Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị bổ sung quy định về thuế GTGT đối với trường hợp doanh nghiệp Việt Nam cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho các tổ chức quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên theo điều ước quốc tế, thì thuộc trường hợp không chịu thuế GTGT tương tự như “*Hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân nước*

¹ Các hoạt động khác như vận tải quốc tế. Bổ sung đối tượng chịu thuế suất thuế GTGT 0% đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu.

ngoài, tổ chức quốc tế để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam”.

- Tại Điều 7 quy định về giá tính thuế: bổ sung quy định giá tính thuế đối với phương pháp trực tiếp được thực hiện theo Điều 11.

- Tại Điều 8 quy định thuế suất: đề xuất sớm quy định lộ trình áp dụng thống nhất một mức thuế suất GTGT (để không phát sinh thêm trường hợp chênh lệch thuế suất, người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế xác định đơn giản).

- Tại Điều 10 quy định phương pháp khấu trừ thuế: đề xuất bỏ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế.

- Tại Điều 14 quy định hóa đơn, chứng từ: đề xuất giao Chính phủ quy định chi tiết (do hiện tại Chính phủ đã ban hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ).

- Bổ sung quy định tại luật đối với trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT (tại Điều 5 Thông tư 219/2013/TT-BTC).

- Kiến nghị bổ sung quy định về nguyên tắc xác định thuế GTGT:

Về bản chất thuế GTGT là đánh vào hàng hóa, dịch vụ, do đó để thống nhất trong việc xác định mức thuế suất, kiến nghị áp dụng một mức thuế suất cho mỗi loại hàng hóa, dịch vụ, không phân biệt mục đích sử dụng của hàng hóa, dịch vụ đó và không phân biệt đối tượng mua hàng hóa, dịch vụ.

Trường hợp một loại hàng hóa, dịch vụ đáp ứng tiêu chí ở các trường hợp xác định thuế GTGT khác nhau (ngoại trừ hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu), kiến nghị nguyên tắc xác định thuế GTGT theo thứ tự: không chịu thuế, 5%, 10% (trường hợp cùng nhóm thuế GTGT thì thứ tự nào đến trước ưu tiên áp dụng theo thứ tự đó).

Ví dụ: trường hợp mặt hàng bắp hạt nhập khẩu được sử dụng để làm thức ăn chăn nuôi, khi đó mặt hàng bắp hạt vừa đáp ứng tiêu chí “*Sản phẩm trồng trọt chăn nuôi, thủy sản, hải sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu*”, vừa đáp ứng tiêu chí “*thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản và thức ăn cho vật nuôi khác*” thuộc nhóm đối tượng không chịu thuế GTGT, tuy nhiên mức thuế suất áp dụng trong 2 trường hợp khác nhau như sau:

+ Trường hợp xác định là “*Sản phẩm trồng trọt chăn nuôi chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường*” thì thuộc đối tượng không chịu thuế ở khâu tự sản xuất bán ra hoặc ở khâu nhập khẩu, nếu bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại thì thuộc trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT, nếu bán cho các đối tượng khác như hộ, cá nhân kinh doanh và các tổ chức, cá nhân khác thì kê khai, tính nộp thuế GTGT theo mức thuế suất 5%.

+ Trường hợp xác định là "thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản và thức ăn cho vật nuôi khác" thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT thống nhất từ khâu nhập khẩu, sản xuất đến thương mại.

Từ ví dụ trên có thể thấy rất khó khăn trong việc xác định mức thuế suất GTGT của hàng hóa dịch vụ nếu có sự phân biệt về mục đích sử dụng, về đối tượng mua hàng hóa, dịch vụ.

Do đó, Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị bổ sung nguyên tắc xác định thuế GTGT theo thứ tự: không chịu thuế, 5%, 10% (trường hợp cùng nhóm thuế GTGT thì thứ tự nào đến trước ưu tiên áp dụng theo thứ tự đó).

Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh kính gửi Bộ Tài chính. / 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng UBND TP HCM (để báo cáo),
- BLD Cục;
- Lưu: VT, TTHT (4b)

334/2003/2023/

150628

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Tiến Dũng

Số: 246 /CTQTR-NVDTPC
Về việc tham gia ý kiến vào dự thảo
Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi

Quảng Trị, ngày 21 tháng 3 năm 2023

P2
27/3/23
2

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Tổng cục Thuế.

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 32520/HT
Ngày:	21-03-2023
Chuyên:	Vũ CST
Số và ký hiệu HS:	

Thực hiện Công văn số 696/UBND-TCTM ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc tham gia dự thảo Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi và Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi.

Qua nghiên cứu nội dung của dự thảo Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi do Bộ Tài chính soạn thảo, Cục Thuế tỉnh Quảng Trị có ý kiến như sau:

1. Dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng

Cơ bản thống nhất với toàn bộ nội dung Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi do Bộ Tài chính dự thảo.

2. Ý kiến tham gia

- Điều 4 người nộp thuế: Đề nghị bổ sung thêm người nộp thuế thay.
- Đề nghị bỏ khoản 24, Điều 5, nội dung tại khoản này chuyển bổ sung vào khoản 1, Điều 8.
- Khoản 25, Điều 5: Đề nghị sửa đổi, bổ sung là: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hàng hóa có mức doanh thu hằng năm từ 150 triệu đồng trở xuống, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sản xuất, dịch vụ có mức doanh thu hằng năm từ 100 triệu đồng trở xuống.
- Tại khoản 2, Điều 11: Đề nghị bỏ cụm từ "trên giá trị gia tăng".

Trên đây là ý kiến của Cục Thuế tỉnh Quảng Trị, báo cáo Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính, UBND Tỉnh Quảng Trị được biết, để tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND (tây bắc);
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Lưu: VT, NVDTPC (07b).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
CỤC THUẾ
TỈNH
QUẢNG TRỊ
TỔNG CỤC THUẾ
Nguyễn Quang Ủy

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 703 /CTHTI-NVDTPC
V/v góp ý dự thảo về việc lập đề
nghị xây dựng dự án Luật thuế giá
trị gia tăng sửa đổi

Hà Tĩnh, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Văn bản số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính; Văn bản số 881/UBND-TH₁ của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc góp ý dự thảo về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi.

Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh đã tổng hợp ý kiến góp ý của các các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị liên quan.

Về cơ bản, nội dung Dự thảo đã thể hiện được sự bám sát của Bộ Tài chính đối với tình hình thực hiện Luật thuế GTGT hiện hành, từ đó có đánh giá kịp thời kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện, qua đó bước đầu có sự phân tích, đề xuất các sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung phù hợp với các phát sinh trong thực tiễn. Tuy nhiên, để Dự thảo Luật có tính hiệu quả cao, tránh tối đa các tình huống vướng mắc, có một số ý kiến góp ý như sau:

- Tại khoản 1 Điều 5 dự thảo quy định một trong các đối tượng không chịu thuế là “*Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu*”; Tại điểm d khoản 2 Điều 8 dự thảo quy định mức thuế suất 5% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ “*Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi thủy sản chưa qua chế biến, trừ sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật này*”. Tuy nhiên, việc quy định như dự thảo có thể gây khó khăn trong quá trình áp dụng trên thực tiễn, bởi xác định “*chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường*” theo khoản 1 Điều 5 hay “*chưa qua chế biến*” tại điểm d khoản 2 Điều 8 là rất khó. Tương tự, việc xác định sản phẩm “*chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường*” theo khoản 1 Điều 5 hay “*Thực phẩm tươi sống*” theo điểm e khoản 2 Điều 8 dự thảo là rất khó. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét thêm đối với vấn đề này.

- Đối với sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản; tại Điểm 1.5, Phần II Báo cáo tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế

GTGT hiện hành có phân tích rất rõ các vướng mắc về việc xác định sản phẩm xuất khẩu đã chế biến thành sản phẩm khác hay chưa chế biến thành sản phẩm khác và vướng mắc về xác định tỉ lệ 51%; tại Điều 5, Đề cương dự thảo Luật đang dừng lại ở đề xuất sửa đổi chung cho toàn nhóm hàng hóa không chịu thuế. Đây là nội dung trên thực tiễn, đang có nhiều cách xác định “sản phẩm khác” là như thế nào và chưa có quy định cụ thể để thống nhất. Vì vậy, dự thảo Luật mới cần hướng đến quy định cụ thể, rõ ràng, phù hợp để giải quyết được các vướng mắc như báo cáo tổng kết đã chỉ ra.

- Tại khoản 25 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 10 dự thảo có cụm từ “hộ, cá nhân kinh doanh”. Tuy nhiên, tại Điều 4 “*Người nộp thuế giá trị gia tăng là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng (sau đây gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu thuế giá trị gia tăng (sau đây gọi là người nhập khẩu).*” không có kinh doanh. Vì vậy, đề nghị xem xét bổ sung vào quy định tại Điều 4 cụm từ “hộ kinh doanh” để thống nhất với quy định tại khoản 25 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 10.

- Tại khoản 25 Điều 5 dự thảo “Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm triệu đồng trở xuống”. Mức doanh thu này hiện nay không còn phù hợp với mức tăng lạm phát, biến động giá cả. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét mức giảm trừ gia cảnh cho bản thân tại Luật thuế TNCN và các văn bản có liên quan để chọn mức doanh thu phù hợp.

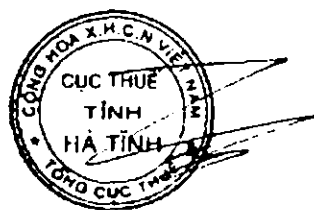
- Tại khoản 3 Điều 10 và khoản 1 Điều 13 dự thảo giao Chính phủ quy định chi tiết điều khoản này. Tuy nhiên, tại Điều 16 dự thảo về tổ chức thực hiện lại quy định “*Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Điều 5, Điều 7, Điều 8, Điều 12 và Điều 13*”. Do đó, để đảm bảo thống nhất, đề nghị cơ quan soạn thảo chi quy định giao Chính phủ quy định chi tiết tại từng điều, khoản hoặc giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung tại phần tổ chức thực hiện.

Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh xin gửi Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo. *Trần Văn...*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NVDTPC.

CỤC TRƯỞNG



Trương Quang Long

Số: 156/CTCTH-NVDTPC

Cần Thơ, ngày 22 tháng 3 năm 2023

V/v đóng góp ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi.

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ	25/29
Ngày	28-03-2023
CHỖ	M. C. T.
SỐ QUÂN QUẢN HS	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi và Công văn số 709/VPUB-KT ngày 03/3/2023 của UBND thành phố Cần Thơ về việc tham gia ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi.

Theo chỉ đạo của UBND thành phố Cần Thơ, Cục Thuế gửi dự thảo Tờ trình về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi; dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi; Đề cương dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi đến các đơn vị tham gia đóng góp ý kiến.

Cục Thuế thành phố Cần Thơ tổng hợp các ý kiến đóng góp của các Sở, ban, ngành, UBND quận huyện trên địa bàn thành phố Cần Thơ, nội dung cụ thể như sau:

1. Đối với Tờ trình về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi: Thống nhất với nội dung Tờ trình.

2. Đối với dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi: Chính sách 1, chính sách 2 và chính sách 3 thuộc Phần “Đánh giá tác động của chính sách đề xuất”: đề nghị thực hiện theo các giải pháp 1.

3. Đối với Đề cương dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi:

3.1. Tại Điều 4. Người nộp thuế

“Người nộp thuế giá trị gia tăng là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng (sau đây gọi là cơ sở kinh doanh)...”

Đề nghị đổi nội dung lại thành:

“Người nộp thuế giá trị gia tăng là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng (sau đây gọi là Người kinh doanh)...”

Nguyên nhân: Nên dùng thuật ngữ là “Người kinh doanh” thay cho cụm từ “cơ sở kinh doanh” cho phù hợp với tên gọi “Người nộp thuế” và “Người nhập khẩu”.

3.2. Tại khoản 1 Điều 5. Đối tượng không chịu thuế:

- Đề nghị bổ sung đối tượng không chịu thuế là hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

- Cần xem xét trường hợp nếu Người nộp thuế không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT nhưng được khấu trừ thuế GTGT đầu vào sẽ dẫn đến trường hợp nếu chỉ kinh doanh hàng hóa không chịu thuế thì sẽ có số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ rất lớn nhưng Người nộp thuế này có được hoàn thuế hay không? nếu Người nộp thuế này không được hoàn thuế hoặc không có thuế GTGT đầu ra thì sẽ bị tồn thuế GTGT đầu vào gây tổn đọng vốn của Người nộp thuế.

3.3. Tại khoản 16 Điều 5. Đối tượng không chịu thuế

“16. Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, xe điện”

Đề nghị bổ sung nội dung: *“16. Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, xe điện, phương tiện đường thủy (ghe, tàu, thuyền, phà)”*

Nguyên nhân: Vì các tỉnh miền Tây Nam Bộ, người dân đi lại bằng phương tiện đường thủy như ghe, tàu, thuyền, phà...rất nhiều.

3.4. Tại khoản 3 Điều 5.Đối tượng không chịu thuế

Đối với nội dung này, Sở Công thương TP Cần Thơ có ý kiến như sau: Đối tượng không chịu thuế tại khoản 3 Điều 5 *“3....; cày, bừa đất; nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp”* trùng với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8. Thuế suất (2. *Mức thuế suất 5% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ sau đây*) *“c) Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp”* đề nghị xem xét điều chỉnh.

Đề nghị điều chỉnh khoản 3 Điều 5 thành nội dung như sau: *“3. Dịch vụ tưới, tiêu nước; cày, bừa đất; đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp”* và bỏ điểm c khoản 2 Điều 8.

Đồng thời đề nghị làm rõ nội dung tại khoản 3 Điều 5 và điểm c khoản 2 Điều 8 đối với hoạt động: *Tưới, tiêu nước; Cày, bừa đất; nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp.*

3.5. Tại khoản 3a Điều 5. Đối tượng không chịu thuế

Đề nghị giữ mặt hàng “ Phân bón” thuộc đối tượng không chịu thuế.

Nguyên nhân: Thực tế nếu đưa phân bón vào nhóm hàng hóa chịu thuế GTGT, trước mắt là giải quyết được khó khăn của các doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh mặt hàng phân bón như Dự thảo Báo cáo đã đánh giá. Nhưng ngược lại những người làm nông nghiệp, những người trực tiếp sản xuất nông nghiệp và sống bằng thu nhập từ sản xuất nông nghiệp sẽ gặp khó khăn. Vì khi đưa phân bón vào đối tượng chịu thuế thì giá thành của phân bón sẽ tăng làm tăng chi phí, tăng giá thành, giảm lợi nhuận trong sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng đến đời sống của người nông dân.

Còn trong dự thảo Báo cáo đánh giá nếu đưa phân bón vào đối tượng chịu thuế thì giá thành của phân bón sẽ giảm, do được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Đó là trên lý thuyết, còn thực tế ít có trường hợp hàng hóa từ không chịu thuế GTGT đưa lên nhóm hàng hóa chịu thuế GTGT với thuế suất 5% mà giá bán trên thị trường không tăng.

3.6. Tại điểm b khoản 2 Điều 12. Khấu trừ thuế GTGT đầu vào

Quy định:

“b) Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng;”

Đề nghị đổi nội dung thành: *“b) Các hóa đơn được khấu trừ phải được thanh toán qua ngân hàng hoặc các tổ chức trung gian thanh toán.”*

Nguyên nhân: Vì hiện nay việc thanh toán qua ngân hàng hoặc các tổ chức trung gian thanh toán được nhà nước cấp phép đang phát triển rộng rãi và thuận tiện, hướng tới không dùng tiền mặt.

3.7. Tại khoản 2 Điều 13. Các trường hợp hoàn thuế, quy định đối với cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT.

Đối với nội dung này Công An thành phố Cần Thơ có ý kiến như sau: cần xem xét việc tăng số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ, lý do: quá trình quản lý lĩnh vực thuế, nhận thấy nhiều cơ sở kinh doanh lợi dụng chính sách của nhà nước trong việc khuyến khích xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài là hoàn thuế GTGT cho các hàng hóa của doanh nghiệp trong diện ưu tiên xuất khẩu, một số doanh nghiệp hợp thức hoá đầu vào, lập hồ sơ không, sau

đó sử dụng hồ sơ không này xin hoàn thuế GTGT để chiếm đoạt tiền hoàn thuế lên đến hàng trăm tỷ đồng.

3.8. Tại Điều 13. Các trường hợp hoàn thuế:

Thông nhất với định hướng sửa đổi, bổ sung quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng theo hướng sửa đổi, bổ sung quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với một số nhóm hàng hóa, cung ứng dịch vụ để đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện, tạo thuận lợi cho người nộp thuế như: ***Đối với cơ sở sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế GTGT 5%.***

Nguyên nhân: Thực tế, một số cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT với thuế suất 5% có số thuế GTGT còn được khấu trừ khá lớn (do chênh lệch khi mua nguyên liệu đầu vào, tài sản cố định... có thuế suất thuế GTGT là 10%) và không được hoàn thuế nên các cơ sở này gặp rất nhiều khó khăn về vốn sản xuất kinh doanh.

Trên đây là tổng hợp ý kiến đóng góp của các Sở, ban, ngành, UBND quận huyện trên địa bàn thành phố Cần Thơ kính gửi Bộ Tài chính.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TP. Cần Thơ "báo cáo";
- Lưu: VT, NVDTPC (2b).

CỤC TRƯỞNG

Cáp Quý Phúc

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH GIA LAI**

Số: 487 /CTGLA-NVDTPC

V/v báo cáo tham gia ý kiến về
lập đề nghị xây dựng dự án Luật
Thuế giá trị gia tăng sửa đổi

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tại công văn số 538/VP-KTTH ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc tham gia ý kiến về lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi. Qua thời gian triển khai lấy ý kiến của các sở, ngành và các đơn vị thuộc và trực thuộc ngành thuế của tỉnh, Cục Thuế tổng hợp báo cáo kết quả tham gia ý kiến như sau:


Qua nghiên cứu các tài liệu gồm Tờ trình của Bộ Tài chính về đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi, Đề cương dự thảo Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi, Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Thuế giá trị gia tăng, Báo cáo đánh giá tác động xây dựng Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi; các sở, ngành được lấy ý kiến thống nhất với nội dung đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi; Cục Thuế xin tham gia bổ sung một số nội dung cụ thể là:

- Tại dòng thứ 6 khoản 1 Điều 5 Đề cương dự thảo Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi cần bổ sung cụm từ "...bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác nộp thuế theo phương pháp khấu trừ..."

- Về định hướng sửa đổi hàng hóa không chịu thuế, hàng hóa chịu thuế GTGT 5%:

+ Hạn chế quy định về hàng hóa không chịu thuế, hàng hóa chịu thuế GTGT 5% theo công dụng của hàng hóa.

+ Quyền tài sản theo quy định tại Bộ Luật dân sự thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Cục Thuế tỉnh Gia Lai tổng hợp báo cáo trình Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét chỉ đạo. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, NVDTPC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Trần Quang Thành

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1498 /CTNDI-NVDTPC
V/v tham gia ý kiến về việc lập đề
nghị xây dựng dự án Luật Thuế
GTGT sửa đổi

Nam Định, ngày 16 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về việc V/v lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi, Cục Thuế Nam Định tham gia một số ý kiến như sau:

1. Về đối tượng không chịu thuế:

Cục thuế kiến nghị bỏ cụm từ “và ở khâu nhập khẩu” tại khoản 1 Điều 5 của Luật thuế giá trị gia tăng. Lý do: Ý nghĩa to lớn của việc áp dụng đối tượng không chịu thuế là nhằm hỗ trợ cho các sản phẩm nông nghiệp trong nước, các lĩnh vực về an ninh quốc phòng, dịch vụ liên quan thiết thực, trực tiếp đến cuộc sống người dân và không mang tính kinh doanh; Liên quan đến nhân đạo..., do vậy việc áp dụng không chịu thuế đối với khâu nhập khẩu không phù hợp với định hướng này, việc thêm nội dung này vào sẽ đồng nghĩa với việc tạo điều kiện cho các sản phẩm nông nghiệp từ các nước tràn vào Việt Nam, gây khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trong nước.

Thuế GTGT theo đúng bản chất là đánh trên đối tượng chứ không phải đánh trên công dụng. Do đó, việc quy định "Đối với sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường khi bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng." là chưa phù hợp dẫn đến khó khăn khi áp dụng vào thực tế. Kiến nghị: nên áp dụng thống nhất theo đối tượng, không phân biệt đối tượng hàng hóa dịch vụ đó phục vụ cho công việc gì vì thực tế không thể quản lý được.

2. Về các trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 13 Luật thuế giá trị gia tăng.

Cục thuế đề nghị nghiên cứu sửa đổi bổ sung quy định về hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư mở rộng. Hiện tại, Luật chi quy định hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư mới đủ điều kiện hoàn thuế theo quy định, chưa có quy định về hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư mở rộng. Để tạo thuận lợi về tài chính cho doanh nghiệp, đề nghị đưa quy định bổ sung được hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư

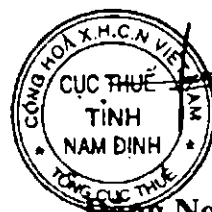
mở rộng đối với cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng, đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ và có số thuế còn lại từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT.

Trên đây là ý kiến tham gia của Cục Thuế Nam Định trân trọng báo cáo. *ph*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh Nam Định (để báo cáo)
- Lưu: VT, NVDTPC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Đặng Ngọc Nghĩa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 2577 /UBND-KT

V/v góp ý việc lập đề nghị xây
dựng dự án Luật thuế giá trị
gia tăng (sửa đổi)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN Số:	2577/2023
Ngày:	04-04-2023
Chuyên:	V/LU CST
Số và ký hiệu HS:	

Thực hiện đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 về việc góp ý việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi);

Sau khi nghiên cứu dự thảo, UBND tỉnh Đắk Lắk tham gia ý kiến góp ý việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi) như sau:

1. Đề nghị bổ sung Điều 5 quy định về các đối tượng không chịu thuế theo định hướng:

“Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường do doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại.”

Lý do: Thuế GTGT đầu vào của trường hợp trên được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh, hiện nay đang quy định là được khấu trừ nên có nhiều doanh nghiệp phát sinh số thuế được khấu trừ ngày càng lớn mà không được hoàn thuế.

2. Đề nghị sửa đổi khoản 6 Điều 5 quy định về các đối tượng không chịu thuế theo định hướng:

“6. Chuyển quyền sử dụng đất” thành “6. Cá nhân chuyển quyền sử dụng đất”.

Lý do: Dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi quy định chưa cụ thể đối tượng chuyển quyền sử dụng đất thuộc trường hợp không phải chịu thuế GTGT và đối tượng kinh doanh bất động sản phải nộp thuế GTGT (trong trường hợp bất động sản là đất đai). Đồng thời, để phân biệt với quy định tại điểm h khoản 1 Điều 7: “h) Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế giá trị gia tăng, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước;”

3. Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 5 và Điều 7 Luật thuế GTGT theo định hướng:

Sửa đổi, bổ sung một số quy định về đối tượng không chịu thuế và giá tính thuế để đồng bộ với quy định của các luật khác có liên quan như: Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt (TTDB); Luật Trồng trọt; Luật Chứng khoán.

4. Đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 13 quy định về các trường hợp được hoàn thuế theo định hướng:

*“3. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế giá trị gia tăng khi **chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất**, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết”* sửa thành *“3. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế giá trị gia tăng khi chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết.”*

Lý do: Bộ cụm từ “chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất” vì các doanh nghiệp sau khi tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định tại khoản 31 Điều 1 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020: *“31. Tổ chức lại doanh nghiệp là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp”* thì doanh nghiệp “hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp” sẽ kế thừa số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết. Trường hợp, chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì doanh nghiệp này có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế. Đồng thời, như vậy mới đảm bảo được tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật giữa Luật Quản lý thuế và Luật Doanh nghiệp đảm bảo tính minh bạch chính sách, tránh vướng mắc trong thực hiện theo các quy định của pháp luật khi Luật Quản lý thuế quy định có cụm từ *“chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp”* nhưng Luật doanh nghiệp quy định về tổ chức lại doanh nghiệp là *“chuyển đổi loại hình doanh nghiệp”*.

5. Đối với các nội dung khác:

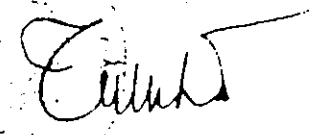
UBND tỉnh Đắk Lắk thống nhất theo dự thảo.

Trên đây là nội dung góp ý của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc góp ý việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Cục Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, KT (ThN_07b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà



Cơ quan Ủy ban nhân
dân tỉnh Bạc Liêu, Tỉnh
Bạc Liêu
Thời gian ký: 27.03.2023
10:36:04 -07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Số: 935 /UBND-TH

V/v góp ý dự thảo các văn bản liên quan
đến việc lập đề nghị xây dựng Dự án
Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bạc Liêu, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhận được Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng Dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Tờ trình Chính phủ về đề nghị xây dựng Dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi, Đề cương dự thảo Luật, Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật và Báo cáo tổng kết, đánh giá thi hành thực hiện Luật thuế giá trị gia tăng, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo nêu trên. Tuy nhiên, để Đề cương dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi hoàn thiện hơn, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu có ý kiến đóng góp, như sau:

Tại khoản 1, Điều 5 Đề cương dự thảo có nêu về đối tượng chịu thuế: "1. Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu".

Tại điểm d, khoản 2 Điều 8, Đề cương dự thảo có nêu về thuế suất: "2. Mức thuế suất 5% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ sau đây: ...d) Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa qua chế biến, trừ sản phẩm quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Luật này".

Căn cứ nội dung quy định nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu kiến nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định rõ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thuộc sản phẩm chế biến, hoặc sản phẩm sơ chế thông thường được xác định căn cứ trên các quy định pháp lý nào để áp dụng thống nhất, tránh trường hợp áp dụng không thống nhất giữa các cơ quan thuế với cơ quan quản lý chuyên ngành.

Trên đây là ý kiến góp ý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu, rất mong Bộ Tài chính sớm hoàn chỉnh dự thảo đề cương trình Chính phủ xem xét, quyết định để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP UBND (đ/c VT);
- Lưu: VT, DT (CV60).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tấn Cận

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1866 /CT-NVDTPC

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 3 năm 2023

V/v tham gia ý kiến đối với đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi.

SỞ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ:	0021988
Ngày:	20-03-2023
Chức vụ:	Vũ. C.Y.T
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 2313/UBND-KTTC ngày 27/02/2023 về việc giao tham gia ý kiến đối với đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi. Sau khi nghiên cứu dự thảo Luật Thuế GTGT sửa đổi, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa tham gia một số ý kiến sau:

1. Đề nghị sửa đổi điểm a, khoản 2, Điều 8 tại dự thảo Luật Thuế GTGT sửa đổi (dự thảo Luật) thành:

a. Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt:

Lý do: từ “sạch” là tính từ, mang tính định tính. Để từ “nước sạch” vào điểm này rất khó để làm tiêu chuẩn đánh giá chất lượng nước, gây khó khăn trong quá trình thực hiện.

2. Đề nghị sửa đổi điểm đ, khoản 1, Điều 12 tại dự thảo Luật thành:

“đ) Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng (Quý) nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng (Quý) đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai, sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.”

Lý do:

+ Thêm từ “Quý” là do kỳ tính thuế của NNT theo quy định được kê khai theo tháng hoặc quý.

- Chuyển từ “sai sót” thành “sai, sót” để giúp NNT dễ hiểu hơn trong trường hợp bỏ sót hóa đơn đầu vào.

3. Đề nghị sửa đổi khoản 3, Điều 13 tại dự thảo Luật thành:

Khoản 3 Điều 13 sửa lại như sau:

“3. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế giá trị gia tăng khi chuyển đổi sở hữu, ~~chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động~~ có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết.”

Lý do: Bản chất của việc chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp là chuyển dịch, điều chuyển tài sản giữa các chủ sở hữu, chuyển quyền sở hữu chứ Nhà nước không can thiệp vào quá trình chuyển dịch, điều chuyển này.

4. Tại điều 5 (đối tượng không chịu thuế) tại dự thảo Luật

Đề nghị giữ lại các nhóm hàng máy móc, thiết bị chuyên dùng cho nông nghiệp: tàu đánh bắt xa bờ.

Lý do nhóm hàng này có giá trị lớn, tạo tài sản và thường phục vụ cho các đơn vị nông ngư nghiệp nên cần khuyến khích để giảm giá trị đầu tư, giảm khó khăn cho doanh nghiệp.

5. Đề nghị bổ sung các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT vào Luật Thuế GTGT sửa đổi.

Lý do các trường hợp này đã được hướng dẫn tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 và Thông tư số 193/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính nhưng không có quy định tại Luật Thuế GTGT.

6. Đề nghị bỏ khoản 23, Điều 5 Luật Thuế GTGT sửa đổi, đồng thời quy định rõ sản phẩm thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT

Với lý do:

Tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định căn cứ vào quyết toán năm trước và tỷ lệ này được áp dụng ổn định trong năm xuất khẩu không phản ánh thực tế chi phí sản xuất trong kỳ.

Việc xác định Tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm (51%) cho từng sản phẩm, hàng hóa là phức tạp, khó chi tiết được.

Việc phối hợp giữa các cơ quan ban ngành để xác định sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản đã chế biến hoặc chưa chế biến thành sản phẩm khác còn hạn chế, khó phối hợp để xác định sản phẩm đã chế biến thành sản phẩm khác hay chưa...

7. Đề xuất bổ sung nội dung về đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT

Đề nghị chuyển "mặt hàng sản phẩm gỗ đã qua chế biến như dăm gỗ ở khâu kinh doanh thương mại" từ đối tượng chịu thuế suất 10% về đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

Lý do:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số Thông tư số 26/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính (sửa đổi bởi khoản 1 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC):

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 4 như sau:

1. Sản phẩm trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng), chăn nuôi, thủy sản, hải sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.

Các sản phẩm mới qua sơ chế thông thường là sản phẩm mới được làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, xay, xay bỏ vỏ, xát bỏ vỏ, tách hạt, tách cọng, cắt, ướp muối, bảo quản lạnh (ướp lạnh, đông lạnh), bảo quản bằng khí sunfuro, bảo quản

theo phương thức cho hóa chất để tránh thối rữa, ngâm trong dung dịch lưu huỳnh hoặc ngâm trong dung dịch bảo quản khác và các hình thức bảo quản thông thường khác”.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định:

“5. Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chi qua sơ chế thông thường cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT...”

Việc đề xuất bổ sung đối tượng nhằm:

+ Đáp ứng thực tế quy trình chế biến dăm gỗ là từ các sản phẩm gỗ thừa hoặc thân cây, cành cây được cắt, đưa vào máy băm gỗ. Đây là sản phẩm mới qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất ra ở khâu kinh doanh thương mại.

+ Đảm bảo lợi ích hài hòa giữa người trồng rừng, doanh nghiệp và nhà nước, đảm bảo khuyến khích sử dụng tiết kiệm nguyên liệu và tái cơ cấu ngành gỗ theo định hướng của Nhà nước; phù hợp với công tác quản lý của cơ quan thuế.

- Hiện nay, để kiểm soát chặt việc hoàn thuế GTGT đối với mặt hàng trên, Tổng cục Thuế đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, chỉ đạo trong đó có nội dung phải xác minh bằng kê hàng hóa rừng trồng giữa đơn vị xuất khẩu mặt hàng đồ gỗ và người dân trồng rừng. Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp có doanh số xuất khẩu mặt hàng dăm gỗ, gỗ thành phẩm chủ yếu thu mua hộ dân trồng rừng, việc xác minh trực tiếp đến từng người dân là một trở ngại lớn, mất nhiều thời gian và nhân lực của cơ quan thuế;

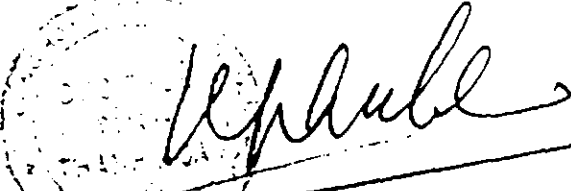
Mặt khác, công tác phối hợp với các cơ quan chức năng khác trên địa bàn; Công an, Hải quan, Biên phòng, Kiểm lâm... trong việc xác định nguồn gốc gỗ còn hạn chế thời gian, vùng trồng nguyên liệu, tuổi cây trồng, xác định hộ dân cư trú địa bàn còn nhiều bất cập...

Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa có ý kiến tham gia đối với dự thảo Luật Thuế GTGT sửa đổi báo cáo Bộ Tài chính.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LĐ cục Thuế (b.c);
- Lưu: VT, NVDTPC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**


Lê Hồng Phúc

Số: **610** /UBND-TC3

Hải Phòng, ngày **23** tháng **3** năm **2023**

V/v tham gia ý kiến về việc lập đề
nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá
trị gia tăng sửa đổi

BỘ TÀI CHÍNH

ĐẾN Số: **24-23.C-2023**

Ngày: **27-03-2023**

Chuyên: **TC**

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Văn bản số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về việc lập, đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi.

Qua nghiên cứu, nghiên cứu hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi (Tờ trình xây dựng Luật, Đề cương dự thảo Luật; báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật) kèm theo Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính; Ủy ban nhân thành phố Hải Phòng cơ bản nhất trí với đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi và tham gia một số ý kiến cụ thể sau đây:

1. Về thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động chuyển quyền sử dụng đất thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng

- Theo quy định tại Khoản 6 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng hiện hành thì “Chuyển quyền sử dụng đất” thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

- Tại Khoản 1 Điều 7 Luật Thuế giá trị gia tăng hiện hành quy định về giá tính thuế giá trị gia tăng: “Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế giá trị gia tăng, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước”.

- Từ nội dung trên, dẫn đến việc hiểu và áp dụng về thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa đồng bộ, nhất quán.

Đề xuất: Đề nghị Bộ Tài chính sớm có phương án trình Chính phủ, Quốc hội sửa đổi Luật theo hướng: Hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền thuê đất thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng; trừ hoạt động chuyển nhượng đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, hoạt động chuyển nhượng đất ở thuộc quyền sử dụng của các cá nhân, hộ gia đình thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

2. Về thuế giá trị gia tăng đối với các sản phẩm thức ăn chăn nuôi

- Tại Khoản 1 Điều 3 Luật số 71/2014/QH 13 đã có nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng về đối tượng không chịu thuế giá trị gia



tăng; theo đó, từ ngày 01/01/2015, các sản phẩm “Phân bón; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ; thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác;” chuyển từ đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng sang đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

- Thực tế cho thấy, đối với các doanh nghiệp sản xuất phân bón, thức ăn chăn nuôi; khi sản phẩm đầu ra chuyển sang đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, các doanh nghiệp gặp bất lợi nhiều hơn do phần khá lớn chi phí đầu vào áp dụng mức thuế giá trị gia tăng 10%. Mặt khác, khi chuyển sang đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng; các mặt hàng thức ăn chăn nuôi và phụ gia sản xuất thức ăn chăn nuôi chịu sự cạnh tranh rất lớn từ hàng nhập khẩu.

- Trong Đề cương dự thảo Luật đã nêu dự kiến về việc chuyển phân bón; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ từ đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng sang (quay về) đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng với mức thuế suất 05%.

Đề xuất: Đề nghị Bộ Tài chính có phương án trình Chính phủ, Quốc hội bổ sung Luật sửa đổi Luật Thuế giá trị gia tăng nội dung: Chuyển mặt hàng thức ăn chăn nuôi và phụ gia sản xuất thức ăn chăn nuôi từ đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng sang đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng với mức thuế suất 5%.

3. Hoàn thuế đối với hoạt động vận tải quốc tế

- Tại Khoản 3 Điều 1 Luật số 106/2016/QH13 (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế (có hiệu lực từ ngày 01/7/2016) đã sửa đổi, bổ sung nội dung về hoàn thuế giá trị gia tăng quy định tại Khoản 2 Điều 13 Luật Thuế giá trị gia tăng là: “2. Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý, trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật Hải quan. Thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau đối với người nộp thuế sản xuất hàng hóa xuất khẩu không vi phạm pháp luật về thuế, hải quan trong thời gian hai năm liên tục; người nộp thuế không thuộc đối tượng rủi ro cao theo quy định của Luật Quản lý thuế.”

- Các Nghị định, Thông tư về thuế giá trị gia tăng đều quy định về hoàn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu mà chưa có quy định cụ thể, riêng biệt về hoàn thuế đối với hoạt động vận tải quốc tế. Đây là một phần thiếu trong các quy định pháp luật về hoàn thuế giá trị gia tăng. Thực tế, dịch vụ vận tải quốc tế bao gồm cả trường hợp đáp ứng điều kiện là dịch vụ xuất khẩu và các trường hợp không đáp ứng đủ điều kiện dịch vụ xuất khẩu.

- Về vấn đề này, Bộ Tài chính đã có Công văn số 18998/BTC-CST ngày 30/12/2016 trả lời Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, theo đó: “Trường hợp

trong tháng, quý, các doanh nghiệp hoạt động vận tải quốc tế có cung cấp dịch vụ vận tải quốc tế đáp ứng được điều kiện về việc áp dụng thuế suất 0% đối với vận tải quốc tế theo quy định, nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm (300) triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý.”; Đồng thời, Tổng cục Thuế cũng có văn bản hướng dẫn việc hoàn thuế đối với vận tải quốc tế theo nội dung Công văn số 18998/BTC-CST của Bộ Tài chính.

Như vậy, việc hoàn thuế giá trị gia tăng hiện nay được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính trong khi Luật Thuế giá trị gia tăng chưa quy định rõ.

Đề xuất: Từ những nội dung trên, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, đưa nội dung hoàn thuế đối với hoạt động vận tải quốc tế vào văn bản quy phạm pháp luật (cả Luật, Nghị định và Thông tư), cụ thể: Nội dung hoàn thuế giá trị gia tăng ngoài hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu cần bổ sung các hàng hóa, dịch vụ theo quy định pháp luật được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%.

Đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung về hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 3 Điều 1 Luật số 106/2016/QH13 như sau: “ 2. Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hoá, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng khi xuất khẩu thuộc đối tượng áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%, nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý, trừ trường hợp hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật Hải quan. Thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau đối với người nộp thuế sản xuất hàng hóa xuất khẩu không vi phạm pháp luật về thuế, hải quan trong thời gian hai năm liên tục; người nộp thuế không thuộc đối tượng rủi ro cao theo quy định của Luật Quản lý thuế.”

4. Về nội dung xử lý về thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động theo loại hình doanh nghiệp chế xuất

Tại Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng (Luật số 31/2013/QH13) đã sửa đổi, bổ sung nội dung về hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 13 Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 như sau: “3. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế giá trị gia tăng khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản,

chấm dứt hoạt động có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết.”

Với quy định trên, việc xử lý thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động theo loại hình doanh nghiệp chế xuất chưa được quy định rõ. Hiện nay, Luật Doanh nghiệp (Luật số 59/2020/QH14), không có quy định về việc doanh nghiệp nội địa chuyển sang hoạt động theo loại hình doanh nghiệp chế xuất.

Theo nội dung nêu tại Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế giá trị gia tăng thì nội dung hoàn thuế giá trị gia tăng sẽ được sửa đổi, bổ sung theo hướng: Không hoàn thuế giá trị gia tăng đối với các cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết. Số thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ thuế sẽ được chuyển cho doanh nghiệp mới (doanh nghiệp sau chuyển đổi, sáp nhập...) tiếp tục khấu trừ.

Như vậy, với tính chất đặc thù của việc doanh nghiệp nội địa chuyển sang hoạt động theo loại hình doanh nghiệp chế xuất thì nội dung “chuyển khấu trừ tiếp” không thể thực hiện được, do hàng hóa bán ra của doanh nghiệp chế xuất không chịu thuế giá trị gia tăng.

Đề xuất: Đề nghị Bộ Tài chính xem xét về nội dung xử lý thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động theo loại hình doanh nghiệp chế xuất.

Theo đề xuất trên, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động theo loại hình doanh nghiệp chế xuất nếu tại thời điểm chuyển đổi có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết thì được xem xét hoàn thuế giá trị gia tăng.

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng có ý kiến như trên gửi Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Cục Thuế thành phố;
- CVP UBND TP;
- Phòng: TCNS, NC&KTGS;
- CV: TC3;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Quân



TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 925/CTBDI-TTHT
V/v góp ý kiến xây dựng dự án
Luật thuế: GTGT, TTDB sửa đổi

Bình Định, ngày 23 tháng 03 năm 2023

ĐẾN số: 0024331...
Ngày: 27-03-2023
Chuyển: Bộ Tài chính, Vụ CST
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện công văn số 1585/BTC-CST ngày 21/02/2023 của Bộ Tài chính V/v lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế TTDB (sửa đổi) và số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính V/v lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi. Qua tổ chức triển khai nghiên cứu, Cục Thuế tỉnh Bình Định có ý kiến góp ý đối với hồ sơ dự thảo đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) và Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) như sau:

1. Về thuế giá trị gia tăng

+ Tại Điều 5 đề cương dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi: Đối tượng không chịu thuế GTGT

- Khoản 6: Quyền sử dụng đất

Hiện nay, tại Nghị định, Thông tư điều hướng dẫn tính thuế đối với "Quyền sử dụng đất".

Do vậy, cần nêu quy định có tính nguyên tắc là khi nào "Quyền sử dụng đất" thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

- Khoản 23: Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản chưa chế biến thành sản phẩm khác.

Hiện nay, cơ quan chức năng tại địa phương không xác nhận tài nguyên khoáng sản đã chế biến thành "sản phẩm khác" cho doanh nghiệp.

Do vậy, cần quy định cụ thể thế nào là "tài nguyên khoáng sản chưa chế biến thành sản phẩm khác".

- Khoản 25: Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm triệu đồng trở xuống thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Đề nghị xây dựng lại mức doanh thu hàng năm từ một trăm triệu đồng trở xuống thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, vì mức doanh thu không chịu thuế xây dựng lại cần tính đến dự lượng mức lạm phát hàng năm và phù hợp mức giảm trừ gia cảnh của Luật thuế TNCN.

+ Điều 7: Giá tính thuế GTGT

- Khoản 1, điểm h: Giá bán bất động sản

Luật thuế GTGT cần quy định rõ về Giá tính thuế đối với giá bán bất động sản xác định theo giá nào và có tính tương thích với giá tính thuế bất động sản tại Luật thuế TNDN và INCN.

+ Điều 8: Thuế suất

- Khoản 2, điểm i quy định mặt hàng “thuốc phòng bệnh, chữa bệnh” áp dụng mức thuế suất 5%.

Hiện nay, Luật thuế GTGT đang quy định các mặt hàng thuốc thành phẩm đang chịu thuế GTGT với mức thuế suất 5%, trong khi đó nguyên liệu đầu vào để sản xuất thuốc đa phần thuộc nhóm thuế suất 10%; điều này dẫn đến việc các doanh nghiệp sản xuất thuốc có số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ lũy kế là rất lớn (Công ty CP Fresenius Kabi Việt Nam lũy kế đến tháng 9/2022 còn âm thuế GTGT đến 60 tỷ đồng). Đối với số thuế GTGT âm này, theo quy định doanh nghiệp không được hạch toán vào chi phí (do sản phẩm bán ra của doanh nghiệp thuộc đối tượng chịu thuế GTGT) mà phải treo trên tài khoản thuế GTGT được khấu trừ.

Do đó, đề nghị xem xét tăng mức thuế suất thuế GTGT của thuốc thành phẩm lên 10% để tạo điều kiện cho doanh nghiệp tăng doanh thu, cân bằng giữa thuế GTGT đầu ra và thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

+ Điều 12: Khấu trừ thuế GTGT

- Khoản 1, điểm đ: Bổ sung thêm nội dung sau:

Thuế đủ điều kiện khấu trừ nhưng không khấu trừ thì được hạch toán vào giá vốn/tài sản cố định (Để tương thích với quy định về thuế TNDN).

+ Điều 13: Hoàn thuế GTGT

- Khoản 1, điểm a quy định “Dự án đầu tư không được hoàn khi chưa đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư”.

Luật thuế GTGT cần quy định rõ nội dung “điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư”, để tránh hiện tượng:

Cơ quan thuế địa phương lạm quyền hoặc bị thiếu trách nhiệm do không nắm đầy đủ nội dung về điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư.

2. Về thuế tiêu thụ đặc biệt

+ Tại Điều 2 đề cương dự thảo Luật thuế TTĐB sửa đổi: **Đối tượng chịu thuế**

- Khoản 1, điểm g: Xăng các loại

→ Đề nghị bỏ vì xăng là mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống, không thể hạn chế tiêu dùng được. Mặt khác, mặt hàng Xăng đã chịu Thuế bảo vệ môi trường.

- Định hướng sửa đổi bổ sung: “đồ uống có đường”.

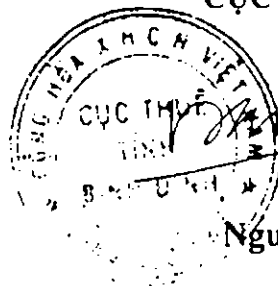
→ Đề nghị chỉ áp dụng đối với “đồ uống có đường” có hại cho sức khỏe, ngược lại thì không.

Cục Thuế tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính biết, tổng hợp *h. uuuu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo theo văn bản số 893/UBND-TH ngày 23/02/2023 và số 910/UBND ngày 24/02/2023);
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT.

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Đâu

UBND TỈNH HÀ NAM
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 434/STC-QLNS
V/v tham gia ý kiến về đề nghị xây
dựng dự án Luật thuế GTGT sửa đổi

Hà Nam, ngày ~~23 tháng 3 năm 2023~~

Kính gửi: Bộ Tài chính.

24775-18 BT
23-03-2023
Vu CST

Căn cứ Văn bản số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi;

Căn cứ Văn bản số 516/V PUB-KT ngày 28/02/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc tham gia ý kiến về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi;

Căn cứ Văn bản số 630/CTHNA-NVDTPC ngày 22/3/2023 của Cục thuế tỉnh Hà Nam về việc tham gia ý kiến về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi.

Sau khi nghiên cứu nội dung hồ sơ đề nghị xây dựng Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi (Tờ trình đề nghị xây dựng luật; Đề cương dự thảo luật; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện luật kèm theo) và các văn bản quy định hiện hành, Sở Tài chính tỉnh Hà Nam tham gia ý kiến như sau:

1. Về chủ trương xây dựng Luật thuế GTGT sửa đổi:

Nhất trí với đề xuất cần thiết phải xây dựng Luật thuế GTGT sửa đổi.

Lý do: Luật thuế GTGT hiện tại có một số điểm chưa phù hợp với thực tế phát sinh và không phù hợp với xu hướng cải cách thuế GTGT của các nước trên thế giới.

2. Về dự thảo Luật thuế GTGT:

2.1. Đề xuất: Sửa đổi, bổ sung về đối tượng chịu thuế là “Chuyên nhượng dự án đầu tư”, cụ thể:

- Chuyên nhượng dự án đầu tư đã đi vào hoạt động được xác định là chuyên nhượng tài sản thuộc diện nộp thuế GTGT;



- Chuyên nhượng dự án xây nhà để bán thì áp dụng chính sách thuế như hoạt động kinh doanh bất động sản. Tổ chức chuyên nhượng phải xuất hoá đơn, tính thuế GTGT, giá tính thuế là giá chuyên nhượng bất động sản trừ (-) giá đất được trừ để tính thuế GTGT.

- Trường hợp chuyên nhượng dự án đầu tư đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động để sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, hợp tác xã thì thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT.

Lý do: Việc quy định chuyên nhượng dự án đầu tư không chịu thuế dẫn đến làm tăng thủ tục khi nộp thuế thực hiện chuyên nhượng dự án đầu tư cũng như gây khó khăn trong việc quản lý.

2.2. Đề xuất: sửa đổi, bổ sung quy định về chứng từ thanh toán, cụ thể:

Dự thảo quy định: *“Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào, trừ hàng hoá, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng;”*

Đề xuất sửa đổi: *“Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào, trừ hàng hoá, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới năm triệu đồng;”*

Lý do: Việc thanh toán không dùng tiền mặt đã được thực hiện dễ dàng, thuận tiện (thanh toán qua các tổ chức tín dụng, các tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán trung gian; các tổ chức viễn thông); Phù hợp với chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt, kiểm soát tiền mặt; Phòng chống rửa tiền; Kiểm soát tốt hơn dòng tiền, tài sản, thu nhập; Ngăn chặn gian lận trong khấu trừ, hoàn thuế GTGT.

2.3 Đề nghị mở rộng đối tượng chịu thuế GTGT, chuyển một số đối tượng từ đối tượng không chịu thuế sang đối tượng chịu thuế 5%, cụ thể:

Chuyển các hàng hoá, dịch vụ hiện tại đang thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng như: phân bón, máy móc, thiết bị chuyên dùng cho nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ...sang thuộc nhóm đối tượng chịu thuế 5%.

Lý do: Phù hợp chiến lược thu hẹp đối tượng không chịu thuế GTGT; Mở rộng diện chịu thuế GTGT. Doanh nghiệp kinh doanh hàng hoá chịu thuế GTGT

thì sẽ được khấu trừ và đáp ứng điều kiện hoàn thuế đầu vào, giải quyết khó khăn cho doanh nghiệp. Tăng cường quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực này, khi hàng hoá, dịch vụ chịu thuế thì phải có nghĩa vụ xuất hoá đơn GTGT, thanh toán.

2.4 Đề nghị có quy định đối với dịch vụ cung cấp bằng phương tiện điện tử cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài

Pháp luật thuế GTGT hiện tại quy định đối với dịch vụ cung cấp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ngoài Việt Nam thì được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%. Chưa quy định rõ về thuế GTGT áp dụng đối với dịch vụ cung cấp bằng phương tiện điện tử cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.

Đề xuất sửa đổi: *Trường hợp cung cấp dịch vụ bằng phương tiện điện tử (dịch vụ kỹ thuật số và dịch vụ thương mại điện tử, kể cả hàng hoá kỹ thuật số được cung cấp qua hệ thống internet hoặc đường truyền điện tử như cung ứng các định dạng tài liệu, hình ảnh, văn bản, các ứng dụng trò chơi...) cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài, trường hợp tổ chức, cá nhân ở nước ngoài tiếp nhận dịch vụ thông qua các địa chỉ tên miền không phải là tên miền Việt Nam hoặc có địa chỉ IP không thuộc của Việt Nam thì các dịch vụ này là dịch vụ xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0%.*


Sở Tài chính tỉnh Hà Nam gửi ý kiến tham gia về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT sửa đổi, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Chính phủ./.

(Công văn này thay thế Công văn số 347/STC-QLNS ngày 09/3/2023 của Sở Tài chính tỉnh Hà Nam)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, QLNS.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 353 /UBND-KTTH
V/v tham gia ý kiến về việc lập
đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế
giá trị gia tăng sửa đổi

Hòa Bình, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23 tháng 2 năm 2023 của Bộ Tài chính về lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi;

Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình có ý kiến như sau:

1. Về mức thuế suất 5%.

- Tại điểm h khoản 2 Điều 7 Dự thảo quy định:

"h) Sản phẩm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, rom, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp; bông sơ chế; giấy in báo;"

- Tuy nhiên thực tế nhiều sản phẩm bằng tre, nứa quy định tại Thông tư số 83/2014/TT-BTC ngày 26/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng theo Danh mục hàng hóa nhập khẩu Việt Nam hiện nay đang có mức thuế suất là 10%, cụ thể:

+ Tại Biểu thuế giá trị gia tăng theo Danh mục hàng hóa nhập khẩu (Ban hành kèm theo Thông tư số 83/2014/TT-BTC), Chương 44 quy định:

"Mặt hàng Gỗ (kể cả gỗ ván và viên dài gỗ trang trí để làm sàn, chưa lắp ghép) được tạo dáng liên tục (làm mộng, soi rãnh, bào rãnh, vát cạnh, ghép chữ V, tạo gân, gờ dạng chuỗi hạt, tạo khuôn hình, tiện tròn hoặc gia công tương tự) dọc theo các cạnh, đầu hoặc bề mặt, đã hoặc chưa bào, đánh giấy ráp hoặc nổi đầu từ tre (mã hàng 4409.21.00) áp dụng thuế suất 10%.

Mặt hàng Gỗ dán, tấm gỗ dán ván lạng và các tấm ván gỗ ép tương tự (mã hàng 4412.10.00): Từ tre ... áp dụng thuế suất 10%."

+ Tại Biểu thuế giá trị gia tăng theo Danh mục hàng hóa nhập khẩu (Ban hành kèm theo Thông tư số 83/2014/TT-BTC), Chương 94 quy định:

"Mặt hàng "Đồ nội thất bằng vật liệu khác, kể cả mây, liễu gai, tre hoặc các vật liệu tương tự: bằng tre hoặc song, mây" (mã hàng 9403.81.00) áp dụng thuế suất 10%."

Do đó, đề nghị cần có quy định cụ thể, rõ ràng hơn để dễ áp dụng và thống nhất trong việc thực hiện điểm này.

2. Về thuế giá trị gia tăng đầu vào

Đề nghị có hướng xử lý đối với số thuế giá trị gia tăng của người nộp thuế luôn có số thuế đầu vào lớn hơn số thuế đầu ra mà không được hoàn.

3. Về nhóm đối tượng không chịu thuế


- Tại khoản 16 Điều 5 Dự thảo quy định về nhóm đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng:

“16. Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, xe điện”.

Theo quy định hiện hành, thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh không chịu thuế giá trị gia tăng thì không được khấu trừ. Tuy nhiên, tài sản cố định (ô tô) phục vụ cho vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt có giá trị lớn, thời gian khấu hao kéo dài; dễ cải biến thành phương tiện phục vụ cho vận chuyển hành khách thông thường. Khi doanh nghiệp có nhu cầu cải biến hoặc thanh lý đối với tài sản này thì phải tính nộp thuế giá trị gia tăng đầu ra nhưng không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào tương ứng với giá trị còn lại của tài sản. Điều này dẫn đến khó khăn về tài chính đối với doanh nghiệp.

Mặt khác, tại Điều 5 Đề cương Dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi cũng đã định hướng giảm bớt đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng đối với các mặt hàng hóa, dịch vụ công ích.

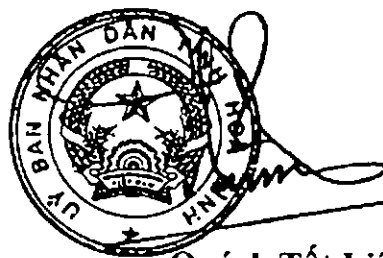
Do đó, đề nghị bổ sung giảm bớt đối tượng không chịu thuế đối nhóm đối tượng này.

Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HK.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Quách Tất Liêm

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 565/STC-QLNS
V/v tham gia góp ý văn bản quy
phạm pháp luật

Hải Dương, ngày 23 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính,

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số:.....231.71...PPT
Ngày:	27-03-2023
Chuyển:	Vụ CST.....
Số và ký hiệu HS:.....	

Căn cứ Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi; số 1676/BTC-HCSN ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về việc dự thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính liên tịch ban hành;

Thực hiện Công văn số: 530/UBND-VP ngày 28/2/2023 của UBND tỉnh về việc tham gia góp ý và cung cấp các Nghị quyết của HĐND; trong đó có giao Sở Tài chính trực tiếp tham gia góp ý gửi về Bộ tài chính.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Thông tư bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính liên tịch ban hành và dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi, Sở Tài chính tỉnh Hải Dương về cơ bản nhất trí nội dung và bố cục của các Dự thảo và đề nghị tham gia một số nội dung sau:

1. Dự thảo Thông tư bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính liên tịch ban hành: nhất trí nội dung của dự thảo.

2. Dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi:

- Đối với Luật thuế GTGT hiện hành được phân chia thành 04 nhóm đối tượng: đối tượng không chịu thuế, đối tượng chịu thuế suất 0%, đối tượng chịu thuế suất 5% và đối tượng chịu thuế suất 10%. Vì vậy việc phân định các đối tượng chịu thuế suất là phức tạp hơn, đặc biệt ở các doanh nghiệp, cá nhân, đơn vị sản xuất kinh doanh các mặt hàng chịu thuế GTGT khác nhau, đồng thời dễ gây nhầm lẫn hoặc cố tình nhầm lẫn khi đối tượng kê khai nộp thuế. Do đó Sở Tài chính đề nghị Bộ Tài chính có lộ trình giảm dần đối tượng đối tượng chịu thuế suất 5% và bổ sung các đối tượng thuộc lĩnh vực liên quan đến giáo dục, y tế được hưởng thuế suất ưu đãi để giảm giá thành các dịch vụ thuộc lĩnh vực này, đảm bảo công tác an sinh xã hội, công bằng và tiến bộ xã hội.

- Đề nghị bổ sung đối tượng không chịu thuế GTGT: đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN do cơ quan quản lý cấp trên giao nhiệm vụ cho đơn vị

sự nghiệp công lập trực thuộc theo điều 9, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên do:

+ Là nhiệm vụ thường xuyên hàng năm của đơn vị, đã và đang được cơ quan quản lý cấp trên giao nhiệm vụ.

+ Danh mục dịch vụ sự nghiệp công chưa xây dựng được định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá, thực hiện theo số lượng, khối lượng, chi phí hợp lý theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

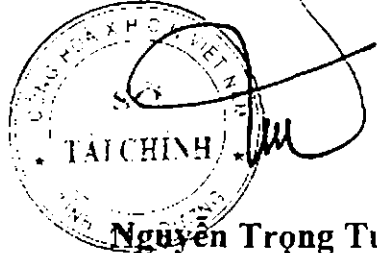
Vì vậy doanh thu từ việc thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc chủ yếu chỉ đáp ứng nhu cầu thực hiện nguồn tiền lương và các khoản chi thường xuyên khác cho cán bộ, viên chức, không phát sinh nhiều lợi nhuận, chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ chính trị do nhà nước giao.

Trên đây là ý kiến tham gia dự thảo Thông tư bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính liên tịch ban hành và dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi, Sở Tài chính tỉnh Hải Dương trân trọng báo cáo. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh "để báo cáo";
- Lưu: VT, QLNS.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trọng Tuệ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 874 /UBND-KTN
V/v tham gia ý kiến dự thảo
Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa
đổi)

Lai Châu, ngày 16 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu nhận được Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng. Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có ý kiến như sau:

Tại điểm c khoản 1 Điều 7 Chương II về giá tính thuế: Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “c) Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng cho là giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này (căn cứ vào hoá đơn GTGT của hàng hoá, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh hoặc căn cứ thẩm định giá tại thời điểm phát sinh của đơn vị thẩm định được Bộ Tài chính cấp phép hoạt động)”. Do việc xác định giá căn cứ vào giá của hàng hoá, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương là rất khó vì có nhiều loại tương đương và mỗi nơi sẽ có giá bán khác nhau, vì vậy đề nghị quy định cụ thể căn cứ để xác định giá tính thuế.

Trên đây là ý kiến tham gia của UBND tỉnh Lai Châu về việc sửa đổi Luật Thuế giá trị gia tăng, kính gửi Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- U1, U3;
- Sở Tài chính;
- Cục Thuế tỉnh;
- V2;
- Lưu: VT, K11, K12.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Giàng A Tính

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1565 /UBND-KT

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 4 năm 2023

V/v tham gia ý kiến vào việc
lập đề nghị xây dựng dự án
luật thuế GTGT sửa đổi

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 28013-BTC
Ngày:	04-04-2023
Chuyên:	Vu GST
Số và ký hiệu HS:	

Theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 về lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT sửa đổi;

Sau khi nghiên cứu, UBND thành phố Đà Nẵng có ý kiến như sau:

UBND thành phố Đà Nẵng thống nhất với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi gồm Tờ trình Chính phủ về đề nghị xây dựng Dự án Luật thuế GTGT sửa đổi; Đề cương dự thảo Luật; Báo cáo đánh giá tác động; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế GTGT và tham gia thêm một số nội dung sau:

1. Về đối tượng không chịu thuế

Tại khoản 1 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 106/2016/QH13 có quy định:

“Điều 5. Đối tượng không chịu thuế

1.

...

Doanh nghiệp, hợp tác xã mua sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.”

Nội dung trên quy định trường hợp chịu thuế GTGT, không phải kê khai, tính nộp thuế, được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào nhưng được nêu trong khoản 1 Điều 5 (quy định đối tượng không chịu thuế) là không phù hợp.

2. Về thuế suất

- Hiện nay, có nhiều ngành nghề kinh doanh rất mới đặc biệt là kinh doanh trên nền tảng số với biên độ hoạt động rộng, trên toàn cầu, nhất là các dịch vụ

như dịch vụ lữ hành toàn cầu, dịch vụ cung cấp ứng dụng trên các nền tảng số. Một số ví dụ như sau:

Ví dụ 1: Một công ty thành lập tại Việt Nam, kinh doanh dịch vụ lữ hành trên nền tảng số, có nhận dịch vụ cung cấp xe lữ hành tại các quốc gia ngoài Việt Nam và nhận tiền trực tiếp của khách hàng đăng ký xe, sau đó chuyển tiền trả cho Công ty dịch vụ vận chuyển tại nước ngoài. Hoạt động vận chuyển được diễn ra ngoài Việt Nam nhưng Công ty đặt tại Việt Nam và thu tiền về Ngân hàng tại Việt Nam.

Ví dụ 2: Một cá nhân kinh doanh, kinh doanh cung cấp ứng dụng IOS, Android bán trên Apple Appstore, CH Play... theo đó người sử dụng sẽ trả một khoản phí khi khai thác các tính năng của ứng dụng, và ứng dụng này được người dùng ngoài Việt Nam khai thác và trả phí, toàn bộ doanh thu không phát sinh tại Việt Nam.

Ví dụ 3: Một doanh nghiệp kinh doanh đại lý du lịch tại Việt Nam theo hình thức xây dựng một trang web đặt phòng (dịch vụ cung cấp phòng nghỉ cho khách du lịch), dịch vụ này xảy ra tại nước ngoài và khách du lịch cũng là khách ở nước ngoài. Tất cả các hoạt động tạo ra doanh thu đều tại nước ngoài.

Để phù hợp với tình hình thực tế của một số ngành nghề phát sinh mới trong giai đoạn hiện nay thì cần có những quy định cụ thể hơn để có thể xác định trường hợp nào được xem là xuất khẩu, trường hợp nào không thuộc diện chịu thuế GTGT và quy định các hồ sơ kèm theo.

- Luật thuế GTGT quy định 03 mức thuế suất thuế GTGT là 0%, 5% và 10%. Để thuận lợi trong công tác quản lý thuế cũng như hạn chế những vướng mắc của NNT về đối tượng áp dụng từng mức thuế suất, đề xuất ngoài những trường hợp áp dụng mức thuế suất 0% thì áp dụng chung một mức thuế suất 10% cho các đối tượng còn lại.

3. Về giá tính thuế

Khoản 6 Điều 5 Luật thuế giá trị gia tăng quy định đối tượng không chịu thuế: “ 6. Chuyển quyền sử dụng đất”;

Tại Khoản 1h Điều 7 Luật thuế giá trị gia tăng quy định giá tính thuế đối với hoạt động kinh doanh bất động sản: “ h) Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế giá trị gia tăng, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước;”

Nghị định và Thông tư hướng dẫn giá đất được trừ là tiền sử dụng đất nộp NSNN hoặc giá đất tại thời điểm nhà nước giao đất hoặc nhận chuyển nhượng;

Như vậy khoản chênh lệch sau khi trừ giá đất có khoản chênh lệch giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá đất tại thời điểm chuyển nhượng; phần giá trị chênh lệch chuyển nhượng quyền sử dụng đất chịu thuế GTGT, không phù hợp với bản chất quy định của Luật thuế GTGT chuyển nhượng quyền sử dụng đất không chịu thuế GTGT.

4. Về khấu trừ thuế GTGT đầu vào

Tại khoản 2b điều 12 Luật thuế GTGT quy định về khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào:

“b) Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào trừ hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng”

Để thúc đẩy việc thanh toán không dùng tiền mặt, góp phần ngăn chặn gian lận trong việc khấu trừ, hoàn thuế, đề xuất sửa đổi điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào như sau: Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào trừ hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị dưới năm triệu đồng.

5. Về các trường hợp hoàn thuế

a) Theo khoản 1a Điều 13 Luật Thuế GTGT được đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 31/2013/QH13 quy định trường hợp hoàn thuế

“1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo

Trường hợp cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ và có số thuế còn lại từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng.

Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với trường hợp: Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động”.

- Đề nghị có quy định cụ thể đối với trường hợp hoàn dự án đầu tư mở rộng do khái niệm dự án đầu tư tại Luật đầu tư gồm nhiều hình thức: dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng,... dẫn đến vướng mắc trong thực hiện hoàn thuế.

- Đề khuyến khích người nộp thuế đầu tư vào sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ, đề xuất điều chỉnh quy định theo hướng trước khi Cơ quan thuế ra quyết định hoàn thuế mà người nộp thuế đã góp đủ vốn điều lệ thì được hoàn thuế.

b) Theo khoản 3 Điều 13 Luật Thuế GTGT quy định trường hợp hoàn thuế

“3. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế giá trị gia tăng khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết.”

Đề xuất: Không hoàn thuế GTGT đối với trường hợp cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ khi giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết (trừ trường hợp cơ sở kinh doanh có hoạt động xuất khẩu 100%).

Lý do: trường hợp này cơ sở kinh doanh đã là người tiêu dùng cuối cùng, nên phải chịu phân thuế GTGT đầu vào, đề xuất hạch toán phân thuế GTGT đầu vào còn khấu trừ này vào chi phí được trừ.

6. Về phương pháp tính thuế

- Phương pháp trực tiếp: Đề nghị nâng mức ngưỡng doanh thu của doanh nghiệp lựa chọn phương pháp trực tiếp từ dưới 3 tỷ đồng trở xuống thay vì dưới 1 tỷ đồng như trước đây, để nhiều doanh nghiệp siêu nhỏ có thể lựa chọn phương pháp này và có thời gian ổn định phương pháp nếu doanh thu dao động đến dưới 3 tỉ đồng. Vì trong thời gian qua, việc doanh nghiệp lựa chọn phương pháp trực tiếp rất bị hạn chế do ngưỡng doanh thu để thực hiện quá thấp.

- Phương pháp khấu trừ: Việc áp dụng ngưỡng doanh thu từ 1 tỷ đồng trở lên hiện nay không còn phù hợp để làm ngưỡng áp dụng phương pháp khấu trừ, đề nghị sửa đổi mức áp dụng doanh thu là từ 3 tỷ đồng trở lên để áp dụng phương pháp khấu trừ.

7. Về tổ chức thực hiện

Tại đề cương dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng:

“Điều 16. Tổ chức thực hiện

Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Điều 5, Điều 7, Điều 8, Điều 12 và Điều 13”

Đề phù hợp với quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015, đề nghị sửa đổi thành: Chính phủ quy định chi tiết Điều 5, Điều 7, Điều 8, Điều 12 và Điều 13.

UBND thành phố Đà Nẵng kính báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Thuế TP Đà Nẵng;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Kỳ Minh

UBND TỈNH QUẢNG NAM
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 816/STC-NS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Nam, ngày 22 tháng 3 năm 2023

V/v tham gia ý kiến lập đề nghị
xây dựng dự án Luật thuế giá trị
gia tăng sửa đổi

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về tham gia ý kiến lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị xây dựng Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi (Tờ trình đề nghị xây dựng luật; Đề cương dự thảo luật; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện luật) của Bộ Tài chính, ý kiến góp ý của Cục hải quan, Cục thuế và thừa ủy quyền của UBND tỉnh Quảng Nam, Sở Tài chính tỉnh Quảng Nam cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo và góp ý một số nội dung liên quan như sau:

1. Tại khoản 1 Điều 11 quy định phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng

"1. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng bằng giá trị gia tăng nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý. Giá trị gia tăng của vàng, bạc, đá quý được xác định bằng giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra trừ giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào tương ứng."

Kiến nghị: Đề nghị áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo tỷ lệ % trên doanh thu đối với doanh nghiệp có hoạt động mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý. Đồng thời quy định mức tỷ lệ (%) trên doanh thu riêng đối với hoạt động kinh doanh mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý (không áp dụng tỷ lệ của các hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ).

Nguyên nhân do: Hiện nay mặt hàng vàng, bạc, đá quý là loại hàng hóa đặc biệt vừa là hàng hóa vừa là phương tiện thanh toán; rất khó kiểm soát giá; Các giao dịch mua bán vàng bạc, đá quý thường là các giao dịch nhỏ lẻ, không có đủ hóa đơn, chứng từ đầu vào. Đồng thời giá trị gia tăng của vàng, bạc, đá quý giữa giá thanh toán bán ra với giá thanh toán mua vào tại một thời điểm mức chênh lệch không quá cao.

Vì vậy, áp dụng phương pháp tính trực tiếp trên GTGT thì khó quản lý, dẫn đến thất thu NSNN.

2. Tại điểm b khoản 2 Điều 12 quy định khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

“b) Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng”

Kiến nghị: sửa thành “b) Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới mười triệu đồng”

Nguyên nhân do: Qua công tác thanh tra, kiểm tra thuế, phát sinh nhiều trường hợp các doanh nghiệp lợi dụng chính sách để thực hiện hành vi trốn thuế thông qua việc chia nhỏ hóa đơn dưới 20 triệu đồng thanh toán bằng tiền mặt để được kê khai, khấu trừ thuế GTGT và tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, để góp phần minh bạch hóa các giao dịch mua bán của doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển giao dịch thanh toán qua ngân hàng, góp phần ngăn chặn gian lận trong việc khấu trừ, hoàn thuế GTGT và phòng chống rửa tiền, cần nghiên cứu điều chỉnh về định mức thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua từng lần về mức phù hợp.

3. Tại khoản 2 Điều 13 quy định các trường hợp hoàn thuế

“2. Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý, trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật Hải quan. Thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau đối với người nộp thuế sản xuất hàng hóa xuất khẩu không vi phạm pháp luật về thuế, hải quan trong thời gian hai năm liên tục; người nộp thuế không thuộc đối tượng rủi ro cao theo quy định của Luật quản lý thuế.”

Kiến nghị: Bỏ nội dung in đậm Tại khoản 2 Điều 13 ở trên.

Nguyên nhân do: Nội dung phân loại hồ sơ hoàn thuế đã được quy định cụ thể tại Điều 73 Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành. Vì vậy để tránh chồng chéo trong công tác hoàn thuế, đề xuất không đưa nội dung này vào dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi.

Kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Lưu VT, NS.

GIÁM ĐỐC



Đặng Phong

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 940 /STC-NS

Bình Phước, ngày 05 tháng 4 năm 2023

V/v góp ý đối với việc xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Thừa ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 796/UBND-TH ngày 13/03/2023 về việc góp ý đối với việc xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Sau khi nghiên cứu và tổng hợp ý kiến của Cục Thuế Bình Phước tại Công văn số 70/CT-NV-DT-PC ngày 30/03/2023. Sở Tài chính Bình Phước báo cáo như sau:

1. Sửa đổi điểm d, khoản 1, Điều 12 dự thảo Đề cương dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi:

" Điều 12. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào:

d/ Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung theo quy định tại Luật Quản lý thuế."

Nguyên nhân: Để phù hợp với Điều 47 Luật Quản lý thuế số 38/2013/QH13 quy định về "Khai bổ sung hồ sơ khai thuế".

2. Bổ sung vào điểm a, khoản 2, Điều 12 dự thảo Đề cương dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi:

"2. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào được quy định như sau:

a) Có hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa, dịch vụ hợp pháp hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu;"

Nguyên nhân: Hiện nay các doanh nghiệp đã sử dụng hóa đơn điện tử, tuy nhiên tình trạng mua bán hóa đơn, không kê khai thuế, xuất hóa đơn rồi xóa bỏ vẫn xảy ra. Vì vậy cần quy định các hóa đơn giá trị gia tăng được khấu trừ là hóa đơn hợp pháp để tránh sự tranh cãi giữa cơ quan thuế và người nộp thuế.

3. Hiện nay Bộ Tài chính chỉ định hướng các nội dung dự kiến sửa đổi, chưa ra dự thảo các nội dung sửa đổi trong Luật thuế GTGT. Vì vậy với các định

hướng sửa đổi các Điều 5, 7, 8, 12, 13, 16: thống nhất theo các nội dung được phân tích trong Tờ trình của Bộ Tài chính gửi Chính Phủ.

Riêng đối với định hướng sửa đổi tại Điều 12 đối với khấu trừ đầu vào của hóa đơn có sai, sót cần quy định cụ thể, chi tiết các trường hợp sai, sót được bổ sung điều chỉnh bằng hình thức khiếu nại cho phù hợp với Điều 47 Luật Quản lý thuế số 38/2013/QH13 tránh gây khó khăn cho việc triển khai thực hiện.

Trên đây là ý kiến góp ý của Sở Tài chính Bình Phước báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Lưu: VT, NS.(Nh)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thụy Phương Thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4013 /UBND-VP

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 10 tháng 4 năm 2023

V/v góp ý việc lập đề nghị xây dựng dự
án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi của
Bộ Tài chính

Kính gửi: Bộ Tài chính.

UBND tỉnh nhận được công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/2/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi. Qua nghiên cứu hồ sơ và ý kiến của Cục Thuế tỉnh tại công văn số 1956/CTBRV-NVDTPC ngày 29/3/2023; UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về cơ bản thống nhất với các nội dung hồ sơ đề nghị xây dựng Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi (bao gồm Tờ trình đề nghị xây dựng luật; Đề cương dự thảo luật; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện luật) và có ý kiến như sau:

1. Tại điểm d, khoản 1, Điều 12 Chương III đề cương Dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi:

Dự thảo: "*Điều 12. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào*

1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào như sau:

...
d) Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế."

Đề nghị sửa đổi, bổ sung:

"Điều 12. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào như sau:

...
d) Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được

kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế. Trường hợp xuất hóa đơn chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán khi kết thúc chương trình (kỳ) chiết khấu hàng bán hoặc đạt doanh số thì căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh thu mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào tại kỳ xuất hóa đơn điều chỉnh."

Lý do: Thực tế phát sinh rất nhiều trường hợp NNT phải xuất hóa đơn chiết khấu thương mại hoặc hóa đơn giảm giá hàng bán khi khách hàng đạt chỉ tiêu về doanh số, do đó cần bổ sung quy định chi tiết kê khai đối với trường hợp này. Mặt khác, việc thống nhất kê khai hóa đơn chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán vào cùng kỳ lập hóa đơn giúp việc quản lý của cơ quan thuế đối với NNT được thuận lợi hơn.

2. Tại khoản 1, Điều 13 Các trường hợp hoàn thuế:

Dự thảo:

"1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.

Trường hợp cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ và có số thuế còn lại từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng."

Đề nghị sửa đổi, bổ sung:

"1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.

Trường hợp cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư (Bao gồm đầu tư mới và đầu tư mở rộng) có số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ và có số thuế còn lại từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng."

Lý do:

Doanh nghiệp "đang trong giai đoạn đầu tư" chưa được cấp giấy chứng nhận ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, chưa đủ điều kiện hoàn thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền chi thẩm định, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sau khi cơ sở kinh doanh chấm dứt giai đoạn đầu tư và hoàn tất các thủ tục khác theo quy định. Tuy nhiên, khi dự án hoàn thành, đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh,

được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện, thì dự án lại không còn “*trong giai đoạn đầu tư*” để đảm bảo điều kiện hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với dự án đầu tư.

2. Tại khoản 2, Điều 13

Dự thảo:

“Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý, trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan. Thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau đối với người nộp thuế sản xuất hàng hóa xuất khẩu không vi phạm pháp luật về thuế, hải quan trong thời gian hai năm liên tục; người nộp thuế không thuộc đối tượng rủi ro cao theo quy định của Luật quản lý thuế.”

Đề nghị sửa đổi, bổ sung:

“Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý, trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan và trường hợp cơ sở kinh doanh, kể cả đơn vị trực thuộc, không còn kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế hoặc đã bị thu hồi Giấy đăng ký doanh nghiệp do vi phạm pháp luật chưa hoàn thành thủ tục quyết toán thuế để chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định. Thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau đối với người nộp thuế sản xuất hàng hóa xuất khẩu không vi phạm pháp luật về thuế, hải quan trong thời gian hai năm liên tục; người nộp thuế không thuộc đối tượng rủi ro cao theo quy định của Luật quản lý thuế.”

Lý do đề nghị bổ sung: *“...trừ...và trường hợp cơ sở kinh doanh, kể cả đơn vị trực thuộc, không còn kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế hoặc đã bị thu hồi...”*

Doanh nghiệp đang hoạt động, trong tháng, quý có doanh thu xuất khẩu, có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ lớn hơn 300 triệu đồng, tại thời điểm đề nghị hoàn thuế, doanh nghiệp có chi nhánh (đơn vị hạch toán độc lập) đã bị cơ quan thuế phát hành thông báo người nộp thuế không kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký, đang mang theo hóa đơn giấy đã phát hành và doanh nghiệp có chi nhánh bị thu hồi Giấy đăng ký doanh nghiệp, chưa hoàn thành thủ tục quyết toán thuế để chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định. Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng, Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn hiện hành, trường hợp này không thuộc trường hợp “không được hoàn thuế”, cũng không thuộc trường hợp

“chuyên kiểm tra trước, hoàn thuế sau”, cơ quan thuế cũng không kiểm tra được chi nhánh (hạch toán độc lập, có địa chỉ khác tỉnh với trụ sở chính) đang có trạng thái không kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký, cũng không có cơ sở để xác định rủi ro về thuế tại trụ sở chính (đang đề nghị hoàn thuế).

Lý do đề nghị bỏ đoạn “Thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau đối với người nộp thuế sản xuất hàng hóa xuất khẩu...”

Để tránh quy định chồng chéo trong hệ thống quy phạm pháp luật. Hiện nay, về phân loại hồ sơ hoàn thuế, đã được quy định tại Điều 73 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 của Quốc hội. Ví dụ trường hợp người nộp thuế hoàn lần đầu thuộc trường hợp kiểm tra trước theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 73 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 của Quốc hội, nhưng lại được quy định “thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau” nếu trường hợp hoàn lần đầu này “không vi phạm pháp luật về thuế, hải quan trong thời gian hai năm liên tục; người nộp thuế không thuộc đối tượng rủi ro cao theo quy định của Luật quản lý thuế” tại Luật thuế giá trị gia tăng (theo Dự thảo).

UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Cục Thuế tỉnh;
- Lưu: VT-TH7

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2389/UBND-KT
V/v góp ý lập đề nghị xây dựng
dự án Luật thuế GTGT sửa đổi

Nghệ An, ngày 04 tháng 4 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính.

UBND tỉnh nhận được Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT) sửa đổi, trên cơ sở ý kiến của Cục Thuế tỉnh Nghệ An tại Công văn số 1448/CT-NVDTPC ngày 29/3/2023, UBND tỉnh Nghệ An góp ý một số nội dung như sau:

1. Tại Tờ trình, Báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Luật Thuế GTGT sửa đổi:

a) Đề nghị chuyển nội dung: Khấu trừ thuế GTGT đầu vào “*Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị bỏ sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế*” đang được sắp xếp vào nhóm “*Chính sách sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính*” sang nhóm “*Chính sách sửa đổi để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật*”.

Lý do: Nội dung về khấu trừ thuế GTGT tại Luật thuế GTGT hiện hành chưa đồng bộ với Điều 47 Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019.

b) Đề nghị bổ sung nội dung “*Thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau*” vào định hướng cần sửa đổi để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Lý do: Nội dung “*thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau*” tại Luật Thuế GTGT hiện hành chưa đồng bộ Điều 73 của Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019.

2. Tại Tờ trình, Đề cương dự thảo, Báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Luật Thuế GTGT tăng sửa đổi, Báo cáo tổng kết, đánh giá thực hiện Luật Thuế GTGT đề nghị cần nhắc không đưa nội dung “*Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký*” vào định hướng sửa đổi.

Lý do: Nội dung “Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký” tại Luật Thuế GTGT hiện hành đang phù hợp với quy định tại khoản 5, Điều 16, của Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020.

UBND tỉnh Nghệ An kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT (KT) UBND tỉnh;
- Chánh VP, PCVP (KT) UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VT, KT(TP, Q).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Thanh An

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BẮC GIANG

Số: 1498/CTBGI-NVDTPC
V/v tham gia ý kiến việc lập đề nghị
xây dựng dự án Luật Thuế GTGT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh Bắc Giang

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 22528/ĐTT
Ngày:	24-03-2023
Chuyên:	Vu CST
Số và ký hiệu HS:	

Thực hiện Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 và Công văn số 856/UBND-KTTH ngày 01/3/2023 của UBND tỉnh về việc tham gia ý kiến việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế GTGT, sau khi nghiên cứu Tờ trình đề nghị xây dựng dự án Luật, Đề cương dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi, Báo cáo tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế GTGT và Báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Luật và tổng hợp ý kiến của các đơn vị, đánh giá tình hình thực hiện các Luật thuế, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang tổng hợp ý kiến đánh giá như sau:

1. Cơ bản nhất trí với định hướng sửa đổi, bổ sung quy định trong Đề cương dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi.

2. Một số ý kiến sau:

2.1. Chính sách 1: Mở rộng cơ sở thuế (thu hẹp đối tượng không chịu thuế GTGT, đối tượng chịu thuế GTGT 5%) Cục Thuế Bắc Giang đề nghị thực hiện theo giải pháp 1 đó là; Nghiên cứu đề sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT, đối tượng chịu thuế GTGT 5% cho phù hợp.

2.2. Chính sách 2: Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, Cục Thuế Bắc Giang đề nghị thực hiện theo giải pháp 1 đó là: Nghiên cứu đề sửa đổi, bổ sung quy định về: đối tượng không chịu thuế, giá tính thuế, thuế suất, điều kiện khấu trừ thuế đầu vào và hoàn thuế cho phù hợp.

2.3. Chính sách 3: Sửa đổi để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, Cục Thuế Bắc Giang đề nghị thực hiện theo giải pháp 1 đó là: Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng không chịu thuế và giá tính thuế để đồng bộ với quy định của các luật khác có liên quan.

2.4. Tại Điều 16 Đề cương dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi, quy định như sau: Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Điều 5, Điều 7, Điều 8, Điều 12 và Điều 13. Do đó, tại các điều khoản nêu trên cần có nội dung "Chính phủ quy định chi tiết điều, khoản này" ở phần cuối các điều đó.

Trên đây là ý kiến tham gia của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang kính gửi Quý cơ quan nghiên cứu, xem xét bổ sung./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, NVDTPC(2b).

Bản điện tử.

- Như trên;

- Lãnh đạo Cục.



UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 649/STC-NS

Trà Vinh, ngày 21 tháng 03 năm 2023

V/v góp ý đối với đề nghị xây dựng dự
án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi.

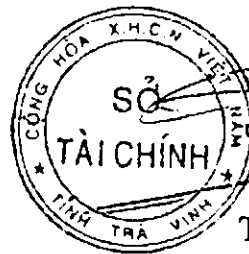
Thực hiện Công văn số 772/UBND-KT ngày 01/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc góp ý đối với đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Sau khi tổng hợp ý kiến của cơ quan, đơn vị có liên quan. Sở Tài chính kính gửi Bộ Tài chính ý kiến đóng góp dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi theo Công văn 1269/CTTVI-NVDTPC ngày 17/3/2023 của Cục Thuế tỉnh (đính kèm).

Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, NS.



GIÁM ĐỐC

Tiêu Thanh Tân

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1269 /CTTVI-NVDTPC
V/v góp ý đối với đề nghị xây dựng dự
án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

Trà Vinh, ngày 17 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh.

Thực hiện Công văn số 772/UBND-KT ngày 01/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc góp ý đối với đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Qua nghiên cứu bộ đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), Cục Thuế tỉnh Trà Vinh thống nhất với đề án, tuy nhiên có một số ý kiến đóng góp như sau:

1. Đối với dự thảo Tờ trình về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) sửa đổi

Thông nhất với dự thảo Tờ trình.

2. Đối với đề cương dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi

- Về đối tượng không chịu thuế:

+ Tại khoản 3 Điều 5, đề nghị sửa lại như sau:

"3. Hoạt động tưới, tiêu nước; cày, bừa đất; nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp."

+ Đề nghị bỏ khoản "3a" và ghép chung nội dung này vào khoản 3, do khoản 3 không chỉ có 3a mà không có 3b,

- Về phương pháp khấu trừ thuế: Đề nghị bỏ điểm a khoản 2 Điều 10.

Lý do: Doanh nghiệp, hợp tác xã có doanh thu hàng năm có mức ngưỡng doanh thu từ một tỷ đồng, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế là không phù hợp; nó chỉ phù hợp tại thời điểm xây dựng văn bản, tuy nhiên xây dựng văn bản Luật cần mang tính lâu dài, nên đề xuất không nên đưa ra số tiền cụ thể là một tỷ đồng trở lên. Việc áp dụng mức ngưỡng doanh thu là không cần thiết, vì hiện nay nhu cầu đang khuyến khích doanh nghiệp thành lập mới và nhất là chuyển từ hộ, cá nhân kinh doanh sang doanh nghiệp. Do đó, nếu doanh nghiệp đáp ứng điều kiện hóa đơn, chứng từ và thực hiện sổ sách kế toán thì được áp dụng theo phương pháp khấu trừ thuế.

- Về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào: Tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 12 đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:

"a) Có hoá đơn giá trị gia tăng mua hàng hoá, dịch vụ dùng để phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế giá trị gia tăng"

hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu (trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất trả hàng do hàng kém chất lượng, hàng bị lỗi);

b) Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hoá, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng; có chứng từ nộp thuế GTGT thay cho nhà thầu nước ngoài đúng theo quy định của chính sách thuế nhà thầu.”

Lý do: Để có điều kiện ràng buộc chặt chẽ hơn.

3. Đối với dự thảo Báo cáo tác động đề nghị xây dựng Luật thuế GTGT sửa đổi

- Tại điểm c khoản 1 Mục II: Thống nhất chọn giải pháp 1 như dự thảo.
- Tại điểm d khoản 1 Mục II: Thống nhất chọn giải pháp 1 như dự thảo.
- Tại điểm c khoản 2 Mục II: Thống nhất chọn giải pháp 1 như dự thảo.
- Tại điểm d khoản 2 Mục II: Thống nhất chọn giải pháp 1 như dự thảo.
- Tại điểm c khoản 3 Mục II: Thống nhất chọn giải pháp 1 như dự thảo.
- Tại điểm d khoản 3 Mục II: Thống nhất chọn giải pháp 1 như dự thảo.
- Tại điểm c khoản 4 Mục II: Thống nhất chọn giải pháp 1 như dự thảo.
- Tại điểm d khoản 4 Mục II: Thống nhất chọn giải pháp 1 như dự thảo.

4. Đối với dự thảo Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế GTGT

Thống nhất với dự thảo Báo cáo.

Cục Thuế tỉnh Trà Vinh gửi Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh biết để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng: TTHT, KK, HKDCN, TTKT1, TTKT2, QLN;
- Lưu: VT, NVDTPC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Trần Công Thành



Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng
Cơ quan: Tỉnh Sóc Trăng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

Số: 619 /UBND-TH

V/v góp ý dự thảo hồ sơ đề
nghị xây dựng dự án Luật
Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)
và dự án Luật Thuế giá trị gia
tăng (sửa đổi)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sóc Trăng, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Theo Công văn số 1585/BTC-CST ngày 21/02/2023 và Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) và dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng thống nhất với hồ sơ đề nghị xây dựng các dự án Luật nêu trên, không có ý kiến đóng góp thêm.

Kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính;
- Cục Thuế;
- Lưu: VT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hoàng Nghiệp

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH THÁI BÌNH

Số: 1007/CTTBI-NVDTPC
V/v tham gia ý kiến về việc lập
đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá
trị gia tăng sửa đổi; Luật thuế tiêu thụ
đặc biệt sửa đổi.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính


Thực hiện Văn bản số 478/UBND-KT ngày 24/02/2023; Văn bản số 480/UBND-KT ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh Thái Bình giao và ủy quyền cho Cục Thuế chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan triển khai Văn bản số 1585/BTC-CST ngày 21/02/2023 về việc lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi; Văn bản số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 về việc lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi của Bộ Tài chính.

Sau khi tổng hợp ý kiến tham gia của các đơn vị có liên quan, Cục Thuế nhất trí với nội dung của dự thảo Luật thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi, Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi.

Cục Thuế tỉnh Thái Bình trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Thái Bình (thay Báo cáo);
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, NVDTPC.

CỤC TRƯỞNG

Đỗ Hồng Nam

B2R

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 395 /CTBCA-NVDTPC

Bắc Kạn, ngày 20 tháng 3 năm 2023

V/v tham gia ý kiến về đề nghị
xây dựng dự án Luật thuế Tiêu
thụ đặc biệt sửa đổi, dự án Luật
thuế Giá trị gia tăng sửa đổi.

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh Bắc Kạn

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 22270-BĐ
Ngày:	22-03-2023
Chuyên:	Vụ CT
Số và ký hiệu HS:	

Thực hiện Văn bản số 967/UBND-TH ngày 22 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc tham gia ý kiến về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), Văn bản số 1028/UBND-TH ngày 24 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc tham gia ý kiến về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế Giá trị gia tăng (sửa đổi). Trong đó, "Giao Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu hồ sơ dự thảo kèm theo công văn nêu trên, tham gia ý kiến gửi về Bộ Tài chính và báo cáo UBND tỉnh theo quy định".

Sau khi tổng hợp, Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn báo cáo như sau:

Đối với các sở, ngành thực hiện tham gia ý kiến theo chỉ đạo của UBND tỉnh vào dự án Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) đến ngày 19/3/2023 Cục thuế đã nhận được 06 ý kiến của 06 sở, ngành (có danh sách kèm theo). Đối với các sở, ngành, UBND huyện tham gia ý kiến vào dự án Luật thuế Giá trị gia tăng (sửa đổi) đến ngày 19/3/2023 Cục thuế đã nhận được 11/16 ý kiến của các sở, ngành, UBND huyện (có danh sách kèm theo). Sau khi tổng hợp ý kiến tham gia vào các dự thảo đề nghị xây dựng các Luật thuế nêu trên, tất cả các ý kiến tham gia góp ý của các Sở, ngành, UBND các huyện đều nhất trí với nội dung dự thảo và không có ý kiến khác.

Vậy, Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn báo cáo Bộ Tài chính, UBND tỉnh Bắc Kạn được biết.

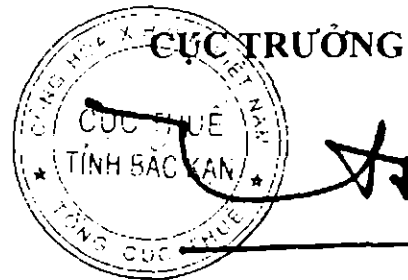
Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;

Gửi bản giấy:

- Lưu: VT, NVDTPC (Ha.01b).



Nguyễn Duy Thế



Ủy ban nhân dân
tỉnh Tây Ninh
24.03.2023
10:10:32 - 07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 864 /UBND-KT

Tây Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2023

V/v góp ý về đề nghị xây dựng
dự án Luật thuế giá trị gia tăng
sửa đổi

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh nhận được Công văn số 1660/BTC-CSĐT
ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án
Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi.

Qua nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh thống nhất các dự thảo.

Trân trọng./.

Nơi nhận: *Nh*

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- LĐVP; PKT;
- Lưu: VT, VP

Thư 2k

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thắng

UBND TỈNH HẬU GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 841 /STC-QLNS

Hậu Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2023

V/v góp ý đề nghị xây dựng dự án
Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)
và dự án Luật Thuế giá trị gia tăng
(sửa đổi)

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện các Công văn của Bộ Tài chính số: 1585/BTC-CST ngày 21 tháng 2 năm 2023 về việc xin ý kiến về việc lấy ý về việc lập đề nghị xây dựng Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi); 1660/BTC-CST ngày 23 tháng 2 năm 2023 về việc lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Thừa ủy quyền của UBND tỉnh Hậu Giang tại Công văn số 883/VP.UBND-NCTH ngày 28 tháng 2 năm 2023 của Văn phòng UBND tỉnh về việc tham gia góp ý với đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) và dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Sau khi nghiên cứu và lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh, Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang thống nhất với nội dung dự thảo đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) và dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Kính báo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu VP-QLNS.NTT10

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



SỞ
TÀI CHÍNH
TỈNH HẬU GIANG

Nguyễn Thanh Hà

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 876/STC-QLNS
V/v góp ý dự án Luật thuế
GTGT sửa đổi

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 03 năm 2023

ĐẾN Số: 876/STC-QLNS
Ngày: 27-03-2023
Chuyên: Thuế
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/2/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi;

Thực hiện Công văn số 661/VPUBND-KT ngày 01/3/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc tham gia ý kiến lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi;

Tiếp nhận Công văn số 303/CTĐTH-NVDTPC ngày 15/3/2023 của Cục Thuế Tỉnh về việc góp ý dự thảo dự án Luật thuế tiêu giá trị gia tăng sửa đổi.

Sở Tài chính góp ý như sau:

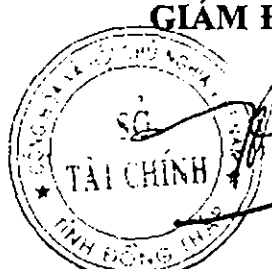
Qua nghiên cứu dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi, Sở Tài chính thống nhất với nội dung dự thảo của Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi.

Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Tỉnh (b/c);
- Giám đốc;
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QLNS (2).

GIÁM ĐỐC



Ngô Thị Ngọc Sương

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1001/CTTGI-NVDTPC

Tiền Giang, ngày 21 tháng 3 năm 2023

V/v đóng góp ý kiến hồ sơ xây dựng dự
án Luật thuế GTGT; Luật thuế TTĐB
(sửa đổi).

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Thực hiện Công văn số 730/UBND-KT ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc đóng góp ý kiến hồ sơ xây dựng dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi); Công văn số 731/UBND-KT ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc đóng góp ý kiến hồ sơ xây dựng Luật thuế GTGT sửa đổi;

Căn cứ Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đã đưa ra phương hướng huy động nguồn lực: “Sử dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách, công cụ phù hợp để huy động thêm nguồn lực thực hiện Chương trình; xây dựng phương án tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với một số mặt hàng cần hạn chế tiêu dùng để kịp thời áp dụng trong thời gian thực hiện Chương trình”.

Qua nghiên cứu hồ sơ xây dựng Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) và hồ sơ xây dựng Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi). Ngành Thuế tỉnh Tiền Giang nhận định, đây là nội dung quan trọng, nhằm góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách thuế. Cục thuế đã có Công văn số 862/CTTGI-NVDTPC ngày 06/3/2023 về việc đóng góp ý kiến hồ sơ xây dựng dự án Luật thuế TTĐB, Luật thuế GTGT (sửa đổi) đề tham khảo ý kiến đóng góp của các Sở, Ban ngành trong tỉnh, đồng thời lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị trực thuộc, công chức và người lao động Ngành thuế.

Cục Thuế tỉnh Tiền Giang đã tổng hợp các ý kiến đóng góp và về cơ bản thống nhất với Đề cương dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi); Tờ trình về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi). Tuy nhiên, đối với dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), đề nghị xem xét việc thu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với đồ uống có đường nói chung như trong dự thảo. Cụ thể như sau:

Đồ uống có đường là tất cả loại đồ uống có chứa đường tự do gồm nước ngọt có ga hoặc không có ga, nước ép trái cây/rau củ và đồ uống, chất lỏng, nước quả cô đặc; nước có pha hương vị; đồ uống năng lượng và đồ uống dành

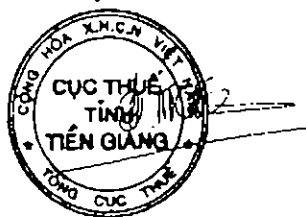
cho thể thao; trà uống liền; cà phê pha sẵn và sữa pha hương vị, sữa có đường. vv.. cần phải cụ thể hóa trong việc thu thuế tiêu thu đặc biệt đối với đồ uống có đường, chỉ thu thuế đối với những sản phẩm thật sự gây nguy hại nhiều cho sức khỏe, những sản phẩm không gây nguy hại nhiều cho sức khỏe (sữa có đường, trái cây/rau củ chế biến có đường, cà phê pha sẵn, ...) thì không phải chịu thuế tiêu thu đặc biệt.

Trên đây là ý kiến đóng góp của Cục Thuế tỉnh Tiền Giang, Kính gửi đến Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét tổng hợp chung và chỉ đạo đề đơn vị thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NVDTPC. (04b)

CỤC TRƯỞNG



Cao Văn Tạo

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 400 /CTKGI-NVDTPC

Kiên Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2023

V/v góp ý đề nghị xây dựng dự án Luật
Thuế giá trị gia tăng sửa đổi và Luật
Thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 23003.ĐĐT
Ngày:	07-04-2023
Thuyền:	Vũ CST
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài Chính

Thực hiện nội dung các Công văn số 1723/VP-KT ngày 15/3/2023 V/v góp ý đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi; Công văn số 1724/VP-KT ngày 15/3/2023 V/v góp ý đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi của UBND tỉnh Kiên Giang;

Cục Thuế tỉnh Kiên Giang đã thực hiện lấy ý kiến từ Sở Tài chính và các ngành có liên quan; các đơn vị thuộc và trực thuộc Cục Thuế về các đề nghị xây dựng 02 dự án luật nêu trên, gồm:

- Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thuế GTGT sửa đổi: Đề cương dự thảo Luật Thuế GTGT sửa đổi, Tờ trình về đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế GTGT sửa đổi, Báo cáo đánh giá tình hình Luật Thuế GTGT và Báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Luật Thuế GTGT sửa đổi.

- Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi: Đề cương dự thảo Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi, Tờ trình về đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi, Báo cáo đánh giá tình hình Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi.

Qua tổng hợp các ý kiến đóng góp từ các cơ quan, đơn vị có liên quan, Cục Thuế tỉnh Kiên Giang thống nhất với các hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế GTGT sửa đổi; Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi và không có ý kiến gì khác.

Trên đây là ý kiến của Cục Thuế tỉnh Kiên Giang.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang (b/c);
- Ban lãnh đạo Cục Thuế (b/c);
- Lưu: VT, NVDTPC, TTNDIEP.



**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Nông

P2R

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 303 /UBND-KT

Lạng Sơn, ngày 18 tháng 3 năm 2023

V/v tham gia ý kiến đối với đề
nghị xây dựng dự án Luật
thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: <u>21842-BTC</u>
Ngày:	<u>22-03-2023</u>
Chuyên:	<u>Vay CST</u>
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn hoàn toàn nhất trí với các dự thảo do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn báo cáo Bộ Tài chính xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh,
- các phòng CM, Trung tâm Thông tin,
- Lưu VT, KT(MTH).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Dương Văn Chiêu

**UBND TỈNH PHÚ THỌ
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 476 /STC-QLNS
V/v Tham gia ý kiến dự thảo đề
nghị xây dựng dự án Luật thuế
giá trị gia tăng (sửa đổi).

Phú Thọ, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Văn bản số 543/UBND-KTTH ngày 24/2/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc tham gia ý kiến dự thảo đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

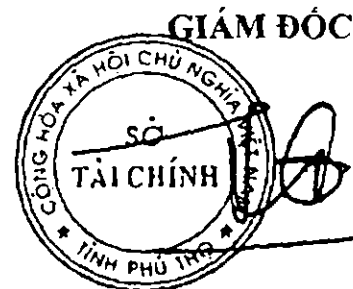
Căn cứ Văn bản số 484/CTPTH-NVDTPC ngày 16/3/2023 của Cục Thuế tỉnh Phú Thọ về việc tham gia ý kiến dự thảo đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); Sở Tài chính nhất trí về bố cục và nội dung của dự thảo, không có ý kiến sửa đổi, bổ sung.

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Tài chính gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c)
- Giám đốc;
- Lưu VT+ NS;



Vương Thị Bấy

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH CÀ MAU**

Số: 462 /CTCMA-NVDTPC

V/v đóng góp ý kiến về đề nghị
xây dựng dự án Luật thuế Giá trị
gia tăng sửa đổi

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cà Mau, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính; Công văn số 1217/UBND-KT ngày 28/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc tham gia ý kiến đối với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi, Cục Thuế tỉnh Cà Mau có ý kiến như sau:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Cục Thuế tỉnh Cà Mau chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, có ý kiến đóng góp đối với hồ sơ xây dựng Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi, Cục Thuế đã tổ chức lấy ý kiến của các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Cà Mau. Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Tờ trình về đề nghị xây dựng Dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi; Đề cương dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi; trên cơ sở Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế giá trị gia tăng, Báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi, Cục Thuế nhận thấy việc đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi là phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước, phù hợp với thông lệ quốc tế. Do vậy, Cục Thuế thống nhất với việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi nêu trên.

Trên đây là ý kiến của Cục Thuế tỉnh Cà Mau, trình Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Cà Mau (thay BC);
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu VT, NVDTPC (04b).



Nguyễn Văn Bé

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1028 /CTING-NVDTPC

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 3 năm 2023

V/v tham gia ý kiến về việc lập đề nghị xây
dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng
sửa đổi

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 0021145
Ngày:	16-03-2023
Chuyên:	Vụ CST
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về tham gia ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi. Ngày 28/02/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Công văn số 745/UBND-KT giao Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham gia ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi.

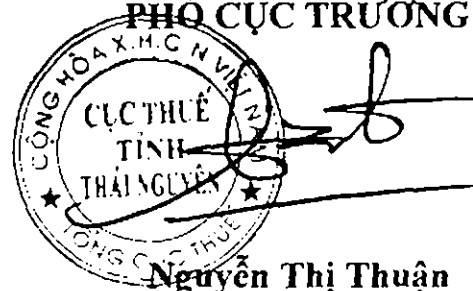
Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên đã tổ chức nghiên cứu, lấy ý kiến tham gia của các đơn vị về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi. Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến tham gia, Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên nhất trí với đề nghị xây dựng dự án Thuế giá trị gia tăng sửa đổi; nhất trí với dự thảo Tờ trình Chính phủ; Đề cương dự thảo Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); Báo cáo đánh giá tác động; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Thuế giá trị gia tăng.

Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên kính gửi Bộ Tài chính ý kiến tham gia theo quy định. /

Nơi nhận: *ko*

- Như trên;
- UBND tỉnh Thái Nguyên (báo cáo);
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Lưu: VT, NVDTPC. *02/4*

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thuận



Kỷ bìn Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Số: 835 /UBND-KT
V/v tham gia góp ý xây dựng
dự án Luật Thuế giá trị gia
tăng sửa đổi.

Điện Biên, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi. Sau khi nghiên cứu dự thảo và tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND tỉnh Điện Biên nhất trí với bố cục, nội dung đề cương dự thảo Tờ trình và Luật Thuế giá trị gia tăng do Bộ Tài chính soạn thảo và không có ý kiến tham gia bổ sung.

UBND tỉnh Điện Biên kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Thành Đô

72

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 679 /UBND-KTTH

Kon Tum, ngày 15 tháng 3 năm 2023

V/v ý kiến việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi và dự thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính liên tịch ban hành

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Văn bản số 1660/BTC-CST ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tài chính lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); Văn bản số 1676/BTC-HCSN ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tài chính về dự thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính liên tịch ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum có ý kiến như sau:

Thông nhất nội dung các dự thảo: (i) Dự thảo xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi (Tờ trình đề nghị xây dựng luật; Đề cương dự thảo luật; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện luật); (ii) Dự thảo Thông tư bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính liên tịch ban hành do Bộ Tài chính soạn thảo gửi kèm tại Văn bản số 1660/BTC-CST ngày 23 tháng 02 năm 2023 và Văn bản số 1676/BTC-HCSN ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tài chính nêu trên.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum có ý kiến đề Bộ Tài chính biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KTTH, STC.

KH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
TUỢ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH**



Nguyễn Văn Diệu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1513 /UBND-TCĐT

Bến Tre, ngày 18 tháng 3 năm 2023

V/v tham gia ý kiến về việc lập
đề nghị xây dựng dự án Luật
Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre thống nhất với nội dung đề nghị xây dựng dự án Luật giá trị gia tăng (sửa đổi).

Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre kính gửi Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Phòng: TH, TCĐT;
- Lưu: VT, Ph.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



★ Nguyễn Trúc Sơn

**UBND TỈNH SƠN LA
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 924 /STC-QLNS

Sơn La, ngày 17 tháng 3 năm 2023

V/v tham gia ý kiến vào các dự thảo
xây dựng dự án Luật thuế TTĐB và
Luật thuế GTGT (sửa đổi)

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ các Công văn của Bộ Tài chính số: 1585/BTC-CST ngày 21/02/2023 về việc xin ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi); 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 về việc xin ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) và ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Sơn La tại các công văn số 532/UBND-TH ngày 22/02/2023; công văn số 570/UBND-TH ngày 27/02/2023.

Căn cứ ý kiến tham gia của Cục thuế tỉnh và các đơn vị có liên quan sau khi nghiên cứu, tổng hợp; Sở Tài Chính tỉnh Sơn La nhất trí với các dự thảo tờ trình đề nghị xây dựng dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi và tờ trình đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi do Bộ Tài chính soạn thảo.

Trân trọng đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh; (Đề b/c)
- Lãnh đạo Sở Tài chính;
- Lưu: VT, T.Tra, QLNS, Toàn 2 bản.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Phong

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: **790** /CTBNI-TTHT

Bắc Ninh, ngày **21** tháng **03** năm **2023**

V/v tham gia ý kiến về việc lập đề nghị
xây dựng dự án sửa đổi Luật thuế GTGT

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh Bắc Ninh.

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 0024060
Ngày:	24-03-2023
Chuyên:	VII.CT
Số và ký hiệu HS:	

Thực hiện chỉ đạo tại Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính và Công văn số 471/UBND-KTTH ngày 27/02/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế Giá trị gia tăng (sửa đổi).

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Tờ trình, dự thảo Luật, báo cáo Tổng kết, báo cáo đánh giá tác động và trên cơ sở tham gia góp ý của các Cơ quan có liên quan (Sở Tài chính, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Ninh, Ban quản lý các KCN Bắc Ninh, Cục Hải quan tỉnh Bắc Ninh...), Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh nhất trí với các nội dung đưa ra tại dự thảo.

Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh trân trọng báo cáo Bộ Tài chính và UBND tỉnh Bắc Ninh để tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục (để báo cáo);
- Lưu: VT, TTHT (ncmnh-3 T).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Hữu Trường

UBND TỈNH VINH PHÚC
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 592 /STC-QLNS

Vinh Phúc, ngày 24 tháng 03 năm 2023

V/v tham gia ý kiến về việc lập đề
nghị xây dựng dự án Luật Thuế
giá trị gia tăng sửa đổi

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/2/2023 về việc lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi. Được sự ủy quyền của UBND tỉnh Vinh Phúc, sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính Vinh Phúc có ý kiến như sau:

Sở Tài chính nhất trí với nội dung dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi; Đề cương dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi; dự thảo báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi; dự thảo báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Thuế giá trị gia tăng.

Sở Tài chính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QLNS.



Nguyễn Thanh Tùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2874** /UBND-TC

Thừa Thiên Huế, ngày **31** tháng 3 năm 2023

V/v tham gia ý kiến về lập đề nghị
xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia
tăng sửa đổi

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ:	26729.1/ĐT
Ngày:	03-04-2023
Chuyên:	VU CST
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi.

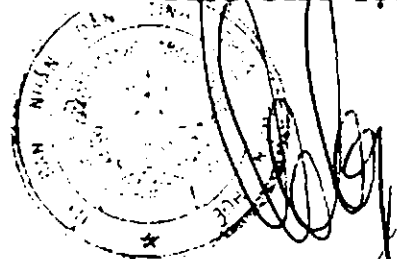
Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thống nhất các nội dung tại hồ sơ đề nghị xây dựng Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi (Tờ trình đề nghị xây dựng luật; Đề cương dự thảo luật; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện luật) theo Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh: CT và các PCT;
- Cục Thuế tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Quý Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 368 /UBND-KTTH
V/v tham gia góp ý về việc lập đề
nghị xây dựng dự án: Luật Thuế
TTĐB (sửa đổi) và Luật Thuế
GTGT (sửa đổi)

An Giang, ngày 07 tháng 4 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

Theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 1585/BTC-CST ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc lấy ý kiến lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế TTĐB (sửa đổi); Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23 tháng 02 năm 2023 lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế GTGT (sửa đổi).

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo Tờ trình Chính phủ; Đề cương dự thảo Luật; Báo cáo tác động; Báo cáo tổng kết, thi hành Luật Thuế TTĐB (sửa đổi) và Thuế GTGT (sửa đổi), Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thống nhất với nội dung về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) và lập đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế GTGT (sửa đổi) của Bộ Tài chính

Trên đây là ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang gửi Bộ Tài chính đề tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Thuế;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh (b/c);
- Cục Thuế;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Minh Thủy

Số: 907/STC-QLNS

Bình Dương, ngày 23 tháng 3 năm 2023

V/v góp ý về việc lập đề nghị
xây dựng dự án Luật thuế tiêu
thu đặc biệt, thuế giá trị gia
tăng (sửa đổi)

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Công văn số 1585/BTC-CST ngày 21/02/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế tiêu thu đặc biệt (sửa đổi);

Căn cứ Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi);

Thực hiện Công văn số 799/UBND-KT và Công văn số 802/UBND-KT ngày 27/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc góp ý việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế tiêu thu đặc biệt (sửa đổi) và Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi);

Căn cứ Công văn số 1270/CTBDU-NVDTPC ngày 22/3/2023 của Cục Thuế tỉnh Bình Dương về việc lấy ý kiến góp ý về việc lập đề nghị xây dựng Dự án Luật thuế Tiêu thu đặc biệt, thuế Giá trị gia tăng (sửa đổi),

Sở Tài chính tỉnh Bình Dương thống nhất nội dung 02 dự thảo, cụ thể như sau:

- Tờ trình Chính phủ về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế tiêu thu đặc biệt (sửa đổi); Đề cương dự thảo Luật; Báo cáo đánh giá tác động; Báo cáo tổng kết, thi hành Luật thuế tiêu thu đặc biệt kèm theo Công văn số 1585/BTC-CST.

- Tờ trình đề nghị xây dựng luật; Đề cương dự thảo Luật; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện luật kèm theo Công văn số 1660/BTC-CST.

Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, QLNS, Lân.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
TÀI CHÍNH
TỈNH BÌNH DƯƠNG
Lê Thị Thanh Thúy

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 774 /STC-NS
V/v tham gia ý kiến đề nghị xây dựng
dự án Luật thuế giá trị gia tăng, Luật
thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)

Ninh Bình, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Văn bản số 1585/BTC-CST ngày 21/02/2023 và Văn bản số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi); Văn bản số 117/UBND-VP5 ngày 27/02/2023 và Văn bản số 119/UBND-VP5 ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia ý kiến đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng và Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi).

Sau khi phối hợp với Cục Thuế tỉnh Ninh Bình, UBND các huyện, thành phố. Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình và các đơn vị nhất trí với nội dung xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng và Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi).

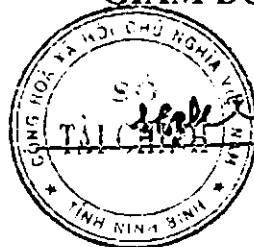
Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình trân trọng báo cáo Bộ Tài chính././.


Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo)
- Lưu: VT, NS, VC (01)



GIÁM ĐỐC





Hoàng Văn Kiên

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **846**/CTQB-NVDTPC
V/v góp ý đề nghị xây dựng dự án
Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

Quảng Bình, ngày ~~23~~ tháng 3 năm 2023

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 00.24.333...
Ngày:	27-03-2023
Chuyên:	VU.CST.....
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện công văn số 1660/BTC-CST ngày 21/02/2023 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi.

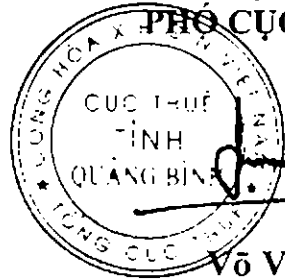
Sau khi nghiên cứu, tổng hợp ý kiến của các đơn vị liên quan, Cục Thuế tỉnh Quảng Bình nhất trí với nội dung của dự thảo Tờ trình Chính phủ về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi, Đề cương dự thảo Luật, Báo cáo đánh giá tác động, Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế giá trị gia tăng và không có ý kiến gì thêm.

Cục Thuế tỉnh Quảng Bình gửi ý kiến đề Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, NVDTPC.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Võ Văn Sơn

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1239 /CTQNG-NVDTPC
V/v tham gia ý kiến việc lập đề nghị
xây dựng dự án Luật Thuế GTGT

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 3 năm 2023
BỘ TÀI CHÍNH

ĐẾN Số: 234.61. BDT...
Ngày: 27-03-2023
Chuyển: VU.CST.....
Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 và UBND tỉnh tại Công văn số 1114/UBND-KTTH ngày 21/3/2023 về việc lấy ý kiến việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) sửa đổi. Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo, đồng thời tham gia một số ý kiến như sau:

1/ Tại Điều 5 (Đối tượng không chịu thuế) Đề cương dự thảo Luật thuế GTGT, định hướng sửa đổi, bổ sung:

1.1. "Sửa đổi...; mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT của hộ, cá nhân kinh doanh..."

Đề nghị: nâng mức doanh thu không chịu thuế "từ 100 triệu đồng trở xuống" lên mức "từ 200 triệu đồng trở xuống".

Lý do: Theo các quy định về thuế TNCN, từ năm 2020 mức giảm trừ gia cảnh cho bản thân người nộp thuế đã là 132 triệu đồng/năm (11 triệu đồng/tháng), giảm trừ cho 1 người phụ thuộc là 52,8 triệu đồng/năm (4,4 triệu đồng/tháng). Như vậy nếu trung bình hộ gia đình có người làm công ăn lương, có 02 người phụ thuộc thì chỉ phải nộp thuế TNCN khi có thu nhập trên 237,6 triệu đồng. Do đó sẽ không công bằng đối với hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán (thu nhập ít hơn nhưng phải nộp thuế TNCN). Vì vậy, cần điều chỉnh mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT của hộ, cá nhân kinh doanh cho phù hợp.

1.2. Tại khoản 23 Điều 5 quy định:

"...; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành phẩm trở lên."

Đề nghị sửa đổi thành: "...; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành phẩm trở lên, trừ các sản phẩm được chế biến từ dầu thô".

Lý do: Thực tiễn hiện nay, các sản phẩm được sản xuất từ dầu thô trong nước xuất khẩu đi nước ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT gặp khó khăn do không được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào mà phải tính vào chi phí sản phẩm, khiến giá thành tăng và lợi nhuận giảm; gây bất lợi trong cạnh tranh, làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất. Bên cạnh đó, việc doanh nghiệp không được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu

vào của hàng hóa, dịch vụ, bao gồm cả hoạt động mua sắm tài sản cố định phục vụ cho sản xuất, kinh doanh nên không khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, mua sắm, sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định để tạo ra sản phẩm chất lượng cao.

2/ Tại Điều 12 (quy định về khấu trừ thuế GTGT đầu vào) Đề cương dự thảo Luật thuế GTGT, định hướng sửa đổi, bổ sung:

"...sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện khấu trừ nhằm thúc đẩy việc thanh toán không dùng tiền mặt và ngăn chặn trong việc khấu trừ, hoàn thuế GTGT, phòng chống rửa tiền".

Đề nghị sửa đổi: có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, **trừ** hàng hóa dịch vụ mua vào từng lần có giá trị **dưới năm triệu đồng**.

Lý do: Hiện nay, qua công tác thanh tra, kiểm tra thuế, phát sinh nhiều trường hợp doanh nghiệp lợi dụng chính sách quy định thanh toán qua ngân hàng từ 20 triệu đồng trở lên là thanh toán không dùng tiền mặt để thực hiện hành vi trốn thuế thông qua việc chia nhỏ hóa đơn dưới 20 triệu đồng thanh toán bằng tiền mặt được kê khai, khấu trừ thuế GTGT và tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế của Thuế Thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, để góp phần minh bạch hóa các giao dịch mua bán của doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển giao dịch thanh toán qua ngân hàng, góp phần ngăn chặn gian lận trong khấu trừ, hoàn thuế GTGT. Cần sửa đổi quy định về định mức hàng hóa, dịch vụ mua từng lần về mức phù hợp.

3/ Tại Điều 8 (Thuế suất) và Điều 5 (Đối tượng không chịu thuế) Đề cương dự thảo Luật thuế GTGT:

Đề nghị: Bỏ quy định về mức thuế suất 5% và các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng.

Lý do: Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được khấu trừ thuế GTGT đầu vào sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT và hàng hóa, dịch vụ không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT. Thực tế hiện nay, các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế với mức thuế suất 5%, trong khi đó thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào chủ yếu với mức thuế suất thuế GTGT là 10% và một số trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT nhưng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào thì được khấu trừ, làm phát sinh âm thuế kéo dài, liên tục trong nhiều năm. Hiện tại chưa có quy định xử lý đối với các trường hợp này, dẫn đến khó khăn về tài chính cho người nộp thuế.

4/ Tại khoản 2 Điều 13 (Các trường hợp hoàn thuế) Đề cương dự thảo Luật thuế GTGT, định hướng sửa đổi, bổ sung quy định:

*"2. Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý, trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan. **Thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau đối với người nộp thuế sản***

xuất hàng hóa xuất khẩu không vi phạm pháp luật về thuế, hải quan trong thời gian hai năm liên tục; người nộp thuế không thuộc đối tượng rủi ro cao theo quy định của Luật quản lý thuế.”

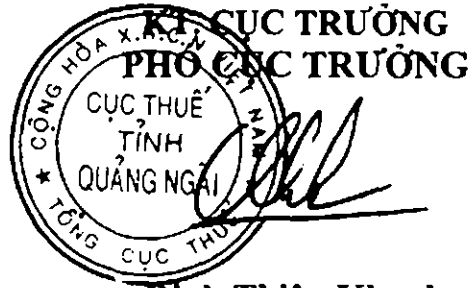
Đề nghị: Bỏ nội dung in đậm ở trên.

Lý do: Nội dung quy định về phân loại hồ sơ hoàn thuế đã được quy định tại Điều 73 của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành, để tránh trùng lặp, chồng chéo trong quy định; đề xuất không đưa nội dung này vào Luật thuế GTGT sửa đổi.

Cục Thuế kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh(b/cáo);
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Lưu: VT, NVDTPC.



Đình Thiên Khanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2289 /UBND-TH₂
V/v góp ý việc lập đề nghị
xây dựng dự án Luật thuế giá
trị gia tăng sửa đổi

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 3 năm 2023

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 24.955 - BBT
Ngày:	30-03-2023
Chuyến: Vũ CST	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Sau khi nghiên cứu dự thảo Tờ trình của Chính phủ, Đề cương dự thảo Luật, Báo cáo đánh giá tác động, Báo cáo tổng kết và thi hành Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi kèm theo Văn bản số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính; Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng cơ bản thống nhất với nội dung của các dự thảo; ngoài ra, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung một số nội dung như sau:

1. Tại khoản 25 Điều 5 đề nghị điều chỉnh: Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm năm mươi triệu đồng trở xuống.

2. Tại điểm a, khoản 2 Điều 11 đề nghị điều chỉnh:

a) Đối tượng áp dụng:

- Doanh nghiệp có doanh thu hàng năm dưới mức ngưỡng doanh thu một tỷ đồng, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật này.

- Hợp tác xã có doanh thu hàng năm dưới mức ngưỡng doanh thu ba tỷ đồng, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật này.

3. Tại điểm b, khoản 2 Điều 12 đề nghị điều chỉnh: Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới mười triệu đồng.

4. Tại khoản 1 Điều 13 đề nghị điều chỉnh: Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trên 300 triệu đồng.

Trên đây là ý kiến góp ý về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu tổng hợp, điều chỉnh, bổ sung trong quá trình hoàn thiện dự thảo. /

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như trên;
- Cục Thuế tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu: VT, TH₂.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Hiệp



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 19/HTVT-VP

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2023

*Inv tham gia ý kiến về đề nghị
xây dựng dự án Luật thuế
GTGT sửa đổi*

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 24.575.....
Ngày:	27-03-2023
Chuyên:	Vụ GT.....
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Tham gia ý kiến về Dự thảo đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT sửa đổi gửi kèm theo văn bản số 0273/LĐTM-PC ngày 01/03/2023 của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hội Tư vấn thuế Việt Nam (VTCA) có ý kiến như sau:

VTCA cơ bản thống nhất với Dự thảo đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT sửa đổi về sự cần thiết, mục tiêu, quan điểm, giải pháp lựa chọn đề nghị xây dựng dự án luật thuế GTGT sửa đổi của Bộ Tài chính.

VTCA có một số ý kiến cụ thể thêm như sau:

Đối với dự thảo Chính sách 2: Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính:

1. Về đối tượng không chịu thuế GTGT:

1.1 Luật thuế GTGT hiện hành quy định: **Chuyển nhượng vốn bao gồm: chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã đầu tư, kể cả trường hợp bán doanh nghiệp cho doanh nghiệp khác để sản xuất, kinh doanh, chuyển nhượng chứng khoán; hình thức chuyển nhượng vốn khác theo quy định của pháp luật;** Theo đó thì **Chuyển nhượng vốn** thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Tại Đề cương dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi (Điều 5) có nêu định hướng sửa đổi, bổ sung **Chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản vào đối tượng không chịu thuế GTGT**

Tuy nhiên, tại Dự thảo Tờ trình Chính phủ của Bộ Tài chính và Báo cáo đánh giá tác động mới nêu: *Thực tế trong quá trình thực hiện, doanh nghiệp, Cơ quan thuế gặp vướng mắc khi xác định nghĩa vụ thuế đối với hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản. Do vậy, để quy định rõ ràng, tránh*

vướng mắc trong thực hiện, cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định đối với chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản cho phù hợp.

Theo đó chưa có đánh giá, phân tích cụ thể các vướng mắc thực tế phát sinh mà doanh nghiệp, cơ quan thuế có vướng mắc.

Tại Dự thảo Báo cáo Tổng kết, đánh giá thực hiện Luật thuế GTGT nêu: Hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư và bán tài sản thì số vốn đầu tư tại doanh nghiệp chuyển nhượng không thay đổi. Đối với hoạt động chuyển nhượng vốn thì số vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân sẽ thay đổi (tài sản của doanh nghiệp không thay đổi).

Về nội dung này, VTCA thấy rằng: Theo quy định về chuyển nhượng vốn của Luật Doanh nghiệp và quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT của Luật thuế GTGT hiện hành thì không có khái niệm, nội dung về **Chuyển nhượng dự án đầu tư và bán tài sản trong chuyển nhượng vốn.**

Mặt khác, Dự thảo Báo cáo Tổng kết, đánh giá thực hiện Luật thuế GTGT nêu lập luận cho rằng: "**Hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư và bán tài sản thì số vốn đầu tư tại doanh nghiệp chuyển nhượng không thay đổi. Đối với hoạt động chuyển nhượng vốn thì số vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân sẽ thay đổi (tài sản của doanh nghiệp không thay đổi)** đề đề xuất đưa **chuyển nhượng dự án đầu tư và bán tài sản vào đối tượng không chịu thuế GTGT**" là chưa có căn cứ, không thuyết phục và cũng chưa có đánh giá tác động cụ thể của việc bổ sung đối tượng không chịu thuế đối với các hoạt động này. Do đó, đề nghị cân nhắc, nghiên cứu kỹ hơn nội dung này.

1.2. Luật thuế Giá trị gia tăng hiện hành quy định: *Tưới, tiêu nước; cày, bừa đất; nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp* thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng. Tuy nhiên qua hơn 20 năm thực hiện, đến nay thực tế các dịch vụ phục vụ nông nghiệp đã có nhiều thay đổi, phong phú đa dạng hơn, ví dụ: **cày, bừa đất, nạo vét kênh, mương nội đồng** phục vụ sản xuất nông nghiệp chưa phản ánh hết được thực tế của sản xuất nông nghiệp như ngoài **cày, bừa** còn có cuốc, đào hố trồng cây, đào kênh mương, đắp bờ,... (thủ công hoặc máy), các dịch vụ trực tiếp phục vụ nông nghiệp khác; ngoài ra đối với *kênh mương nội đồng* cũng cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Do đó, đề luật sửa đổi quy định được cụ thể, đầy đủ, rõ hơn phù hợp tình hình thực tế trước mắt và lâu dài, đề nghị có nghiên cứu, đánh giá và sửa đổi bổ sung nội dung này cho phù hợp.

1.3. Tại Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành quy định: *nhà ở thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê* thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, nội dung này cũng cần có nghiên cứu tổng kết, đánh giá để đề xuất sửa đổi cho phù hợp vì đến nay, đối tượng này có thể còn rất nhỏ và về nguyên tắc sau khi người được mua có thể tiếp tục bán nhà được mua và khi đó phải chịu thuế giá trị gia tăng.

1.4 Luật thuế GTGT hiện hành đã quy định đối tượng không chịu thuế GTGT như sau: *Máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí đốt; tàu bay, dàn khoan, tàu thủy thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp hoặc thuê của nước ngoài để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, cho thuê, cho thuê lại.*

Theo đó đã quy định cụ thể nhóm các loại trong nước chưa sản xuất được để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp hoặc thuê của nước ngoài để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, cho thuê, cho thuê lại thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng đối với ngành, lĩnh vực cụ thể.

Tuy nhiên, tại dự thảo Tờ trình và báo cáo đánh giá đề xuất đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của Công ty cho thuê tài chính cho doanh nghiệp khu phi thuế quan thuê cũng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Về nội dung này, đề nghị có nghiên cứu đánh giá cụ thể, cân nhắc thêm xem có cần thiết bổ sung thêm đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp này không trên cơ sở thực hiện nguyên lý cơ bản của thuế giá trị gia tăng và quan điểm, mục tiêu sửa đổi đã đặt ra về việc nghiên cứu mở rộng cơ sở thuế, thu hẹp diện không chịu thuế giá trị gia tăng.

2. Về giá tính thuế GTGT đối với chuyển nhượng bất động sản: Luật thuế GTGT hiện hành quy định: “ Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế giá trị gia tăng, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước;”

Thực tế có nhiều các hình thức chuyển nhượng bất động sản liên quan đến quyền sử dụng đất như: (i) Trường hợp được Nhà nước giao đất; (ii) Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất; (iii) Trường hợp thuê đất; (iv) Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân; (v) Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất như dự thảo

báo cáo tổng kết cũng đã nêu. Do đó, để việc thực hiện Luật được thống nhất, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định cụ thể đối với các trường hợp thực tế đã phát sinh ngay trong dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi.

3. Về thuế suất thuế giá trị gia tăng:

Tại Dự thảo tờ trình Chính phủ đã nêu về mục tiêu và giải pháp sửa đổi bổ sung về thuế suất thuế giá trị gia tăng:

- Mục tiêu: Mở rộng cơ sở thuế, tiến tới áp dụng một mức thuế suất thuế GTGT theo Chiến lược cải cách hệ thống thuế thông qua giảm bớt số lượng nhóm hàng hóa, dịch vụ đang thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, đối tượng chịu thuế GTGT ở mức thuế suất 5%.

- Giải pháp: Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 5 để thu hẹp đối tượng không chịu thuế GTGT (chuyển một số hàng hóa, dịch vụ sang đối tượng chịu thuế 5% hoặc 10%); nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Điều 8 Luật thuế GTGT để thu hẹp đối tượng chịu thuế 5% (chuyển một số dịch vụ sang đối tượng chịu thuế 10%).

3.1 Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành quy định: **Đường; phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm bã đường, bã mía, bã bùn** thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 5%. Qua thời gian dài thực hiện nội dung này, đến nay, đường là mặt hàng phổ biến thông thường, không còn là mặt hàng thuộc diện thiết yếu do nhà nước phân phối, quy định giá mà thực hiện theo thị trường; Do đó, cần nghiên cứu tổng kết đánh giá, có đủ cơ sở thì đề nghị đưa ra khỏi diện áp dụng thuế suất 5%, chuyển sang nhóm thuế suất 10% (**cũng tránh được vướng mắc trong xác định thuế suất đối với phụ phẩm trong sản xuất đường**) phù hợp mục tiêu, giải pháp đã nêu.

3.2 Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành quy định: **Sản phẩm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, rơm, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp; bông sơ chế** áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 5%. Thực tế phát sinh vướng mắc như đối với sản phẩm từ cây dừa thì ngoài vỏ dừa, sọ dừa còn có các sản phẩm khác từ cây dừa như thân dừa, lá dừa, than dừa; Bên cạnh đó, thuế suất căn cứ vào nguyên liệu cấu thành sản phẩm khi xác định thành phẩm thiếu đồng bộ, ví dụ như sa lông làm từ bèo tây thuế suất 5%, từ nguyên liệu khác 10%, tấm tre, đũa tre thuế suất 5%, tấm gỗ, đũa gỗ thuế suất 10%... do đó nhóm này cũng cần được nghiên cứu tổng kết, đánh giá để sửa đổi, bổ sung được rõ, đầy đủ hơn.

3.3 Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành quy định trong nhóm sản phẩm liên quan y tế áp dụng thuế suất 5% có: **Thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh**, thực

tế thực hiện còn có vướng mắc do quy định còn chung chung nên dẫn tới cách hiểu khác nhau, có cách hiểu cho rằng thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh chi liên quan tới y tế, còn thuốc cho vật nuôi, cây trồng, thủy, hải sản... còn chưa rõ. Do đó, đề việc áp dụng Luật được thống nhất, cần nghiên cứu tổng kết, đánh giá để sửa đổi, bổ sung cho rõ, đầy đủ.

4. Về hoàn thuế giá trị gia tăng

Luật thuế GTGT hiện hành quy định: "*Trường hợp cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ và có số thuế còn lại từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng*". Thực tế thực hiện quy định hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư đã góp phần khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ và thúc đẩy sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, theo khái niệm dự án đầu tư tại Luật đầu tư gồm nhiều hình thức: dự án đầu tư mới của cơ sở kinh doanh đang hoạt động, dự án đầu tư mở rộng, trong dự án đầu tư có hoặc không chia giai đoạn dẫn đến vướng mắc trong thực hiện hoàn thuế thời gian qua như báo cáo tổng kết cũng đã nêu. Do đó, nên có tổng kết đánh giá cụ thể thêm đối với từng trường hợp để đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể trong luật để việc thực hiện được phù hợp và thống nhất.

Trên đây là một số ý kiến tham gia của VTCA.

Kính chuyển quý Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tham khảo, tổng hợp gửi cơ quan chủ trì soạn thảo để tổng hợp nhằm hoàn thiện dự thảo Luật sửa đổi quy định được rõ, đầy đủ để việc thực hiện Luật khi ban hành được thống nhất.

Trân trọng!

Nơi nhận: *NSM*

- Như trên
- Bộ Tài chính
- Lưu. VP

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ VÀ CHẤP HÀNH
VIỆN
NĂM
CH
Nguyễn Thị Cúc

HIỆP HỘI PHÂN BÓN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 397/CV-HHPBVN

V/v góp ý Đề nghị xây dựng

Luật Thuế Giá trị gia tăng (sửa đổi)

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2023

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 2023
Ngày:	14-03-2023
Chuyên:	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi:

- ✓ - Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- ✓ - Vụ Chính sách Thuế, Bộ Tài chính.

Hiệp hội Phân bón Việt Nam nhận được Công văn số 0273/LĐTM-PC ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về việc đề nghị góp ý Đề nghị xây dựng Luật Thuế Giá trị gia tăng (sửa đổi) do Bộ Tài chính dự thảo. Hiệp hội Phân bón Việt Nam có một số ý kiến như sau:

1) Về mặt tích cực:

Hiệp hội Phân bón Việt Nam nhất trí với phân đánh giá của Bộ Tài chính về ưu điểm của Luật Thuế Giá trị gia tăng (GTGT). Qua thời gian thực hiện, Luật Thuế GTGT đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt kinh tế - xã hội và đã đạt được mục tiêu đề ra. Cụ thể: Luật Thuế GTGT đã cải cách chính sách thuế GTGT nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; tháo gỡ khó khăn, khuyến khích doanh nghiệp, cá nhân và tổ chức khác đầu tư, sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững; đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế, ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước. Với tỷ trọng lớn trong số thu ngân sách nhà nước, thuế GTGT góp phần tạo lập nguồn lực tài chính để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

2) Về tồn tại, hạn chế:

Hiệp hội Phân bón Việt Nam nhất trí với đánh giá của Bộ Tài chính: Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế, do sự biến động nhanh của kinh tế - chính trị thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, qua triển khai thực hiện chính sách thuế GTGT cũng đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, vẫn có điểm chưa phù hợp với thông lệ quốc tế, chưa phù hợp với nguyên tắc của thuế GTGT.

Hiệp hội Phân bón Việt Nam xin góp ý cụ thể về thuế GTGT và vướng mắc xác định tỷ lệ 51% (tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng):

+ Thuế GTGT đối với mặt hàng phân bón:

Theo quy định của Luật Thuế GTGT hiện hành, hàng hóa, dịch vụ trong ngành nông nghiệp chủ yếu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng

áp dụng mức thuế suất 5%. Riêng đối với phân bón, theo Luật Thuế GTGT hiện hành thì phân bón thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Thực hiện quy định trên, các doanh nghiệp sản xuất phân bón gặp khó khăn do không được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả hoạt động đầu tư, mua sắm tài sản cố định phục vụ cho hoạt động sản xuất phân bón mà phải tính vào chi phí sản phẩm, khiến giá thành tăng và lợi nhuận giảm; bất lợi trong cạnh tranh với phân bón nhập khẩu. Do không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nên không khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất phân bón đầu tư, mua sắm, sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định để tạo ra sản phẩm phân bón thế hệ mới, chất lượng cao. Đồng thời, chưa góp phần chủ động nguồn sản xuất phân bón trong nước cũng như khắc phục được việc giá cả biến động gây bất lợi cho sản xuất nông nghiệp và người nông dân.

Do vậy, trong thời gian qua Bộ Tài chính nhận được kiến nghị của Bộ Công Thương, Hiệp hội Phân bón Việt Nam, các doanh nghiệp sản xuất phân bón đề nghị chuyển phân bón sang đối tượng chịu thuế GTGT thuế suất 5%.

Bộ Tài chính cũng cho biết: Kinh nghiệm quốc tế cũng cho thấy mặt hàng phân bón là mặt hàng phục vụ sản xuất nông nghiệp nên chính sách thuế GTGT (hoặc thuế hàng hóa dịch vụ, thuế bán hàng) của nhiều quốc gia được thiết kế theo hướng ưu đãi hơn so với các mặt hàng thông thường khác. Chính phủ nhiều nước đã thông qua các chính sách và chương trình hỗ trợ trên các phương diện khác nhau nhằm tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy sự phát triển ngành phân bón, trong đó chính sách hỗ trợ về thuế cũng là công cụ thường được các nước sử dụng.

+ Vương mắc xác định mức tỷ lệ 51%: Cùng một loại sản phẩm xuất khẩu nhưng có doanh nghiệp được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% (tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm dưới 51% giá thành sản phẩm), có doanh nghiệp không được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% mà thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT (tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên). Bên cạnh đó, do có sự biến động về giá cả tài nguyên, khoáng sản trên thị trường nên cùng một sản phẩm của cùng một doanh nghiệp nhưng có lúc tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản, năng lượng là từ 51% trở lên và có lúc là dưới 51% dẫn đến cùng một sản phẩm xuất khẩu có lúc thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, có lúc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thuế suất 0%. Do vậy, doanh nghiệp phải thực hiện điều chỉnh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

3. Định hướng sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài chính:

+ Đối với thuế GTGT của phân bón: Để góp phần tạo điều kiện cho ngành sản xuất phân bón trong nước cạnh tranh được với phân bón nhập khẩu, cần nghiên cứu, sửa đổi quy định về thuế GTGT đối với phân bón cho phù hợp.

+ Đối với vướng mắc xác định mức tỷ lệ 51%: Đề tránh vướng mắc trong thực hiện và đảm bảo chính sách minh bạch, cần nghiên cứu, sửa đổi quy định về sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản cho phù hợp.

4. Ý kiến của Hiệp hội Phân bón Việt Nam:

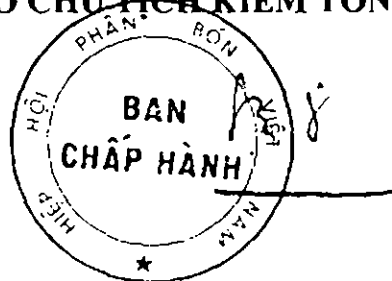
Tại Dự thảo Tờ trình, Bộ Tài chính đã nêu định hướng “sửa đổi, bổ sung một số hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng theo hướng: - Giảm bớt số lượng nhóm hàng hóa, dịch vụ đang thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng như: phân bón; máy móc, thiết bị chuyên dùng cho nông nghiệp;”. Tuy nhiên, trong Dự thảo Tờ trình chưa có phương án đưa phân bón vào nhóm thuế suất 0% hay 5%. Vì vậy, Hiệp hội Phân bón Việt Nam đề nghị Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổng hợp ý kiến của Hiệp hội Phân bón Việt Nam đề nghị Bộ Tài chính có ý kiến cụ thể về phương án chuyển phân bón từ đối tượng không chịu thuế GTGT vào đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 0 hay 5%.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục BVTN, Bộ NNPTNT
(để phối hợp);
- Các Phó Chủ tịch (để biết);
- Đơn vị thành viên HHPBVN
(để biết và phối hợp);
- Lưu VT.

K.T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH KIỂM TÓNG THƯ KÝ



Phùng Hà

**TẬP ĐOÀN
HÓA CHẤT VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **321** /HCVN-KHKD

Hà Nội, ngày **20** tháng 3 năm 2023

V/v lấy ý kiến về việc lập đề
nghị xây dựng dự án Luật thuế
GTGT sửa đổi

Kính gửi: Bộ Tài chính /

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 23954
Ngày:	24-03-2023
Chuyên:	Vụ CST
Số và ký hiệu HS:	

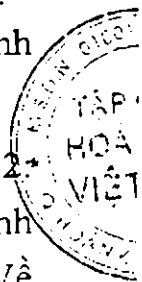
Thực hiện theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại văn bản số 1660/BTC-CST ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc tham gia ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT sửa đổi; sau khi nghiên cứu, Tập đoàn Hoá chất Việt Nam (Tập đoàn) kính báo cáo Bộ Tài chính như sau:

I. Về Dự thảo Tờ trình về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi (Tờ trình Chính phủ)

1. Thống nhất với đánh giá, nhận xét, phân tích những bất cập khi đưa mặt hàng phân bón vào đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) nêu tại Phần III, mục 2.1 (Chính sách 1: Mở rộng cơ sở thuế (thu hẹp đối tượng không chịu thuế GTGT, đối tượng chịu thuế GTGT 5%)), tiểu mục 2.1.3. Lý do lựa chọn giải pháp - Về đối tượng không chịu thuế GTGT (Trang 6 dự thảo Tờ trình Chính phủ).

2. Thống nhất với đề xuất sửa đổi nêu tại Phần III, mục 2.2 (Chính sách 2: Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính), mục 2.2.3. Lý do lựa chọn giải pháp - Về đối tượng không chịu thuế GTGT (Trang 8 dự thảo Tờ trình Chính phủ) về nội dung Luật thuế GTGT hiện hành quy định: "*Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên*".

3. Thống nhất với đánh giá, nhận xét, phân tích những bất cập tại quy định hiện hành nêu tại Phần III, mục 2.2 (Chính sách 2: Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính), mục 2.2.3. Lý do lựa chọn giải pháp - Về hoàn thuế GTGT (Trang 12 dự thảo Tờ trình Chính phủ).



4. Thống nhất đề xuất sửa đổi nêu tại Phần III, mục 2.3 (Chính sách 3: Sửa đổi để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật) (trang 14).

Tại khoản 4, điều 4 Nghị định 122/2016/NĐ-CP, ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định “các mặt hàng phân bón sản xuất trong nước thuộc nhóm 31.01, 31.02, 31.03, 31.04, 31.05 mà có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành trở lên áp dụng mức thuế suất xuất khẩu là 5%”.

Nhằm đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật, phù hợp với việc sửa đổi, bổ sung quy định tại điều 5 Luật thuế GTGT về đối tượng chịu thuế, kính đề nghị Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ sửa đổi Nghị định 122/2016/NĐ-CP nêu trên theo hướng bãi bỏ khoản 4, điều 4 của Nghị định.

II. Góp ý với Dự thảo Đề cương xây dựng Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi

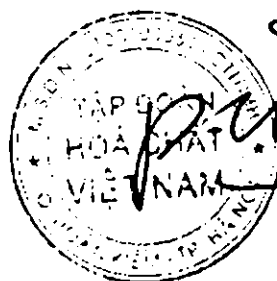
Tập đoàn đã nghiên cứu và có ý kiến xây dựng đối với Dự thảo Đề cương Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi tại Phụ lục kèm theo văn bản này.

Trên đây là ý kiến góp ý của Tập đoàn Hoá chất Việt Nam đối với Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi, Tập đoàn kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét tổng hợp, sửa/ điều chỉnh/ bổ sung vào Dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Bộ Công Thương (để báo cáo);
- Hiệp hội Phân bón Việt Nam (để biết);
- Đảng ủy Tập đoàn (để báo cáo);
- HĐQT Tập đoàn (để báo cáo);
- TGD Tập đoàn (e-copy);
- KSV Tập đoàn (e-copy);
- PTGD Tập đoàn (e-copy);
- Lưu: VT, KHKD.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phùng Quang Hiệp

PHỤ LỤC

Ý KIẾN GÓP Ý XÂY DỰNG DỀ CƯƠNG DỰ THẢO LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG SỬA ĐỔI

(Kèm theo văn bản số: 32A /HCVN-KHKD ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam)

STT	Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành	Ý kiến, đề nghị sửa đổi, điều chỉnh bổ sung (chữ in đậm)
1	Khoản 3, Điều 5 “3a. Phân bón; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ; thực ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác;” “23. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên.”	Bổ khoản 3a, Điều 5
2	Khoản 23, Điều 5	Bổ khoản 23, Điều 5
3	Khoản 1, Điều 8 1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vận tải quốc tế và hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT quy định tại Điều 5 của Luật này khi xuất khẩu, trừ các trường hợp sau đây: a) b) c)	Bổ sung nội dung Khoản 3a, Điều 5 đã xóa ở trên vào Khoản 1. Mức thuế suất 0% áp dụng với hàng hóa...



STT	Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành	Ý kiến, đề nghị sửa đổi, điều chỉnh bổ sung (chữ in đậm)
4	<p>d)</p> <p>đ)</p> <p>e)</p> <p>g) Sản phẩm xuất khẩu quy định tại Khoản 23, Điều 5 của Luật này</p>	<p>Đề nghị bỏ mục g, Khoản 1 Điều 8 do bỏ Khoản 23, Điều 5 Luật này theo đề xuất ở trên.</p>
5	<p>Khoản 2. Điều 8</p> <p>Mục b, Khoản 1, Điều 13</p> <p>“Dự án đầu tư khai thác tài nguyên, khoáng sản được cấp phép từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 hoặc dự án đầu tư sản xuất sản phẩm hàng hóa mà tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên theo dự án đầu tư.”</p>	<p>Bổ sung nội dung Khoản 3a, Điều 5 đã xóa ở trên (<i>Nếu không bỏ sung vào Khoản 1 Điều 8</i>) vào Khoản 2. Mức thuế suất 5% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ sau đây...</p>
		<p>Bỏ mục b, khoản 1, Điều 13</p>

Số: 125/HHNH-PLNV
V/v góp ý dự thảo đề cương xây dựng
Luật Thuế GTGT (sửa đổi)

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: - Bộ Tài chính
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐIỂN SỐ	0025360
CHỨC VỤ	Vụ CST
Số và họ tên HS	

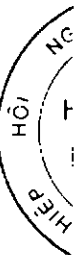
Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam được biết Bộ Tài chính đang dự thảo Đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi). Qua quá trình theo dõi và ý kiến phản ánh của các Tổ chức hội viên, Hiệp hội Ngân hàng có một số ý kiến góp ý đối với Đề cương dự thảo Luật trên như sau:

1. Về Đối tượng không chịu thuế (Điều 5)

a) **Điểm a Khoản 8 Điều 5 Đề cương Dự thảo Luật** quy định về các đối tượng không chịu thuế: “8. Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, kinh doanh chứng khoán sau đây: a) Dịch vụ cấp tín dụng bao gồm: cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác; bảo lãnh; cho thuê tài chính; phát hành thẻ tín dụng; bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế; hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật;”

Để tránh các quan điểm không thống nhất về việc xác định thuế GTGT đối với nghiệp vụ thư tín dụng (L/C), hiện nay, Ngân hàng Nhà nước đang sửa đổi Luật các TCTD đã bổ sung vào Điều 97 của Dự thảo Luật theo hướng nghiệp vụ phát hành, xác nhận thư tín dụng là hình thức cấp tín dụng, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung quy định vào Điểm a Khoản 8 Điều 5 trên: “*thư tín dụng (trong trường hợp TCTD phải thực hiện nghĩa vụ thay khách hàng từ nguồn tài chính của TCTD)*” thuộc dịch vụ cấp tín dụng và do đó thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Ngoài ra, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung điều khoản trên nghiệp vụ “*mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp*” thuộc đối tượng không chịu thuế trong Luật thuế GTGT, do tại Khoản 11 Điều 3 Thông tư 22/2019/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước đã quy định rõ hoạt động trên là các hình thức cấp tín dụng.

b) **Điểm c Khoản 8 Điều 5 Đề cương Dự thảo Luật** quy định về các đối tượng không chịu thuế: “8. Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, kinh doanh chứng khoán sau đây: ... c) Kinh doanh chứng khoán bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký chứng khoán; quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; dịch vụ tổ chức thị trường của sở giao dịch chứng khoán hoặc trung tâm giao dịch chứng khoán; hoạt động kinh doanh chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán;”



Căn cứ Điều 4 và Điều 86 của Luật Chứng khoán 2019; Theo hướng dẫn tại Công văn số 6440/UBCK-PTTT ngày 13/10/2015 của Ủy ban Chứng khoán quy định: *“Theo quy định tại Khoản 14 Điều 1 Luật Chứng khoán sửa đổi, công ty chứng khoán được cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.*

Hoạt động tư vấn phát hành, đại lý phát hành và đại lý lưu ký trái phiếu đã được quy định theo các văn bản pháp luật về chứng khoán, do vậy các hoạt động này thuộc hoạt động kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán theo quy định tại điểm c Khoản 8 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC”.

Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung vào Điểm c Khoản 8 Điều 5 trên các nghiệp vụ *“tư vấn phát hành chứng khoán, đại lý phát hành và đại lý lưu ký chứng khoán ...”* thuộc dịch vụ kinh doanh chứng khoán và do đó thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT trong Luật thuế GTGT để thống nhất với nội dung hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán.

c) Điểm h Khoản 8 Điều 5 Đề cương Dự thảo Luật quy định về các đối tượng không chịu thuế: *“8. Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, kinh doanh chứng khoán sau đây: ...h) Bán tài sản bảo đảm của khoản nợ của tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của các TCTD Việt Nam”.*

Theo Điểm a Khoản 8 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng thì: *“Bán tài sản bảo đảm tiền vay do tổ chức tín dụng hoặc do cơ quan thi hành án hoặc bên đi vay vốn tự bán tài sản bảo đảm theo ủy quyền của bên cho vay để trả nợ khoản vay có bảo đảm”* cũng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét sửa đổi, bổ sung quy định trên theo hướng: *“h) Bán tài sản bảo đảm tiền vay do tổ chức tín dụng hoặc do cơ quan thi hành án hoặc bên đi vay vốn tự bán tài sản bảo đảm theo ủy quyền của bên cho vay để trả nợ khoản vay có bảo đảm; Bán tài sản bảo đảm của khoản nợ, các dịch vụ tư vấn, môi giới mua, bán nợ và tài sản, phi đăng ký thành viên do các tổ chức, cá nhân nộp khi đăng ký là thành viên của Sàn giao dịch nợ VAMC của tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng Việt Nam;”* thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

d) Khoản 21 Điều 5 Đề cương Dự thảo Luật quy định về các đối tượng không chịu thuế: *“21. Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ; phần mềm máy tính.”*

Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét sửa cụ thể như sau: *“21. Chuyển giao công*

nghe theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ; sản phẩm phần mềm máy tính và dịch vụ phần mềm.” Sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm được quy định cụ thể tại Nghị định 71/2007/NĐ-CP ngày 3/5/2007 của Chính phủ. Phần mềm máy tính chỉ là một phần trong các sản phẩm phần mềm theo quy định hiện hành. Mục tiêu của cơ quan quản lý Nhà nước là khuyến khích phát triển ngành công nghiệp phần mềm trong đó có sản xuất sản phẩm phần mềm và cung ứng dịch vụ phần mềm, do đó, cần đưa cụ thể vào điều khoản của Luật cho chính xác.

e) Khoản 25 Điều 5 Đề cương Dự thảo Luật quy định về các đối tượng không chịu thuế: “25. Hàng hóa, dịch vụ của cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm triệu đồng trở xuống.” Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét sửa đổi, bổ sung như sau: “25. Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm năm mươi triệu đồng trở xuống.” Mức ấn định doanh thu 100 triệu đồng đối với hộ, cá nhân kinh doanh đã lạc hậu. Đối với thu nhập từ tiền lương tiền công, tối thiểu người lao động được giảm trừ 132 triệu/năm, sau giảm trừ các khoản đóng góp bảo hiểm bắt buộc rồi mới tính thuế trên phần thu nhập tính thuế. Vì vậy, ấn định mức doanh số 100 triệu đồng (nghĩa là ấn định trên doanh thu mà không được giảm trừ bất cứ một khoản nào) đối với hộ, cá nhân kinh doanh đã lạc hậu, cần tăng lên cho phù hợp với thực tiễn phát triển của nền kinh tế Việt Nam hiện nay, khi chi phí sinh hoạt của người dân tăng cao.

f) Về các khoản thu phí tại các Hợp đồng vay vốn của TCTD với các bên cho vay nước ngoài: Thực tế hiện nay, trong các thỏa thuận vay vốn nước ngoài giữa Tổ chức tín dụng (TCTD) là bên đi vay với các Bên cho vay nước ngoài, ngoài lãi tiền vay phải trả cho Bên cho vay, các TCTD còn phải trả nhiều loại phí khác nhau như phí quản lý, phí cam kết, phí dịch vụ, phí thanh khoản, phí thu xếp cho vay... và các khoản phí này đều nằm trong thỏa thuận vay vốn. Theo đó, Bên cho vay nước ngoài yêu cầu các TCTD phải thanh toán đầy đủ và không được khấu trừ thuế đối với các khoản phí thanh toán này, trong trường hợp Luật thuế của Việt Nam yêu cầu thực hiện khấu trừ thuế thì các TCTD phải dùng ngân sách chi phí của TCTD để thực hiện nộp thuế. Do vậy, để phù hợp với thực tế phát sinh đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung quy định các khoản thu phí tại các Hợp đồng vay vốn của TCTD với các bên cho vay nước ngoài cũng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

2. Về Giá tính thuế (Điều 7)

Điểm c Khoản 1 Điều 7 Đề cương Dự thảo Luật quy định: “c) Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng cho là giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại các hoạt động này”. Theo quy định trên, sẽ có chênh lệch giữa thời điểm mua và giá trị hàng hóa tại thời điểm cho, biếu, tặng chênh lệch về số thuế GTGT, có thể cao hơn khiến cho người nộp

thuế, trong khi việc cho, biếu, tặng không mang lại doanh thu cho người nộp thuế. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét sửa đổi quy định này theo hướng đối với hàng hóa, dịch vụ mà doanh nghiệp phải mua vào thì giá tính thuế GTGT là giá trên hóa đơn GTGT đầu vào, đồng thời đối với các trường hợp có cung cấp dịch vụ tín dụng, dịch vụ thanh toán là các đối tượng chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT như TCTD thì thuế GTGT đầu vào của các hóa đơn GTGT khi mua vào trong trường hợp này sẽ được khấu trừ toàn bộ.

3. Về Thuế suất (Điều 8)

- Khoản 1 Điều 8 Đề cương Dự thảo Luật quy định: *"1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vận tải quốc tế và hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5 của Luật này khi xuất khẩu, trừ các trường hợp sau đây: ... Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ"*

Thực tế hiện nay các TCTD cung cấp rất nhiều dịch vụ cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan (dịch vụ thanh toán, cấp tín dụng, thư tín dụng...), tuy nhiên tại Luật, Nghị định và Thông tư hướng dẫn hiện hành về thuế GTGT chưa có hướng dẫn cụ thể để xác định dịch vụ mà các TCTD cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan, cho doanh nghiệp chế xuất (ngoài các dịch vụ cấp tín dụng, dịch vụ tài chính phái sinh) là *"tiêu dùng trong khu phi thuế quan"* và được xác định là *"dịch vụ xuất khẩu"* hay không. Từ đó có những quan điểm khác nhau giữa cơ quan quản lý thuế và người nộp thuế khi xác định áp dụng tỷ lệ thuế GTGT với các dịch vụ này của TCTD, gây khó khăn khi thực thi chính sách thuế. Vì vậy, đề nghị xem xét dịch vụ trên được xác định là *"dịch vụ xuất khẩu"* mức thuế suất 0%.

- Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung quy định dịch vụ cung cấp trong khu vực cách ly xuất nhập cảnh tại cửa khẩu hàng không (đại lý thu đổi ngoại tệ, phòng chờ sân bay,...) cũng được áp dụng thuế suất 0%. Cụ thể, đối với dịch vụ cung cấp trong khu vực cách ly xuất nhập cảnh, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét quy định: *dịch vụ cung cấp trong khu vực cách ly xuất nhập cảnh tại cửa khẩu hàng không được áp dụng thuế suất 0%.*

- Đề khuyến khích các tổ chức các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đưa ra các chương trình nhằm khuyến mại, thúc đẩy người dân sử dụng các phương tiện và dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt (VD: các chính sách miễn giảm phí chuyển tiền liên ngân hàng, các chương trình khuyến mại,...). Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung việc áp dụng mức thuế suất ưu đãi hơn cho các tổ chức này khi: (i) các tổ chức này cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt đến người dân; (ii) hoặc các tổ chức này hợp tác với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để triển khai các dịch vụ công cho người dân. Từ đó,

các tổ chức này sẽ có thêm nhiều các chương trình nhằm khuyến khích, thúc đẩy người dân sử dụng các phương tiện và dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt (VD: các chính sách miễn giảm phí chuyển tiền liên ngân hàng, các chương trình khuyến mại,...)

4. Về Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào (Điều 12)

a) Điểm b Khoản 1 Điều 12 Đề cương Dự thảo Luật quy định: “b) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế thì chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng.”

Điểm c Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP và khoản 3 Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC quy định: *“Thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản cố định, máy móc, thiết bị, kể cả thuế giá trị gia tăng đầu vào của hoạt động đi thuê những tài sản, máy móc, thiết bị này và thuế GTGT đầu vào khác liên quan đến tài sản, máy móc, thiết bị như bảo hành, sửa chữa không được khấu trừ mà tính vào nguyên giá của tài sản cố định hoặc chi phí được trừ theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp đối với nhiều trường hợp, trong đó có: ... tài sản cố định, máy móc, thiết bị của các tổ chức tín dụng....”*

Tài sản cố định, máy móc, thiết bị tại TCTD phục vụ chung cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế GTGT (cá biệt có những máy móc phục vụ riêng cho hoạt động chịu thuế GTGT như máy ATM). Việc các văn bản dưới Luật quy định TCTD không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào của các tài sản này là chưa phù hợp với nguyên tắc khấu trừ tại Điểm b Khoản 1 Điều 12 Đề cương Dự thảo Luật như đã nêu ở trên. Vì lẽ đó, trường hợp thấy cần thiết phải giữ nguyên quy định này thì đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét Luật hóa quy định về thuế GTGT đầu vào đối với TSCĐ, máy móc thiết bị của TCTD và các hoạt động liên quan không được khấu trừ. Bên cạnh đó, quy định về “*thuế GTGT đầu vào khác liên quan*” chưa rõ ràng, cụ thể nên các TCTD gặp rất nhiều vướng mắc trong quá trình áp dụng. Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định cụ thể khái niệm “*thuế GTGT đầu vào khác liên quan tới TSCĐ, máy móc, thiết bị*” chỉ gồm sửa chữa, bảo dưỡng hay bao gồm cả các chi phí để phục vụ công tác vận hành.

b) Điểm c Khoản 1 Điều 12 Đề cương Dự thảo Luật quy định: “c) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại được khấu trừ toàn bộ”.

Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét sửa đổi, bổ sung cụ thể như sau: *“c) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa dịch vụ mua vào của tổ chức, cá nhân dùng để tài trợ cho các chương*

trình do Nhà nước kêu gọi theo quy định được khấu trừ toàn bộ;” Các chương trình tài trợ do Nhà nước kêu gọi các tổ chức và cá nhân tham gia đều là các chương trình ích nước, lợi nhà, phục vụ cho các mục tiêu chung của Nhà nước, vì lợi ích của người dân. Thay vì Nhà nước phải bỏ tiền từ ngân sách, doanh nghiệp đóng góp bằng tiền hoặc bằng hàng hóa, dịch vụ mua vào của doanh nghiệp. Việc này được thể hiện rất rõ trong công tác huy động tài trợ phòng, chống Covid năm 2020 – 2021 của Nhà nước đối với doanh nghiệp. Các doanh nghiệp tham gia tài trợ đã giúp Nhà nước tiết kiệm nhiều chục nghìn tỷ đồng, giảm bớt gánh nặng ngân sách. Vì vậy cần khuyến khích doanh nghiệp chia sẻ gánh nặng cho Ngân sách Nhà nước bằng việc cho phép khấu trừ toàn bộ thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua vào dùng cho công tác tài trợ theo quy định của Nhà nước.

c) Điểm đ khoản 1 Điều 12 Đề cương Dự thảo Luật quy định: “đ. Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.”

Khoản 1 Điều 47 Luật Quản lý thuế năm 2019 quy định: “1. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra.” Do đó, để đồng bộ với quy định tại Luật quản lý thuế và phù hợp với thực tế, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi tương tự quy định tại Khoản 1 Điều 47 Luật Quản lý thuế năm 2019.

d) Điểm a Khoản 2 Điều 12 Đề cương Dự thảo Luật quy định: “2. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào được quy định như sau: a) Có hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa, dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu.”

Khoản 1 Điều 81 Thông tư 80/2021/TT-BTC quy định: chỉ khi nhà cung cấp nước ngoài không thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam thì bên Việt Nam mới kê khai và nộp thay theo Thông tư 103/2014/TT-BTC.

Tại Thông báo số 357/TB-DNL ngày 19/11/2022 của Tổng cục Thuế, hiện đã có 39 nhà cung cấp nước ngoài đăng ký thuế, khai và nộp thuế tại Việt Nam, bao gồm nhiều công ty công nghệ lớn cung cấp dịch vụ quảng cáo trực tuyến như Facebook, Google, TikTok,... Trường hợp nhà cung cấp nước ngoài đã nộp thuế (bao gồm thuế GTGT) tại Việt Nam thì bên Việt Nam đã phải chịu thuế GTGT trong giá mua dịch vụ. Tuy nhiên, nhà cung cấp nước ngoài lại không cung cấp hóa đơn đầu vào (do pháp luật về hóa đơn không quy định) và cũng không có chứng từ nộp thuế GTGT khâu

nhập khẩu (do bên Việt Nam không nộp thay). Do đó, bên Việt Nam không có đủ chứng từ để khấu trừ thuế GTGT đã bỏ ra. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung thêm quy định về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với dịch vụ mua của nhà cung cấp nước ngoài đã đăng ký kê khai, nộp thuế trực tiếp tại Việt Nam.

5. Một số góp ý khác:

- Theo pháp luật về kế toán đối với công ty chứng khoán (quy định tại Thông tư 334/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính), doanh thu bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là khoản chênh lệch tăng giữa giá bán thực tế và giá mua (chênh lệch lãi được ghi nhận vào TK 511 - Thu nhập). Theo pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 15 Thông tư 78/2014/TT-BTC, thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán trong kỳ được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua của chứng khoán chuyển nhượng. Do đó, doanh thu đối với hoạt động tự doanh chứng khoán để xác định tỷ lệ thuế GTGT đầu vào là khoản lãi mà công ty chứng khoán thu được (chênh lệch tăng giữa giá bán thực tế và giá mua) chứ không phải là giá trị bán chứng khoán. Tuy nhiên, nhiều cơ quan thuế và cơ quan thanh kiểm tra hiện nay đang xác định doanh thu của hoạt động chuyển nhượng chứng khoán chỉ bằng giá bán. Điều này là chưa phù hợp với đặc thù của hoạt động chứng khoán. Do đó, đề nghị xem xét bổ sung quy định xác định chi tiêu doanh thu để tính tỉ lệ thuế GTGT khấu trừ trong chuyển nhượng chứng khoán của công ty chứng khoán (tự doanh chứng khoán) là khoản chênh lệch tăng giữa giá bán thực tế và giá mua.

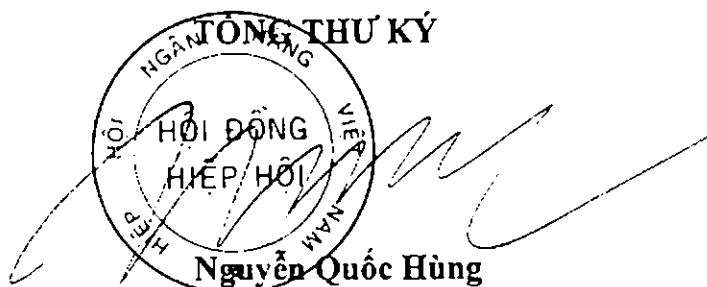
- Về các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT: Hiện tại, Đề cương Dự thảo Luật chỉ quy định về các đối tượng chịu thuế tại Điều 3 và đối tượng không chịu thuế tại Điều 5 của Luật. Trong khi đó, Khoản 3 Điều 2 Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ hướng dẫn Luật Thuế GTGT còn có quy định các trường hợp không phải kê khai, tính thuế GTGT. Do vậy, để thống nhất áp dụng, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung quy định về các trường hợp không phải kê khai, tính thuế GTGT tại Dự thảo Luật.

Trên đây là một số ý kiến góp ý đối với Đề cương dự thảo Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), Hiệp hội Ngân hàng xin gửi Quý Cơ quan xem xét, tổng hợp./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HHNH (để b/c);
- Lưu: VP, PLNV.

**TỔNG THƯ KÝ**
HỘI ĐỒNG
HIỆP HỘI
Nguyen Quốc Hùng

CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM)

Số: 31032023

V/v: Các đề xuất sửa đổi luật thuế GTGT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

P2
4/4/23
L

Kính gửi: Vụ Chính sách Thuế - Bộ Tài Chính

Số 28 Trần Hưng Đạo - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

BỘ TÀI CHÍNH

ĐẾN Số: 0027.079

Ngày: 03-04-2023

Chuyên:

Số và ký hiệu HS:

Kính thưa Quý cơ quan,

Thay mặt Công ty TNHH PwC (Việt Nam) ("PwC Việt Nam"), chúng tôi xin gửi lời chào trân trọng đến Quý cơ quan và xin bày tỏ sự cảm ơn chân thành đến Quý cơ quan về sự quan tâm giúp đỡ hỗ trợ hiệu quả trong thời gian qua.

Ngày 23/02/2023, Bộ Tài chính có công văn số 1660/BTC-CST về việc lấy ý kiến về việc lập đề nghị xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) sửa đổi.

Chúng tôi rất hoan nghênh đề xuất sửa đổi Luật thuế GTGT vì luật đã ban hành từ lâu và có những vấn đề không theo kịp với tình hình thực tế. Bằng thư này chúng tôi xin trình bày một số đề xuất sửa đổi chính của luật thuế GTGT để Quý cơ quan nghiên cứu và xem xét.

1. Dịch vụ xuất khẩu

Theo quy định hiện hành luật thuế GTGT, thuế suất 0% áp dụng cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ.

Tuy nhiên, không có định nghĩa hoặc hướng dẫn cụ thể thế nào là "dịch vụ tiêu dùng ở ngoài Việt Nam" và vì vậy dẫn tới việc khó khăn khi áp dụng 0% cho dịch vụ xuất khẩu theo quy định của pháp luật. Các văn bản hướng dẫn hiện hành cũng không có định nghĩa rõ ràng về tiêu dùng ngoài Việt Nam dẫn đến cơ quan thuế có nhiều cách hiểu khác nhau. Thậm chí rất nhiều công văn đã hướng dẫn dịch vụ cung cấp cho các khách hàng nước ngoài nhưng được thực hiện tại Việt Nam nên được coi là tiêu dùng tại Việt Nam và phải chịu thuế GTGT 10%.

Trong khi đó "xuất khẩu dịch vụ" thường được hiểu là: các dịch vụ thực hiện tại Việt Nam cho các khách hàng nước ngoài. Hóa đơn, Hợp đồng và chứng từ thanh toán qua ngân hàng là đủ để chứng minh hoạt động xuất khẩu dịch vụ.

Hiện nay với sự phát triển của công nghệ thông tin ngày càng nhiều các công ty đa quốc gia đã chuyển một phần các hoạt động hành chính, văn phòng, hỗ trợ của mình ra nước ngoài hoặc thuê các công ty nước ngoài thực hiện các công đoạn này (thường được gọi là Outsourcing). Ví dụ: dịch vụ xử lý dữ liệu kế toán, dịch vụ tính lương, xử lý các đơn hàng, xử lý khiếu nại, đến các hoạt động có giá trị gia tăng cao như thiết kế, nghiên cứu phát triển, quản lý đơn đặt hàng, quản lý chuỗi phân phối, v.v. Đặc điểm của các ngành này là cần đội ngũ nhân viên có một số kiến thức về công nghệ thông tin và chi phí hợp lý, rất phù hợp với Việt Nam. Ấn Độ, Philippines là 2 quốc gia ở châu Á rất nổi tiếng và được chọn là nơi đặt các trung tâm outsourcing. Các trung tâm này sẽ cung cấp dịch vụ cho khách hàng trên toàn cầu.

M.S.C

Cách đây nhiều năm, Việt Nam đã được coi là một trong những địa có lợi thế để làm trung tâm Outsourcing. Tuy nhiên, ngành này vẫn không phát triển được vì các dịch vụ của họ không được coi là dịch vụ xuất khẩu nên phải nộp 10% thuế GTGT. Số thuế này khách hàng không thể khấu trừ được nên vô hình chung giá dịch vụ của các công ty Việt Nam sẽ đắt hơn 10%, không cạnh tranh được với các nước. Rất nhiều khách hàng của chúng tôi khi thực hiện nghiên cứu để lựa chọn địa điểm đặt các trung tâm dịch vụ vùng đều rút lui khỏi Việt Nam vì chính sách thuế GTGT đối với hoạt động xuất khẩu dịch vụ. Tiềm năng phát triển của ngành Outsourcing rất lớn, nếu chính sách thuế GTGT không phù hợp sẽ làm cho Việt Nam mất ưu thế so với các quốc gia khác.

Chúng tôi hiểu theo Tờ trình đang cân nhắc "sửa đổi quy định về thuế suất 0% đối với dịch vụ xuất khẩu để phù hợp với thông lệ quốc tế và để tránh vướng mắc trong thực hiện". Theo ý kiến chúng tôi, đây là đề xuất được các doanh nghiệp hoan nghênh. Trong bối cảnh các nước trong khu vực như Singapore hay Malaysia đang có ưu đãi cho việc thành lập các trung tâm cung cấp dịch vụ tập trung của các tập đoàn đa quốc gia, chúng tôi đề nghị Bộ Tài Chính xem xét mở rộng và làm rõ phạm vi áp dụng 0% của dịch vụ xuất khẩu, cụ thể là *bỏ tiêu chí tiêu dùng ngoài Việt Nam* để nâng cao khả năng cạnh tranh cho môi trường đầu tư Việt Nam đồng thời để doanh nghiệp có cơ sở rõ ràng để áp dụng cụ thể và không phụ thuộc vào các diễn giải khác nhau của cơ quan thuế.

Nếu cơ quan thuế e ngại các doanh nghiệp lách thuế GTGT bằng cách không ký hợp đồng dịch vụ trực tiếp với các công ty ở Việt Nam mà để công ty mẹ thanh toán hộ để hưởng 0% thuế GTGT, rồi sau đó công ty mẹ tính lại các chi phí này cho các công ty Việt Nam thì:

- (i) các khoản do công ty Việt Nam thanh toán cho công ty mẹ, theo quy định hiện hành sẽ phải chịu thuế nhà thầu (5% thuế TNDN và 5% thuế GTGT): vì vậy, sẽ không có thất thu về thuế.
- (ii) trong trường hợp công ty mẹ không muốn phải chịu phần thuế nhà thầu và không yêu cầu bên Việt Nam thanh toán lại, thì bên Việt Nam sẽ không phải chịu chi phí này, và như vậy, Việt Nam sẽ thu thêm được phần thuế TNDN tương ứng với phần chi phí không phải thanh toán (20% thuế TNDN trên tổng tiền chi phí không phải thanh toán cho công ty mẹ)

Như vậy, trong mọi trường hợp, không có thất thu về thuế tại Việt Nam.

2. Thuế GTGT về lợi thế thương mại và chuyển nhượng dự án đầu tư

Hiện tại, trong thực tế có nhiều trường hợp tái cấu trúc doanh nghiệp, nên các doanh nghiệp có thể chuyển nhượng một mảng hoạt động sản xuất kinh doanh (business activity) của mình. Trong trường hợp này, sẽ có thể phát sinh lợi thế thương mại do giá trị chuyển nhượng cao hơn giá trị của tài sản còn lại trong sổ sách vì có các tài sản vô hình (danh sách khách hàng, thương hiệu, v.v). Quy định hiện hành về thuế GTGT không đề cập đến thuế GTGT áp dụng đối với lợi thế thương mại. Nhiều quốc gia không đánh thuế GTGT trên lợi thế thương mại vì đây không phải hàng hóa, dịch vụ. Do đó, Quý cơ quan nên cân nhắc quy định thuế GTGT không áp dụng cho lợi thế thương mại để phù hợp tình hình thực tế.

Theo quy định hiện hành, hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT không thuộc đối tượng phải kê khai và tính nộp thuế GTGT. Tuy nhiên, hiện chưa có định nghĩa rõ ràng thế nào là chuyển nhượng dự án, ví dụ, nếu dự án đã hoàn tất giai đoạn đầu tư và đã đi vào hoạt động, lúc tạo ra doanh thu, liệu rằng việc chuyển nhượng dự án đó có đủ điều kiện áp dụng theo quy định của luật thuế GTGT? Ngoài ra, cũng không có hướng dẫn về việc áp dụng thuế GTGT cho trường hợp chuyển nhượng dự án được dùng để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT, vừa dùng để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT.

Theo đó, quý cơ quan nên cân nhắc việc quy định rõ định nghĩa "chuyển nhượng dự án" để tạo cơ chế minh bạch, rõ ràng để cơ quan thuế địa phương có thể áp dụng thống nhất khi xử lý hồ sơ liên quan tới áp dụng thuế GTGT cho chuyển nhượng dự án.

015:
CÔN:
TN:
0 (VI)
1.P.

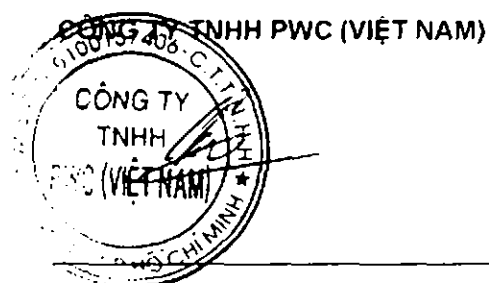
3. Hoàn thuế

Theo quy định về thuế GTGT hiện hành thì hoàn thuế GTGT được áp dụng đối với "dự án đầu tư" nói chung, không có hướng dẫn cụ thể liệu rằng dự án đầu tư được hoàn thuế là dự án đầu tư mới hay dự án đầu tư mở rộng.

Thuế GTGT là loại thuế gián thu, do đó quý cơ quan nên cân nhắc việc quy định rõ cơ chế xử lý hoàn thuế GTGT giai đoạn đầu tư cho "dự án đầu tư mới"; dự án đầu tư mở rộng; dự án chia nhiều hạng mục, giai đoạn; để tạo cơ chế minh bạch, rõ ràng để Bộ Tài Chính có hướng dẫn chi tiết về cơ chế xử lý hoàn và cơ quan thuế địa phương có thể áp dụng thống nhất khi xử lý hồ sơ. Ngoài ra, dự án đầu tư, dự án đầu tư mới, "dự án đầu tư mở rộng" cần nên được định nghĩa rõ ràng, căn cứ theo quy định Luật Đầu tư, để có sự thống nhất trong quy định văn bản pháp luật. Việc này hoàn thiện cơ chế hoàn thuế không làm giảm thu ngân sách nhà nước. Trái lại, đây chỉ là một hình thức hỗ trợ vốn, giảm bớt gánh nặng dòng tiền cho doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh trong nước.

Chúng tôi đề xuất nên đưa lại quy định cho phép hoàn thuế GTGT đối với doanh nghiệp đang hoạt động có số thuế đầu vào lớn. Hoàn thuế là nguyên tắc cơ bản của thuế GTGT. Trong thời gian hoạt động, doanh nghiệp có thể sẽ phát sinh số thuế đầu vào lớn khi mua nguyên vật liệu hoặc thay thế máy móc thiết bị, nếu không được hoàn thuế sẽ ảnh hưởng rất lớn đến dòng tiền và nhu cầu vốn của doanh nghiệp.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn và kính chào.



Đến : - Như trên

Dinh Chi Quỳnh Vân
TỔNG GIÁM ĐỐC

**HIỆP HỘI
XĂNG DẦU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 468/HHXDVN-VP

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

V/v đóng góp ý kiến về việc lập đề
nghị xây dựng dự án Luật thuế
GTGT sửa đổi

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ:	0023992
Ngày:	24-03-2023
Chuyên:	Vụ CST
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: - Bộ Tài chính;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Liên quan đến quy định tại Luật Thuế Giá trị gia tăng, Luật số 106/2016/QH13 “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế” có hiệu lực từ ngày 1/7/2016, đóng góp ý kiến theo công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/2/2023 của Bộ Tài chính, công văn số 0273/LĐTM-PC ngày 01/3/2023 của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam tổng hợp một số vướng mắc và đề xuất kiến nghị như sau:

Trong giai đoạn hiện nay, nền kinh tế thế giới biến đổi phức tạp khó lường với môi trường thế giới có nhiều biến đổi liên quan đến dịch bệnh, sự phát triển mới năng lượng tái tạo, sự bất ổn và cuộc khủng hoảng về năng lượng đang diễn ra, thêm vào đó với các yêu cầu về tiêu chuẩn khí thải theo Quyết định 49/2011/QĐ-TTg, các đầu mối kinh doanh xăng dầu tiếp tục nhập lượng hàng đạt tiêu chuẩn IV, tiêu chuẩn V cung cấp cho thị trường nội địa khiến cho sản lượng xăng dầu cung ứng trên thị trường có thời điểm sẽ vượt nhu cầu nội địa hoặc có những thời điểm sản phẩm xăng dầu của Nhà máy lọc dầu Dung Quất không thể tiêu thụ được tại thị trường nội địa, buộc phải xuất khẩu. Để đảm bảo cho Nhà máy được vận hành an toàn và liên tục, ngoài phương án tiêu thụ tối đa sản phẩm tại thị trường nội địa, Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) và khách hàng của BSR phải có kế hoạch xuất khẩu sản phẩm của NMLD Dung Quất sang các nước trong khu vực khi sản phẩm của nhà máy không thể tiêu thụ được tại thị trường nội địa. Riêng đối với mặt hàng FO của NMLD Dung Quất hiện cũng chưa đáp ứng được TCVN nên buộc bán cho các đối tác nước ngoài. Dự kiến trong những năm tới, để tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh ngoài việc xuất khẩu FO, xăng, dầu, LPG, BSR sẽ xuất bán các sản phẩm trung gian, bán thành phẩm tùy theo nhu cầu của thị trường thế giới.

Việc các sản phẩm xuất khẩu của Nhà máy lọc dầu được sản xuất từ khoáng sản (dầu mỏ) có nguồn gốc trong nước không thuộc đối tượng chịu thuế là cản trở rất lớn đối với việc tối ưu hóa sản xuất kinh doanh của Nhà máy, làm cho sản phẩm của Việt Nam không thể vươn ra thị trường Quốc tế mặc dù sản phẩm sản xuất của NMLD là các sản phẩm thông qua chế biến sâu, qua quy trình sản xuất nghiêm ngặt, hiện đại, từ dầu mỏ thô sản xuất ra sản phẩm tiêu dùng cuối cùng, không còn tính chất là nguyên

liệu thô. Sản phẩm xuất khẩu không thuộc đối tượng chịu thuế sẽ có giá thành cao hơn sản phẩm cùng loại của nhà máy khác trong nước và trong khu vực do giá thành của sản phẩm phải cộng thêm phần chi phí thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ, giá bán của sản phẩm sẽ không cạnh tranh và làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của BSR.

Nhận thức được vấn đề khó khăn nêu trên, Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam đã gửi công văn số 267/HHXDVN-VP ngày 18/6/2018 và BSR cũng đã gửi nhiều văn bản kiến nghị Bộ Tài chính bao gồm: công văn số 1304/BSR-HĐTV ngày 12/3/2018, công văn số 2525/BSR-HĐTV ngày 8/5/2018 báo cáo Bộ Tài chính về việc vướng mắc khó khăn và đề xuất kiến nghị loại bỏ các sản phẩm sản xuất từ tài nguyên là dầu thô ra khỏi danh sách các sản phẩm không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu (bao gồm cả xuất khẩu trực tiếp từ BSR và xuất khẩu thông qua các thương nhân đầu mối). Bộ Tài chính đã có văn bản trả lời số 4674/BTC-CST ngày 23/04/2018 và công văn số 7155/BTC-CST ngày 18/06/2018. Theo các công văn trên thì tính đến nay mới chỉ có sản phẩm PP khi xuất khẩu là được thuộc đối tượng chịu thuế, đồng thời Bộ Tài chính cũng ghi nhận ý kiến của BSR để nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Hiện nay, theo hướng dẫn tại công văn số 3579/TCT-DNL ngày 17/9/2021 về thuế giá trị gia tăng của sản phẩm xăng dầu khi xuất khẩu thì phần nhỏ vướng mắc của doanh nghiệp được tháo gỡ. Theo đó, BSR theo dõi hạch toán riêng sản phẩm sản xuất từ nguồn dầu thô trong nước/ dầu thô nhập khẩu để xác định đối tượng chịu thuế/ đối tượng không chịu thuế cho từng khối lượng hàng xuất. Mặc dù vậy, đối tượng chịu thuế cho hàng sản xuất từ dầu thô nhập khẩu (tỷ trọng dầu thô nhập khẩu của nhà máy trong tổng lượng dầu thô đưa vào sản xuất chế biến chưa cao khoảng 20-30%), và việc theo dõi cũng rất phức tạp và phát sinh thêm rất nhiều công việc và không mang tính triệt để vấn đề đã nêu.

Để xử lý dứt điểm vấn đề này, giúp giảm các thủ tục quản lý, tăng tính linh hoạt chủ động cho sản xuất và tăng tính cạnh tranh với các sản phẩm của các nhà máy lọc dầu trong khu vực, Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam kính đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp báo cáo Chính phủ xem xét loại bỏ các sản phẩm được chế biến từ tài nguyên là dầu thô ra khỏi danh sách các sản phẩm không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.

TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỖ CHỦ TỊCH



Trịnh Quang Khanh

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1617/BSR-TCKT

V/v góp ý kiến về việc lập đề
nghị xây dựng dự án Luật thuế
GTGT sửa đổi

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 03 năm 2023

BỘ TÀI CHÍNH

ĐẾN SỐ: 2374-3

Ngày: 23-03-2023

Chuyên: Vụ CST (26)

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài Chính;

Liên quan đến quy định tại Luật Thuế Giá trị gia tăng, luật số 106/2016/QH13
"Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Giá trị gia tăng, luật thuế tiêu thụ đặc
biệt và luật quản lý thuế" có hiệu lực từ ngày 1/7/2016, đồng góp ý kiến theo công văn
số 1660/BTC-CST ngày 23/2/2023, Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (BSR) có
một số vướng mắc và đề xuất kiến nghị như sau:

Trong giai đoạn hiện nay, nền kinh tế thế giới biến đổi phức tạp khó lường với
môi trường thế giới có nhiều biến đổi liên quan đến dịch bệnh, sự phát triển mới năng
lượng tái tạo, sự bất ổn và cuộc khủng hoảng về năng lượng đang diễn ra, thêm vào đó
với các yêu cầu về tiêu chuẩn khí thải theo Quyết định 49/2011/QĐ-TTg, các đầu mối
kinh doanh xăng dầu tiếp tục nhập lượng hàng đạt tiêu chuẩn IV, tiêu chuẩn V cung
cấp cho thị trường nội địa khiến cho sản lượng xăng dầu cung ứng trên thị trường có
thời điểm sẽ vượt nhu cầu nội địa hoặc có những thời điểm sản phẩm xăng dầu của
BSR không thể tiêu thụ được tại thị trường nội địa, buộc phải xuất khẩu. Để đảm bảo
cho Nhà máy được vận hành an toàn và liên tục, ngoài phương án tiêu thụ tối đa sản
phẩm tại thị trường nội địa, BSR và khách hàng của BSR phải có kế hoạch xuất khẩu
sản phẩm của NMLD Dung Quất sang các nước trong khu vực khi sản phẩm của nhà
máy không thể tiêu thụ được tại thị trường nội địa. Riêng đối với mặt hàng FO của
NMLD Dung Quất hiện cũng chưa đáp ứng được TCVN nên buộc bán cho các đối tác
nước ngoài. Dự kiến trong những năm tới, để tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh
ngoài việc xuất khẩu FO, xăng, dầu, LPG, BSR sẽ xuất bán các sản phẩm trung gian,
bán thành phẩm tùy theo nhu cầu của thị trường thế giới.

Việc các sản phẩm xuất khẩu của Nhà máy lọc dầu được sản xuất từ khoáng sản
(dầu mỏ) có nguồn gốc trong nước không thuộc đối tượng chịu thuế là cản trở rất lớn
đối với việc tối ưu hóa sản xuất kinh doanh của Công ty, làm cho sản phẩm của Việt
Nam không thể vươn ra thị trường Quốc tế mặc dù sản phẩm sản xuất của NMLD là
các sản phẩm thông qua chế biến sâu, qua qui trình sản xuất nghiêm ngặt, hiện đại, từ
dầu mỏ thô sản xuất ra sản phẩm tiêu dùng cuối cùng, không còn tính chất là nguyên
liệu thô. Sản phẩm xuất khẩu không thuộc đối tượng chịu thuế sẽ có giá thành cao hơn
sản phẩm cùng loại của nhà máy khác trong nước và trong khu vực do giá thành của
sản phẩm phải cộng thêm phần chi phí thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu
trừ, giá bán của sản phẩm sẽ không cạnh tranh và làm giảm hiệu quả sản xuất kinh
doanh của BSR.



Nhân thức được vấn đề khó khăn nêu trên, BSR đã gửi nhiều văn bản kiến nghị Bộ Tài chính bao gồm: công văn số 1304/BSR-HĐTV ngày 12/3/2018, công văn số 2525/BSR-HĐTV ngày 8/5/2018 báo cáo Bộ Tài chính về việc vướng mắc khó khăn và đề xuất kiến nghị loại bỏ các sản phẩm sản xuất từ tài nguyên là dầu thô ra khỏi danh sách các sản phẩm không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu (bao gồm cả xuất khẩu trực tiếp từ BSR và xuất khẩu thông qua các công ty thương mại dầu mỏ). Bộ Tài chính đã có văn bản trả lời số 4674/BTC-CST ngày 23/04/2018 và công văn số 7155/BTC-CST ngày 18/06/2018. Theo các công văn trên thì tính đến nay mới chỉ có sản phẩm PP khi xuất khẩu là được thuộc đối tượng chịu thuế, đồng thời Bộ Tài chính cũng ghi nhận ý kiến của BSR để nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Hiện nay, theo hướng dẫn tại công văn số 3579/TCT-DNL ngày 17/9/2021 về thuế giá trị gia tăng của sản phẩm xăng dầu khi xuất khẩu thì phần nhỏ vướng mắc của doanh nghiệp được tháo gỡ. Theo đó, BSR theo dõi hạch toán riêng sản phẩm sản xuất từ nguồn dầu thô trong nước/ dầu thô nhập khẩu để xác định đối tượng chịu thuế/ đối tượng không chịu thuế cho từng khối lượng hàng xuất. Mặc dù vậy, đối tượng chịu thuế cho hàng sản xuất từ dầu thô nhập khẩu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng sản lượng của nhà máy (tỷ trọng dầu thô nhập khẩu của nhà máy trong tổng lượng dầu thô đưa vào sản xuất chế biến chưa cao khoảng 20-30%) và việc theo dõi cũng rất phức tạp và phát sinh thêm rất nhiều công việc và không mang tính triệt để vấn đề đã nêu.

Để xử lý dứt điểm vấn đề này, giúp giảm các thủ tục quản lý, tăng tính linh hoạt chủ động cho sản xuất và tăng tính cạnh tranh với các sản phẩm của các nhà máy lọc dầu trong khu vực, BSR kính báo Bộ Tài Chính ghi nhận kiến nghị các cấp có thẩm quyền nghiên cứu, xem xét loại bỏ các sản phẩm được chế biến từ tài nguyên là dầu thô ra khỏi danh sách các sản phẩm không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu.

Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn kính báo cáo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Chính Sách Thuế- Bộ Tài Chính;
- Cục Thuế DNL - Tổng cục Thuế;
- HĐQT (thay báo cáo);
- BKS (thay báo cáo);
- Các PTGD: N.V.Thắng;
- Các Ban: KD, ĐDSX, TCKT, PCRR;
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Ngọc Dương



Số: 4617/BSR-TCKT

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 03 năm 2023

V/v góp ý kiến về việc lập đề
nghị xây dựng dự án Luật thuế
GTGT sửa đổi

Kính gửi: Bộ Tài Chính;

Liên quan đến quy định tại Luật Thuế Giá trị gia tăng, luật số 106/2016/QH13 “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Giá trị gia tăng, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật quản lý thuế” có hiệu lực từ ngày 1/7/2016, đồng góp ý kiến theo công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/2/2023, Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (BSR) có một số vướng mắc và đề xuất kiến nghị như sau:

Trong giai đoạn hiện nay, nền kinh tế thế giới biến đổi phức tạp khó lường với môi trường thế giới có nhiều biến đổi liên quan đến dịch bệnh, sự phát triển mới năng lượng tái tạo, sự bất ổn và cuộc khủng hoảng về năng lượng đang diễn ra, thêm vào đó với các yêu cầu về tiêu chuẩn khí thải theo Quyết định 49/2011/QĐ-TTg, các đầu mối kinh doanh xăng dầu tiếp tục nhập lượng hàng đạt tiêu chuẩn IV, tiêu chuẩn V cung cấp cho thị trường nội địa khiến cho sản lượng xăng dầu cung ứng trên thị trường có thời điểm sẽ vượt nhu cầu nội địa hoặc có những thời điểm sản phẩm xăng dầu của BSR không thể tiêu thụ được tại thị trường nội địa, buộc phải xuất khẩu. Để đảm bảo cho Nhà máy được vận hành an toàn và liên tục, ngoài phương án tiêu thụ tối đa sản phẩm tại thị trường nội địa, BSR và khách hàng của BSR phải có kế hoạch xuất khẩu sản phẩm của NMLD Dung Quất sang các nước trong khu vực khi sản phẩm của nhà máy không thể tiêu thụ được tại thị trường nội địa. Riêng đối với mặt hàng FO của NMLD Dung Quất hiện cũng chưa đáp ứng được TCVN nên buộc bán cho các đối tác nước ngoài. Dự kiến trong những năm tới, để tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh ngoài việc xuất khẩu FO, xăng, dầu, LPG, BSR sẽ xuất bán các sản phẩm trung gian, bán thành phẩm tùy theo nhu cầu của thị trường thế giới.

Việc các sản phẩm xuất khẩu của Nhà máy lọc dầu được sản xuất từ khoáng sản (dầu mỏ) có nguồn gốc trong nước không thuộc đối tượng chịu thuế là cản trở rất lớn đối với việc tối ưu hóa sản xuất kinh doanh của Công ty, làm cho sản phẩm của Việt Nam không thể vươn ra thị trường Quốc tế mặc dù sản phẩm sản xuất của NMLD là các sản phẩm thông qua chế biến sâu, qua qui trình sản xuất nghiêm ngặt, hiện đại, từ dầu mỏ thô sản xuất ra sản phẩm tiêu dùng cuối cùng, không còn tính chất là nguyên liệu thô. Sản phẩm xuất khẩu không thuộc đối tượng chịu thuế sẽ có giá thành cao hơn sản phẩm cùng loại của nhà máy khác trong nước và trong khu vực do giá thành của sản phẩm phải cộng thêm phần chi phí thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ, giá bán của sản phẩm sẽ không cạnh tranh và làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của BSR.

Nhận thức được vấn đề khó khăn nêu trên, BSR đã gửi nhiều văn bản kiến nghị Bộ Tài chính bao gồm: công văn số 1304/BSR-HĐTV ngày 12/3/2018, công văn số 2525/BSR-HĐTV ngày 8/5/2018 báo cáo Bộ Tài chính về việc vướng mắc khó khăn và đề xuất kiến nghị loại bỏ các sản phẩm sản xuất từ tài nguyên là dầu thô ra khỏi danh sách các sản phẩm không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu (bao gồm cả xuất khẩu trực tiếp từ BSR và xuất khẩu thông qua các công ty thương mại dầu mỏ). Bộ Tài chính đã có văn bản trả lời số 4674/BTC-CST ngày 23/04/2018 và công văn số 7155/BTC-CST ngày 18/06/2018. Theo các công văn trên thì tính đến nay mới chỉ có sản phẩm PP khi xuất khẩu là được thuộc đối tượng chịu thuế, đồng thời Bộ Tài chính cũng ghi nhận ý kiến của BSR đề nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Hiện nay, theo hướng dẫn tại công văn số 3579/TCT-DNL ngày 17/9/2021 về thuế giá trị gia tăng của sản phẩm xăng dầu khi xuất khẩu thì phần nhỏ vướng mắc của doanh nghiệp được tháo gỡ. Theo đó, BSR theo dõi hạch toán riêng sản phẩm sản xuất từ nguồn dầu thô trong nước/ dầu thô nhập khẩu để xác định đối tượng chịu thuế/ đối tượng không chịu thuế cho từng khối lượng hàng xuất. Mặc dù vậy, đối tượng chịu thuế cho hàng sản xuất từ dầu thô nhập khẩu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng sản lượng của nhà máy (tỷ trọng dầu thô nhập khẩu của nhà máy trong tổng lượng dầu thô đưa vào sản xuất chế biến chưa cao khoảng 20-30%) và việc theo dõi cũng rất phức tạp và phát sinh thêm rất nhiều công việc và không mang tính triệt để vấn đề đã nêu.

Để xử lý dứt điểm vấn đề này, giúp giảm các thủ tục quản lý, tăng tính linh hoạt chủ động cho sản xuất và tăng tính cạnh tranh với các sản phẩm của các nhà máy lọc dầu trong khu vực, BSR kính báo Bộ Tài Chính nghị nhận kiến nghị các cấp có thẩm quyền nghiên cứu, xem xét loại bỏ các sản phẩm được chế biến từ tài nguyên là dầu thô ra khỏi danh sách các sản phẩm không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu.

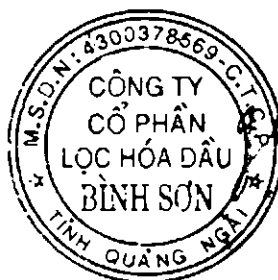
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn kính báo cáo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Chính Sách Thuế- Bộ Tài Chính;
- Cục Thuế DNL - Tổng cục Thuế;
- HĐQT (thay báo cáo);
- BKS (thay báo cáo);
- Các PTGD: N.V.Thắng;
- Các Ban: KD, ĐDSX, TCKT, PCRR;
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Ngọc Dương



Ký bởi: Văn phòng Bộ
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 24/03/2023 16:04:33
+07:00

**HIỆP HỘI
XĂNG DẦU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 468/HHXDVN-VP

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

V/v đóng góp ý kiến về việc lập đề
nghị xây dựng dự án Luật thuế
GTGT sửa đổi

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 0023.992
Ngày:	24-03-2023
Chuyên:	Vụ CST
Số và ký hiệu HS:	Nam

Kính gửi: - Bộ Tài chính;

- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Liên quan đến quy định tại Luật Thuế Giá trị gia tăng, Luật số 106/2016/QH13 “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế” có hiệu lực từ ngày 1/7/2016, đóng góp ý kiến theo công văn số 1660/BTC-CST ngày 23/2/2023 của Bộ Tài chính, công văn số 0273/LDTM-PC ngày 01/3/2023 của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam tổng hợp một số vướng mắc và đề xuất kiến nghị như sau:

Trong giai đoạn hiện nay, nền kinh tế thế giới biến đổi phức tạp khó lường với môi trường thế giới có nhiều biến đổi liên quan đến dịch bệnh, sự phát triển mới năng lượng tái tạo, sự bất ổn và cuộc khủng hoảng về năng lượng đang diễn ra, thêm vào đó với các yêu cầu về tiêu chuẩn khí thải theo Quyết định 49/2011/QĐ-TTg, các đầu mối kinh doanh xăng dầu tiếp tục nhập lượng hàng đạt tiêu chuẩn IV, tiêu chuẩn V cung cấp cho thị trường nội địa khiến cho sản lượng xăng dầu cung ứng trên thị trường có thời điểm sẽ vượt nhu cầu nội địa hoặc có những thời điểm sản phẩm xăng dầu của Nhà máy lọc dầu Dung Quất không thể tiêu thụ được tại thị trường nội địa, buộc phải xuất khẩu. Để đảm bảo cho Nhà máy được vận hành an toàn và liên tục, ngoài phương án tiêu thụ tối đa sản phẩm tại thị trường nội địa, Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) và khách hàng của BSR phải có kế hoạch xuất khẩu sản phẩm của NMLD Dung Quất sang các nước trong khu vực khi sản phẩm của nhà máy không thể tiêu thụ được tại thị trường nội địa. Riêng đối với mặt hàng FO của NMLD Dung Quất hiện cũng chưa đáp ứng được TCVN nên buộc bán cho các đối tác nước ngoài. Dự kiến trong những năm tới, để tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh ngoài việc xuất khẩu FO, xăng, dầu, LPG, BSR sẽ xuất bán các sản phẩm trung gian, bán thành phẩm tùy theo nhu cầu của thị trường thế giới.

Việc các sản phẩm xuất khẩu của Nhà máy lọc dầu được sản xuất từ khoáng sản (dầu mỏ) có nguồn gốc trong nước không thuộc đối tượng chịu thuế là cản trở rất lớn đối với việc tối ưu hóa sản xuất kinh doanh của Nhà máy, làm cho sản phẩm của Việt Nam không thể vươn ra thị trường Quốc tế mặc dù sản phẩm sản xuất của NMLD là các sản phẩm thông qua chế biến sâu, qua quy trình sản xuất nghiêm ngặt, hiện đại, từ dầu mỏ thô sản xuất ra sản phẩm tiêu dùng cuối cùng, không còn tính chất là nguyên

liệu thô. Sản phẩm xuất khẩu không thuộc đối tượng chịu thuế sẽ có giá thành cao hơn sản phẩm cùng loại của nhà máy khác trong nước và trong khu vực do giá thành của sản phẩm phải cộng thêm phần chi phí thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ, giá bán của sản phẩm sẽ không cạnh tranh và làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của BSR.

Nhận thức được vấn đề khó khăn nêu trên, Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam đã gửi công văn số 267/HHXDVN-VP ngày 18/6/2018 và BSR cũng đã gửi nhiều văn bản kiến nghị Bộ Tài chính bao gồm: công văn số 1304/BSR-HĐTV ngày 12/3/2018, công văn số 2525/BSR-HĐTV ngày 8/5/2018 báo cáo Bộ Tài chính về việc vướng mắc khó khăn và đề xuất kiến nghị loại bỏ các sản phẩm sản xuất từ tài nguyên là dầu thô ra khỏi danh sách các sản phẩm không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu (bao gồm cả xuất khẩu trực tiếp từ BSR và xuất khẩu thông qua các thương nhân đầu mối). Bộ Tài chính đã có văn bản trả lời số 4674/BTC-CST ngày 23/04/2018 và công văn số 7155/BTC-CST ngày 18/06/2018. Theo các công văn trên thì tính đến nay mới chỉ có sản phẩm PP khi xuất khẩu là được thuộc đối tượng chịu thuế, đồng thời Bộ Tài chính cũng ghi nhận ý kiến của BSR để nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Hiện nay, theo hướng dẫn tại công văn số 3579/TCT-DNL ngày 17/9/2021 về thuế giá trị gia tăng của sản phẩm xăng dầu khi xuất khẩu thì phần nhỏ vướng mắc của doanh nghiệp được tháo gỡ. Theo đó, BSR theo dõi hạch toán riêng sản phẩm sản xuất từ nguồn dầu thô trong nước/ dầu thô nhập khẩu để xác định đối tượng chịu thuế/ đối tượng không chịu thuế cho từng khối lượng hàng xuất. Mặc dù vậy, đối tượng chịu thuế cho hàng sản xuất từ dầu thô nhập khẩu (tỷ trọng dầu thô nhập khẩu của nhà máy trong tổng lượng dầu thô đưa vào sản xuất chế biến chưa cao khoảng 20-30%), và việc theo dõi cũng rất phức tạp và phát sinh thêm rất nhiều công việc và không mang tính triệt để vấn đề đã nêu.

Để xử lý dứt điểm vấn đề này, giúp giảm các thủ tục quản lý, tăng tính linh hoạt chủ động cho sản xuất và tăng tính cạnh tranh với các sản phẩm của các nhà máy lọc dầu trong khu vực, Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam kính đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp báo cáo Chính phủ xem xét loại bỏ các sản phẩm được chế biến từ tài nguyên là dầu thô ra khỏi danh sách các sản phẩm không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.

TM. BAN CHẤP HÀNH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trịnh Quang Khanh

CÔNG TY CỔ PHẦN
SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

Số: 308.../CV-MXV

V/v: Góp ý sửa đổi, bổ sung Đề nghị xây dựng
dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

ĐẾN Số: 0023933

Ngày: 24-03-2023

Chuyên: Vụ GT

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính

Công ty Cổ phần Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (MXV), đơn vị được Bộ Công Thương cấp phép thành lập và hoạt động Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam xin gửi lời chào trân trọng đến Quý Bộ. Được biết Bộ Tài chính đang lấy ý kiến đóng góp đối với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) (sau đây gọi tắt là "Dự thảo") tại Văn bản số 1660/BTC-CST ngày 23/02/2023 của Bộ Tài chính. MXV xin tham gia đề xuất một số ý kiến sửa đổi, bổ sung Dự thảo như sau:

I. Nội dung đề xuất:

Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 5 Đề cương Dự thảo Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) về đối tượng không chịu thuế theo hướng **quy định các dịch vụ, hoạt động trong lĩnh vực mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa là đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng**. Theo đó, Khoản 8 Điều 5 sẽ được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 5. Đối tượng không chịu thuế

...

8. Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, kinh doanh chứng khoán, **hoạt động giao dịch, mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa:**

...

d) **Hoạt động giao dịch, mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa bao gồm: Dịch vụ tổ chức thị trường của Sở Giao dịch hàng hóa; môi giới, tự doanh mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa và các hoạt động giao dịch khác thông qua Sở Giao dịch hàng hóa theo quy định pháp luật về thương mại;**"

II. Thuyết minh lý do đề xuất:

1. **Dịch vụ, hoạt động trong lĩnh vực giao dịch, mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa không tạo ra giá trị gia tăng và không xác định được giá trị tăng thêm cho hàng hóa, dịch vụ.**

a) **Đối với đặc điểm không tạo ra giá trị gia tăng**

Khoản 1 Điều 67 Luật Thương mại về chức năng tổ chức thị trường của Sở Giao dịch hàng hóa quy định như sau:

"a. **Cung cấp các điều kiện vật chất - kỹ thuật cần thiết để giao dịch mua bán hàng hóa.**

b. **Điều hành các hoạt động giao dịch.**

c. *Niêm yết các mức giá cụ thể hình thành trên thị trường giao dịch tại từng thời điểm.*"

Các dịch vụ tổ chức thị trường; dịch vụ quản lý Thành viên; dịch vụ quản lý, giám sát giao dịch và niêm yết sản phẩm; dịch vụ cung cấp điều kiện vật chất, kỹ thuật cho hoạt động giao dịch mua bán hàng hóa... của Sở Giao dịch hàng hóa là chức năng Sở Giao dịch hàng hóa phải thực hiện để các bên có thể giao dịch mua bán hàng hóa thông qua hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng quyền chọn. Các dịch vụ này nhằm cung cấp điều kiện, môi trường cũng như hành lang cần thiết để các giao dịch hợp đồng được diễn ra và là một phần không tách rời của hoạt động mua bán hàng hóa qua các hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng quyền chọn.

Về bản chất, các dịch vụ này **không làm gia tăng giá trị hàng hóa** cơ sở trong các loại hợp đồng trên, đặc biệt là khi xem xét dưới góc độ "tạo lập môi trường" cho hoạt động giao dịch mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa.

b) *Đối với đặc điểm không xác định được giá trị tăng thêm*

Ngoài việc không làm gia tăng giá trị hàng hóa cơ sở trong các loại hợp đồng như thuyết minh nêu trên, hoạt động giao dịch, mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa cũng **không xác định được giá trị tăng thêm** cho hàng hóa, dịch vụ.

Về mặt pháp lý, Điều 2 Luật Thuế giá trị gia tăng 2008, sửa đổi bổ sung 2013, thuế GTGT quy định: "... là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng."

Điều 41 Nghị định số 158/2006/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa quy định: khi giao dịch hàng hóa tại Sở Giao dịch hàng hóa dưới hình thức các hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng quyền chọn, các bên có thể lựa chọn phương thức giao nhận hàng hóa vật chất hoặc thanh toán bù trừ và không giao nhận hàng hóa vật chất vào một thời điểm tất toán hợp đồng. Trường hợp hợp đồng được thanh toán dưới hình thức bù trừ, không thực hiện chuyển giao (vật lý) hàng hóa vật chất, không có sự gia tăng giá trị của hàng hóa, thì hoạt động giao dịch mua bán hàng hóa theo phương thức này đáp ứng đủ điều kiện thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Trường hợp có phát sinh giao nhận hàng hóa vật chất trên thực tế, việc áp dụng thuế GTGT thực hiện theo quy định hiện hành.

Về bản chất hoạt động, giao dịch, mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa mang nhiều đặc trưng dẫn đến việc không xác định được giá trị tăng thêm cho hàng hóa, dịch vụ, cụ thể:

- Hoạt động giao dịch, mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa bao gồm các giao dịch hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng quyền chọn (các hợp đồng có tính chất tương lai, nhằm mục đích bảo hiểm giá hàng hóa cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua, bán). Các hợp đồng này là những đối tượng không xác định được (hoặc

không thể xác định) giá trị tăng thêm đối với hàng hóa, dịch vụ, có tính chất tương tự như hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn trong dịch vụ tài chính¹.

- Phần lãi hoặc lỗ của các bên trong giao dịch hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng quyền chọn là do biến động về giá của tài sản cơ sở, không phải giá trị thặng dư được tạo ra do các công đoạn lao động, sản xuất, chế biến, gia công hàng hóa, dịch vụ hoặc tương tự.
- Giá trị của các hợp đồng kỳ hạn, quyền chọn được các bên thỏa thuận trước, căn cứ trên giá trị của tài sản cơ sở là hàng hóa ở một thời điểm trong tương lai. Giá trị của các hợp đồng biến động theo yếu tố thị trường (kinh tế, chính trị, xã hội...), không phải do quy trình lao động, sản xuất, chế biến, gia công tạo ra.

Bên cạnh đó, theo nguyên tắc khớp lệnh liên tục, vị thế bán và vị thế mua của các chủ thể trong quan hệ hợp đồng kỳ hạn, quyền chọn có thể thay đổi nhiều lần. Một bên có thể đặt lệnh mua một số lượng hàng hóa với một mức giá xác định ở một thời điểm trong tương lai (hợp đồng kỳ hạn), sau đó có thể bán hợp đồng mua đó bằng cách đặt lệnh bán. Các giao dịch liên tục diễn ra và việc áp thuế GTGT liên tục trong khi các tài sản cơ sở là hàng hóa không phát sinh giá trị tăng thêm là một sự bất hợp lý, mâu thuẫn với nguyên tắc của thuế GTGT (là tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ). Ngoài ra, việc tính thuế GTGT ở tất cả các khâu của giao dịch mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa, là không khả thi về tính hiệu quả khi xét trên khía cạnh về gánh nặng tài chính, nhân lực đối với các Cơ quan quản lý Nhà nước về thuế và các đối tượng nộp thuế.

Hoạt động giao dịch, mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện về mặt pháp lý cũng như bản chất, đặc trưng trong hoạt động vận hành để xác định thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo diện hàng hóa, dịch vụ không xác định được giá trị tăng thêm. Từ những phân tích trên, MXV kiến nghị **xác định và bổ sung hoạt động giao dịch, mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT trong Dự án Luật.**

2. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về thuế GTGT đối với các lĩnh vực khác

Thực tiễn áp dụng quy định của Luật thuế GTGT ở Việt Nam cho thấy nhiều dịch vụ, hoạt động trong lĩnh vực mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa cần được xem xét là đối tượng không chịu thuế GTGT, nhằm đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc đánh thuế, đồng thời tạo điều kiện phát triển cho các thị trường, lĩnh vực cần khuyến khích phát triển.

a. Lĩnh vực bảo hiểm:

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm và các hoạt động có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm (đại lý bảo hiểm, môi giới bảo hiểm, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm) hiện đang được xếp vào đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại khoản 7

¹ Hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn trong dịch vụ tài chính hiện đang được quy định là đối tượng không chịu thuế Giá trị gia tăng theo Khoản 8 Điều 5 Luật Thuế Giá trị gia tăng 2008, sửa đổi bổ sung 2013.

Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2013. Khoản 2 Điều 10 Thông tư 09/2011/TT-BTC hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm quy định: “*Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm không phải kê khai, nộp thuế GTGT đối với khoản hoa hồng môi giới tái bảo hiểm và hoa hồng môi giới bảo hiểm mà các dịch vụ bảo hiểm thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.*”

Hoạt động môi giới trong mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa có điểm tương đồng với hoạt động môi giới trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, bao gồm các hoạt động cung cấp thông tin, tư vấn cho bên mua về loại hợp đồng, sản phẩm, điều kiện, điều khoản, các loại phí² ... được thực hiện bởi các doanh nghiệp môi giới (trong lĩnh vực bảo hiểm là doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, trong lĩnh vực mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa là Thành viên môi giới).

Bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm khi sử dụng dịch vụ bảo hiểm³; Các bên khi thực hiện giao dịch Hợp đồng kỳ hạn, Hợp đồng quyền chọn qua Sở Giao dịch hàng hóa phải trả phí giao dịch⁴.

b. Lĩnh vực tài chính:

Theo Luật Thuế Giá trị gia tăng hiện hành, Thông tư 219/2013/TT-BTC⁵, Thông tư số 101/2021/TT-BTC, đã quy định rất cụ thể các dịch vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh chứng khoán là đối tượng không chịu Thuế Giá trị gia tăng, gồm: Dịch vụ tổ chức thị trường của sở giao dịch chứng khoán; Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Dịch vụ quản lý thành viên; Dịch vụ giao dịch; Dịch vụ kết nối trực tuyến; Dịch vụ về thanh toán bù trừ...

Hoạt động giao dịch, mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa tại Việt Nam có điểm tương đồng với hoạt động kinh doanh chứng khoán như:

- Được tổ chức, vận hành bởi các Sở Giao dịch, chịu sự giám sát, quản lý của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (đối với kinh doanh chứng khoán là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; đối với hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa là Bộ Công Thương).
- Có đơn vị trung tâm/chủ thể thực hiện chức năng thanh toán bù trừ giao dịch.
- Có các doanh nghiệp là Thành viên của Sở Giao dịch tham gia thị trường, thực hiện hoạt động môi giới, hoạt động tự doanh.
- Cùng thu các khoản phí/dịch vụ liên quan đến hoạt động tổ chức, vận hành thị trường: Phí thành viên/Dịch vụ quản lý thành viên; Phí giao dịch/Dịch vụ niêm

² Khoản 6 Điều 4 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 của Quốc Hội ngày 16/6/2022.

Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 51/2018/NĐ-CP ngày 09/4/2018 của Chính phủ bổ sung Điều 3 Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa.

³ Khoản 28 Điều 4 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 của Quốc Hội ngày 16/6/2022.

⁴ Khoản 10 Điều 3 Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa.

⁵ Điều 4.8.(c) Thông tư 219/2013/TT-BTC hướng dẫn cụ thể Điều 3.2.(c) Nghị định 209/2013/NĐ-CP, theo đó có bổ sung thêm nội dung “*Hoạt động cung cấp thông tin, tổ chức bán đấu giá cổ phần của các tổ chức phát hành, hỗ trợ kỹ thuật phục vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến của Sở Giao dịch chứng khoán*” so với Điều 3.2.(c) NĐ 209/2013.

yết giao dịch; Phí cung cấp dịch vụ thông tin/Dịch vụ kết nối trực tuyến và một số loại phí khác theo quy định của pháp luật.

- Nhà đầu tư/Khách hàng tham gia giao dịch các sản phẩm được niêm yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch.

II. Kiến nghị:

Trên cơ sở các lý do trình bày nêu trên, MXV kiến nghị bổ sung đối tượng không chịu thuế GTGT trong hoạt động giao dịch mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa bao gồm: Dịch vụ tổ chức thị trường của Sở Giao dịch hàng hóa; môi giới, tự doanh mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa và các hoạt động giao dịch khác thông qua Sở Giao dịch hàng hóa theo quy định pháp luật về thương mại.

Việc bổ sung như đề xuất sẽ góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật thuế trong lĩnh vực mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa nói riêng và đảm bảo sự thống nhất, hợp lý trong tư duy lập pháp của pháp luật Việt Nam nói chung.

Công ty Cổ phần Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, đưa ý kiến kiến nghị của MXV vào Dự thảo dự án Luật.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC./.

CÔNG TY CỔ PHẦN
SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM



Đặng Việt Hưng